

THCS Xuân La

THƯ VIỆN

VĐ13

STK2-000585

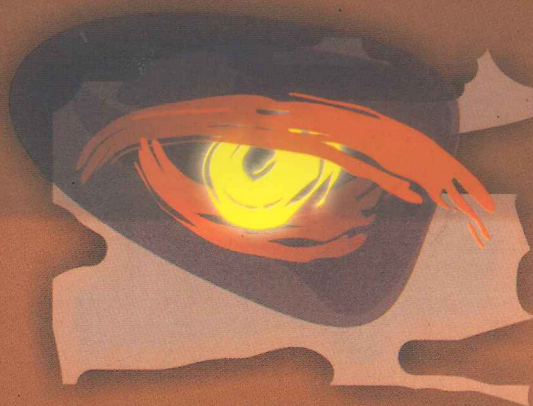
Bình minh trong ánh ...



ĐÀO TẠO - HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM
VIỆT NAM - NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

T viết về Nhà giáo Việt Nam

Bình minh trong ánh mắt



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC VIỆT NAM - NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Truyện chọn lọc viết về Nhà giáo Việt Nam

BÌNH MINH TRONG ÁNH MẮT

TRƯỜNG THCS XUÂN LA

THƯ VIỆN

Số: TK.2-585.....

TRƯỜNG PTCS XUÂN LA II

THƯ VIỆN

Số: TK5505

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

BAN TUYỂN CHỌN

HÀ ĐÌNH CẦN

CAO GIANG

TRẦN ĐĂNG KHOA

LÊ MINH KHUÊ

ĐỖ TRUNG LAI

PHAN XUÂN THÀNH

LÊ HỮU TỈNH

NGUYỄN VĂN TÙNG

VŨ XUÂN VINH

Y BAN

HÀ THỊ HẢI YẾN

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục

383-2007/CXB/16-842/GD

Mã số : 8G878M7-CDT

LỜI NÓI ĐẦU

Cuộc thi viết truyện ngắn về Nhà giáo Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc được Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội Nhà văn Việt Nam, Công đoàn Giáo dục Việt Nam và Nhà xuất bản Giáo dục phối hợp tổ chức đã thành công tốt đẹp.

Sau gần 5 tháng phát động cuộc thi, Ban tổ chức đã nhận được hơn 3500 tác phẩm của gần 3000 tác giả ở 64 tỉnh thành trong cả nước và kiều bào ở nước ngoài gửi đến. Điều đó chứng tỏ sức thu hút mạnh mẽ của cuộc thi và đề tài về Nhà giáo Việt Nam là nguồn cảm hứng nghệ thuật của nhiều đối tượng xã hội. Từ khối lượng tác phẩm dự thi dồi dào kể trên, có thể nói, nhân vật người thầy đã được nhìn nhận, đánh giá ở nhiều góc độ, trong nhiều tình huống, thể hiện đa chiều cung bậc tình cảm của con người. Phê phán cái xấu, cái ác, nâng niu, vun trồng cái tốt đẹp, cái cao thượng - đó là điều các tác phẩm hướng tới để hình ảnh người thầy được xã hội tôn vinh với những giá trị vốn có. Không ít tác phẩm dự thi được chính các tác giả trong nghề giáo viết ra từ những trăn trở, đau đớn chuyện nghề. Chuyện nghề nghiệp của nhà giáo không bó hẹp ở bài soạn, bài giảng, mà còn ở đời sống hiện thực phong phú và sinh động, ở cả những góc khuất trong tâm hồn. Mới hay nghề thầy, vượt trên chuyên môn, kiến thức là một tấm lòng nồng hậu, một trái tim nhân ái, luôn thấu hiểu, biết thông cảm, sẻ chia,...

Với mong muốn chuyển tải được thông điệp trên đến bạn đọc, Nhà xuất bản Giáo dục đã lựa chọn từ hơn 3500 tác phẩm dự thi để chọn ra 855 truyện có nội dung tốt nhất và từ

855 truyện này, Ban tuyển chọn (gồm nhiều nhà văn và chuyên gia văn học) đã tiếp tục lựa chọn được trên 400 tác phẩm để in thành bộ sách nhằm phục vụ bạn đọc. Bộ sách gồm 18 cuốn, có tên chung là *Truyện chọn lọc viết về Nhà giáo Việt Nam*. Không chỉ dừng lại ở đây, một số truyện đã được chuyển thể sang hình thức kịch bản sân khấu để các đoàn nghệ thuật, các cơ sở giáo dục và đào tạo trong cả nước tổ chức dàn dựng, tham gia Hội diễn sân khấu chào mừng *Tháng tôn vinh Nhà giáo Việt Nam* (tháng 11 năm 2007). Bạn đọc có thể thưởng thức các vở kịch nói, chèo, cải lương,... trên vào dịp Hội diễn, cũng có thể tìm đọc kịch bản trong bộ sách *Tuyển tập kịch bản về Nhà giáo Việt Nam* của Nhà xuất bản Giáo dục và đặc biệt, có thể tìm đọc nguyên bản những truyện ngắn được chuyển thể thành kịch trong 18 tập *Truyện chọn lọc viết về Nhà giáo Việt Nam*.

Những truyện ngắn được tuyển chọn trong bộ sách này có thể có những chi tiết còn gượng ép, tình huống còn mờ nhạt, văn phong chưa hẳn đã lôi cuốn người đọc, song đều ấm áp tình đời, tình người, tình thầy trò cao cả. Dù nhân vật người thầy ở đây được xây dựng chính diện hay phản diện, đều toát lên mong muốn về một xã hội công bằng, một nền giáo dục ưu việt, và những người chở con thuyền giáo dục của nước nhà phải là những người lái đò có phẩm chất ưu tú. Mỗi truyện ngắn như một tấm gương cho mỗi người tự soi lại mình...

Xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc bộ truyện này. Mọi góp ý xin gửi về : Công ty Cổ phần Sách dân tộc - Nhà xuất bản Giáo dục, 25 Hàn Thuyên, Hà Nội.

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

LỜI GIỚI THIỆU

Cuộc thi viết truyện ngắn về Nhà giáo Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội Nhà văn Việt Nam, Công đoàn Giáo dục Việt Nam và Nhà xuất bản Giáo dục phối hợp tổ chức, đã khép lại.

Việc chọn lọc từ hơn 3500 truyện dự thi của gần 3000 tác giả khắp 64 tỉnh – thành cả nước và kiều bào ở nước ngoài, để giới thiệu 855 truyện có số điểm từ 6 trở lên (trong đó có 27 truyện đoạt giải), như yêu cầu của Ban tổ chức, là một việc không dễ chút nào! Ban tuyển chọn đã phải chọn lọc một lần nữa để lấy trên 400 truyện xuất sắc hơn đưa in thành bộ sách *Truyện chọn lọc viết về Nhà giáo Việt Nam*.

Với nhã ý để bạn đọc yêu quý của chúng ta tự thẩm, thì dù bạn nào thấy trong số các truyện chưa được giải, có những truyện thích hơn cả những truyện đoạt giải cao, âu cũng là lẽ thường tình, vì, “mỗi người đều có hoa hậu của riêng mình”, tùy vào khí chất, mặt bằng văn hóa và tâm thế khi đọc truyện của họ. Và như thế, cuộc thi càng trở nên thú vị trong lòng bạn đọc – nó sẽ được “phán xét” từ nhiều “hệ quy chiếu” khác nhau.

Trong khi ngành Giáo dục và Đào tạo nước nhà đang quyết tâm thay đổi bố cục, hình ảnh và màu sắc bức tranh của riêng mình; khi mà toàn xã hội đang yêu cầu đổi mới toàn diện nền giáo dục quốc gia, thì cuộc thi viết về Nhà giáo

Việt Nam, mở ra với quy mô toàn quốc, lớn nhất từ xưa đến nay, là một thành công đáng ghi nhận.

Đề tài của cuộc thi tương đối hẹp (chỉ viết về nhà giáo, không viết về toàn bộ giảng đường và học đường), nhưng với sự hưởng ứng sâu rộng như vậy đã nói lên sự quan tâm thật chân tình và sâu sắc của nhiều tầng lớp về nhà giáo, về ngành Giáo dục nước nhà.

Cùng với sự tự vận động của ngành Giáo dục và Đào tạo, sự lưu tâm ấy của toàn xã hội đã cho chúng ta cái quyền hy vọng về một tương lai tốt đẹp hơn trong việc xây dựng một tượng đài xứng đáng với vị thế phải có của giáo giới Việt Nam, của nền giáo dục Việt Nam.

Không phải nhà giáo nào rồi cũng có thể trở thành “vạn thế sư biểu” như Khổng Khâu và Chu Văn An, nhưng cố gắng để trở thành một tấm gương nhỏ cho mấy chục, mấy trăm học trò của mình trong lớp, trong trường, trong làng, trong vùng, là điều có thể. Nhà giáo Việt Nam không thể ngồi khoanh tay chờ đợi mà phải hành động ngay để đáp ứng mong muốn chính đáng của xã hội vì một nền giáo dục ưu việt.

Hy vọng rằng bộ sách sẽ đem lại cho bạn đọc nhiều điều thú vị.

Đỗ Trung Lai

(Nhà thơ, Trưởng Ban Sơ khảo, thành viên Ban Chung khảo “Cuộc thi viết truyện ngắn về Nhà giáo Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, 2005 - 2006)

BÌNH MINH TRONG ÁNH MẮT

➡ NGUYỄN AN



hanh lặng lẽ đếm bước qua khoảng sân trường thênh thang rực màu hoa kiểng. Mặt trời đỏ ối lấp ló dưới chân đồi. Hơn bảy giờ sáng rồi! Tháng mười, vùng đồi núi, đêm kéo dài lê thê. Những giọt sương đọng trên lá cây, ngọn cỏ, ngậm ánh nắng ban mai lấp lánh thật đẹp. Mùi hoa sứ thoang thoảng khắp nơi. Thanh bồi hồi nhớ lại bao kỷ niệm buồn vui suốt gần mười năm qua nơi mái trường thân yêu này.

Gọi là trường, thật ra nó chỉ có hai phòng học nằm trổ vờ giữa lưng chừng đồi. Toàn trường cũng chỉ có một lớp một, một lớp hai. Tổng cộng trên dưới bốn mươi học sinh; loạc choạc em lớn, em nhỏ, có em tướng tá suýt soát với Thanh. Giáo viên thì mười năm nay... duy nhất một mình chàng!

Suốt đêm rồi gần như Thanh không ngủ. Bước đi của chàng giờ bay bổng lạ thường!

Sáng hôm nay, Thanh do dự, không hăng hái đến lớp như mọi ngày. Bởi vì chàng không phải đi dạy mà đi từ giả học sinh để trở về thành phố, nơi gia đình chàng đang sinh sống. Chiều hôm qua, Thanh vừa nhận được quyết định chuyển. Chính cái quyết định ấy đã làm chàng thao thức không ngủ được!

Tội nghiệp! Đám học trò của Thanh vẫn chưa hay biết gì. Từ ngoài sân, Thanh nghe em lớp trưởng nhíp thước ra lệnh: "Các bạn giữ trật tự. Thầy đến dạy kìa!". Thanh lẩm bẩm: "Dạy đâu mà dạy! Tội nghiệp! Chúng nó vẫn trông cậy, tin tưởng mình."

Lớp học của Thanh đã quen nề nếp như thế. Hôm nào Thanh đến muộn, học trò chàng tự động vào lớp ngồi chờ. Ban cán sự lớp điều động các bạn ôn bài, làm bài; chẳng kém gì lúc Thanh có mặt. Chúng thường bảo với nhau: "Chúng mình cố gắng vâng lời thầy, đừng làm chuyện gì cho thầy giáo buồn; thầy sẽ bỏ đi như những thầy cô khác".

Chính vì thế, những lời căn dặn, dạy dỗ của Thanh đều được đám học trò quá lứa tuân theo răm rắp. Một cái nhúm mày của Thanh cũng làm chúng lo âu.

Thanh chợt miên man nhớ lại cái ngày đầu tiên chàng đặt chân đến đây cùng Liên – bạn gái chàng.

Thế mà đã hơn mười năm!

Ngày ấy, Thanh và Liên vừa thi tốt nghiệp cấp III, đang cùng bè bạn luyện thi vào đại học. Sau những ngày bù đầu trong sách vở, sáng hôm ấy, Thanh đã cùng Liên lặn lội leo đồi lên tận vùng cao hẻo lánh này. Một quá, hai đứa tạt vào phòng học bỏ hoang ven đường ngồi nghỉ. Thấy Thanh bỏ áo vào quần còn Liên thì tươm tất trong bộ đồ xinh xắn, hai ba em bé đang đùa

giống thì ngừng lại, lảng xảng gọi nhau í ới: "Chúng mày ơi! Có thầy cô mới về trường!".

Chẳng mấy chốc, mười mấy em nhỏ trong xóm, đa số là dân tộc ít người; đứa ở trần, đứa quần áo rách te tua, đầu tóc vàng hoe, tụ tập trước mặt Thanh và bạn gái chàng. Chúng khép nép lí nhí cúi chào, giọng nói lơ lớ khó nghe: "Thưa thầy, thưa cô mới đến". Năm ba người lớn, mặt mày khắc khổ nhăn nheo, phôi cái lưng trần, đang làm nương rẫy gần đấy cũng vây quanh. Nghe Thanh và Liên nói chuyện với đám trẻ, họ nhe răng cười toe toét khen ngợi: "Giàng ơi! Thầy cô giáo dưới xuôi đẹp như con công và nói chuyện ngọt như mật ong rừng".

Mặc dù Thanh và Liên đã phân bua nhưng đám trẻ vẫn một mực gọi chàng và Liên bằng thầy, bằng cô hết sức ngọt ngào. Chúng kể lại rằng, mấy năm trước, cũng có một thầy và một cô giáo trẻ về dạy chúng. Chỉ được vài tháng, thầy cô ấy về quê. Chúng đã cầu Giàng và đợi mãi vẫn không thấy thầy cô trở lại!

Thanh hơi ngơ ngàng trước cảnh tượng này. Lâu rồi, chàng rời quê hương về sống ở thành phố sung túc nhộn nhịp. Chàng đâu ngờ rằng, ở một vùng cao sát nách một thành phố du lịch nổi tiếng lại còn có những con người phải chịu cảnh nghèo túng cơ cực như thế! Chàng ân cần hỏi han từng em. Hết nắm tay em này lại xoa đầu em khác. Đám trẻ thấy chàng vui vẻ, ân cần cũng dần dī, vui vẻ theo. Chúng kể cho Thanh nghe đủ thứ chuyện. Thanh và Liên đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác! Có đưa rủ Thanh về nhà chơi. Có đưa chạy về nhà múc nước cho Thanh và Liên uống. Mấy đứa con gái ôm Liên hít lấy hít để mùi nước hoa và mùi xà bông còn phảng phất trong quần áo.

Khi Thanh và Liên từ già trở về khách sạn, chúng níu tay căn dặn mãi: "Mai một thầy cô nhớ lên đây dạy chúng em học nhé. Mấy cái chữ học được của thầy cô trước, đã bay theo chim trời hết rồi. Giờ cái bụng lép xẹp, thèm học lắm!".

Xuống dốc một quãng xa, Thanh quay lại vẫn thấy đám trẻ đen đúa đứng dậy vẫy tay liên tục...

*

* *

Ấn tượng sâu sắc nhất đối với Thanh là lúc chàng ôm hôn và từ già đám trẻ. Đứa nào cũng rưng rưng nước mắt. Thanh quá đỗi bàng hoàng: Tóc các em không phải thơm mùi xà bông như những em bé ở thành phố anh thường vuốt ve hôn hít mà lại nồng nặc mùi khét nằng! Thanh cũng không ngờ rằng khoảnh khắc ấy đã quyết định cuộc đời chàng. Chính cái mùi khét nằng nồng nặc, tanh tanh ấy đã làm thay đổi hẳn ước vọng thi vào các ngành kỹ sư, bác sỹ của Thanh: Năm đó Thanh quyết định thi vào Trường Sư phạm Tiểu học!

Cũng chính lần đi chơi ấy, Thanh và Liên đã nổ ra trận xung đột dữ dội, dẫn đến cắt đứt cuộc tình thơ mộng đầu đời của thời học sinh đầy thơ mộng.

Mấy ngày sau buổi đi chơi ấy, mỗi lần gặp Thanh, mắt Liên lúc nào cũng đỏ hoe lẫn giận dữ:

- Anh vẫn quyết định thi vào trường sư phạm thật à!
- Chắc vậy!
- Lại sư phạm tiểu học sao?
- Ừ!

- Anh điên rồi! Anh không nhớ thầy cô đã bảo sức học của anh và của em đủ sức thi đỗ vào các trường đại học, sau này sẽ làm kỹ sư, bác sỹ à?

– Nhưng bây giờ anh không thích ở thành phố làm kỹ sư, bác sỹ! Em không thấy đám trẻ con đen đui ở vùng cao ấy cần mình đến thế nào sao?

– Thấy! Nhưng... em không thể nào theo anh về cái vùng chim kêu vượn hú đáng sợ ấy được! Tại sao chúng ta phải mang vạ vào mình?

– Đâu phải mang vạ mà là nghĩa vụ và trách nhiệm. Tại em không biết đó thôi. Ngày xưa, lúc ba anh còn đi kháng chiến, cuộc đời anh cũng cực khổ như vậy, tóc anh cũng nồng nặc mùi khét nằng như các em đó vậy. Hoà bình, ba vẫn bộn bề công tác, xuôi ngược đó đây. Mười mấy tuổi đầu, không riêng gì anh, tất cả bạn bè trang lứa của anh đều không biết một chữ "nhút"! Nếu không có những thầy cô xung kích về quê anh dạy bổ túc văn hoá, chắc gì anh có được như ngày hôm nay. Anh như kiếp tầm, ăn dâu thì nhả tơ. Bây giờ anh phải có trách nhiệm dạy lại những đứa trẻ thiệt thòi như anh ngày xưa.

– Tuỳ anh. Em không quen cực khổ!

Liên nói một cách quả quyết. Thế là hai đứa giận nhau và ngậm ngùi chấm dứt cuộc tình. Mỗi đứa theo đuổi một ước vọng riêng!

*

* *

Mười năm trôi qua. Thanh đã lặng lẽ vui buồn cùng các em nhỏ, vui buồn cùng buôn làng. Mồ hôi, thậm chí nhiều lúc nước mắt Thanh đã thấm đẫm lối sỏi sân trường! Đâu phải dễ dàng một sớm một chiều mà làm chuyển biến được nếp nghĩ, cách làm của những người dân bản xứ ít học này; chưa kể nhiều người đã cố tình

cản trở, phá hoại những công trình của Thanh! Nhiều lúc quá vất vả, Thanh trầm nghĩ và cảm thông: "Liên cũng có cái lý của nàng! Nàng đã quen sống ở thành phố, đã quen sung sướng; làm sao dễ dàng chối từ một tương lai tươi sáng và chấp nhận cuộc sống như thế này được!".

Niềm vui, cũng là niềm tự hào lớn nhất đối với Thanh chính là chàng đã vận động được bà con cất được ngôi trường này, vận động được nhiều trẻ em dân tộc ra lớp, xoá mù chữ. Mười hai, mười ba tuổi, trẻ em ở đây đều đã đi "chọc sần" hoặc "bắt chồng" hết rồi. Có ai mà nghĩ đến chuyện học con toán cái chữ làm chi cho mệt, cho hao tổn!

Còn trường ốc, mười năm trước, khi chàng cùng Liên đến đây, trường này chỉ là một phòng học nhỏ xíu xiêu vẹo! Từ cột kèo đến bàn ghế đều làm bằng gỗ tạp, nứt nẻ, cong queo. Bốn bề vách phen đồ nát trống hoác. Bây giờ chỉ hai phòng học nhưng bà con làng này đã xây lại kiên cố: Tường vôi mái ngói, bàn ghế rào giậu hẵn hoi. Thầy trò Thanh cũng đã trồng hoa, trồng đủ thứ cây xanh. Hàng phượng, hàng me mười tuổi đã rợp mát sân trường. Ngày ngày, tiếng đọc bài, tiếng ca hát vang dội đời cao.

Năm đầu tiên, Thanh chỉ dạy lớp một. Năm sau, thấy học sinh lớp hai còn quá nhỏ; một số không thể đi về trường huyện dưới xuôi học được đành phải nghỉ học, Thanh tình nguyện đảm nhận luôn hai lớp. Học trò của anh có em giờ đã tốt nghiệp trung học cơ sở...

Bây giờ đối với bà con nơi đây, Thanh không những là một thầy giáo mà còn là một người mang ánh sáng văn hoá, khoa học cho buôn làng. Buôn làng thay đổi

hắn bộ mặt. Rừng cây lấy gỗ, đồi cà phê phủ xanh dần những đồi trọc. Cái ăn, cái mặc không còn là gánh nặng cho dân làng ở đây. Nhà nhà đã có ra-đi-ô. Rải rác có nhà đã xây tường. Ông già làng thường vỗ vai Thanh bảo: "Mày giỏi lắm! Mày ở lại dạy con cháu chúng tao đi. Chúng tao sẽ gả con Sao-leng đẹp nhất làng cho mày".

Thế mà bấy lâu nay, mấy lần về thành phố, Thanh vẫn không thanh minh, vẫn không nói với ai tại sao chàng lại đi dạy ở vùng cao. Có người bảo chàng trốn nghĩa vụ quân sự. Có người bảo chàng thất tình, bị Liên ruồng bỏ. Có người lại bảo chàng học dở: "Chuột chạy cùng sào, mới vào sư phạm" và phải về công tác tận vùng cao!

*

* *

Thanh uể oải đếm từng bước chân nặng nề. Chàng không muốn vào lớp vội. Đầu óc chàng nặng trĩu phân vân. Chàng không biết phải mở đầu với học trò như thế nào để chúng thông cảm! Giống như ngày xưa chàng lúng túng giảng bài học đầu tiên. Tiếng cô gái khép nép bên gốc phượng ríu rít như chim rừng làm Thanh giật mình:

– Hôm nay thầy giáo đến muộn hơn ông mặt trời rồi!

– Ủa! Sao-leng đi đâu mà ăn mặc khác thường thế?

Tôi... bạn nên đến trễ mấy phút.

– Em đưa Tha-vy đến lớp. Vậy mà em tưởng thầy giáo bệnh!

– Tha-vy có chuyện gì à?

– Không! Vẫn bình thường. Tiện thể, em đến... ngắm trường. Hồi nhỏ em không được đi học, giờ thêm lắm!

Thanh chợt nhớ và nuôi tiếc: Sao lâu nay mình không tranh thủ dạy chữ cho Sao-leng, cho người lớn. Giờ thì đã muộn. Mai chàng sẽ từ giã buôn làng này rồi! Thanh nhìn Sao-leng chăm chú đánh bạo hỏi:

– Sao hôm nay Sao-leng không mặc váy?

– Thì thầy giáo vẫn bảo em mặc âu phục cho gọn gàng.

– Ừ nhỉ? Tôi quên mất! Bố mẹ em đã cho phép rồi à?

– Phải! Bố mẹ đã bằng lòng. Bố mẹ nói bây giờ thầy bảo sao bố mẹ em cũng nghe hết.

Thanh ngó ngang ngắm Sao-leng xinh đẹp hẳn trong bộ âu phục mới. Chiếc áo sơ mi trắng nổi rõ nước da ngăm ngăm quyến rũ của cô gái núi rừng. Chiếc quần jeans xanh bạc gọn gàng, lộ đôi chân săn chắc tràn đầy sức sống, không còn lụng thụng như hằng ngày. Mái tóc xoăn tự nhiên đen mượt, không vàng cháy như nhiều cô gái khác ở đây; bởi Sao-leng là con dòng thứ của già làng mà. Đặc biệt, hôm nay Sao-leng lại cài thêm nụ hoa sim tím vừa hé nở, trông cô càng rực rỡ hơn. Thanh buột miệng khen:

– Trông em... lạ hẳn!

Sao-leng cúi đầu, mặt đỏ dần...

Thanh chặc lưỡi: "Từ giã học sinh đã khó, từ giã buôn làng chắc còn khó hơn!".

*

* *

Thanh chưa nói dứt câu từ giã, đám học trò của chàng đã khóc như mưa! Thanh ghen ngào mãi vẫn không sao trình bày hết lý do chàng phải trở về gia

đình. Phải rồi! Ba mẹ chàng nói đúng. Chàng cũng đã quá tuổi để lập gia đình và ổn định cuộc sống. Nửa đời người rồi còn gì. Cơ nghiệp cha mẹ chàng đang chờ đón chàng kế tục. Chàng gượng mím cười chào đám học trò lần cuối và vội vã bước ra khỏi lớp như chạy trốn!

Thanh không ngờ đám học trò lại kéo đến nhà chàng! Chúng khóc lóc kể lể mùi mẫn. Thanh ôm Tha-vy vào lòng. Nước mắt nó làm ướt đầm áo sơ mi chàng. Thanh cúi xuống hôn lên tóc đứa học trò nhỏ dễ thương nhất lớp. Mùi xà bông thơm phưng phức trong tóc Tha-vy làm Thanh nghĩ ngợi: "Mới ngày nào tóc Tha-vy cũng như tóc các học trò đều hăng hăng mùi khét nắng. Liệu rồi cái mùi ấy có trở lại trên tóc chúng không, khi mà không thầy cô nào tiếp tục đến dạy ở đây?".

Có tiếng học trò nữ thút thít:

– Thầy ơi... thầy đừng đi...

Thanh đảo mắt nhìn. Thì ra là Siu-nưa. Con bé thật lạ kỳ! Lúc nào cũng quẩn quýt, bịn rịn bên Thanh. Mỗi lần Thanh nghĩ về Siu-nưa và nhớ lại cái cảnh năm học vừa rồi Siu-nưa nắm tóc một bạn trai ấn đầu xuống bàn học với vẻ giận dữ đến tức cười. Ngày ấy, Thanh đang đứng ngoài hiên lớp. Bỗng nghe bên trong Siu-nưa và hai ba đứa học trò cãi nhau, vẻ giận dữ:

– Hôm rồi tôi trả bài, nghe thầy... đánh rắm ủa thui thúi.

– Bạn nói bậy không! Thầy giáo gì... đánh rắm ủa?

– Thật mà!

– Bạn đừng có nói xấu thầy giáo. Tôi sẽ mét thầy cho coi.

– Thật mà! Có Giàng làm chứng. Tôi không nói dối.

– Bạn có im đi không?

Siu-nửa vừa hét vừa nhào tới nắm tóc người bạn trái ấn xuống bàn liên tục. Thanh bước vào lớp cười ha ha. Đám học trò tái xanh mặt.

– Thôi cho thầy xin can. Thầy cũng là con người. Mà đã là con người thì không ai tránh khỏi... chuyện ấy. Có điều hôm đó cái mùi hôi thối không phải tại thầy mà tại cái hố xí của các em gần lớp học quá.

Hôm sau thầy trò Thanh lấp cái hố xí ấy lại và dời nó ra thật xa.

Chính ý nghĩ non nớt của Siu-nửa và đám học trò đã giúp Thanh lâu nay phấn đấu không làm điều gì tổn thương đến sự tin tưởng tuyệt đối đáng yêu của chúng về chàng.

Lại tiếng nức nở của Siu-nửa:

– Thầy ơi... đừng bỏ tụi em...

Thanh đứng nhìn đám học trò. Chàng nghe trong tiếng nức nở ấy như tiếng kêu cứu của người sắp chết đuối. Chàng cũng nghe như chính tiếng của mình ngày xưa van nài thầy cô cuối đợt xung kích dạy bổ túc văn hoá. Quãng đời thơ ấu cơ cực của chàng như ẩn hiện trước mắt. Vậy mà chàng lại bỏ rơi học trò để trở về thành phố hay sao? Thôi ráng chờ ít năm nữa xem có thầy cô nào đến thay thế không. Thanh tự nhủ như thế và mím môi, đột ngột tuyên bố:

– Vâng! Được rồi! Thầy sẽ ở lại với các em.

Đám học trò nhảy cẫng lên. Chúng vỗ tay bôm bốp, nhào đến ôm chặt Thanh. Thanh cũng cảm động ôm chúng vào lòng. Thanh thấy trong mắt chúng lấp lánh ánh bình minh. Thanh đâu ngờ rằng bên ngoài tấm phen tre, Sao-leng mỉm cười mà nước mắt giàn giụa...



"BÁC NHÓC"



hiệt là khó ưa, gia tài cây khế của người ta có mấy trái, vậy mà cái lão hàng xóm mới chuyển về hồng biết làm gì mà ngày nào cũng xin mẹ mình một trái, chắc là để ăn, nhưng mà hồng lẽ hẩn "ghiền" chua dữ vậy...

Tôi ngó lên cây thấy còn hai trái khế chín, vừa leo lên vừa nghĩ bụng: Chà! Giữa trưa nắng mà nằm trên cái chạc ba này nhâm nhi cái vị chua chua... thiệt là quá đã.

– Ê! Chú nhóc, có thể xin một trái khế được không?

Cha chả! Kẻ nào cả gan dám kêu bốn Tề Thiên Đại Thánh ta đây là "nhóc", lại còn phá rối trong khi ta đang thưởng thức "đào tiên" nữa chứ. À! Thì ra là tên bốn mắt, cái lão hàng xóm khó ưa.

– Còn khế không? Làm ơn cho xin một trái! – Hẩn ta nhắc lại.

Hắn dám gọi ta là "chú nhóc", cái giọng lên mặt đàn anh thấy ghét..., hừm... vậy thì mình phải đặt lại cho hắn một biệt danh nào tương xứng mới được. Hắn có vẻ lớn hơn mình vài tuổi, vậy có thể đặt cho hắn là... là... "bác nhóc", đúng rồi.

– Làm gì mà ngày nào cũng qua xin khế vậy "bác nhóc"?

Hắn có lẽ hơi bất ngờ vì cách xưng hô của tôi rồi bẽn lẽn:

– Ồ!... Ồ!... Anh xin để chùi lư mà.

Hơ, dám xưng anh với mình nữa, tên này xạo thiệt, chùi gì mà ngày nào cũng chùi, chắc là có ý đồ mờ ám.

– Có lồng đó, tự bẻ đi! – Tôi đáp trống không.

– Anh bị cận thị không nhìn xa được, vậy bẻ sao đây, làm ơn đi mà! – Hắn nài nỉ.

– Thôi được, cho nê! – Tôi vừa nói vừa ném trái khế xuống trúng vào đầu hắn.

"Bụp", một âm thanh "trả thù" nghe đã vang lên cùng với cánh tay ôm đầu và tiếng "ui da" của hắn. Hé... hé... hé... giọng cười cà khịa của tôi cất lên. Không biết từ bao giờ, có lẽ do bẩm sinh, tôi đã có giọng cười khoái trá đặc biệt đó.

Tôi nghĩ chắc chắn hắn sẽ chửi tôi một trận nhưng xem ra hắn rất thản nhiên rồi bỗng:

– Ngộ Không! Tại sao con dám ném trái khế xuống đầu sư phụ vậy hả? Ami-phò-phò, tội lỗi, tội lỗi! – Nói xong hắn nhặt quả khế rồi bước vào nhà.

Câu "trả lễ" của hắn ta khiến tôi sửng sốt, tức tối: Lại thua nữa rồi, hắn còn đòi làm sư phụ nữa chứ.

Nhưng tôi chợt phát hiện, cái tên "bác nhóc" này cũng vui tính đấy chứ. Tuy là trong bụng vẫn còn tức

anh ách nhưng tôi cảm thấy hình như hơi khoan khoái sự có mặt của anh ta.

– Có người để chọc, để giỡn hổng khoái sao được, nhưng mà hấn ngông nghênh quá mình phải trả đũa hấn mới được. Hé... hé... hé...

Tôi lại cười khoái chí với một kế hoạch độc đáo êm thấm, nhẹ nhàng vừa loé ra trong đầu và quyết tâm sẽ thực hiện nó.

*

*

*

– Thanh à! Dậy chuẩn bị đi học đi con, sáu giờ rưỡi rồi.

– Dạ! con thức rồi mà mẹ.

...

– Thanh! Sao chưa thức nữa, bảy giờ kém mười lăm rồi.

– Hả! Bảy giờ kém mười lăm rồi hả mẹ?

Tôi ba chân bốn cẳng chạy ra sàn nước vừa đánh răng rửa mặt vừa quỳnh quáng:

– Chết rồi! Con chưa ủi quần áo, chắc trễ học mất.

– Mai mốt còn nướng nữa thôi? Thiệt tình, quần áo của con mẹ ủi rồi, treo trong tủ đó.

Tôi vội vã thay quần áo, quơ vội cái cặp bước nhanh ra cửa:

– "Chụt"! Thank you má mi, con đi học nhé!

– Thôi đừng có nịnh. – Mẹ tôi nói với theo trong lúc tôi đang "cắm đầu, cắm cổ" dắt xe ra.

May quá, cổng trường chưa đóng, chắc còn kịp, có lẽ thầy chưa lên lớp.

– Chà! Một cô bé đi trễ.

Lại là hấn, đúng là đồ kỳ đà cản mũi.

– Ủa,... chú nhóc... là... là... – Hấn ta ngạc nhiên.

– Bộ hồng thấy người ta mặc áo dài sao còn hỏi, thôi tránh ra, tránh ra. – Tôi vừa nói vừa hấp tấp chạy lên cầu thang trong khi hấn đang nhìn theo rồi tùm tùm cười, một nụ cười thật bí hiểm và... khó ưa. Chắc thường ngày tôi hay mặc quần đùi, tóc thì cắt ngắn như con trai lại hay trèo cây nên hấn tưởng... Đúng là... đồ bốn mắt. Ủa... mà hấn vô trường mình chi vậy ta...? Thôi kệ hấn, mình phải lo bài kiểm tra mười lăm phút tới đây cái đã.

*

* *

Ứ hựm! Bài tập thầy cho về nhà khó quá trời, hồng biết giải sao đây,... hỏi ai bây giờ?... Ba mẹ thì đi làm tới chiều mới về... A! "Bác nhóc"... Tại sao mình không nghĩ ra chứ, hấn ta lớn hơn mình lại có vẻ trí thức, chắc là giải được, nhưng mà hôm rày mình với hấn đấu khẩu hoài, hồng biết hấn có chịu chỉ không nữa? Thôi kệ! Bí quá thì phải xuống nước nhỏ chứ sao... À! Tại sao mình lại không nhân cơ hội này mà thực hiện bước một của "kế hoạch" chứ?

Nghĩ vậy, tôi chạy ra sân đứng bên hàng rào chu mỗ gọi qua:

– Hú hu! Hú hu, "bác nhóc" ơi!

Một gương mặt ngái ngủ lộ ra:

– Chuyện gì vậy?... "chú nhóc"?

– O... ơ... có thể giải giùm mấy bài toán không, khó quá giải hoài không ra.

– Vậy hả! Qua đây đi.

Chà! "Bác nhóc" này cũng dễ thương thiệt, đang ngủ mà cũng nhiệt tình quá đi chứ. Tôi mừng rỡ liền xách tập chạy sang.

– Sao "chú nhóc", chịu nhận sư phụ rồi hả? – Hấn cười lém lỉnh.

Tôi cười hì hì, giả lả chứ trong bụng thì... "Còn khuya! Tại người ta đang dùng khổ nhục kế chứ bộ" – Tôi tự biện bạch.

Phải công nhận rằng "bác nhóc" giỏi thiệt, bài toán khó nào cũng giải được. Thế là từ hôm đó tôi hay sang hỏi bài "bác nhóc" và lần nào cũng được bác ta chỉ giải tận tình. Hổng phải nói vậy là tôi làm hoà với hấn đâu nhé, vì đó là một trong những bước kế hoạch của tôi thôi.

*

* *

Giờ ra chơi...

– Ê! Tụi bây, xuống căng tin mua ổi ăn, tao đãi.

– Ủ! đi thì đi.

Thế là một đám khoảng bảy tám đứa kéo xuống căng tin vì không có đứa con gái nào lại "đành lòng" từ chối lời mời hấp dẫn đó.

– Chào! "Chú nhóc" đi ăn hàng hả?

– Ó! "Bác nhóc", đi theo không?

– Thôi, anh có chuyện phải đi, chiều gặp.

"Hứ! Ai thèm mà bày đặt hẹn" – Tôi nghĩ bụng.

– Ủa bộ mày quen với người đó hả? – Một đứa trong đám hỏi.

– Ồ, ở xóm mà! – Tôi trả lời.

– Vậy hả, tao thấy ngày nào ông cũng vô trường hết đó.

– Chắc ông vô đây xin thực hành vi tính chứ gì.

– Mà sao ông gọi mày là "chú nhóc", còn mày lại kêu ông là "bác nhóc" vậy?

Chết cha! Không thể để cho tụi nó biết được. Ở trường, tôi nổi tiếng là bướng bỉnh, cứng đầu, chưa từng chịu "lép" trước ai, vậy mà bây giờ... hổng được, nếu nói ra mất mặt hết còn gì.

– Ờ... ờ... tại vì ở phường tao tổ chức thi văn nghệ, chi đoàn ở đó chọn tao với ông để đóng kịch vậy mà, dợt riết rồi quen miệng. – Tôi nói cho khoa lấp rồi vội vã kéo đám bạn xuống căng tin chớ, với vẻ mặt nghi ngờ của tụi nó hỏi một hồi chắc lộ hết.

*

* *

Bữa nay thầy lâu lên lớp dữ vậy ta, mười phút rồi, thôi tranh thủ đọc *Bác sỹ quái dị* cái đã, hồi nãy đang đọc ngon trớn thì tới giờ ăn cơm rồi đi học luôn, cũng may là mình bỏ theo trong cặp.

Đang lan man theo "những ca phẫu thuật" thì nhỏ bạn kế bên cứ kêu kêu, tưởng nó chọc, tôi bực bội:

– Đừng có giỡn! – Tôi nói nhưng vẫn không ngược đầu lên.

– Thầy vô kìa!

Lời thông báo của nhỏ bạn làm tôi giật mình hoảng hốt, dứt vội quyển truyện vào ngăn bàn rồi đứng dậy. Nhưng kìa, thay vào chỗ hàng ngày của thầy Vinh, là

tên bốn mắt!... Đúng hấn rồi... "bác nhóc"! Trong khi tôi đang "chết đứng", ngờ ngác chưa hiểu chuyện gì thì...

– Các em ngồi xuống, vì thầy Vinh có việc nhà khẩn cấp ở tận Hà Nội và có thể thầy sẽ chuyển công tác ra ngoài ấy nên bắt đầu từ hôm nay tôi sẽ phụ trách môn Toán cho các em thay thầy Vinh.

Thôi rồi, thế là "kế hoạch" của tôi coi như tan rã khi chỉ mới ở bước đầu sơ khai. "Khổ nhục kế" là bước đầu xâm nhập, làm quen thân với hấn, sau đó sẽ tìm hiểu xem hấn thích gì, ghét gì và sau đó sẽ làm ngược lại những điều hấn thích, hấn ghét. Chẳng hạn như hấn rất thích hoa hồng thì mỗi lần cây hồng nhà hấn trở bông tôi sẽ ngắt trộm, hay là hấn rất ghét ăn chè đậu đen, tôi sẽ nấu và đem cho hấn một tô thiệt bự bắt hấn phải ăn hết, trước lòng "nhiệt tình" giả bộ đó, hồng lẽ hồng ăn, trong phim Hồng Kông người ta hay nói lấy độc trị độc mà... Còn biết bao nhiêu thứ vạch ra trong kế hoạch chưa thực hiện được, bây giờ đã tan theo mây khói!

– Còn mười lăm phút nữa là ra chơi, bây giờ các em lấy giấy ra làm bài kiểm tra, chúng ta sẽ làm hai đề chẵn và lẻ, cứ tính theo mỗi bàn bốn em, đếm 1, 2, 3, 4 – em nào số chẵn thì làm đề chẵn, số lẻ làm đề lẻ, bây giờ các em chép đề.

Chết rồi, thế nào thầy cũng cho đề lẻ bài khó bởi vì tôi ngồi ở vị trí số một mà, tôi ưa chọc thầy hoài chắc có lẽ sẽ bị thầy cho "đi" coi. – Tôi hồi hộp, lo sợ.

Viết xong đề bài, "bác nhóc" không ngồi một chỗ mà đi một vòng rồi đứng cạnh xem tôi làm bài, tự nhiên tim tôi đập thành thịch, tay run rẩy toát mồ hôi ướt nhẹp.

– Các em đọc đề thật kỹ rồi hãy làm bài! – Lời nhắc nhở của thầy làm tôi lấy lại được một chút bình tĩnh.

A! Cái dạng đề này sao thấy quen quen – tôi nghĩ – hình như có một lần thầy đã dạy cho tôi, thế là tôi làm một mạch không đầy mười phút.

Từ đầu đến giờ thầy vẫn theo dõi tôi làm bài, khi cây viết của tôi đặt xuống con số cuối cùng thì thầy bỗng cất giọng:

– Khá lắm "nhóc con"!

– Chứ sao "bác nhóc", hé... hé... hé... Tôi quên mất là mình đang ở trong lớp, nhưng cái giọng cà khịa của tôi chợt ngừng bật khi tôi sực nhớ ra người đứng cạnh tôi không phải là "bác nhóc" ngày xưa nữa. Bất chợt tôi lè lưỡi, rụt cổ khi lỡ miệng nói ra cái câu "khủng khiếp" ấy, tôi chờ đợi, chờ đợi một câu phản ứng gì đó của thầy, nhưng không, thầy vẫn tùm tùm cười, cũng vẫn nụ cười khó ưa ấy nhưng sao bây giờ tôi cảm thấy thật dễ mến, dễ phục. Cả lớp ngơ ngác nhìn tôi khó hiểu, nhưng cũng có một số đứa cứ tùm tùm cười, chắc là tụi nó nghĩ là tôi với thầy đang "dợt kịch".

X

óm Gò có chừng hai chục nóc nhà. Ông Bảy thuộc từng tên người trong cái xóm nhỏ của mình, thuộc từng hoàn cảnh của từng gia đình. Mỗi khi có chuyện gì đó liên quan tới chính quyền, hoặc giả những chuyện hệ trọng, bà con đều gửi gắm ông Bảy. Ông Bảy vui vẻ nhận lãnh trách nhiệm mà không hề đòi hỏi bất cứ một điều kiện nào. Như vừa rồi dân xóm Gò được thông báo có nước sạch đưa về, từ nay mùa khô khỏi phải lo ăn uống nước phèn, ông Bảy đi vận động từng nhà đóng góp tiền mua ống nước. Không phải ai cũng khoái ba cái vụ nước sạch, họ nói, uống nước mưa xưa rày có ai chết đâu. Do ông Bảy vận động chân tình, chí thiết từng nhà, người ta mới chịu bỏ tiền dẫn nước sạch về xài.

Còn chuyện nữa, cả xóm đều gọi ông Bảy là thầy giáo Bảy. Chẳng ai biết cái tên ấy có từ bao giờ, ông Bảy là thầy giáo từ hồi nào. Dân trong xóm chủ yếu là dân mới, họ từ các

tỉnh khác, các huyện khác về, nhiều người ban đầu vốn là dân cấy thuê, gặt mướn. Gặp cái gò cao tiện lợi, tự tìm tới xin trú tạm. Hết mùa gặt, qua mùa cấy, họ trở về quê quán đem theo những bao lúa nặng trĩu xếp trên những chiếc xe bò đi cắt ngang đồng lúa lúc này đang trơ gốc rạ. Dần dà quen hơi mền đất, lại do chính quyền xã vận động, làm dân xứ này sẽ được chia đất, làm giấy tờ đăng hoàng, nhiều người chấp nhận. Xóm Gò đông dần lên.

Ông Bảy sống cô độc trong căn nhà nhỏ, bức tường xây không được tô trát nên phơi ra những viên gạch mốc rêu do thời gian, phơi ra những đường vữa xộc xệch do tay thợ vụng về. Ở đây có nhà tường vậy là quá quý so với những mái lá đơn sơ. Cũng hẳn nhiên không so sánh với Chín Hiếng, cũng là dân xóm Gò. Nhà Chín Hiếng xây cao và đẹp, có khi còn hơn cả nhà trên chợ. Anh ta giàu có, do biết áp dụng khoa học kỹ thuật vào canh tác, lại biết tính toán. Anh ta vốn là một kỹ sư nông nghiệp. Chín Hiếng không phải là quê ở đây, do giận dỗi cơ quan trên tỉnh mà nghỉ việc, xin về làm dân xóm Gò, lấy vợ dân quê, quyết chí làm giàu để hơn mấy đối thủ của anh ta, theo anh ta là cố ý chèn ép không để bật, cất nhắc anh ta. Chín Hiếng vốn không ưa ông Bảy.

Ông Bảy là thầy giáo từ bao giờ? Những lúc rỗi rãi dân xóm Gò thường hỏi nhau nhưng không ai trả lời được. Chín Hiếng thì bao giờ cũng vậy, hễ nói tới chuyện đó là anh ta xì một cái:

– Thầy giáo gì ổng. Tôi đã nói chuyện với ổng, hỏi toán lớp bảy mà ổng còn không làm nổi mà thầy giáo nổi gì.

Chuyện Chín Hiếng nói là có thiệt, nhưng việc ông Bảy từng là thầy giáo hay không thì mọi người vẫn còn

tiếp tục bàn tán. Hỏi ông, ông chỉ cười không ra đồng ý cũng không ra từ chối. Ông nay đã gần bảy mươi, nhưng người còn khoẻ mạnh, từ đó tới giờ chưa khi nào phải uống thuốc. Những lúc thấy khó chịu trong người, ông một mình bơi xuống theo kinh lớn tới tiệm ông Hai Hói, nơi ông thường mua rượu, nhờ Hai Hói cạo gió. Ông chủ tiệm này có biệt tài cạo gió, theo nhận xét của ông Bảy, cạo tới đâu biết tới đó, vừa cạo vừa xoa dầu. Xong hết một lần, miết đồng xu trên các khớp xương, các vùng da thịt, ông Bảy thấy khoẻ trong người. Tộp thêm ly rượu mua tại quán, vậy là hết bệnh. Sau những lần như thế, ông Bảy thường lấy cây đàn của ông Hai Hói treo trên vách nhà xuống, đàn và ca một bản Nam Ai tặng chủ nhà. Chủ tiệm Hai Hói lắng nghe nước mắt chảy dài hai bên má. Lần nào cũng vậy. Đó là một bài ca do ông Bảy soạn lời. Bài ca kể về một thầy giáo già sống cô độc bên cái nền bỏ hoang của ngôi trường cũ, kể về lớp học ngày xưa mà tiếng học trò cười giỡn, tiếng chúng thưa thầy vẫn như còn đâu đó... Người thầy giáo ấy giờ không còn dạy học nữa, những kỷ niệm cũ vẫn chẳng hề phai pha. Câu chuyện trong bài ca giống hoàn cảnh của ông Bảy, và ông Hai Hói biết điều đó. Bài ca gợi nhớ về cái thời xa xưa của hai người bạn già.

Chín Hiếng không ưa ông Bảy chỉ vì một nỗi ông Bảy thích được dân xóm Gò gọi ông là thầy giáo Bảy. Thì ngày xưa ổng là thầy giáo thì gọi ổng vậy có mất mát gì. Vợ Chín Hiếng nói, nhiều người cũng nói như thế, nhưng Chín Hiếng không chịu. Ôi! Cái ông già, chữ nghĩa chưa đong đầy cái *ly xây chừng* mà bày đặt khoe người ta gọi bằng thầy. Ông làm thầy tôi nổi không? Chín Hiếng nói với vợ, người vợ vốn sợ chồng như cọp, phản ứng yếu ớt:

– Thì ngày xưa ông là thầy giáo thiệt, có sao nói vậy. Có gì xấu đâu.

– Mẹ mày im đi, biết gì mà nói.

*

* *

Đó là một buổi chiều bình thường như bao buổi chiều mùa mưa. Ông Bảy bước ra bến xuống, lấy cái dùi sắt gõ lên chiếc keng treo trên cây điệp già, hiệu lệnh nhắc đám học trò trong xóm đã tới giờ đi học. Tháng chín là mùa khai trường, cũng là mùa lũ về, chỉ có cấp Tiểu học mới được khai trường chậm, vào tháng mười một. Lúc ấy nước xuống, con đường dọc hai bờ kinh dẫn tới trường lộ ra, khô dần.

Ông Bảy đưa tay ngang trán nhìn ra xa. Trời chiều đầy mây. Nước ngập mênh mông. Xóm Gò trở thành hòn đảo nhỏ. Mãi tít ngoài xa là ngôi trường cao lớn lực lưỡng như một pháo đài giữa biển nước. Ông Bảy yêu ngôi trường ấy, niềm mơ ước bao lâu nay của ông, của người dân xứ này. Phải chi ông còn trẻ để xin trở lại nghề dạy học. Buổi sáng, buổi chiều, học trò từ bốn hướng, áo trắng, quần xắn cao tới đầu gối, bơi xuống đi học. Tụi nó đi học mà cực quá, nhưng được cái chịu khó học như vậy là mừng lắm. Ông Bảy ngẫm nghĩ.

Đám học trò trong xóm lục tục tới bến xuống sau tiếng keng, đứa đi đứa chạy.

Không phải do trễ mà chạy, chúng khoái chạy hơn là đi, vậy thôi. Ông Bảy thuộc tính nết từng đứa. Cái xóm Gò này chật chội quá, mùa nước đứa nào cũng bị bố mẹ bắt ở trong nhà. Xóm Gò năm kia có một đứa chết đuối, chỉ vì bố mẹ nó bất cẩn. Tội nghiệp, cái tuổi chúng nó thêm được chạy nhảy mà không có chỗ để chạy nhảy cho đã.

Đã vài ba năm nay ông Bảy làm công việc đưa học trò trong xóm đi học. Xóm có tới bảy đứa năm nay học cấp II – ông gọi theo thói quen. Năm ngoài có bốn đứa, năm nay sẽ thêm hai đứa nữa. Từ khi ngôi trường lớn chưa xây xong, ông đã làm công việc bơi xuống đưa học trò trong xóm tới trường. Ông rảnh rỗi, chẳng có lương hưu, cũng không có ruộng, ông sống bằng nghề giảng câu vào mùa nước nổi. Người cháu bà con của ông sống trên Thành phố Hồ Chí Minh hằng tháng gửi tiền về cho ông, đủ để ông có cuộc sống đạm bạc. Lũ trẻ xóm Gò ngày một lớn và đông hơn, chúng cần được học hành tử tế. Nhà nước xây ngôi trường làng hoàng như vậy mà để đám con nít thất học thì thiệt là có tội. Cái xóm Gò hơn hai chục nóc nhà này đâu phải nhà nào cũng như nhà nào, có nhà như Chín Hiếng giàu có đã đành, có nhà như Năm Ôm cả nhà sáu miệng ăn mà không có nổi một cái xuống ba lá làng hoàng để đi lại vào mùa nước. Con cái Năm Ôm chẳng có đứa nào được đi học làng hoàng. Vợ chồng ông Năm Ôm cũng chưa bao giờ nghĩ tới chuyện cho con học hành tới nơi tới chốn, chỉ cốt kiếm ba chữ để ghi tiền bán cá là được... Suy đi tính lại, ông bàn với chủ tịch xã vận động các gia đình có con đến tuổi đi học phải cho chúng tới trường. Ông chịu trách nhiệm đưa tụi nhỏ đi học vào mùa nước. Ông vận động đám học trò cũ giờ làm trên huyện trên tỉnh cho ông chiếc xuống, tình nguyện chở mấy đứa nhỏ đi học miễn phí. Nghĩ rằng ai cũng ủng hộ, hoá ra không phải. Có gia đình bắt ông phải nhận tiền mới chịu, người ta cho rằng có nhận tiền thì mới có trách nhiệm, chớ làm *công quả* như ông thì được mấy bữa... Có người như Năm Ôm thì không chịu vì nhà không có tiền, mà cũng không muốn mang ơn ai, mà học nhiều cũng chẳng làm gì. Lại phải vận động từng nhà. Chín Hiếng là người

đồng ý sau cùng. Anh ta không muốn nhờ vả ai, tự anh ta lo được mọi chuyện, nhờ vả ông Bảy lại càng không muốn. Ông Bảy phải tới tận nhà Chín Hiếng nói:

– Anh đưa cháu đi học thì cũng hay, nhưng nếu anh muốn gửi cháu để đi học hằng ngày thì tôi cũng xin nhận. Bọn con nít nó thích đi học chung với bạn bè cho vui.

Chín Hiếng sau đó nhận lời gửi con Liên đi xuống của ông Bảy nhưng nói với mọi người rằng:

– Ông tới năn nỉ tôi, tôi mới đồng ý cho con gái tôi đi xuống của ông đó chứ.

Mọi người hiểu ý Chín Hiếng, ý anh ta cho là, do mình giàu có nên ông Bảy mới có ý "xu nịnh" anh ta như thế. Chuyện tới tai ông Bảy, ông chỉ cười.

Đám con nít xóm Gò lục tục kéo nhau tới bến xuống, cãi nhau chí choé cả lúc bước lên chiếc xuống đang dập dềnh vì sóng.

Ông Bảy nhìn lướt qua đám con nít, còn thiếu một đứa, thằng Đục con Năm Ôm. Thằng bé năm nay học tới lớp bảy rồi, ông hồi hộp đếm từng ngày học của nó. Chỉ sợ nó bỏ ngang. Vợ chồng nhà Năm Ôm nói với ông:

– Tại ông dụ khị nó đi học, ông phải lo cho nó nghe.

Vợ chồng Năm Ôm như khoán trắng thằng nhỏ cho ông. Cũng may thằng nhỏ ham học mà sáng dạ, nên ông cũng mừng. Sao bữa nay nó đi trễ, chắc đói bụng chờ cơm chín ăn đỡ *ba hột* đậu tằm tới lớp ngồi học cho yên. Kia rồi, thằng nhỏ cắp sách vừa chạy vừa nhai ngồm ngoàm cái gì trong miệng. Củ khoai luộc. Ông la lớn, mà trong dạ cứ thấy xót xa thế nào:

– Lẹ lên, trễ học của các bạn bây giờ.

Thằng bé nhoẻn miệng cười, tay chùi miệng tót lên xuống lệ làng như một con mèo rồi len chân đi về phía mũi xuống. Nó đảm nhận công việc bơi mũi. Chiếc xuống trườn khỏi bến, hướng về phía ngôi trường. Bầu trời mùa mưa tai tái, nặng nề. Nước ngập lụt những ngôi mộ đặt ở những gò thấp, nhấn chìm cái chòi vệt cũ của ai đó. Cái mái chòi vệt nhô lên lên mặt nước thoi thóp theo sóng nước. Tiếng học trò cười nói theo gió vọng lại. Mặt trời ló ra sau đám mây màu chì, trải một khoảng nắng mong manh trước mũi xuống. Con Liên lấy cuốn tập trong cặp ra coi lại bài. Một tờ giấy từ trong cuốn tập của nó bị gió thổi bay xuống nước, con nhỏ kêu lên:

– Ôi, mất rồi.

Thằng Đục nhìn tờ giấy bị gió cuốn tít ra xa, đang từ từ chao xuống mặt nước, rồi quay lại:

– Mất chi vậy Liên, anh bơi ra lấy lại cho em nghe.

– Khỏi đi, giấy bỏ mà, em cứ tưởng bài kiểm tra, mà không phải, bài kiểm tra vẫn còn trong cặp.

– Vậy thì thôi.

Thằng Đục cầm cúi quạt mạnh mái dầm.

Gió bỗng thổi mạnh. Ông Bảy nói:

– Bơi mạnh nghe Đục, trời muốn mưa đó.

Tụi nhỏ coi bộ khoái chuyện trời bỗng trở gió, chúng hét lên:

– Lẹ lên ông Bảy ơi, mưa tới giờ nè.

– Nhanh nữa lên ông Bảy ơi.

Cả bọn vừa la hét, vừa nhún người lấy đà phụ cho con xuống chạy nhanh hơn, vừa cười giỡn với nhau. Một vài giọt mưa rơi võ tan trên mặt sóng, khua lộp

bộ trên những chiếc cặp của đám học trò. Ông Bảy nhìn trời, nói lớn:

– Mặc áo mưa vô đi mấy con.

Đám học trò lục tục lấy áo mưa để sẵn trong cặp khoác lên người. Đó là những chiếc áo mưa chính ông Bảy xin được từ mấy tay tiếp thị xà bông, bột giặt, hoặc xin được từ đám học trò cũ của ông. Đám học trò nghe lời ông, kể cả thằng Đức nổi tiếng là nghịch ngợm. Ông Bảy có cách riêng của ông khiến mỗi đứa khi ngồi trên xuống là nghe lời ông răm rắp.

Gió càng lúc càng mạnh, rồi mưa, mưa mỗi lúc một nặng hạt. Sắp tới mỏ đất, khu vực có hồ nước sâu. Ông Bảy nhắm tính. Đó là một hồ nước lớn, mùa khô là nơi dân trong vùng lấy nước xài, và bắt cá – những chú cá từ Biển Hồ theo nước lũ tràn về, rồi khi nước rút bị kẹt lại. Lúc đầu nó là nơi người ta đào lấy những gốc trầm già nằm sâu dưới lớp đất sinh lầy, dân trong vùng gọi là trầm lụt, phơi khô dành làm củi đốt. Khi làm con đường qua đồng Tháp Mười, người ta phát hiện đó là một mỏ đất, tức là khu vực đất sét, rất tốt cho việc đắp nền đường. Ở cái xứ đồng bưng sinh lầy, đất mặt cứng nhưng chỉ đào sâu xuống nửa thước là toàn đất bồi, được tạo bởi cỏ cây khô mục từ bao đời nay. Một mỏ đất như thế ở đây quý lắm. Những cái máy xúc, máy đào quần nát khu vực này cả năm ròng, lấy đất chuyển lên làm nền đường. Rồi khi có chủ trương làm cụm tuyến dân cư, cái mỏ đất lại được khai thác một lần nữa, để bây giờ nó trở thành cái hồ nước lớn vào mùa mưa. Thầy trò ông Bảy ngày nào cũng phải bơi xuống qua cái hồ nước lớn và sâu ấy để tới trường. Mùa mưa năm ngoái một người phụ nữ bơi xuống đi chợ, ra tới giữa hồ thì bị gió thổi làm lật xuống, chết đuối.

– Sắp qua khu *Mỏ đất*, ngồi im nghe, gió quá chừng.

Ông Bảy dặn, mặc dù ông hiểu đám học trò tự nó cũng biết phải làm gì. Chúng quen với những việc như vậy. Mưa nặng hạt, dày đặc trước mắt, ông Bảy hướng xuống xuôi theo chiều gió. Mái dầm trong tay ông bỗng có cảm giác nhẹ hơn, chiếc xuống trôi nhẹ hơn. Xuống bắt đầu băng qua hồ nước lớn.

– Qua hồ nước đó nghe, ngồi im nghe.

Tụi trẻ không đáp lời ông. Mưa xiết lên những tấm áo mưa ràn rạt.

– Cui chừng ướt tập nghe mấy con.

Ông Bảy lại kêu lớn. Ngôi trường phía trước giờ không còn nhìn thấy nữa, một màn mưa trắng đục phủ kín xung quanh.

Thằng Đục quỳ gối quạt mạnh mái dầm. Ông Bảy cảm nhận rất rõ mỗi nhịp mái dầm của thằng nhỏ. Ông nghĩ, thằng này coi vậy mà mạnh dữ.

Con xuống vẫn chưa qua khu vực hồ lớn. Những giọt nước mưa tinh quái luôn được vô trong người ông Bảy, bò nhồn nhột trên ngực, lạnh buốt. Từ lúc mưa lớn đám học trò vốn quen chuyện đi xuống, tay ôm cặp vô bụng che mưa, tay cầm gáo dừa tát nước. Những lượn sóng tràn vô xuống làm lũ trẻ tát nước nhanh tay hơn. Ông Bảy linh cảm về một cơn gió xoáy đầu đó, ông chợt nhớ tới người phụ nữ chết đuối năm vừa rồi. Ông nói:

– Các con mỗi đứa cầm sẵn cái can đi.

Giống như các thủy thủ nghe lệnh thuyền trưởng, tụi nhỏ mỗi đứa quờ tay giữ một chiếc can nhựa rỗng. Thằng nhỏ ngồi gần ông Bảy la lớn:

– Nước vô nhiều quá ông Bảy ơi.



Mấy đứa kia cũng nhao nhao:

– Nước vô nhiều quá ông Bảy ơi.

– Đực, con không bơi nữa, xuống phụ tát nước với tui nó.

Thằng Đực đặt cây dầm dọc theo mạn xuống, lấy chiếc gáo dừa để sẵn đó tát nước. Nó nói với con Liên:

– Liên, em ra sau lưng anh để anh che gió cho, gió dữ quá.

Con Liên luôn ra phía sau lưng thằng Đực. Bây giờ ông Bảy hiểu là không thể đưa bọn nhỏ kịp tới trường đúng giờ. Các thầy cô chắc không rầy bọn nhỏ, mưa gió như vậy mà. Ông quyết định giữ cho con xuống xuôi hẵn theo chiều gió, cốt yếu để nó thoát nhanh qua khỏi khu vực hồ lớn. Con xuống càng lúc càng lắc mạnh.

Bất chợt ông nhận ra tiếng ràn rạt dưới đáy xuống. Cỏ. Ông thở phào, đã qua khỏi khu *Mỏ đất*. Giờ thì ông đã bớt lo nửa phần. Mưa vẫn nặng hạt, ông không thể nhận ra xuống đang ở nơi nào giữa đồng bưng. Không thể nhìn thấy gì. Phải một lúc sau ông mới định được vị trí và bắt đầu bơi xuống nhằm về hướng ngôi trường. Chắc tới giờ vô lớp rồi, đám trẻ tới sớm đã tránh được cơn mưa ban nãy, đang nghe giảng tiết học đầu giờ chiều. Ông sẽ trực tiếp tới gặp thầy Hiệu trưởng để thanh minh cho đám trẻ tới trễ giờ.

Gió lại thổi mạnh. Ông Bảy thọc cây dầm xuống sâu dưới nước. Chỗ này còn sâu, chắc tới ngực người lớn, bọn con nít ngập đầu là chắc. Gió mạnh hơn, Ông Bảy vừa bơi vừa phải ghì mái dầm để giữ thăng bằng cho chiếc xuống. Không được rồi. Xuống càng lúc càng lắc mạnh, không chừng nước tràn vô. Từ đây tới trường

không còn bao xa. Thôi thì, ông sẽ ráng, ông còn ráng được mà.

– Các con ráng giữ cho khỏi ướt tập nghe... Ngồi im.

Nói đoạn ông trườn xuống nước. Nước ngập tới ngực, lớp sinh bên dưới như nứu chặt chân ông lại. Ông đẩy xuống từng bước chậm chạp trong lúc hai tay cố sức ghì giữ cho xuống bớt chòng chênh. Những con sóng từ ngoài xa liên tiếp xô tới như muốn nhấn chìm tất cả. Ông tựa hẳn ngực vào mũi xuống, đẩy tới.

Thằng Đực thấy ông Bả lội xuống nước, nó gọi:

– Ông Bả ơi, cho con xuống phụ ông.

– Không được, chỗ này nước sâu lắm, ngập đầu à. Mình ông giữ được rồi.

Mưa dội xối xả, hắt vô mặt làm ông thấy khó thở.

– Coi chừng ướt tập nghe mấy con.

Ông Bả nói từng tiếng cố nén giọng để không run rẩy vì lạnh.

Hôm ấy lũ trẻ tới trường chậm năm phút. Lỗi là do tôi, ông Bả nhận khuyết điểm với thầy Hiệu trưởng.

*

* *

Hôm sau ông Bả ngã bệnh. Ông Hai Hối tới tận nhà cạo gió cho ông, rồi khuyên ông nên đi bệnh viện. Coi bộ bệnh tình của anh kỳ này cạo gió không hết.

Ông Bả cười:

– Chắc vậy, kỳ này tôi còn thiếu anh một bản Nam Ai, nghe chừng khoẻ tôi về kêu cả con Liên tới nhà anh đờn ca trả nợ.

– Ủ, con nhỏ đó ca được lắm.

Ấy là ông Hai Hói nói cho vui bụng ông Bảy, chớ ông dư biết đời nào Chín Hiếng cho con gái đi ca chơi như vậy. Thằng cha có học mà sao hẹp hòi, cố chấp.

Có điều này ông Bảy không nói ra với ông Hai Hói, ông cảm thấy bệnh tình của mình kỳ này không giống các lần trước, có một linh cảm mơ hồ về cái chết. Ông cố xua đuổi nỗi ám ảnh u ám ấy, nhưng thỉnh thoảng nó lại len lén trở lại. Mình còn khoẻ mà. Ông tự an ủi. Ông ngồi dậy lúc ông Hai Hói về, tự nhẩm đến tuổi của mình, khe khẽ thở dài. Nếu có ra đi vào lúc này thì cũng là hợp lẽ trời. Ông chuẩn bị đồ đạc quần áo đi lên thị trấn nhập viện theo đề nghị của ông Hai Hói. Sáng mai chính ông Hai Hói đưa ông đi bằng ghe máy.

Cả xóm Gò nghe tin ông Bảy bệnh lục tục tới thăm. Dân xóm Gò nghèo nhưng ai cũng đem theo ký đường, người hộp sữa biếu ông và ông Bảy biết mình không thể từ chối. Con Liên và thằng Đức đòi theo ông tới bệnh viện, nhưng ông Bảy không đồng ý. Đi như vậy lỡ buổi học của chúng.

Vậy để chủ nhật tui con lên thăm ông.

– Ủ, chủ nhật lên thăm ông.

Sáng hôm sau ông Hai Hói tới nhà ông Bảy. Cánh cửa khép hờ, ông Hai đẩy cửa bước vô. Hương dầu trầm thơm nức trong căn nhà nhỏ bé. Ông Hai Hói nhận ra nồi nước lá trầm ở góc nhà. Có lẽ tối qua ông Bảy đi hái lá trầm nấu nước tắm. Một bó hoa đặt trên chiếc bàn nhỏ nơi hai ông thường ngồi lai rai với nhau, hoa tươi, chẳng biết ông Bảy hái từ hồi nào, đủ các thứ hoa, những loài hoa mọc tự nhiên, sống tự nhiên với cỏ cây đồng Tháp Mười. Hoa diên điển màu vàng, hoa mua tím

ngắt, hoa sen phớt hồng, hoa bông súng đỏ rực, hoa loa kèn vàng nhạt như nắng sớm... Ông Bảy đang nằm ngủ trên giường, bộ quần áo mới trắng thơm, hai tay xuôi theo sườn. Ánh sáng từ phía cửa sổ rọi vô phòng, soi lên khuôn mặt nhẹ nhõm của ông Bảy. Ông Hai cố gắng không làm kinh động tới giấc ngủ của ông Bảy. Một lá thư viết sẵn để trên bàn, cạnh bó hoa tươi đủ màu sắc. Thư rằng:

"Anh Hai à, nếu tôi có đi theo các cụ, nhờ anh nhắn giùm con cháu tôi. Nó sẽ lo cho tôi. Khởi phiên bà con lối xóm. Tôi chỉ lo một chuyện, ai sẽ thay tôi chổ tụi nhỏ xóm Gò đi học mỗi ngày. Anh giúp tôi chuyện này nghe anh Hai.

Ký tên: Thầy giáo Bảy"

Ông Hai bước tới bên giường, đặt tay lên trán ông bạn già của mình, bỗng giật mình: Ông Bảy đã ra đi.

*

* *

Mấy hôm sau, tại bến đò ông Bảy, tiếng kèng vang lên đúng giờ bọn trẻ đi học. Người đưa đò bây giờ là vợ Chín Hiểng. Đám trẻ lại như mọi ngày xếp hàng dọc, từng đứa một bước xuống xuống, chỉ khác, chúng không cười giỡn như mọi bữa, chúng ngồi yên lặng ngay ngắn trên xuống theo đúng như quy định của ông Bảy.

Từ xa, Chín Hiểng đứng lặng lẽ một mình nhìn theo.

HỒI LỐI

➡ TIỀN VĂN TRIỆU



huyện ngày trước tưởng đi vào quá khứ cuộc đời. Nếu người ta có thể quên đi tất cả. Ngày xưa, đối với Nhanh, "thầy" là tiếng gọi tâm thường thời học trò nông nổi. Giờ tiếng ấy thiêng liêng cao cả biết dường nào. Viết những dòng này, nó không mong thầy tha thứ nhưng nó cảm thấy yên tâm và bình thản hơn khi dạy con nó. Mong con đừng đi theo vết xe đổ của ba. Chuyện kể lại cũng thật buồn nhưng nếu không kể nó cảm thấy không yên lòng...

Chiếc xe đạp cũ kỹ, từ từ đi vào cổng trường. Từ trong quán bên hè thẳng Nhanh ra tay đẩy thầy Lương lộn nhào xuống đường. Bất ngờ chưa hiểu chuyện gì xảy ra, thì cái cặp táp mà nhiều người cho là để ở bảo tàng thì có giá trị hơn trên tay một ông thầy giáo đã rơi xuống đất. Thầy chạy ngay vào trường báo với Ban Giám hiệu. Một tuần sau, thằng Nhanh nhận kỷ luật bị đuổi học. Thế là hết

mười hai năm đèn sách. Đòi, đối với nó giờ như đêm ba mươi. Hôm nhận kỷ luật nó vẫn huyền thuyên như mọi ngày, vẫn cái đầu có mấy sợi tóc vàng ở phía trên, hai cái mái dài lúc nào cũng xụ xuống, cái mặt vênh vênh, những mụn non lỗ chỗ của một thằng mới lớn. Nó quẳng cặp ra khỏi cổng trường. Cánh cổng khép chặt lại...

*

* *

Ngày ấy, Nhanh học lớp 12B mà cả trường chỉ có hai lớp mười hai thôi. Lớp "12B" – "B" nghĩa là "bò" tức dốt như "bò" nó tự cho là như thế. Ở lớp, Nhanh được coi là đại ca, chuyện cãi cọ tay đôi với thầy cô là chuyện thường. Nên cái chuyện nó bị đuổi học vì có hành động vô lễ đối với thầy Lương cũng không làm chúng bạn nó ngạc nhiên lắm. Riêng về phần nó, nó cảm thấy xứng đáng với tên gọi "đại ca Nhanh". Làm việc gì cũng nhanh, quay cốp, bỏ học, nghỉ tiết, tất cả đều nhanh,...

Chuyện tới tai ba nó, một giám đốc công ty cỡ bự. Hằng ngày, ông cho nó nhiều tiền, mấy khi cả nhà của Nhanh ăn cơm chung với nhau. Làm giám đốc trăm công nghìn việc, con cái gửi đến nhà trường rồi quẳng tiền ra là xong. Mỗi sáng, Nhanh đều "lãnh lương" đầy đủ. Ngoài ra, ba nó còn cấp thêm một khoản "trợ cấp" để cho nó giải trí,... Con thế biết làm sao? Ông lại xin cho nó được vào học. Nhà trường kiên quyết không nhận. Nó chuyển trường đi nơi khác. Nó đến lớp lần cuối. Ngày chia tay sớm với lớp mười hai "bò" của nó thật thảm! Chẳng đứa nào buồn vì lớp sắp mất đi một thành viên. Bởi bọn nó dù không nói ra nhưng chắc

trong lòng đứa nào cũng muốn cho Nhanh bị đuổi học, giờ đây thằng Nhanh không còn giá trị: lão xược, xúc phạm đến thầy Lương – một thần tượng của chúng!

Nhanh nói với mấy đứa xung quanh:

– Ủ! Đuổi thì tao nghỉ! Đi trường khác học nhằm gì? Ba tao lo xong cả rồi!

– Một đứa ngồi gần nó đứng dậy: Mày đánh thầy rồi còn nói! Thầy có lỗi gì với mày? Nội quy trường lớp mày phải thực hiện chứ!

– Chuyện ai, người nấy biết! Tao phải giải quyết như thế mới sòng phẳng và xứng danh là đại ca, ai biểu ông ấy nhiều lời,...

Đúng lúc ấy, thầy Lương bước vào lớp. Thấy Nhanh, thầy đứng yên trên bục giảng hồi lâu, rồi nói:

– Nhanh! Lên đây thầy gặp một chút!

Hành động của Nhanh vô lễ hồi tuần trước với thầy chưa đủ quật ngã một tấm lòng kiên định và giàu lòng vị tha. Cả lớp ngơ ngác. Còn khuyên răn gì nữa! Nhưng Nhanh không nghe lời thầy, nó vuốt tóc ngược, đập bàn rồi đi ra khỏi lớp. Thầy nhìn theo...

Thầy về trường đã hơn mười năm. Thời bom đạn chiến trường đã không làm thầy quy ngã. Cố gắng cho một thời khói lửa với những mất mát đau thương, thầy chỉ còn lại một mình, cha và anh đều nằm xuống cho đất nước thanh bình. Và mẹ, mẹ thầy đã ra đi từ khi thầy mới chào đời. Chuyện vợ con đối với thầy đã thành trang khép vào quá khứ. Nếu kể từ ngày trước khi thầy vào đại học ngành Sư rồi yêu một cô bạn cùng lớp. Dự tính ra trường họ sẽ xin về cùng nơi giảng dạy rồi cưới. Lòng thương và sự lo lắng nghĩ về tương lai là hai thái

cực ít đi về một điểm. Điều đó đã đến với thầy. Bốn năm giảng đường khép lại, cô ấy xin về quê. Còn thầy về với đất Bạc Liêu này. Tình yêu đối với thầy như một chiếc lá lìa cành. Khoá chặt những yêu thương từ ngày ấy, học trò đối với thầy là hạnh phúc là niềm vui của cuộc sống. Có lần lũ quỷ chúng tôi ghép thầy với một cô dạy Toán mới về trường. Cô ấy, cũng thích thầy. Thầy lại tự phụ và từ chối khéo: "Thầy kém tính toán sợ không hợp!". Từ đó, chuyện riêng tư coi như một hoài bão không bao giờ thành hiện thực đối với thầy. Ai có ngờ thầy dạy Sử lại lãng mạn đến như vậy. Mà cái lãng mạn như thầy chỉ đi kèm với sự cô độc.

Thầy dạy Sử nhưng lại rất yêu văn, đôi mắt lúc nào cũng có vẻ suy tư dưới đôi kính rọng của tuổi trung niên. Thầy hay kể về những trận đánh ác liệt, tình đồng đội người này hy sinh cho người kia được sống, chuyện những lớp học thời bom đạn với tâm huyết đem lịch sử truyền lại cho thế hệ sau tôn vinh, gìn giữ. Chiếc xe đạp mỗi ngày là đôi chân đi đường xa của thầy. Lúc nào lũ học trò chúng tôi cũng thấy chiếc áo đầm mồ hôi nằm trong cái quần hơi ngắn nhưng lúc nào cũng thẳng thớm.

Thời gian trôi đi như gió thoảng. Lớp mười hai "bò" của chúng tôi ngày ấy, vậy mà có khối đứa thành danh. Đứa kỹ sư, bác sỹ, dược sỹ, đứa làm giám đốc này nọ,... Hôm, có lần lũ chúng tôi về thăm lại thầy Lương vẫn chiếc xe đạp cũ kỹ vẫn dáng vẻ ngày nào. Riêng mái tóc giờ đã pha màu mây trắng. Gặp lại lũ quỷ ngày xưa tại nhà, thầy mừng không kể xiết. Thầy hỏi thăm vồn vã gia cảnh của từng đứa. Thầy vẫn nhớ và hỏi về Nhanh. Chúng tôi nhớ ngay thẳng bạn vô lễ với thầy. Cả đời nó chắc sẽ giày vò, day nghiền.

– Tụi em không có tin gì về Nhanh!

– Không biết nó giờ thế nào?

Rồi thầy nhìn về xa, từ căn nhà lợp tôn xi măng oi bức chật hẹp, đằng xa những tia nắng của buổi chiều chiều rơi trên từng khuôn mặt tựa hồ như một đêm trăng tròn mà ánh sáng diệu kỳ có thể làm cho người ta nhìn thấy tất cả. Lũ chúng tôi nhận ra trên khuôn mặt gầy gò kia, những điều ưu tư phiền muộn về cuộc đời, về những đứa học trò ngỗ nghịch đã bào mòn tuổi đời của thầy. Những nếp nhăn trên trán mình mấn dính lại với nhau như người ta kênh cái mu bàn tay mảnh liệt để làm một điều gì đó. Tiếng rót nước từ cái bình tích cũ kỹ bên trong trà đã đóng thành lớp vàng.

– Mấy đứa uống trà đi, trà hương lài đấy! Thơm ngon nhất!

– Dạ! Lũ chúng tôi nhìn nhau không đứa nào mang theo quà cáp gì đặc biệt. Chỉ gói trà lài.

– Thầy tiếp lời. Muốn có trà lài ngon, phải có hoa lài trắng, phơi thật đặng nắng, đun nước phải thật sôi, tâm hồn phải sạch sẽ.

Chúng tôi nhìn nhau, nhìn lại trên tay mình ly trà vàng ánh. Cái màu vàng của trà, sao mà trong suốt như cái màu vàng của đôi mắt thầy qua tròng kính giờ đã ngả màu.

Chúng tôi, kể cho thầy nghe chuyện làm ăn, chuyện con cái, đứa nào thầy cũng mừng. Con của chúng tôi có đứa lại được thầy chủ nhiệm. Niềm vui nhân đôi. Bất ngờ thầy hỏi:

– Thế Nguyễn Hoàng Thiện là con của đứa nào?

– Dạ không biết, thưa thầy!

Thầy ngồi im trên chiếc ghế tre màu vàng óng bởi lâu năm lên nước.

– Có chuyện gì không thầy?

– À! Không, thầy muốn hỏi cho biết. Nó rất giống một đứa cũng là học trò của lớp mình ngày trước.

Đôi mắt màu vàng nhạt, lại nhìn ra cửa, bên ngoài buổi chiều đi về theo làn gió man mác. Tiếng kèn xe qua ngõ nhà thầy bỗng dừng inh ỏi, có lẽ vì trật đường. Chúng tôi tạm biệt thầy. Tiễn chúng tôi ra tận ngõ, thầy bắt tay từng đứa căn dặn đủ điều. Vẫn như lời dạy ngày xưa: Giữ nhân giữ nghĩa mới thành nhân. Chúng tôi chia tay thầy vẫn nghe đâu đó những âm thanh vọng lại những tiếng giảng bài êm êm hoà với buổi chiều hội ngộ. Trong bọn chúng tôi chắc hẳn vẫn có đứa nghĩ: thầy vẫn nhớ và nghĩ về Nhanh, nhưng nghĩ về điều gì thì không đứa nào được biết!

Lâu ngày gặp lại, chúng tôi kéo nhau vào một quán bia cùng nâng ly. Bên kia bàn, dáng vẻ của một người đàn ông chững chạc, một người lạ mà quen. Người đàn ông ấy trong bộ com lê màu vàng, thắt chiếc cà vạt hơi dài nâng cốc bia vàng mời những ông khách đầu tóc vàng người ngoại quốc.

Chúng tôi ngồi gần nhau, nên qua nói chuyện biết được họ làm ăn liên doanh. Bất chợt, người đàn ông nhìn sang bọn tôi vẫn mái tóc ngày xưa, nhưng đã già dặn hơn nhiều. Nó bước sang tự xưng:

– Nhanh đây! – Cái vẻ mặt tươi rói dưới ánh đèn vàng ánh lên màu bia vàng thể hiện sự mừng rỡ của những ai lâu ngày gặp lại bạn học cùng lớp. Tiếc nó vẫn bị chấp nhận một cách thờ ơ.

- A! Nhanh! Mà Nhanh nào?
- Nhanh đây! Nhanh 12B đây!
- Nhanh...

Những ông bạn của Nhanh nhìn chúng tôi cười lịch thiệp như những người bạn và chúng tôi cũng thế.

- Hôm nay sao đông đủ thế này?
- Vừa mới họp mặt ở nhà thầy Lương về.

Nhanh như nghe thấy một chuyện gì lạ lắm. Tay cầm ly bia đứng im giây lát rồi lại cười nói xuề xòa rồi lại vồn vã tấp nập. Từng ly, từng chai bia cứ thế được nốc hết. Nhanh hỏi về chúng tôi về con cái nữa; như những người bạn chí cốt lâu ngày gặp lại,... Về hời hợt của chúng tôi không làm Nhanh thất vọng! Người có bia trong mình! Chắc là thế! Chúng tôi lại nhìn nhau đoán rằng: Nó chắc là tay kinh doanh thành đạt.

Chúng tôi ra về chia tay với Nhanh như những người bạn vừa quen. Những người ngoại quốc đôi mắt xanh nhìn cũng hiểu chúng tôi là bạn của nhau. Bạn trong số hàng vạn từ không có một từ nào biểu thị khác hơn.

Thế rồi! Nhanh lái xe về nhà, trên đường ánh đèn vàng rọi xuống mặt đường, những người qua lại, những đứa học trò đi học thêm buổi tối lần lượt đi vào ngõ hẻm rồi mất hẳn. Nhanh nghĩ mông lung! Chuyện chúng tôi đến thăm nhà thầy! Sáng hôm sau, Nhanh không đi làm. Từ trên bàn ăn Thiện nói to:

- Ba hôm nay họp phụ huynh! Thầy nói: Phải có cha mẹ đi họp mới chấp nhận. Nếu không thì...

- Nếu không thì sao, hả con? Giọng Nhanh dịu như rượu ngọt, khiến thằng Thiện càng nũng nịu, nếu không thầy bảo đứng lên giải thích lý do nhiều thứ lắm!

– Thôi được! Để ba đi họp – Giọng Nhanh lại kéo dài khàn như người ta ngán rượu.

8 giờ! Đã đúng 8 giờ như con thông báo, Nhanh vẫn chạy xe trên đường gần ngõ vào cổng trường. Nơi ngày xưa nó từng có hành vi mà đến hôm nay nó cố quên nhưng ai chắc cũng nhớ, kể cả nó. Cái ngày đó, đối với nó là một vết son của sự kiêu căng, ba que xỏ lá, nhưng lại là một vết nhơ của đạo đức đời nó. Nó đã làm bố! Nó sắp gặp người dạy dỗ con nó, nhưng nó nào biết?

Tiếng xe vụt qua nhanh nhanh, đều đều, thoáng trong óc nó những suy nghĩ về chuyện ngày xưa. Ở cái ngôi trường này, trường mang tên anh hùng Lê Văn Đẩu lại có một học trò xúc phạm đến thân thể của thầy như nó. Thì sao? Thì sao ư? Nó thành đạt đấy chứ! Dưới mắt mọi người, so với lũ bạn ngày xưa, cơ ngơi ai bằng nó. Thế mới hay, đời còn có chỗ để con người ta nguyên rũa và khinh bỉ. Mà nó có nghĩ như thế không?

Nhanh trở lại ngôi trường trong bộ đồ bình dân, áo trong quần, nai nịch chỉnh tề, trên túi vắt cây viết để biết nó là người có chữ, có học, mà có học từ trường hằn hoi trước khi nó có cương vị như ngày nay. Nhanh nhận ra sự thay đổi lớn lao: đường vào trường tráng nhựa, những phòng học mới được đầu tư, trang bị sơn vàng lộng lẫy. Nhưng không biết con người ở đây giờ thế nào? Những bước chân đi tìm phòng họp. Nó cũng gặp lại nhiều thầy cô cũ, nó chào hỏi xưng danh, xưng họ. Nỗi mừng lộ trên mặt một chút lo âu. Đến phòng học lớp 12/1, nó đứng bên thềm. Phụ huynh đã vào đông đủ. Thầy đã đứng trước lớp tiến hành cuộc họp.

Tất cả đi vào im lặng. Nó chôn chân ở ngoài nhìn vào! Giọng thầy Lương nó chưa tin. Ngược nhìn cho kỹ! Trời ơi! Thầy Lương! Thầy đang...

Bỗng có đứa học trò nghe theo lời thầy chạy ra ngoài mời Nhanh:

– Thầy con mời chú vào họp.

– Ủ! Ủ! – Nhanh đáp trong cái giật mình! Chẳng lẽ thầy không nhận ra mình? Nhanh vào cuối lớp ngồi im nghe lời báo cáo của thầy và tình hình học tập của cả cái lớp mà con nó đang học. Thầy nhắc tới câu của miệng ngày xưa mà Nhanh vẫn nhớ như in. "Phải biết tha thứ khi các em có lỗi". Tất cả phụ huynh đều tán thành. Rồi đại khái những điều liên quan đến học tập, được thầy báo cáo cụ thể, cuộc họp dần kết thúc. Bất ngờ thầy nhắc:

– Xin lỗi, cuối giờ cho tôi gặp phụ huynh em Nguyễn Hoàng Thiện một chút!

Nhanh xoa hai bàn tay lên đầu gối, cố ngồi im. Ly nước trà màu vàng thơm thoảng mùi thơm hoa lài, cái mùi làm nó dễ chịu. Khi mọi người ra về chỉ còn nó đối diện với thầy. Một cảnh tượng mà cả lũ chúng tôi nghe kể lại cũng không thể nào...

– Nào! Nhanh lên đây ngồi đi!

Nó vẫn ngồi im như ai đã khoá chân nó. Nó nhìn thầy trân trân như một tội đồ nhìn đấng thiêng trong khi cầu nguyện. Thế rồi, nó cố đi, hai bàn tay lần vào hai cạnh bàn, bước đến gần thầy. Không để nó lên tiếng, thầy thông báo kết quả học tập của thằng quý tử của nó cho nó biết. Thầy khen con nó học giỏi lại hiền... Nó cười, mừng...

– Nhanh! Bây giờ em công tác ở đâu?

Nhìn vẻ mặt nó, như đoán biết được ý nó, nên không đợi nó trả lời và phải lúng túng khó xử, thầy lại nói tiếp:

– Tụi em thành đạt thầy mừng...! – Vẫn giọng trầm ấm của ngày nào, sao bây giờ nó mới cảm nhận được sự thiết tha và trù mến ấy. Rồi thầy kể về lũ chúng tôi đã đến nhà thăm thầy. Nhanh ngồi im.

Thầy hỏi thăm về ba Nhanh, kể từ ngày ông mất, sau khi gặp thầy Lương xin lỗi thay cho nó. Nhờ vào sự quen biết và uy tín của thầy, nó mới được chuyển vào trường bán công để học. Ba nó với thầy trước kia vốn là đồng đội của nhau.

Nghe đến đây, đôi môi Nhanh mím lại, mồ hôi đọng trên trán trung thành từng giọt như người ta phải bệnh đột ngột. Nhanh nghĩ về cuộc đời sao lại như thế và tự hỏi, phải chăng ngày xưa, mình còn nhỏ nên mới làm điều nông nổi? Thà rằng ba Nhanh đừng buộc Nhanh đi học tiếp để làm gì. Giờ gặp lại, Nhanh không thể nói một lời nào với thầy. Nó thấy ghen ở cổ họng nhưng cái đôi mắt kia chưa bao giờ biết khóc. Nhanh nghĩ về câu thách ngày xưa của chúng bạn. Xúc phạm đến thầy để xứng đáng với tên gọi đại ca của nó. Chuyện cũng tưởng đơn giản, thầy nhắc Nhanh về chuyện đầu tóc. Vậy mà đã xảy ra điều đáng tiếc.

Ly nước trà lại được tiếp tục rót đầy, mời Nhanh, thầy nói:

– Năm nay nữa thầy đã đủ tuổi về hưu rồi, thầy mong em nói thật: năm xưa, vì đâu em làm rớt cặp của thầy bên quán công trường?

Nhanh mở miệng không thành lời...

– Thừa thầy!...

Nhanh lại im lặng, thầy nhìn Nhanh và mỉm cười như một người cha biết con mình sắp nhận lỗi. Thôi nào, văn hoá của con người không cốt ở cái tóc mà nó thuộc về một phạm trù quan hệ rộng lớn, được xây dựng trên lòng vị tha và lòng thương yêu giữa con người với con người. Thực tế, em cũng đã thành đạt rồi đó.

Nhanh dạ một tiếng ngọt ngào như một lời xin lỗi, mà mấy mươi năm nay nó những tưởng không còn cơ hội để hối lỗi với thầy...

Bên ngoài, chiếc lá bàng rơi xuống nền đường xào xạc. Gió mơn man đưa xa. Thầy và trò nhìn nhau. Cả hai mỉm cười bốn cánh tay run run những đôi vai rưng rưng. Nhanh lại cảm thấy một lần nữa thầy đã dìu Nhanh bước qua ngưỡng cửa mới của cuộc đời. Nó thấy như bây giờ mới thật sự trưởng thành. Nó mừng cho đời con nó được thầy dạy dỗ và không giẫm lên vết xe đổ của ba.

VẠNG BIỂN

➡ TRẦN MẠNH HÙNG

T

ừ trên đê nhìn ra phía xa, mảng mây khổng lồ đen ngòm đang đùn lên rất nhanh, chẳng mấy chốc đã che kín vầng mặt trời đang nhô cao. Tôi thấy mẹ khom lưng kê chiếc nạo vạng trên vai đi giặt lùi. Thỉnh thoảng mẹ dừng lại khua tay xuống mò mẫm. Thấy tôi, mẹ vẫy gọi tôi lại. Khi tôi đã đứng bên mẹ, mẹ cho tôi xem một con vạng có màu xanh. Tôi bảo giống hình trái tim. Mẹ ấn đầu ngón tay trở nơi trán tôi và bảo: "Cha bố mày! Có mà hình viên ngọc". Rồi mẹ cười, cứ thế, tôi bước cạnh mẹ. Mỗi lần tìm được một con, tôi bảo trái tim, mẹ bảo hạt ngọc rồi cả hai phá lên cười.

Trời bỗng nổi gió, những cơn gió mới đầu còn mơn man, sau rồi như điên cuồng quất từ xa lại như muốn hất tung hai mẹ con. Biển bắt đầu nổi sóng to. Từng con, từng con chồm lên như muốn nuốt lấy chúng tôi. Mẹ tôi hét: "Con vào bờ đi!". Tôi cầm đầu chạy.

Đến bờ ngoảnh lại, tôi vẫn thấy mẹ đang chống chiếc nạo vạng, cúi rạp người sát mặt nước. Nước biển lúc ấy chuyển màu đen sẫm, nó không còn mang màu phù sa của con sông đổ ra nữa. Hốt hoảng trước cơn thịnh nộ của biển, tôi gọi mẹ. Một con sóng ập đến, tôi không còn thấy mẹ đâu nữa. Càng gào thét gọi mẹ, tôi càng thấy vô vọng, bởi tiếng tôi lọt thỏm trong tiếng gầm của biển. Từ trên thình không xen giữa những tiếng gầm gào ấy, tôi nghe thấy tiếng mẹ nhẹ như ru:

Về đi con bé bỏng

Những viên ngọc cuối cùng cho con

Biển kia cướp đi rồi

Về đi con!

Những con vạng hình trái tim?

Không phải đâu!

Trái tim có kẻ lừa dối

Dối người

Dối đời

Có dối được mình?

Về đi con!

Những viên ngọc mất rồi.

Choàng tỉnh, tôi thấy cổ mình nghẹn tắc. Sờ tay xuống gối, tôi thấy ướt đầm. Hình bóng người mẹ của tôi sát mặt xuống biển mỗi ngày đã hằn sâu trong tâm trí tôi. Giấc mơ về mẹ như cuốn băng ghi hình cứ tua đi, tua lại làm tôi đau đớn. Bất giác tôi lầm bầm: "Con hiểu rồi. Đây không phải hình trái tim". Bật điện lên, tôi thấy đồng hồ chỉ ba giờ sáng. Từ lúc ấy tôi không sao chợp mắt được. Mỗi khi nhắm mắt, những con vạng nhỏ nhoi như chiếc cúc áo màu xanh, màu tím lại nhảy nhót.

Năm 1969, bố mẹ tôi lấy nhau. Đám cưới hôm trước, hôm sau bố lên đường đi B. Mẹ bảo, đã chờ bố mỏi mắt. Giải phóng miền Nam được ít ngày, bố trở về. Năm 1976 tôi ra đời. Khi tôi đã biết, bố thường đi biển đánh cá với người làng có khi hằng tuần mới về. Mẹ ở nhà đi đào con móng tay, cào don, cào vọp. Chiều đến, mẹ đem những thứ kiếm được ra chợ bán. Tôi là gái, nhưng chẳng hiểu sao bố mẹ không sinh thêm nữa. Có một mình nên tôi được cưng chiều. Lũ bạn cùng tuổi thường phải theo bố mẹ ra biển, không được học hành gì. Cùng là dân biển nhưng tôi được ăn học như con cán bộ thời đó. Năm tôi mười tuổi, ngày đó quê hương tôi có phong trào đàn ông đi làm ăn ở xa. Một lần, tôi thấy bố mẹ bàn nhau. Bố bảo:

– Có lẽ tôi vào miền Nam một chuyến xem sao.

Mẹ tôi bảo:

– Mình đi xa vậy, hai mẹ con vò võ buồn lắm.

– Tôi đi kiếm ít tiền về chung với thằng Sơn đóng lấy con thuyền, chứ làm thế cực lắm.

Mẹ không nói gì, chỉ ôm chặt tôi vào lòng. Một ngày sau, bố ra đi. Hai mẹ con tiễn bố, nước mắt sụt sùi.

Một năm bố về một lần, thường vào dịp tết. Hai năm sau đó bố không về nữa mà thay vào những bức thư bố viết ngắn gọn. Những lá thư cũng thưa dần rồi mất hẳn. Tôi nghe hàng xóm nói bố đã bỏ mẹ con tôi lấy cô bán hàng vải ở chợ Sài Gòn.

Tin ấy đến, mẹ khóc ròng mấy đêm. Năm tôi mười lăm tuổi, bố đột ngột trở về bảo dẫn tôi vào miền Nam.

Đêm ấy, bố mẹ thức trắng. Sáng ra, nhìn mẹ mặt mày phờ phạc, chẳng nói chẳng rằng vác đồ ra biển. Ngày ấy tôi đại lăm. Nghe bọn bạn được vào trong đó ra kể lại, tôi thích lắm. Theo bố lên ô tô, xe chuyển bánh, mẹ tôi còn chạy gọi với theo: "Chơi ít ngày rồi về với mẹ, Hiền nhá!". Qua lớp kính mờ bụi, tôi thấy mẹ ngồi gục xuống vệ đường. Sau chuyến đi miền Nam về, tôi học sút hẳn. Một đêm, mẹ ghì chặt tôi bảo:

– Cố mà học Hiền nhá. Mẹ chỉ có mình con.

Tôi úp mặt vào ngực mẹ thút thít.

– Con không đi học nữa.

– Cái con này! Không học thì làm gì?

– Con ở nhà đi biển với mẹ như cái Thê.

– Đào ơi! – Mẹ vỗ vào lưng tôi – Cô bốn tôi chắc?

Hằng ngày cứ sáng ra, mẹ thường dậy sớm hơn. Có hôm, tính ngày nước cạn, mẹ ra biển từ bốn giờ sáng. Khi tôi sắp thi đại học, buổi tối, hai mẹ con bàn tính mãi xem tôi thi trường nào. Tôi bảo, thi đại học sư phạm. Mẹ bảo, thi cao đẳng sư phạm của tỉnh. Học gần nhà, đỡ tốn kém. Học ở Hà Nội mẹ không lo được.

Thi tốt nghiệp phổ thông hôm trước, hôm sau mẹ con tôi chuẩn bị để mẹ đưa tôi lên tỉnh luyện thi. Học ở tỉnh, vì quá xa nhà, nên hằng tuần tôi mới về thăm mẹ được và mang đi những thứ mẹ chuẩn bị cho tôi. Hôm ấy, về đến ngõ, tôi thấy mẹ tất tưởi đi ra. Thấy tôi, mẹ bảo:

– Hiền về đấy con? Nhà mình hôm nay có khách.

– Ai đấy ạ?

– Có bác công tác ở tỉnh, quen mẹ trước đây. Con cứ về, mẹ đảo ra chợ.

Người đàn ông có khuôn mặt tròn, nước da trắng. Thấy tôi từ xa đã nói cười hỉ hả:

– Đây rồi, cháu tôi về đây rồi. – Nói đoạn, chờ cho tôi dựa cái xe đạp vào hiên, ông nhồm dậy khỏi ghế nắm tay tôi lắc mạnh:

– Chắc học hành vất vả lắm? Tình cờ gặp mẹ ở đường, nghe nói cháu sắp thi vào cao đẳng sư phạm tỉnh nhà. Là chỗ thân quen trước đây với mẹ mày, bác xem mẹ con có cần bác giúp không?

– Bác công tác ở đâu ạ? – Tôi hỏi trước khi rót nước mời người đàn ông.

– Ngày trước bác làm ở Huyện đoàn, hay về xã mình. Còn trẻ, mẹ mày là cán bộ Xã đoàn đấy.

– Thế ạ? Vậy mà cháu chẳng biết.

– Giờ bác công tác ở tỉnh, nên quen nhiều thầy cô ở cao đẳng sư phạm. Cái gì chứ việc giúp cháu vào trường, bác làm được.

– Cháu thấy thi vào cao đẳng còn khó hơn thi vào đại học.

Nhấp ngụm nước, người đàn ông nheo mắt nhìn tôi nói:

– Đúng đấy cháu ạ. Nãy bác đã bàn với mẹ mày để bác lo cho.

– Bác xin được ạ? Thế thì còn gì bằng. Cả đời cháu chỉ ước có thế. Đây cũng là mong ước của mẹ cháu.

Cơm nước xong, trước khi người khách ra về, mẹ vào buồng lấy ra một chiếc túi rút. Mẹ soạn ra, hết thảy được một triệu năm trăm mười lăm ngàn, số tiền cả đời mẹ tích góp. Thấy lạ, tôi hỏi:

– Mẹ định mua gì ạ?

– Con ranh này! – Vẫn cử chỉ quen thuộc, mẹ ấn đầu ngón tay trở vào trán tôi. – Cô cứ lo học đi. Đây không phải việc của cô. – Đoạn, mẹ gói một triệu năm trăm ngàn đồng vào một tờ giấy đưa cho người đàn ông. Còn mười lăm ngàn, mẹ đưa cho tôi bảo mai tôi cầm đi. Quay sang người đàn ông, mẹ nói:

– Bác ghi cho em tờ biên nhận.

Người đàn ông cười thề thệch, rút trong chiếc cặp ra tờ giấy, giương mực kính lên viết: *"Hôm nay ngày... tháng... năm... Tôi nhận của chị Lượm một triệu năm trăm ngàn đồng. Khi xong việc, tôi sẽ lấy nốt năm trăm ngàn đồng. Nếu không lo được việc, tôi sẽ hoàn lại (số tiền còn nợ có thể lấy dần nhiều đợt). Ký tên"*.

Viết xong tờ biên nhận đưa cho mẹ, người đàn ông xởi lởi:

– Thế là ưu tiên cho hoàn cảnh của cô lắm rồi. Cô kỹ tính thật. Cẩn thận thế là tốt. – Nói đoạn, ông nhét tiền vào cặp rồi chào mẹ con tôi.

Tôi không hiểu chuyện gì, chỉ thấy mẹ ngồi thẩn ra, nét mặt vô cùng căng thẳng.

Kỳ thi vào cao đẳng năm ấy tôi làm bài khá tốt. Nhận được phiếu báo điểm, hai mẹ con mừng quýnh. Điểm thi của tôi rất cao. Từ hôm đó, thỉnh thoảng tôi thấy mẹ hay thở dài. Tôi hỏi có chuyện gì, mẹ chỉ cười. Thấy mẹ làm việc luôn chân luôn tay, thương mẹ, sáng nào tôi cũng dậy sớm cùng mẹ ra biển. Thời gian thật hào phóng vẽ tôi thành một thiếu nữ khá xinh đẹp, cho tôi thân hình nở nang, nước da trắng và mớ tóc dài. Song nó cũng thật tàn nhẫn để lại trên gương mặt mẹ hai hố mắt quầng thâm, đôi gò má nhô cao, còn không quên kẻ thêm những sợi tóc bạc trên tóc mẹ.

Cuối cùng tôi cũng có giấy báo nhập học. Vào học được hai tháng, một hôm tôi nhận được tin mẹ phải cấp cứu ở bệnh viện tỉnh. Tôi lên xe và đạp thục mạng. Thấy tôi đến, ông Đính hàng xóm chạy ra hốt hải:

– Mẹ mày bị cảm nặng lắm! Hôm qua còn sang bác xin dầu gió, vậy mà trời vẫn còn tối, mẹ mày đã đội mưa ra biển rồi. Tao chẳng thấy ai tham lam như mẹ mày. Rõ khổ!

Tôi giật cửa phòng cấp cứu nhưng người ta ngăn lại. Dì tôi từ trong bước ra. Nhìn nét mặt dì, tôi biết có sự chẳng lành. Dì ôm tôi tức tưởi:

– Mẹ mày nguy rồi con ơi! – Dì oà khóc, tôi cũng khóc theo. Lát sau bác sỹ cho gọi tôi vào. Tôi thấy hai mắt mẹ mở căng ra không chớp, đôi tròng đen đưa đi, đưa lại chậm chậm. Tôi quỳ xuống bên giường nắm lấy bàn tay mẹ lúc ấy đã ngả vàng. Các ngón tay mẹ động đậy như cố gắng nắm tay tôi. Tôi áp bàn tay gầy khô của mẹ lên má mình. Nỗi đau khổ cùng cực khiến tôi như vô cảm. Tôi xoè lòng bàn tay mẹ ra ngắm vuốt từng ngón. Đây là ngón mẹ thường ấn vào trán tôi mỗi khi trách yêu tôi điều gì. Đây là ngón mà hằng ngày mẹ lần đãi trong lòng bàn tay để tìm những con vụn lẫn trong bùn cát. Đời mẹ sao khổ thế? Mãi sau mẹ ú ớ nói gì, tôi nghe không rõ. Bác sỹ bảo, mẹ đã hôn mê rồi, rằng họ đã làm hết cách. Tự nhiên tôi thấy tay mẹ động mạnh, như mẹ cố gượng nói với tôi điều gì mà không được. Tôi áp má mình vào má mẹ, từ hai khoé mắt, nước mắt mẹ trào ra. Bỗng dưng mẹ nói yếu ớt, tôi nghe câu được câu không:

– Hiền ơi!... Con ơn người ta... Mẹ còn nợ người ta hai mươi ngàn...

Sau đó, cặp lông mày mẹ rướn lên, tay mẹ thông xuống. Họ kéo tôi ra. Tôi không biết gì nữa.

*

* *

Sau tang mẹ, tôi về sống với dì. Biết hoàn cảnh của tôi, nhà trường đã tạo mọi điều kiện cho tôi học tập bằng các khoản trợ cấp. Sang năm học thứ hai, một buổi sáng thầy Hiệu trưởng gọi tôi lên phòng khách. Ở đấy thầy đang tiếp hai người. Một người mặc quân phục cảnh sát, một người mặc thường phục. Người mặc thường phục có khuôn mặt chữ điền, bộ râu quai nón được cạo nhẵn để lại mảng xanh xanh trên nước da ngăm đen. Hai người khách nhìn tôi dò xét. Thầy Hiệu trưởng tóc đã bạc trắng, gương mặt thầy phúc hậu. Rót nước mời tôi, đoạn thầy quay sang hai vị khách nói:

– Đây là em Hiền mà tôi đã nói chuyện với mấy anh. Em là Lớp trưởng lớp Văn hai, là học sinh tiên tiến xuất sắc dẫn đầu cả ba học kỳ qua.

– Thế này cháu ạ – Người mặc thường phục nói giọng ồm ồm – Vừa rồi các chú bắt được một đối tượng chuyên đi lừa đảo. Chúng đến gia đình nào có con thi vào cao đẳng sư phạm để thực hiện hành vi phạm pháp. Dựa vào sự nhẹ dạ cả tin của các bậc phụ huynh, chúng nói rằng, sẽ "chạy" cho con em họ vào học. Chúng nhận tiền của các bậc phụ huynh sau đó đợi kết quả thi của các em.

Vị khách vừa nói vừa như trao đổi với thầy Hiệu trưởng:

– Thế rồi em nào trúng tuyển chúng sẽ đòi phụ huynh thanh toán nốt. Em nào không trúng tuyển chúng sẽ trả lại, đương nhiên số tiền trả lại sẽ không

đủ. Lý do chúng nói phải chi các khoản thuốc nước chỗ nọ, chỗ kia – Dừng một lát, cả hai đều chăm chú nhìn tôi rồi người có giọng ồm ồm nói tiếp – Khi lấy lời khai, kẻ lừa đảo đã khai lấy của gia đình cháu một triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng.

– Thật à chú? Cháu không biết việc này – Tôi sửng sốt. Người tôi như có trăm ngàn mũi kim châm. Thấy vẻ lúng túng lo sợ của tôi, thầy Hiệu trưởng đỡ lời:

– Không sao em ạ! Sau khi bắt đối tượng, Thanh tra Sở Giáo dục – Đào tạo và bên công an vào trường làm sáng tỏ. Em làm bài thi vào trường rất tốt.

Đợi tôi bình tĩnh trở lại, vị mặc quân phục cảnh sát nói với tôi:

– Hôm nay các chú đến trao lại cho cháu số tiền mà họ đã lừa mẹ cháu.

Cầm những đồng tiền mà nước mắt tôi ứa ra. Một triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng, số tiền cả đời mẹ vất vả. Mắt tôi tối sầm. Tôi như nghe thấy vắng vắng tiếng mẹ thì thào: "... Mẹ còn nợ người ta hai mươi ngàn...". Mẹ ơi! Chỉ vì còn nợ người ta hai mươi ngàn mà trong lúc còn ốm, mẹ phải ra biển giữa đêm mưa. Lúc ấy tôi muốn gọi mẹ thật to hay kêu lên tiếng gì đó. Không nén được nỗi uất hận, tôi không nghĩ rằng, trước mặt mình có thầy Hiệu trưởng và công an, tôi hét lên: "Trời ơi!", người tôi muốn vỡ tung. Tôi như một kẻ điên.

*

* *

Tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, ra công tác được ba năm, tôi lấy chồng, một kỹ sư xây dựng. Tôi đã học tiếp lên đại học rồi bảo vệ xong thạc sỹ. Tôi về trường cao

đang nơi tôi học trước đây công tác, mảnh đất nơi tôi sinh ra và lớn lên, nơi đã giúp tôi bước những bước đi đầu tiên với bao tình thương yêu đùm bọc. Ở gần quê, tôi có điều kiện hương khói cho mẹ. Đó là tâm niệm của tôi những lúc học hành xa quê.

Kỳ thi mãn khoá cho sinh viên đã tới. Trước mặt tôi là tập khoá luận của các em gửi đọc. Đây là bài của cái Thảo. Con bé đến là buồn cười. Mang bài đến nhờ cô đọc, nó biếu cô mấy cân gạo nếp mua ở cửa hàng còn nguyên nhãn mác trên bao bì đóng gói vậy mà cứ xoén xoét là "cây nhà lá vườn". Còn đây là của cậu Lẽ. Đúng là người làm sao của làm vậy. Cậu ta như con gái, cái bìa tập khoá luận thì xanh xanh, đỏ đỏ. Được cái cậu sống giản dị và thẳng thắn. Hôm đến, cậu ta bẽn lẽn: "Cô đọc kỹ giúp em". Nói đoạn, cậu chào tôi về luôn không để tôi kịp mời hớp nước.

Tôi lần mở từng trang bài viết của cái Hoa, con bé làm tôi mất ngủ mấy đêm. Cách đây ít bữa, một buổi chiều từ trường về, tôi thấy mẹ con Hoa đứng đợi ở cổng. Mẹ Hoa người nhỏ bé, nhanh nhẹn. Vừa thấy tôi đã nói cười đon đả:

– Cháu học cô ba năm, nay mới có dịp lên thăm cô được. – Vừa bước vào nhà, mẹ Hoa nói:

– Nghe đâu cô cũng là người vùng biển quê tôi. Kỳ thi tốt nghiệp này cháu bảo quan trọng lắm. – Xoay xoay cốc nước trong lòng bàn tay, mẹ Hoa nhìn tôi:

– Cháu nó nói cô là Trưởng khoa. Thôi thì quyền quyết định ở cô, mong cô giúp đỡ.

Nghe mẹ nói thế, Hoa đỡ lời:

– Thưa cô, về huyện mình, nếu chỉ tốt nghiệp loại trung bình thì không thể xin được việc. Khoá các anh,

các chị năm ngoái, họ chỉ tuyển vào biên chế những ai có bằng tốt nghiệp loại khá trở lên.

Tôi đã nghe nói nhiều chuyện đó. Có lẽ, đây là sự bức xúc của toàn xã hội, là nỗi băn khoăn của những người làm thầy làm cô như tôi. Học trò khá giỏi, lấy đâu ra nhiều thế?

Tiến mẹ con Hoa về, tôi vào cất túi trái cây họ mang đến. Tôi ngỡ ngàng khi thấy dưới những chùm nho là một chiếc phong bì. Mở ra, trong đó có một triệu đồng và một bức thư rất ngắn. Trong thư viết: "... Cô Hiền thân mến! Nhẽ ra tôi phải đến tận nhà để tạ lỗi với cô về việc, tôi đã gây ra cho gia đình cô. Sau khi làm cái việc bắt lương, bắt nghĩa ấy, tôi đã phải đi cải tạo. Trong những ngày ở trại giam, tôi vô cùng ân hận về những việc mình đã làm. Tội của tôi không thể tha thứ phải không cô? Đến đây cô có thể biết tôi là ai rồi! Tôi xấu hổ vô cùng và mong cô hãy tha thứ cho tôi. Được như vậy thì những ngày còn lại nằm trên giường bệnh tôi mang ơn cô. Tôi mong cô hãy chiếu cố tới em Hoa, em chính là con gái tôi. Không nói ra được điều này chắc tôi không nhắm mắt được. Một lần nữa mong cô rộng lòng tha thứ."

Lá thư ngắn ngủi song phải cố gắng lắm tôi mới đọc hết được. Như có một luồng điện chạy dọc sống lưng, người tôi lạnh toát, mồ hôi vã ra. Tôi không ngờ trong đời tôi lại có sự trở trêu đến thế. Nó như một sự xếp đặt định mệnh để hành hạ tôi.

Hôm sau, tôi tìm về nhà Hoa, thăm bố Hoa và cũng để gửi lại số tiền. Tôi men theo triền đê biển ngoằn ngoèo. Ngoài bãi biển, nơi mẹ tôi cào don, nạo vạng năm nào đã thành rừng vẹt chấn sóng xanh rì. Tiếng

biển ì ầm. Đàn hải âu chao lượn. Ký ức tuổi thơ bỗng ùa về trong tôi. Tới một chỗ bãi trống có lối đi ra mép nước, tôi dựng xe ào xuống. Tôi cứ để nguyên quần áo mà lội. Vực một vốc nước vĩa lên mặt, nước ngấm qua tôi mặn chát. Lặng người trước mông mênh, bức thư của người đàn ông, gương mặt, cử chỉ giọng nói của vị khách năm nào, hình bóng mẹ trong ký ức dội về từng đợt như sóng biển.

Có nỗi đau nào hơn thế mẹ ơi!

Tuổi thơ con lặng trong màu vạng biển

Những viên ngọc cho con, mẹ có biết

Viên ngọc nào không mang vết đòn đau?

Hoa ơi, mẹ em cũng như mẹ tôi, cũng ngày ngày còng lưng ngoài biển chắt bóp từng đồng nuôi con ăn học. Có người nói, từng giọt mồ hôi của người dân vùng biển đổ xuống đã làm cho nước biển mặn hơn. Tôi bước đi như người mộng du. Có vật gì dưới lòng bàn chân, tôi cúi xuống lần sò trong cát, một con vạng màu xanh bé xíu. Dưới ánh mặt trời tôi thấy nó thật đẹp. Đẹp hơn cả ngọc.

MIỀN RỪNG THUỞ ẤY

➡ NGUYỄN HIỀN LƯƠNG

M

ăm 1981, tốt nghiệp đại học sư phạm, tôi được phân công về dạy tại Trường Trung học phổ thông Lục Yên. Lục Yên là một huyện miền núi của tỉnh Yên Bái, mọi người vẫn quen gọi bằng cái tên có từ xa xưa là *Lục Yên châu*. Những vật dụng, đồ đạc tôi mang đi đến nhiệm sở, ngoài sách vở, quần áo còn có một cái bơm xe đạp. Cái bơm xe là một vật dụng thân thiết với những người đi xe đạp thuở ấy. Nhưng với tôi nó còn rất quý giá vì đó là tặng vật của Tuyết – một người bạn cùng lớp đã tặng khi tôi lên Yên Bái dạy học. Thú thật nếu không phải là học cùng một lớp thì tôi không bao giờ quen được Tuyết – một cô gái Hà Nội chính gốc, xinh đẹp và đầy vẻ kiêu sa. Những ngày cùng học, Tuyết đã bổ sung rất nhiều cho cái vốn hiểu biết ít ỏi của tôi về Hà Nội. Hôm tôi đến chào Tuyết ở khu tập thể Nam Đồng, lúc ra về, Tuyết tiễn tôi đến giữa sân nhà tập thể thì

bảo tôi dừng lại đợi một lát. Tuyết trở lại nhà và mang ra một chiếc bơm xe đạp, đó là chiếc bơm xe Mipha của Tuyết. Tuyết nói với tôi:

– Anh lên trên đó, em chẳng có gì làm kỷ niệm. Em tặng anh cái bơm xe đạp của em. Ở trên đó, đường rừng núi chắc là cần dùng đến nó nhiều.

Bây giờ nghe nói tặng nhau cái bơm xe đúng là chuyện nực cười. Nhưng lúc đó cái bơm xe, nhất lại là bơm xe Mipha là có giá và khó mua được lắm. Tôi ngần ngại quá trước món quà ấy. Thấy tôi do dự, Tuyết đặt cái bơm vào tay tôi và nói thật rành rọt giống như một lời dặn dò với người thân đi xa:

– Anh cứ cầm lấy đi, đừng ngại. Anh hãy coi đó là món quà nhỏ của cô em gái Hà Nội. Anh cầm cho em vui, kéo em khóc mất bây giờ.

Tôi bối rối quá nhưng chẳng lẽ lại cứ dùng dằng mãi giữa sân nhà tập thể vì một cái bơm xe, nên chỉ biết nói lời cảm ơn Tuyết và ra đi.

*

* *

Đến trường Trung học phổ thông Lục Yên, tôi ở ngay khu tập thể. Gọi là khu tập thể cho oai chứ thực ra nó chỉ là cái nhà lá dài, được chia làm nhiều ô. Mỗi thầy, cô được phân một ô đủ kê một cái giường cá nhân, một cái bàn viết kèm bàn ăn, một giá sách nhỏ và một cái xe đạp. Nghĩa là mọi thứ trong đó chỉ được phép có một. Là giáo viên mới nhưng tôi nhanh chóng được mọi người quý mến và nể trọng. Tất cả là nhờ vào cái bơm xe của Tuyết. Hồi đó giáo viên có được cái xe đạp là sang lắm,

mà cũng toàn xe tàng tàng cả thôi, nhất là khoản sấm lớp. Sấm vá đến mười miếng vẫn được coi là sấm còn "ngon", bao giờ phải vá đắp, vá đụp lên nhau mà vẫn không lưu giữ được hơi nữa mới chịu chuyển sang làm dây chằng. Lớp thì khâu tanh đến mấy lần, rồi độn thêm bằng cả một cái lớp khác đã cắt tanh, thậm chí phải dùng đến cả dây cao su để băng bó. Vì thế hồi đó mới có câu ca: "Đi xe *cố vấn*, mặc áo *chuyên da*, ăn uống qua loa, là nghề Giáo dục".

Xe đạp nào mỗi lần xuất hành, dù xa hay gần cũng đều phải tăng thêm hơi, mà cả khu tập thể chỉ mỗi mình tôi là có bơm xe. Nên tôi luôn được mọi người vui vẻ và hào phóng từ bát canh, thìa súp đến tý xà phòng,... cốt để đỡ ngại mỗi lần đến mượn bơm. Bơm tại chỗ đã đành, đi đâu xa lại còn mượn mang theo cho chắc ăn. Rồi không chỉ các thầy cô giáo, các em học sinh buổi trưa tan lớp, xe hết hơi cũng đến nhờ thầy. Cái bơm có thể nói là hoạt động suốt ngày. Buổi sáng, tôi còn đang đánh răng, buổi trưa còn đang ngủ, buổi tối đang soạn bài cũng có người đến hỏi. Thậm chí cả khi đang lên lớp cũng có người đứng ngoài vẩy vẩy tay làm ám hiệu gọi ra, rồi cười thân thiện và khấn khoản: "Phiên ông một tý... thông cảm nhé, vội đi gấp, cảm ơn nhiều!".

Sau đó tôi nghĩ ra một cách là treo cái bơm ở cánh cửa phòng mình và tuyên bố: "Từ nay ai cần bơm cứ việc tự nhiên, không cần phải hỏi, miễn là dùng xong lại để vào chỗ cũ.". Sáng kiến ấy được mọi người hoan nghênh nhiệt liệt, tôi cũng đỡ mất thời gian hơn. Hằng ngày chỉ còn phải: sáng mang bơm ra, tối cất vào; hằng tuần: bảo dưỡng bơm bằng việc tra mỡ, bôi lυν; hằng

tháng: thay lá gió; hằng quý: thay vôi bơm một lần. Chỉ có thể mà cuối năm học nào trong đánh giá thành tích tôi cũng được khen là đã nêu cao tinh thần tập thể, giúp đỡ đồng nghiệp, thương yêu học sinh. Đại hội Công đoàn nhà trường, tôi trúng cử với một trăm phần trăm phiếu bầu.

*

*

*

Nhưng cái bơm không chỉ đem lại cho tôi thành tích như trên mà nó còn can dự đến cả hạnh phúc riêng tư của tôi. Một lần tôi đạp xe sang bên Vĩnh Tuy, tỉnh Hà Giang chơi, lúc quay về thấy một cô gái đang dắt xe đạp, xe lại chở một túi đồ nặng. Tôi mau mắn dừng lại hỏi xe làm sao, nhưng chỉ liếc qua cũng đủ biết là nó bị "bệnh" gì rồi, liền lấy ngay cái bơm của mình ra tỏ vẻ anh hào. lát sau bánh xe đã căng đầy hơi, gõ thấy tung tung, chắc là săm chỉ bị châm kim thôi. Tôi hỏi cô gái về đâu thì được biết đó là cô giáo của Trường Trung học cơ sở Lâm Thượng, cô ra ngoài thị trấn lấy sách giáo khoa cho học sinh. Tôi biết từ đây về tới Lâm Thượng còn gần hai chục cây số, dọc đường chẳng có chỗ nào sửa chữa xe, trời lại sắp tối. Cái săm bị châm kim này có bơm căng cũng chỉ đi được bốn, năm cây số là cùng. Tôi ái ngại cho cô quá nên bảo cô:

– Bơm thế này cũng chưa đi về được tận nhà đâu, cứ để hết hơi mà dắt thì còn tan cả săm lẫn lốp. Thôi, tôi cho cô mượn cái bơm mang theo, khi nào non hơi lại bơm tiếp mà đi, lúc nào ra trả cho tôi cũng được.

Cô gái có vẻ ngần ngại. Có lẽ cô ngại vì chưa biết tôi là người thế nào, lại mới gặp lần đầu nên tôi đã tự giới



thiệu về mình và nói cho cô hiểu việc mượn bơm là vô tư thôi để cô an tâm. Thú thực, lúc đó tôi cũng chưa dám nhìn thật kỹ mặt cô gái và cũng không buông một lời tán tỉnh hoa lá nào. Còn cô gái thì xúc động cảm ơn và hứa sẽ mang bơm ra trả ngay.

Về đến trường, tôi giữ kín chuyện đó nhưng đến khi mọi người hỏi mượn bơm thì đành phải nói thật. Ai biết chuyện cũng trách tôi là sao cả tin thế. Hỏi tôi có biết tên cô gái không, tôi lắc đầu thì họ bảo tôi là đại gái. Ngày hôm sau, hôm sau nữa không thấy cô gái ra trả bơm, mọi người lại bảo: "Thấy chưa!". Mới không có cái bơm vài ngày mà cả khu tập thể đã nháo nhác lên về việc bơm xe. Chuyện tôi cho mượn cái bơm đã trở thành một đề tài đàm tiếu sôi nổi cho cả trường. Mãi tận chủ nhật cô gái mới mang bơm ra trả. Sở dĩ cô không ra ngay được vì phải dạy thay giờ cả sáng lẫn chiều cho một đồng nghiệp bị ốm. Cô xin lỗi vì sợ thất hứa và cảm ơn tôi bằng một giỏ trứng vịt Lâm Thượng, loại vịt ngon nhất Lục Yên châu. Người ta bảo vì nước Lâm Thượng ngon nên vịt Lâm Thượng cũng ngon lắm. Tôi chối không được, đành phải nhận và luộc trứng khao cả khu tập thể. Những người trước đây nói là tôi đại gái, bây giờ lại bảo là tôi khôn, là "Thả con săn sắt bắt con cá rô". Chẳng biết là khôn hay đại, nhưng từ đó chúng tôi quen nhau và cô gái ấy chính là bà xã yêu quý của tôi bây giờ.

*

* *

Những ngày sau đó, tôi lại được tiếp tục: sáng mang bơm ra, tối cất vào, đều đặn như hằng ngày lên lớp vậy.

Công việc cứ lặp đi lặp lại mà không nhàm chán vì mỗi ngày đều có một niềm vui nho nhỏ, khoả lấp bớt đi những nỗi buồn, nỗi nhớ nhà. Cho đến một buổi tối, trước khi đi ngủ, tôi ra cất bơm thì chẳng thấy nó đâu. Hỏi khắp cả khu tập thể cũng chẳng có ai mượn. Thầy Chính thấy thế bảo tôi: "Hay là ông Kha về nhà, ông ấy mượn bơm đem theo". Hôm sau thầy Kha lên tôi hỏi ngay. Thầy nói là không mượn vì mới thay sơm, giữ hơi còn tốt lắm. Hôm sau, hôm sau nữa cũng chẳng thấy ai mang trả bơm. Dích thị là mất rồi. Mọi người quay ra đoán tìm thủ phạm. Giáo viên thì không rồi, người ngoài cũng chẳng có ai vào, mọi sự nghi ngờ lúc này hướng về phía học sinh. Ông Hiệu trưởng dành đến mười phút trong giờ chào cờ đầu tuần để nói về việc cái bơm bị mất. Ông bảo em nào trót lấy thì bí mật mang trả cũng được, em nào phát hiện ra kẻ lấy bơm, dưng cảm tố giác, ông sẽ trọng thưởng. Nhưng mọi sự thuyết phục của ông đều không có hiệu quả. Ông liền lệnh cho các giáo viên chủ nhiệm phải tiến hành kiểm điểm, truy tìm ở từng lớp nhưng cũng chẳng có chuyển biến gì. Bực quá, ông tuyên bố, tìm được học sinh nào lấy bơm, ông đuổi học liền.

Cũng năm học ấy, tôi được phân công chủ nhiệm lớp mười hai, trong lớp có em Mã Giang Quân nhà ở tận Muồng Lay, bố mới bị ốm liệt giường, các em thì còn nhỏ, chỉ có mẹ Quân là lao động chính. Em Mai – Lớp trưởng thông báo cho tôi biết Quân có ý định bỏ học. Ngày chủ nhật tôi đạp xe vào thăm nhà Quân. Đi gần đến dốc Cây Lọng, xe tự nhiên xuống hơi. Thấy trên biển dốc có tấm biển gỗ đề chữ: "Vá sơm, bơm xe" treo trên cành lọng, tôi liền đạp dấn lên, định bụng đến đó

sẽ vá săm. Đến nơi, thấy có ba, bốn người khách đang đứng, ngồi lộn xộn đợi vá săm. Người thợ chữa xe thì ngồi quay mặt vào bên trong, đang hí hoáy, loay hoay móc một cái lốp căng tanh. Trông đáng quen quen, rồi nhìn sau lưng tôi cũng nhận ra đó chính là Quân. À! Thì ra cậu này cũng biết mở cái quán bơm vá để có thu nhập phụ giúp cho mẹ, có chí đấy chứ, rồi phải tìm cách giúp cậu ta thêm. Phải mở rộng cái quán này, tôi sẽ bỏ túc cho Quân một số kinh nghiệm chữa xe. Định gọi Quân, nhưng tôi chưa kịp lên tiếng thì bỗng nhận ra cái bơm đặt tại chỗ Quân ngồi chính là cái bơm xe Mipha của tôi. Có nhầm không? Tôi phải nhìn thật kỹ lại. Không! Không thể nhầm được, ngày nào mà tôi chẳng cầm đến nó nên nhầm thế nào được. Như vậy Quân chính là thủ phạm lấy cái bơm của tôi. Máu đã dồn lên mặt. Tôi nghiến răng. Thà rằng nó cứ hỏi xin, đừng này... làm mất công, mất sức của bao nhiêu người. Tôi lại còn mạnh miệng tuyên bố: "Học sinh lớp khác, chứ nhất định không phải lớp tôi. Lớp tôi, tôi biết chứ, vả lại tôi là chủ nhiệm, đời nào nó dám "chơi" cả thầy chủ nhiệm.". Bực quá, nhưng tôi cố kìm nén, không thể làm to chuyện tại đây, trước mặt những người khách chữa xe kia. Tôi chỉ định lên tiếng hỏi mượn bơm xem phản ứng của Quân thế nào. Vừa há miệng, chưa kịp cất lời, chợt nhìn thấy trên lưng tấm áo chàm của Quân có một miếng vá to bằng cả bàn tay, những đường chỉ khâu thưa thớt, vụn vẹo, dóm dó làm cho tôi đã kịp dừng lại. Tôi thấy người mình gai gai lên và không thể nào cất nổi lời được nữa. Tôi vội vàng lặng lẽ quay xe trở lại trường. May mà Quân đã không nhìn thấy tôi. Dọc đường về, tôi suy nghĩ nhiều lắm. Lặng im, tỏ vẻ không biết gì, cho qua mọi chuyện, cứ coi như là tôi đã cho

Quân cái bơm để cậu ta tiếp tục mở quán bơm vá. Tôi có thể làm được việc ấy, mặc dù cũng rất tiếc cái bơm kỷ niệm. Nhưng như thế mới giải quyết được cái phần lương tâm của mình, còn nhiệm vụ của một giáo viên chủ nhiệm tôi đã không hoàn thành. Tôi đã che giấu, đã dung túng, đã tiếp tay cho một hành vi xấu, hành vi ăn cắp, đã không giáo dục học sinh đến nơi đến chốn. Đành rằng cái bơm ấy là của tôi, tôi cho ai là quyền của tôi, mặc dù Quân lấy cái bơm không làm việc gì xấu, nhưng xưa nay đã có ai khen kẻ "Đói ăn vụng, túng làm liều" đâu. Rồi Quân sẽ ra sao khi qua được vụ này, em có dừng lại ở đây không hay lại tiếp tục "ngựa quen đường cũ". Nhưng tôi mà công khai mọi chuyện lúc này, dứt khoát Quân sẽ bị kỷ luật, kỷ luật nặng nữa là cái chắc. Ông Hiệu trưởng đã tuyên bố thế, không phải là đe dọa. Tôi biết tính ông, đã nói là làm. Quân sẽ không nhận được sự ủng hộ của ai, kể cả bạn bè. Tôi có cố đứng ra xin thì cũng chỉ hạ tới mức cảnh cáo toàn trường, khai trừ khỏi Đoàn. Như thế thì Quân cũng không được dự thi đại học năm ấy. Danh dự và tương lai của Quân rồi sẽ ra sao đây? Nhưng trên hết, tôi còn có một niềm tin ở Quân. Cứ nhìn cái dáng hí húi, cặm cụi lúc tháo chiếc lốp, cứ nhìn tấm áo vá với những đường khâu vụng về của Quân, cứ nhìn ánh mắt của cậu ấy là tôi lại có cơ để tin, hi vọng, để nhắc nhở mình rằng, cần phải giữ kín việc Quân lấy cắp chiếc bơm. Ngay cả ý định đến nhà trao đổi với bố mẹ Quân, ý định gặp riêng Quân để nhắc nhở cũng bị tôi tự dẹp bỏ. Vì làm như thế chỉ tăng thêm sự đau khổ cho bố mẹ em, họ đã khổ nhiều rồi và điều đó chắc chắn sẽ có ảnh hưởng rất xấu tới kỳ thi sắp tới của Quân. Trong tình thế này, tôi sẽ phải thực hiện chức trách giáo viên chủ nhiệm theo cách riêng của

mình. Có thể cái cố để tôi thực hiện cái riêng ấy chỉ là một cảm giác hay một sự linh cảm mà thôi. Tôi đã quyết định như thế.

Vài hôm sau, em Mai Lớp trưởng gặp riêng tôi ở trên lớp nói là đã phát hiện ra người lấy bơm và đề nghị với tôi cho họp lớp để kiểm điểm. Tôi vội bảo Mai xuống phòng mình và hỏi Mai đã nói chuyện ấy với ai chưa, ngoài Mai ra còn ai biết nữa không? Khi Mai nói không, tôi thở phào nhẹ nhõm. Tôi nói cho Mai hiểu mọi chuyện và dặn Mai phải giữ kín bí mật này, nhất là với thầy Hiệu trưởng. Hiểu ý tôi, cô trò nhỏ ngoan ngoãn vâng lời và trở thành đồng minh của tôi.

Từ đó, tôi và Mai luôn luôn để ý và nghe ngóng xem có động tĩnh gì không để còn can thiệp kịp thời. Để không còn ai nhắc đến chuyện cái bơm bị mất nữa, tôi về Yên Bái tìm mua bằng được một cái bơm mới. Lên trường tôi nói với mọi người là đã tìm thấy cái bơm Mipha. Nó bị rơi dưới gầm giường, mãi tới hôm quét gầm giường tôi mới phát hiện ra. Nhưng cô em gái tôi ở Yên Bái mới mua lại một chiếc xe Mipha không có bơm đi kèm, cô thích cái bơm của tôi quá, để cho nó đồng bộ mà, nên đã mua cái bơm này đổi cho tôi. Từ nay tôi lại có bơm để phục vụ mọi người.

Việc cái bơm bị mất tưởng đã khép lại như thế, song đến cuối năm học, tôi còn nhớ đó là ngày 25 tháng 6, sáng sớm, ngủ dậy vừa mở cửa, tôi thấy ngay cái bơm Mipha gài trên cánh cửa. May là chưa có ai nhìn thấy, tôi vội cất nó đi ngay. Chắc là đêm qua Quân đã đến đây trả lại cái bơm. Tôi mừng lắm. Tuy em chưa dám dũng cảm trực tiếp nhận lỗi nhưng thế này là cũng tốt rồi. Chắc là Quân đã phải day dứt, đã tự đấu tranh nhiều lắm và cuối cùng cái phần lương thiện

trong em đã chiến thắng. Tôi cũng không mong gì hơn thế nữa. Việc Quân đã trả lại cái bơm, tôi cũng nói để cho Mai biết.

Kỳ thi tuyển sinh năm ấy, lớp tôi chủ nhiệm có năm em thi đỗ vào đại học, trong đó có Quân đỗ vào Trường Đại học Công nghiệp Thái Nguyên, Mai đỗ vào Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, còn lại đỗ vào cao đẳng và trung cấp, chỉ có bốn em bị trượt. Với một trường miền núi, kết quả như thế là phấn khởi lắm rồi. Năm sau tôi cũng được chuyển vùng về dạy tại Trường Cao đẳng Sư phạm tỉnh. Tôi đã chia tay với Lục Yên châu trong sự thanh thản và thâm cảm ơn miền rừng ấy đã cho tôi một người vợ hiền và nhiều nỗi nhớ bạn bè với những học sinh quê núi của mình.

Từ đấy đến nay đã hơn hai mươi năm, bây giờ tôi cũng có xe máy để đi nên không phải dùng đến cái bơm tay nữa. Nhưng tôi vẫn giữ nó lại cẩn thận cùng với những tấm huy chương từ thời chiến tranh vì cái bơm ấy có quá nhiều kỷ niệm với đời tôi. Em Mai Lớp trưởng hồi ấy giờ cũng là đồng nghiệp của tôi ở trường sư phạm, thỉnh thoảng hai thầy trò lại cùng nhau ôn lại chuyện cũ. Qua Mai, tôi biết Quân ra trường đã vào Nam lập nghiệp, Quân đưa cả mấy đứa em vào đấy làm ăn nên cũng ít khi ra Bắc. Tôi mừng cho cậu ấy. Năm ngoài vào đúng ngày 20 tháng 11, khoảng gần trưa có một chiếc xe ô tô con sang trọng đỗ ngay trước cổng nhà tôi. Một đôi nam nữ đã trung tuổi, ăn mặc sang trọng, lịch sự, từ trên xe xuống đi thẳng vào nhà tôi. Tôi nhận ra ngay người đàn ông là Quân, tuy Quân to béo, bệ vệ lên nhiều. Nghe tôi gọi đúng tên, Quân xúc động lắm, vội giới thiệu người đi cùng là vợ mình, quê trong Sài Gòn.

Đây là lần đầu tiên Lan – vợ Quân ra Bắc thăm quê chồng. Mới về Lục Yên được ba ngày, hôm nay là ngày 20 tháng 11, Quân đưa vợ xuống Yên Bái thăm tôi. Qua trò chuyện, tôi biết Quân rất thành đạt, giờ đã là chủ một doanh nghiệp lớn ở Sài Gòn. Hai vợ chồng em biếu tôi một bộ com lê ngoại và biếu vợ tôi một sợi dây chuyền vàng. Tôi thấy món quà lớn quá nên rất ngán ngại. Vợ chồng Quân năn nỉ, khấn khoản mãi nên tôi đành nhận cho các em vui. Sau đó Quân mới ấp úng thưa về chuyện cái bom. Quân kể đã lấy trộm nó như thế nào, đến trả ra làm sao. Quân nhận lỗi và xin tôi tha thứ vừa chân thành, vừa sợ sệt như một cậu học trò ngày xưa. Tôi gạt đi và nói với Quân rằng, như thế là tôi vui, tôi yên tâm, tôi mãn nguyện lắm rồi. Nếu trước đây tôi còn có chút áy náy về nhiệm vụ của một thầy chủ nhiệm chưa làm được thật trọn vẹn thì nay không còn gì phải áy náy nữa. Em cũng không phải băn khoăn điều gì nữa. Thế này là kết thúc có hậu lắm rồi, như một truyện cổ tích vậy.

Câu chuyện giữa chúng tôi đang diễn ra vui vẻ thì Mai đến. Quân cũng nói với Mai về những điều như vừa nói với tôi. Mai ngồi im lặng hồi lâu rồi khẽ nói với Quân:

– Việc ấy thầy biết từ lâu rồi, từ lúc Quân chưa trả bom cho thầy kia.

Quân ngơ ngác không hiểu, rồi bắt Mai kể cho nghe mọi chuyện, tôi ngăn lại cũng không được nữa. Nghe Mai kể, tôi thấy mắt Quân cứ dần dần đỏ hoe rồi ngấn đầy nước. Quân cứ để mặc cho nước mắt chảy ướt đầm cả gò má đàn ông phong trần của mình. Bỗng nhiên Quân quỳ xuống trước mặt tôi, nói trong nước mắt:

– Thầy ơi! Đúng là việc này hôm nay em mới biết. Hồi đó em cũng rất lo sợ, hay tránh mặt thầy nhưng em không nghĩ là thầy đã biết em lấy cắp chiếc bơm. Thầy... thầy đã không chỉ tha thứ mà còn rộng lượng cho em một con đường sống, cho em cơ hội tiến thân để được như ngày hôm nay. Em xin ngàn lần đội ơn thầy. Thầy ơi! Xin thầy hãy nhận cho em một lạy này...

Lúc ấy mắt vợ Quân cũng đã đầy nước và như một phản xạ tự nhiên, cô gái Sài Gòn dài các, đầy vẻ quý phái, còn xa lạ với tôi cũng vội quỳ sụp xuống cùng chồng lạy tôi. Sự việc diễn ra bất ngờ quá, nhanh quá nên tôi không kịp ngăn cái lạy của vợ chồng Quân lại được. Tôi, vợ tôi và cả Mai nữa chỉ biết cúi xuống nâng vợ chồng Quân đứng dậy. Mắt tôi, mắt vợ tôi và cả Mai nữa cũng ngấn đầy nước, người tôi run lên, chưa bao giờ tôi có cảm giác như vậy. Tôi không thể nói thêm điều gì, nói điều gì lúc đó tôi cũng thấy nó sáo rỗng cả.

Rồi chiều hôm ấy tại nhà tôi, có một bữa cơm vui vẻ và ấm cúng. Mai điện cho tất cả các bạn cùng lớp đang công tác, làm ăn ở thành phố cùng đến chia vui. Thầy trò chúng tôi lại cùng nhau ôn lại những kỷ niệm của miền rừng thuở ấy. Những chuyện nói đi, nói lại mà vẫn không thấy chán, không bao giờ chán. Có lẽ đó là ngày 20 tháng 11 đáng nhớ nhất trong cuộc đời dạy học của tôi. Cuộc gặp gỡ với vợ chồng Quân hôm ấy là món quà bất ngờ và vô giá nhất đối với tôi. Bất ngờ vì tôi đâu có nghĩ tới nó. Vô giá vì có phải bất cứ ai cũng có được như thế đâu. Tôi nhận ra một điều: Làm được người thầy theo đúng nghĩa của nó thật là khó và người thầy theo đúng nghĩa của nó thật là đáng quý.

MÀU HOA PHƯỢNG HÀ NỘI

⇒ NGUYỄN NHƯ HỒNG



ác địa chỉ quen thuộc đều trống rỗng. Máy ông chủ buôn hàng Đông Âu than sập tiệm rồi. Đã nhiều ngày chẳng mua được cái gì. Bọn chúng đành về nhà Trung chơi trò chia ba cây tính hơn nước ăn tiền.

Máu đỏ đen đang bốc thì mẹ ở phòng ngoài vào bảo Trung có ông Tây muốn gặp.

Giôn cao dưới mét bảy, còn kém phân so với nhiều người Hà Nội. Giôn gây được cảm tình nhờ dòng chữ "Giàu vì bạn" in đằng sau áo.

Giôn nói:

– Cây phượng trước cửa nhà em đẹp quá! Em có còn đi học không?

– Em mới thi trượt vào Trường Đại học Bách khoa. Anh định bán gì?

– Ô không! Tôi muốn giúp em học tiếng Anh, tiếng của thị trường quốc tế. Vì "đô" đang là đồng tiền chuyển đổi toàn thế giới.

Trung do dự vì bác Tuấn cứ bảo sẽ xin cho nó học nghề sửa chữa xe máy ở chỗ thân quen.

Nó ấp úng:

– Nhưng!... Nhưng!...

– Chẳng có lý do gì để em đắn đo suy nghĩ nữa. Công nghệ thông tin Mỹ đã giúp các dân tộc sát lại gần nhau như ở cùng làng. Công nghệ sinh học, cụ thể là công nghệ "gen", Mỹ sẽ nhân bản người trong vòng chục năm tới. Thế hệ chúng ta sống mãi đó, em à. Tất nhiên vào đầu thế kỷ XXI mọi người trên trái đất đều nói tiếng Anh.

Giôn quốc tịch Mỹ, bố gốc Pháp, mẹ Nhật và đã tốt nghiệp khoa Ngữ văn Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Giôn từ chối các nơi mời giảng dạy lương những bạc triệu, mà anh chỉ dạy tiếng Anh cho trẻ nghèo.

Nhóm bạn của Trung đã kéo ra phòng ngoài nài Giôn cho học cùng. Ngôn ngữ Ăng-gờ-lô Xắc-xông được Giôn mạ vàng loé lên ánh kim tiền với mưu đồ bá quyền toàn cầu đã biến chúng thành những kẻ tâm thần đang bị ảo giác giàu sang hấp dẫn hơn cả trò cờ bạc bịp bợm.

Giôn lắc đầu chỉ vào những đôi dép nhựa dính đầy bụi ngoại ô, nói:

– Tôi ngại...

Bọn trẻ căn vặn, năn nỉ Giôn đủ điều... Anh chê chúng em vì lý do gì?... Anh khinh chúng em ăn mặc nhếch nhác hay anh sợ chúng em không trung thực?

Một giọng gay gắt:

– Anh cho biết tại sao chỉ cần có mình thằng Trung thôi?

Giôn vẫn cười với vẻ mặt hiền khô.

– À!... Do anh "kiêng".

– Tây mà cũng mê tín ư?

– Anh là người có tín ngưỡng nên không thể mê tín được... Tôn chỉ đòi anh có khuynh hướng chính trị rõ ràng là đấu tranh vì hoà bình thế giới. Anh cổ vũ cho sức mạnh của lòng nhân ái, làm biến đi mọi thảm cảnh chiến tranh, thù hận, đói nghèo.

Giôn ngừng lại, rồi chuyển giọng nói thân mật, nửa đùa nửa thật.

– Nhiều người nhiều chân thế này thì chỉ dàn hàng ngang đứng tại chỗ. Đôi khi lại búng giật lùi như con tôm ấy. Quả là anh bị "dị ứng" với số đông có cách kiếm sống như các em.

Rồi Giôn ngược mắt nhìn vào tấm bằng *Tổ quốc ghi công* treo trên tường, nói nghiêm chỉnh:

– Lớp này tôi chỉ dạy một người! Toàn quốc biết ơn các liệt sỹ! Chúng ta đều phải quan tâm đến con cái họ!

*

* *

Giôn làm mẹ Trung lo ngại. Chị gặp anh mình.

Anh Tuấn an ủi: "Chuyện đó bình thường!".

Tuấn từng là sỹ quan quân đội chiến đấu ở biên giới Tây Nam Tổ quốc, sau khi đã vào giải phóng Sài Gòn năm 1975. Bị thương nặng, anh chuyển nghề cũ dạy Văn. Sinh hoạt với đời thường trong anh vẫn đầy áp ánh lửa của cuộc chiến tranh yêu nước chống Mỹ đã trải qua và luôn ẩn chứa sự ấm nóng đều toả rạng tâm hồn mỗi khi cầm bút, cầm phấn. Vì thế anh rất nhạy cảm với thời cuộc nên nhận biết ngay mùi thơm của thuốc nổ từ bên kia đại dương đã thoảng đến đất nước mình khác hẳn hơi bom đạn khét lẹt năm xưa. Lúc cô em mở quán

trà chén giải khát vào mùa thời tiết nước nhà còn nóng bức, anh đã phân tích lợi hại. Một lần trông thấy Trung phì phèo điếu thuốc lá anh liền khuyên bảo. Trung thần nhiên: "Cháu phải hút! Cháu muốn quên đi cảnh nghèo.". Lúc đó anh mới ý thức về trách nhiệm cụ thể và có hiệu quả của bản thân đối với đời sống vật chất và tinh thần của cháu mình, từng là học trò mình. Một trận địa mới xuất hiện chẳng có đường ranh giới, nhưng kết quả đạt được phân chia giàu, nghèo rất rõ. Tuấn không dạy thêm mà làm nghề phụ truyền thống của gia đình. Anh khoẻ thêm, bớt mỡ thừa, người cao mét bảy như càng cao hơn. Năm tháng đã nâng anh lên. Đúng lúc anh có tiền thì ông chủ nhiệm nơi mẹ anh đóng sách ngày trước tới nói rằng, những người làm bạn nghề với cụ bây giờ đều có cổ phần ở nhà máy giấy. Ông trả khoản tiền thanh lý tài sản hợp tác xã thủ công nghiệp cho con cái người đã khuất.

Mãi Trung mới hiểu ý bác Tuấn, khi bác bảo "Tao đưa cho gia đình mày hai phần ba số tiền gần hai chục triệu của bà ngoại góp vốn trước đây. Vì hồi nhỏ bà thương mày như con. Tao còn đưa mẹ mày chục triệu để sửa nhà mở cửa hiệu". Nó cảm động chẳng biết nói gì.

Gần tới ngày khai giảng năm học mới, Trung dẫn các bạn cùng nhóm buôn hàng Đông Âu trước đây đến nhà bác Tuấn. Chúng từng là học trò anh dạy năm học lớp mười, lớp mười một ở Trường Việt Đức. Thủ đô chuẩn bị lễ kỷ niệm một nghìn năm Thăng Long – Hà Nội và đang sửa soạn chào mừng thiên niên kỷ 21 với quy hoạch thành lập thêm các quận mới, phát triển khu nội thành rộng ra bốn phía. Do vậy anh phải chuyển tăng cường cho một trường vừa xây dựng xong ở phía nam thành phố. Tuy ít tiếp xúc với học trò cũ,

nhưng anh vẫn nhớ tính cách và học lực của từng đứa. Bọn bạn Trung có ý đến thăm thầy, song muốn tư vấn, muốn hỏi những điều thắc mắc về Giôn là chủ yếu.

Các em nghĩ Giôn có mùi "hôi" Tây ư? Dù Giôn có giả dạng một chú bồ câu trắng từ Bắc Mỹ bay tới Thủ đô ta thì khi tiếp xúc với người Hà Nội đẹp về văn hoá, cao về trí tuệ thì cái bản năng con điều hâu muốn bắt gà cũng không thực thi được. Còn Nhà nước ta bao giờ cũng diệt trừ cỏ dại bằng rừng cây cao xanh tươi tốt, loại trừ mầm ác bằng trí nhân vô cùng sáng suốt, cao cả. Giôn nói có sai, có đúng. Làm gì có chuyện sống mãi, trẻ mãi không già. Thực chất việc cấy ghép tế bào không phải tinh trùng vào trứng để tạo ra thế hệ sau chỉ là kích thích khả năng sinh sản vô tính ở động vật bậc cao. Hiện tượng cừu Đô-ly ồn ã trên thế giới vừa rồi chỉ có ý nghĩa về y học để chữa bệnh thôi. Sinh sản hữu tính là sự tiến hoá của sinh giới bao giờ cũng có hiệu quả kinh tế và giống nòi. Sự lựa chọn của thiên nhiên là tối ưu nhất. Nhưng Giôn đã đúng khi chê chúng ta nhiều người, nhiều con, mật độ dân số quá đông đúc. Giôn e ngại các em kiếm sống lang thang không có nghề nghiệp đấy. Nhật thua Mỹ trong Chiến tranh thế giới thứ hai đã chú trọng đầu tư giáo dục, chủ yếu là đào tạo nhiều thợ giỏi trong thời kỳ đầu. Và Nhật đã trở thành cường quốc kinh tế thứ hai thế giới! Các em sức học chỉ trung bình nên thi trượt đại học là điều tất nhiên, bình thường. Điều quan trọng là phải có chí tiến thủ, biết dựa vào năng lực tốt nhất của bản thân để phấn đấu tiến lên. Tính cần cù, ham lao động, sáng tạo rất cần cho xã hội, cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Các em nên học tốt một nghề nào đó đi. Và nên học

tiếng Anh ở các trung tâm ngoại ngữ vào buổi tối. Riêng Trung được Giôn bảo đến khách sạn Giôn trọ học để luyện tập tiếng Anh qua giao tiếp thì cứ đến.

Trung bất ngờ vì nếp sống giản dị của Giôn. Mọi khoản chi phí trong sinh hoạt hằng ngày đã tính vào tiền trọ nhưng Giôn không dùng máy điều hoà nhiệt độ, bỏ ti vi, uống rất ít rượu bia và thường cưỡi xe đạp đi ăn cơm bụi. Giôn chỉ thích nghe đài phát thanh Hoa Kỳ, hay ra bưu điện chuyển "fax" về quê hương thăm bố mẹ.

Giôn thường bảo Trung và các bạn nó cùng đi xem thi đấu bóng đá, thi hoa hậu, người đẹp thể thao,... Lâu dần nó cũng chán những cuộc du hí và cũng chẳng thiết học tiếng Anh nữa. Đối với nó, tiếng Anh biết sơ sơ như thế là đủ. Nó đã đam mê học nghề. Nhà ông chủ dạy nó chữa xe máy cũng vừa lên tầng ba, tầng bốn, rất khang trang. Cửa hàng mẹ đứng bán rất đông khách, lãi nhiều, đã có tiền tiết kiệm tám chữ số gửi ngân hàng công thương cùng phố. Bộ mặt xã hội đang có nhiều chuyển biến tích cực, cuộc sống làm ăn nhộn nhịp, ngược xuôi tấp nập đầy hiệu quả đã đưa kinh tế nhà nước tăng trưởng hàng đầu thế giới. Thủ đô ngày càng nhiều phố ẩm thực độc đáo Việt Nam, đủ loại tiệm ăn Tây, Tàu đặc sản, những cửa hàng may đo thiết kế thời trang... càng làm cho Hà Nội thêm đông vui vào chiều tối. Nhiều lúc đi giữa khu đô thị mới với những biệt thự trong vườn cây, nhà cửa nhiều tầng, cảm xúc Trung cứ lâng lâng với tình yêu thành phố quê hương mình.

Được tin Giôn đi xa đã lâu, Trung lần nữa mãi mới chịu đến thăm. Giôn gật đầu chào lại nó và mở chai

nước ngọt mời uống. Nhận quyển Cựu ước và Tân ước xuất bản bằng tiếng Việt do Trung trả, Giôn vẫn ngồi yên bất động như tượng đất một hồi lâu.

– Ủ!... Anh không vui thật. Điều làm cho cả thế giới phải ca ngợi là mâm cơm Việt Nam đã đầy đặn hơn, trẻ em Việt Nam đều được học hành chăm sóc về sức khỏe...

Cộc! Cộc!...

Hai sỹ quan công an bước vào phòng.

– Ông Giôn! Thị thực nhập cảnh của ông quá hạn đã lâu. Đáng lẽ phải phạt!

Giôn nhún vai.

– Tôi là nhà hoạt động từ thiện!

Nữ đại úy ân cần chỉ dẫn:

– Nhắc ông lần nữa, ông nên làm việc tại nơi nào đó để được bảo lãnh.

Hai sỹ quan chào, rồi ra đi. Trung cũng xin phép Giôn về luôn.

*

* *

Mẹ con Trung và ông được sỹ bán thuốc tây thuê một bên cửa hàng nhà nó cùng tiếp Giôn.

Giôn nhắc đĩa đựng chén mời nước lên, móc túi lấy một tệp tiền năm mươi nghìn đồng đút xuống dưới, rồi làm vẻ mặt chưng hửng, dang hai tay lên cao như muốn kêu cầu Chúa.

Ông được sỹ cười.

– À!... Đòi hối lộ! Bệnh này thì chẳng có loại kháng sinh nào trị nổi. Anh nên tố cáo...

Giôn lạy lạy.

Trung cãi:

– Hôm đó công an có muốn phạt anh đâu.

– Nhưng rồi người khác, nơi khác sẽ phạt! Anh tạm lánh sang Thái Lan...

Giôn bỗng im bật. Bác Tuấn chợt đến, đưa tay bắt tay Giôn và tự giới thiệu.

– Hân hạnh! Bây giờ Trung đã hát được cả bằng tiếng Anh.

– Hát về quê hương hay thánh ca?

– Ông cũng theo đạo Tin Lành ư?

– Không!

– Đáng tiếc!

– Tuy vậy tôi vẫn coi trọng đời sống tâm linh phong phú, tốt đẹp. Trung cũng thích nghe tôi giảng về Chúa qua các sách ảnh cho.

– Hoá ra Trung... Ông không tin tôi?

– Tôi rất nể trọng những ai giỏi tiếng Việt. Anh có học văn cao và sống vì mục đích!

Mẹ Trung và ông được sỹ xin phép làm việc khác.

Bác Tuấn cùng Giôn trao đổi về thời tiết, về mưa bão lũ lụt khủng khiếp ở miền Trung cuối năm ngoái. Tuy vậy sản lượng lương thực toàn quốc vẫn tăng cao, vẫn thừa gạo để xuất khẩu.

Giôn ca ngợi:

– Trí tuệ Việt Nam thật tuyệt vời! Nhân dân Việt Nam hiện nay chẳng khác gì Sơn Tinh trong truyền thần thoại cổ xưa bao giờ cũng thắng Thủy Tinh. Việt Nam sẽ còn đứng hàng đầu thế giới về nhiều mặt hàng nông nghiệp khác nữa!

Bác Tuấn cười vui.

– Cảm ơn những lời khen tốt đẹp! Nhưng tôi muốn được nghe anh chê nhiều hơn.

– Việt Nam có hai khuyết điểm. Thứ nhất là nạn tham nhũng! Trước khi ông đến đây tôi đã nói chuyện này với gia đình Trung rồi.

– Đúng! Thủ tướng nước tôi cũng cảnh báo "Tham nhũng là quốc nạn!".

– Khuyết điểm thứ hai là tự do tín ngưỡng bị hạn chế!

– Hoàn toàn sai.

Trung vẫn ngồi nghe, đột nhiên bật đứng dậy nói.

Bác Tuấn ra hiệu bảo nó ngồi xuống, thưa thốt cho từ tốn.

– Anh nhớ xem có phải nhiều lần em đã đi cùng anh đến nhà thờ Tin Lành ở gần chợ hàng Da và nhà hát Hồng Hà. Lần nào anh cũng khen "Tốt! Tốt!".

Giôn gật gật.

– Anh công nhận! Anh công nhận! Nhưng đây là Hà Nội. Còn tại các vùng sâu vùng xa...

Bác Tuấn cười thân thiện:

– Nếu không có sự tự do tín ngưỡng thì ở các vùng, miền của Việt Nam, các tôn giáo như đạo Phật, đạo Thiên Chúa,... đâu có được đông đảo tín đồ như hiện nay? Xin cảm ơn anh đã thẳng thắn bày tỏ ý kiến... Còn bây giờ chúng ta cùng ăn bữa cơm thân mật.

Giôn đứng dậy.

– Xin cảm ơn! Tôi phải về chuẩn bị bay sang Thái Lan.

Bác Tuấn cố mời.

– Anh nán lại thưởng thức nghệ thuật ẩm thực của gia đình Trung được thì vui quá!

Giôn từ chối:

– Xin để dịp khác.

Khách đi khuất, bác Tuấn bảo Trung:

– Phòng thương binh xã hội quận giới thiệu mày đi học trường dạy nghề của Hà Nội mở cho con em các gia đình chính sách. Mày được chín ngón có hoa tay thì chắc rằng sẽ trở thành công nhân lành nghề như bố mày trước đây. Mày ngày đi học, tối chữa xe máy, càng chóng giàu.

Trung định khoe nó và hai đứa bạn chiều mai cùng đi sắm mỗi đứa một xe máy 30 triệu, nhưng thấy bác Tuấn đã ngả người dựa vào ghế suy tư nên lại thôi.

Sáng nay thầy Tuấn qua nhà thông tin thành phố đọc được một số bài báo về giáo dục. Ý kiến cho rằng, "Trí dục sút kém kéo theo tai hoạ đức dục suy giảm" khiến thầy rất băn khoăn. Tác giả đã nói đúng thực chất về giáo dục hiện nay là đã có vết ố đen trên bức tranh sơn mài vàng son của dân tộc... Nhưng vài ruộng mạ bị khô hạn còn cả cánh đồng lúa Việt Nam vẫn bội thu! Kinh tế nước ta tăng trưởng 8%, nhiều năm thì chất lượng giáo dục làm sao mà tụt dốc được? Chất lượng giáo dục giảm thì làm sao ta có được hàng nghìn tiến sỹ, hàng trăm các trường đại học, chuyên nghiệp? Ý kiến đó đúng ở mức bộ phận, toàn thể là sai. Thử đặt một con tính để so sánh cho rõ ràng. Năm đó ta trồng 1 triệu cây, sống 90 vạn. Năm nay ta trồng 20 triệu cây, sống 10 triệu. Như vậy năm đó đạt tỷ lệ 90%, năm nay 50%. Xét về chất lượng tương đối thì năm ấy hơn năm nay. Xét về chất lượng tuyệt đối thì năm nay hơn năm

ấy vì 10 triệu cây hơn 90 vạn cây nhiều lần. Lượng chất tăng giảm đều là quy luật của phép biện chứng. Lượng giảm chất tăng, lượng tăng chất giảm tùy thuộc vào lượng và chất cụ thể của từng trường hợp, nhất là ở sự biến đổi tâm lý, sinh hoá trong cơ thể học sinh. Sự lên xuống có thể thay đổi bất thường nhiều khi chỉ phụ thuộc vào mức độ. Chất lượng giáo dục liên quan với kinh tế và phải được đánh giá tác động qua lại đến tốc độ tăng trưởng kinh tế. Điều thầy rất vui mừng, khâm phục, tâm đắc với ý kiến đánh giá chất lượng cần đáp ứng được yêu cầu xã hội, dạy và học làm người có văn hoá, có nghề nghiệp, yêu Tổ quốc mình. Trung và đám học trò cũ của thầy còn vài thói hư tật xấu, nhưng rồi chúng cũng sẽ xứng đáng là người Hà Nội.

*

* *

Từ chợ Giời, nơi buôn bán đủ loại hàng hoá có trên thương trường, Giôn đèo người trên chiếc xe đạp đua Liên Xô cũ rẽ phải theo đường một chiều Huế – Hàng Bài lên bưu điện quốc tế ở bờ hồ Hoàn Kiếm. Giôn cần xác định một tin quan trọng. Nếu cứ bắt buộc phải trở về Mỹ thì Giôn sẽ xin "thôi việc" như nhiều phi công trước đây về kinh doanh. Giôn đã nhận thức được Hà Nội là nơi có tự do tín ngưỡng nhất, ứng xử anh hùng nhất, văn hoá nhất. Vì thực chất văn hoá tín ngưỡng là tự do tin và không tin của mọi người trong tâm linh. Nhân dịp Tổng thống Hoa Kỳ William Jefferson Clinton tới thăm Việt Nam cuối năm nay. Giôn sẽ chuộc lỗi bằng cách có mặt trong đoàn doanh nghiệp tháp tùng

tổng thống xin được góp phần tài trợ cho một số cơ sở và để tỏ ra không thua kém Nhật, Pháp đang dẫn đầu về vốn viện trợ ODA cho Việt Nam.

Trung phóng chiếc Attila đến đầu Bờ Hồ thì trông thấy Giôn. Nó lạng lách vượt qua khối xe máy chật cứng trên đường cốt tránh lời chào, nhưng vẫn cố liếc nhìn dòng chữ in trên ngực áo Giôn. Thế là Giôn chẳng đi đâu hết. Đúng như bác Tuấn nhận định, Giôn học giỏi tiếng Việt không phải để sống mãi ở Thái Lan. Bác Tuấn cũng bảo chưa nên vội đánh giá khẳng định điều gì về Giôn. Rất cần tiếp xúc đây thiện ý sẽ tạo ra nhiều cái hay cái đẹp. Có thể chính Giôn là tác giả bài báo "Mỹ phải có trách nhiệm với các nạn nhân chất độc màu da cam ở Việt Nam" đăng trên tờ *Bưu điện Oa-sinh-ton*. Nó bỗng thấy ân hận vì hành vi vừa rồi không phù hợp với sự độ lượng của bác nó, người thầy giáo – chiến sỹ đã từng bị quân thù làm đổ máu nhiều lần mà tình cảm bao giờ cũng hoà với tấm lòng bao dung của toàn dân tộc. Tự dừng nó cho xe chạy chậm lại như để xin lỗi Giôn và nghĩ có thể vì có gì đó mà Giôn chưa bay. Nó xuống dắt xe đi loanh quanh tìm mua các sách giới thiệu về đất nước Việt Nam để đến thăm tặng Giôn. Ngày mai mới tới kỷ niệm chiến thắng 30-4 mà người dân đã hớn hở dạo chơi quanh hồ. Khách nước ngoài đông nghịt. Tại bồn hoa lớn trồng toàn cúc vàng đại đoá tạo hình ngôi sao năm cánh ở góc hồ cạnh phố Tràng Tiền, một tốp du lịch Quảng Châu đang chơi bài trống tương tự như "Trống hội Thăng Long" từng bừng rộn rã để ca ngợi người Hà Nội bằng đủ các loại trống lớn, trống nhỏ họ mang theo đeo bên mình. Vài ông Tây, bà

đầm đi qua mặc áo phía trước in hình Chủ tịch Hồ Chí Minh gật gật đầu tán thưởng. Trung chợt nhớ đến cái áo màu son sẫm hình trái tim và dòng chữ màu vàng "Tôi yêu Việt Nam" trên ngực áo phong trắng Giôn mặc cũng rất ấn tượng.

Rời Hồ Gươm theo đường một chiều phố Bà Triệu đi về, Trung bắt gặp lũ bạn cũ thi trượt đại học, trong đó có vài đứa cùng buôn hàng Đông Âu trước đây với nó. Chúng bảo nhau rẽ về phía Trường Trung học phổ thông Việt Đức để hồi tưởng những kỷ niệm đẹp khi đã thành thợ và thành đạt.

Mùa hoa phượng năm nay đến sớm hơn đang bùng nổ trên ngọn hàng cây hai bên hè phố Lý Thường Kiệt và nở rộ trời lẫn với màu cờ đỏ sao vàng rực rỡ mừng ngày giải phóng miền Nam đang tràn ngập nhiều phố phường Hà Nội.

NGÔI NHÀ BÊN SUỐI

➡ HỒ THUYẾT GIANG

-A

lô! Có phải Châu đấy không?

- Vâng! Tôi là Châu đây ạ!

- Châu đấy ư? Chào em nhé! Có biết ai đang gọi cho em không?

- Dạ... xin lỗi...

- Tất nhiên là em không thể nhận ra được. Ba mươi năm có lẽ rồi còn gì. Anh gợi ý thế này nhé! Ngày ấy, có hai người thường ra con suối Bằng La để bắt cá. Họ là giáo viên dạy cùng trường. Em có nghe rõ lời anh không đấy?

Bên kia, giọng nói có vẻ hơi run:

- Dạ... anh cứ nói tiếp ạ!

- Một lần hai người đang mải mê bắt cá bỗng một con rắn hổ mang...

Anh có cảm giác như nghe thấy cả tiếng tim đập dồn dập ở phía đầu dây bên kia. Một lát, giọng nói cố làm bình thản nhưng vẫn không giấu được nỗi bồi hồi cất lên:

– Vâng! Làm sao quên được! Anh Tùng phải không?

– Anh đây! Ba mươi năm chìm nổi, bây giờ mới có dịp quay về. Đến Ủy ban nhân dân huyện, anh được biết em vẫn còn dạy ở Bằng La. Lạ thật! Anh thì chân trời góc bể. Còn em vẫn cứ ở nguyên một chỗ. Người ta nói em vẫn trẻ đẹp như xưa.

– Không có chuyện ấy đâu anh. Em có tóc bạc rồi.

– Anh sẽ đến em ngay, sau khi xong việc ở huyện.

– Vâng! Mời anh.

Mấy tiếng sau cùng phát ra từ ống nghe làm anh hơi phật ý. Anh muốn nghe ở Châu những lời khác thế.

Buông ống nghe, anh vẫn ngồi lì trên ghế. Anh buồn rầu thoáng nghĩ sao quãng thời gian dài tới gần một phần ba thế kỷ mà chỉ như một cái chớp mắt. Ngày mai, anh lại được gặp Châu. Vẫn là con đường từ huyện đến Trường Bằng La quá quen thuộc với anh. Không hiểu lần trở lại này, anh có còn được thấy Châu trong đôi mắt đỏ hoe, bồn chồn, đón đợi dưới gốc cây gạo già phía cổng trường như ngày nào mỗi lần anh đi họp ở huyện về. Phải rồi! Ngày ấy xa anh một ngày, Châu đã đứng ngồi không yên. Tuy hiểu rõ tình cảm của Châu, nhưng anh luôn chỉ coi cô như người em gái. Đi xa về, anh thường mua cho Châu khi thì tập giấy viết, khi thì chiếc bút kim tinh, thậm chí có lúc còn là những túi kẹo vừng. Có lần, anh lén nhìn thấy Châu đặt túi quà của anh lên bàn mà khóc tím tím như một nỗi oan uổng. Anh đoán những món quà của anh hình như không đúng chỗ. Hiểu vậy, nhưng anh không thể làm khác được. Tình cảm của anh và Châu lúc đó, ngoài tình đồng nghiệp còn là tình thầy trò. Hồi ở trường sư phạm của tỉnh, anh là giáo viên năm cuối của Châu. Rồi sau

trường giải tán, anh và Châu cùng được điều động về Bằng La. Hôm đầu tiên gặp nhau ở Bằng La, không hiểu sao Châu lại xin phép được chuyển cách xưng hô từ thầy sang anh. Anh biết, lời đề nghị ấy hoàn toàn không phải là một hành vi vô lễ nên anh chấp nhận, tuy không mấy vui vẻ. Lúc đầu ngượng ngập đôi chút nhưng rồi cũng quen. Tuy cách xưng hô thay đổi, nhưng tận đáy lòng, trước sau anh vẫn chỉ coi Châu như cô học trò bé nhỏ khi xưa.

Thời gian cứ lững lờ như con suối Bằng La, lặng lẽ trôi xuôi như thế. Nhưng rồi cũng đến cái ngày Châu chủ động ngỏ ý cùng anh. Vào thập kỷ ấy, có lẽ cái xứ này chỉ có mình Châu dám cả gan làm cái việc tưởng như trái quy luật ấy. Cô bảo với anh rằng, không phải bây giờ cô mới yêu anh mà ngay từ tiết học đầu tiên ở trường sư phạm, cô đã mang hình ảnh anh trong trái tim rồi. Đến hôm nay, cô đã yêu anh bằng một tình yêu không gì cưỡng nổi và mong anh thứ lỗi cho sự mạnh bạo thái quá này của cô. Có lẽ phải dồn hết tâm lực cô mới nói nổi những lời vô cùng khó khăn ấy, nên vừa dứt lời, cô đã ôm mặt khóc. Cô khóc đến giàn giụa nước mắt, khóc như thể con tằm vào độ chín vội vã trút hết tơ, để hoá thân sang làm kiếp khác. Nghe Châu bày tỏ, anh cũng run lên, cổ như tắc nghẹn. Anh muốn ôm chầm lấy Châu và nói: "Anh yêu em! Em là cô gái đẹp và dịu dàng nhất ở trên đời này". Thế nhưng, không hiểu sao, bỗng có một sức mạnh khốc liệt nào đó như từ trên trời rơi xuống níu lòng anh lại. Không! Không được! Em chỉ là cô học trò bé nhỏ của tôi thôi Châu ạ. Rồi biết ăn nói với bạn bè đồng nghiệp, với học trò của chúng ta ra sao hả Châu? Hãy giữ gìn cho tình cảm thầy trò thật

sáng trong Châu ạ. Anh khẽ gõ bàn tay lạnh giá và run rẩy của Châu rồi lồm lũi đi về phía căn phòng đang hắt ra ánh đèn hoa kỳ leo lét. Anh thở phào. Cứ như cái ánh sáng nhợt nhạt kia đã cứu anh ra khỏi một lối lầm. Châu vẫn ngồi chết lặng, thân thể như tan vào bóng tối.

Châu nằm lì trên giường mấy ngày liền, hầu như không ăn uống. Nhưng rồi sau đó trước sự ngạc nhiên của mọi người, bất ngờ cô ào trở dậy với khuôn mặt nhợt nhạt nhưng tươi vui thường thấy. Có lẽ chẳng mấy ai hiểu được rằng, cô như con tằm đã trút hết tơ, đã biến thành con bướm ngũ sắc, hồn nhiên bay lên trời xanh. Tình yêu của cô không chết mà đã hoá kiếp.

Rồi anh nhập ngũ. Buổi tối hôm ấy, cô nói với anh bằng giọng vui vui pha lẫn nỗi buồn:

– Ít ngày nữa anh sẽ xa hẳn nơi này. Tối nay, anh với em ra suối bắt cá để làm liên hoan. Anh có đồng ý không?

Anh lặng lẽ gật đầu.

Cái buổi tối hôm ấy đã xảy ra một chuyện động trời. Đang bì bõm lội suối tìm cá, chợt một con rắn hổ mang rất to từ bụi cỏ lao bổ về phía anh. Chưa kịp tan hết cái cảm giác đau nhói ở bắp chân thì anh đã thấy tiếng Châu thét lên. Cô lao đảo ôm chặt lấy vai anh. Trấn tĩnh trong giây lát, anh hiểu ra rằng, Châu đã đưa chân ra che đỡ và nhận thay anh cú mổ ghê rợn của con rắn. Anh vội ga rô cho Châu rồi cõng Châu về. May mắn là trạm xá có người biết chữa rắn cắn. Vết thương được rạch rộng để nặn máu và đắp thuốc. Do cứu chữa kịp thời nên chỉ vài ngày sau, Châu đã bắt đầu bình phục.

Nhưng khi vết thương ở chân Châu vừa lành thì cũng lại là lúc trái tim anh chấn thương. Mấy ngày chăm sóc Châu trong trạm xá, anh mới nhận thấy một

cách rõ ràng, trời chỉ cho anh một người con gái duy nhất, người ấy có thể sẵn sàng chết thay anh, người ấy chính là Châu. Hình như mất Châu anh sẽ mất tất cả. Nhưng nghĩ là nghĩ vậy thôi chứ anh thừa hiểu mọi chuyện đã quá muộn rồi. Anh sẽ không thể nói với Châu thêm một lời nào nữa. Mà dẫu có nói, Châu cũng khước từ anh. Người như Châu không bao giờ để chuyện ơn nghĩa xen vào tình yêu. Lúc này, tình thế đã đẩy anh vào con đường buộc phải im lặng.

Anh ra đi đúng ngày vết thương của Châu bắt đầu mọc da non. Anh nhìn trân trân vào cái vết sẹo trên bắp chân trắng mịn như nõn chuối của Châu, với tâm trạng của một người mắc tội.

Châu bước thập thễnh tiến anh ra khỏi cổng trường. Cô dựa vai vào cây gạo cổ thụ đang kỳ nở hoa, ràn rạt đỏ trên bầu trời Bằng La xám bạc. Anh ngoái lại mấy lần, nói trong ghen ngào:

– Châu ơi! Rồi anh sẽ trở lại!

Châu vẫn đứng tê tái dưới gốc gạo sần sùi. Hình như lúc ấy cô đang mải khóc. Nói một cách chính xác hơn là trái tim cô đang khóc. Cô không nghe thấy những lời nhẩn nhủ da diết của anh vọng lại.

Hẹn thệ, nhưng rồi cuộc sống đâu có chiều theo ý ai. Anh vào Nam chiến đấu. Đến ngày thống nhất đất nước, anh cũng không trở ra Bắc vì gia đình không còn ai thân thích. Lúc ấy, một cô y tá cùng đơn vị, quê ở tận Cà Mau lại đang đem lòng yêu anh mê mết. Rồi họ cưới. Sau năm năm, chẳng lỗi tại ai, anh và cô y tá chia tay nhau trong một nỗi ngậm ngùi nhẹ nhẹ, không để lại một mụn con. Anh vui đầu vào học tập và công tác cho ngווôi nỗi cô đơn. Không bao lâu anh trở thành một ngוו

sao sáng trong ngành Lâm sinh. Anh được cử đi học nước ngoài, trở về với tấm bằng tiến sỹ loại ưu. Anh vẫn lao vào công việc, không muốn nghĩ đến việc lập gia đình. Không phải anh lập dị mà anh hoảng sợ. Kể từ ngày ly dị, không hiểu sao hình ảnh vết sẹo ở chân Châu cứ thường xuyên quay về ám ảnh anh, kể cả trong giấc ngủ. Bất cứ nhìn thấy vật gì mang hình hài vết sẹo, là anh lại thấy tim đau buốt. Từ tia chớp ngoằn ngoèo trên bầu trời, từ con đường mòn quanh co trên triền núi, từ cặp lông mày uốn lượn của một cô gái... cũng làm anh nhúc nhối, gợi nhớ về vết sẹo trên làn da trắng hồng, run rẩy của Châu. Nhiều lúc anh cảm thấy nó giống như một căn bệnh. Mà nếu đúng là một căn bệnh thì có lẽ anh sẽ phải mang nó suốt đời.

Anh trở ra Bắc lần này, với một nhiệm vụ quan trọng là nghiên cứu, khảo sát toàn bộ miền rừng núi phía đông Tam Đảo, để chuẩn bị thực thi một dự án lớn của ngành Lâm nghiệp. Bằng La là một trong hàng chục xã nằm trong tuyến rừng ấy.

Anh không dám nghĩ sẽ được gặp Châu. Chắc chắn Châu đã xin chuyển về quê chứ đâu ở mãi cái miền rừng đèo heo hút gió ấy. Vậy mà khi đến huyện người ta cho biết Châu vẫn bám trụ ở đây, mặc dù nhiều lần phòng giáo dục thông cảm cho hoàn cảnh quá lứa lỡ thì, muốn chuyển cô về trường thị trấn. Thông tin ấy làm anh buồn nhưng cũng loé lên một tia hy vọng. Biết đâu, anh và Châu sẽ được gặp nhau sau ngót một phần ba thế kỷ cô đơn. Anh sẽ không để mất Châu một lần nữa.

*

*

*

Anh nhận ra Châu ngay. Quả như lời đồn, Châu vẫn trẻ đẹp không khác xưa là mấy. Còn Châu, phải một lúc cô mới nhận ra anh. Dù biết ba mươi năm qua anh đã đổi khác quá nhiều, nhưng việc Châu không nhận ra anh ngay vẫn làm anh buồn u ám.

Anh bần thần ngồi xuống chiếc ghế mộc, ngó quanh căn nhà bé nhỏ, sơ sài của Châu:

– Em sống ở ngôi nhà này à?

– Vâng! Anh đi được mấy năm thì em dựng một cái lều nhỏ ở đây.

– Em cứ ở một mình mấy mươi năm vậy sao?

Châu không trả lời, chỉ khẽ mỉm cười, đẩy chén nước đến trước mặt anh. Lát sau, cô khẽ hỏi:

– Anh có nhận ra khu đất này không?

Anh ngơ ngác nhìn qua cửa sổ.

– Làm sao anh biết được. Mọi thứ đã thay đổi nhiều quá.

– Sau ngày anh đi được ít lâu thì xã nấn lại con suối Bằng La để làm thủy điện nhỏ. Cái quãng suối ngày trước anh và em vẫn đi bắt cá trở thành một bãi đất rộng. Em đã xin cắm đất và làm nhà ở đấy. Đầu tiên chỉ là mái tranh. Năm năm trước, em mới có điều kiện xây cất.

Anh lúng túng:

– Có phải... đây chính là cái nơi mà... em... à!... Anh... bị con rắn...

– Đúng thế! Nhưng ai bị cũng thế thôi anh ạ! – Châu khẽ cười thành tiếng.

– Nhưng mà anh thì cứ ân hận mãi. Đến suốt đời!

– Có gì mà nghiêm trọng vậy. Ồ... thế mà đã ba mươi năm. Nhanh thật! Bây giờ anh ra sao?

Anh bùi ngùi, kể tất cả sự thật về cuộc đời riêng thiếu may mắn của mình cho Châu nghe.

Châu giấu một tiếng thở dài:

– Thế mà em cứ nghĩ...

Châu ngừng nói, lén lau nước mắt:

– Không ngờ anh cũng phải sống một mình như em. Nhưng em lại khác, em là đàn bà.

Vừa như vô tình, vừa như cố ý, một lần nữa anh nhắc lại sự cô đơn của mình với Châu.

Anh biết cô lắng nghe những điều anh nói không sót một lời, nhưng cô lại làm ra vẻ không nghe thấy gì. Như vô tình, cô chợt đứng dậy:

– Ấy chết! Em đoảng quá! Để em ra chợ mua chút thức ăn.

Anh có cảm tưởng việc xin phép đi chợ chỉ là cái cớ để Châu thoát khỏi vòng vây mà anh đang sắp đặt.

Nửa giờ sau, Châu trở về với một xâu cá:

– Lâu nay, em chỉ mua cá nhỏ thế này thôi, không hiểu anh có thích không? Loại cá này ngày trước chúng mình vẫn kiếm ở suối Bằng La ấy.

Anh bật cười:

– Em cho anh ăn cá mà như ăn kỷ niệm vậy. Nhưng đúng là anh rất thích. Thật đấy!

Châu tỏ ý vui nhưng mắt cô lại rân rân ướt.

Bữa cơm ấy, cả hai đều không đụng đến một con cá nào. Dường như cả anh và cô đều không thể nuốt nổi những cay đắng của ba mươi năm xa cách.

Đến cái lúc dường như không chịu đựng nổi, anh ôm chặt lấy Châu như một người chuộc tội. Đôi vai nhỏ của

Châu run bần bật. Cô gục đầu xuống ngực anh khóc nức lên. Khuôn mặt cô đầm đìa nước mắt. Anh như mê đi trong hạnh phúc. Anh để mặc cho những giọt nước mắt của cô chảy tràn trên vai áo mình. Anh hiểu đó là những giọt nước mắt ngưng tụ của mấy mươi năm, bây giờ mới có dịp tuôn trào. Đó là nỗi đau hạnh phúc.

Anh nâng Châu lên, định đặt một cái hôn lên đôi môi đầm ướt của cô. Nhưng thật bất ngờ, bằng một cử chỉ dứt khoát, cô khẽ đẩy anh ra. Giọng cô lạc đi:

– Như thế là đủ rồi anh ạ! Ta ra bàn ngồi nói chuyện.

Anh như người bị rơi từ trên cao xuống, ngỡ ngác tỏ ra không hiểu. Châu dắt anh đến bên bàn nước, đôi mắt buồn thăm thẳm:

– Thế đủ rồi anh ạ! Em cũng muốn khóc thế cho nhẹ người.

– Nhưng... chẳng lẽ... Châu không còn yêu anh nữa? Hay là em còn giận anh về chuyện cũ?

Châu không nói. Cô rót nước chảy tràn miệng chén mà không hề hay biết.

*

* *

Lúc đầu, anh thoáng nghĩ Châu chưa chấp nhận tình cảm của anh chỉ vì quá bất ngờ. Nhưng càng về sau anh càng hiểu rõ, những lời từ chối của Châu là không có gì lay chuyển được.

Sắp đến lúc chia tay, anh gắng hỏi cô trong một tâm trạng vót vát:

– Châu! Anh hỏi thật, vì sao chúng ta không thể đến với nhau trong khi lại rất cần nhau?

Một lúc lâu lắm, Châu mới khẽ ngẩng lên, nhìn vào đôi mắt thâm buồn của anh:

– Anh muốn biết thật ư? Thế anh không nghĩ được rằng lúc này đây chúng mình đã hoàn toàn không còn là của nhau nữa. Tất cả đã thuộc về quá khứ rồi!

– Nhưng chúng mình đều cô đơn và rất cần một mái nhà.

– Nhưng không phải là căn nhà này đâu anh ạ!

Ngẫm nghĩ hồi lâu, cô nói tiếp bằng một giọng rần rỏ:

– Đúng là chúng ta cần một ngôi nhà. Nhưng với anh, cái cần hơn lại là những chân trời. Anh đừng chôn vùi sự nghiệp của mình trong cái mái nhà không yên tĩnh này của em.

– Không yên tĩnh? Anh thắng thốt.

– Đúng thế anh ạ! Có thể anh không biết, nhưng em sống thanh thản với ngôi nhà này được từng ấy năm là nhờ những giấc mơ.

Anh hờn mát:

– Những giấc mơ ấy không có anh phải không? Ừ! Mà cũng bao nhiêu năm rồi còn gì. Anh không trách em đâu!

Cô khẽ lắc đầu. Những giọt nước mắt vỡ oà trên đôi má trắng bệch:

– Không! Em đã nằm mơ thấy anh. Ở ngôi nhà bé nhỏ và hoang vắng này, nhiều đêm, rất nhiều đêm em đã nằm mơ thấy anh và chỉ thấy anh thôi.

– Thế tại sao?... tại sao?...

– Anh đừng ngắt lời, cứ để em nói. Em luôn nằm mơ cái buổi tối anh công em về trạm xá. Đúng cái lúc thể xác đau đớn đến tê dại ấy, em đã nhận thấy anh yêu em

biết chừng nào. Người anh run lên, mặt anh tái mét. Anh đã khóc khi em gặp nạn. Chỉ những người yêu nhau mới thế. Lúc ấy, anh còn nhớ là em đã ôm anh rất chặt không? Em đã dồn hết sức lực cuối cùng để ôm lấy anh, sợ mất anh vô cùng. Là vì lúc ấy em nghĩ mình sắp chết. Vậy mà lúc ấy em lại thấy yên tâm đến lạ lùng. Được chết trên vai anh. Được chết vào cái lúc anh yêu em nhất. Em thấy đời em như thế là quá đủ.

Anh nắm lấy tay cô khẽ kêu lên, tiếng kêu khắc khoải như tiếng từ quy lúc trời sắp sáng:

– Trời ơi! Nhưng chính cái con người ấy đã trở về với em hôm nay đây.

Châu gỡ nhẹ tay anh ra:

– Không! Cái người công em buổi tối hôm ấy không phải là anh. Cho em xin lỗi. Đó chỉ là hình bóng của anh thôi.

– Ảo ảnh! Nhưng em và anh lại đang rất cần một sự thật chứ không phải là ảo ảnh.

– Ký ức chứ không phải là ảo ảnh đâu anh. Mà anh cho đó là ảo ảnh cũng không sao. Nhưng anh có hiểu rằng, ở tuổi chúng mình nhiều khi lại cần những ảo ảnh hơn là sự thật không? Anh ạ! chính nhờ cái ảo ảnh của buổi tối hôm ấy mà em đã sống vô tư, tươi vui và có ích bấy nhiêu năm trời. Anh ơi, anh phải hiểu cho em mới được. Nếu chấp nhận hôn nhân với anh là em đã phản bội lại cái ký ức mà em đã chung sống với nó gần tới trọn đời. Em quen mất rồi anh ạ! Thôi, nghe em, anh hãy đi đi. Cuộc đời của anh là con đường phía trước chứ không phải là ngôi nhà nhỏ bé này của em đâu. Mọi người cần anh, đất nước cần anh, một nhà khoa học đầy tài năng. Em biết thế mà. Đừng xáo trộn lên nữa, mọi

sự chắc gì đã tốt hơn. Nếu sau này số phận vẫn bắt anh phải cô đơn thì ráng chịu anh ạ! Cô đơn cũng là một cách sống. Nước mắt cô đơn nhiều khi lại làm cho con người ta vinh quang và hạnh phúc hơn những nụ cười gượng gạo phải không anh?

Châu nói liền một mạch. Người cô rũ xuống như phải chịu một sức nặng vô hình đè lên đôi vai bé nhỏ. Cô cố nở một nụ cười héo khô. Và anh biết đó là nụ cười của sự chia cách không gì cứu vãn.

*

* *

Châu tiến chân anh qua suối. Đến đoạn nước sâu, cô kéo quần lên để tránh ướt. Anh giật mình nhìn bắp chân trắng muốt của cô. Làn da vẫn mỏng mịn như xưa, nhưng lạ quá, không còn thấy vết sẹo ngày trước. Anh buột miệng:

– Vết sẹo đâu em? Nó mất đi từ bao giờ vậy?

Châu cười thật vô tư:

– Làm gì có sẹo hả anh? Hồi ấy chỉ sáu tháng sau là vết thương đã lành hẳn, chẳng để lại dấu vết nào cả.

Giọng anh rầu rầu:

– Vậy mà anh cứ tưởng...

Thật may là anh chưa nói với Châu về nỗi ám ảnh của vết sẹo chưa một lần bùng tha anh suốt bao năm trời, như một hình ảnh kinh hoàng.

Châu vẫn cười ngật nghéo:

– Ông tiến sỹ của em lắm to rồi. Ừ! nếu mà có một vết sẹo ở chân thì xấu lắm anh nhỉ?

Anh cảm thấy tiếng cười trong trẻo của cô chạy dọc bờ suối, và hình như nó còn vang mãi đến tận rừng xa.

Anh vừa đi vừa ngoái nhìn bàn tay vẫy vẫy của Châu mỗi lúc một xa mờ. Anh lê từng bước trên con đường sẫm đỏ. Mắt anh nhoà đi. Anh hoảng hốt khi thấy đôi mắt nhòe ướt đấy, bỗng hiện lên vết sẹo. Vẫn là vết sẹo trên bắp chân Châu. Anh nhắm mắt, cố xua đi hình ảnh khủng khiếp ấy, nhưng không được. Vết sẹo vẫn cứ trùng trùng trước mặt anh. Trời ơi! Anh khẽ kêu lên. Cái vết sẹo ấy đâu phải là sự thật mà chỉ là nỗi ám thị của anh suốt mấy chục năm trời. Chỉ là một ảo ảnh. Anh khẽ thở dài. Phút giây, anh chợt hiểu rằng, có lẽ rồi đây, cũng như Châu, dù có khổ đau, anh vẫn nguyện sống chung với cái ảo ảnh ấy.

CÁI KÍNH

⇒ TRỊNH HOÀNG VIỆT

S

ấp đến 30 năm kỷ niệm ngày thành lập Trường Hàm Long, công đoàn phát động giáo viên viết bài về kỷ niệm sâu sắc nhất trong đời dạy học. Đêm nay bà giáo Phương Hạnh ngồi vào bàn. Trời đã chuyển sang tiết thu khô hanh, căn nhà ngoại ô ngập tràn ánh điện, hương vườn bay vào ngào ngạt. Đêm khuya, tiếng côn trùng, tiếng dế nghe rất rõ. Bao kỷ niệm của gần 30 năm dạy học cứ trào lên... Những thốn thức trần trở về bài giảng trước giờ lên lớp. Những tình huống bất ngờ. Những thăng hoa bao ý mới lạ trong các giờ học được đồng nghiệp đánh giá cao. Những khuôn mặt bạn bè gần bó thân thiết theo suốt chặng đường dạy học giờ đây nhiều người không còn nữa. Nhưng ấn tượng lung linh nhất là những khuôn mặt các thế hệ học trò cất cánh bay lên từ tổ ấm lớp bà làm chủ nhiệm, họ đã vững vàng trong cuộc sống, vẫn nhớ mái trường xưa, cô giáo xưa

bằng những cánh thư chân tình, đầm thấm, chứa chan ơn nghĩa. Và rồi những khuôn mặt những số phận... Cô bé Ngọc Trâm định tuyệt mệnh vì bố mẹ mắng vô lý, không biết bà nói những gì mà Ngọc Trâm không làm việc đại dột và trở nên chăm ngoan. Cô bé Lưu Thuỷ con ông xích lô xóm Cầu Liêu, mẹ mất sớm, đông em. Nghèo khó quá, Lưu Thuỷ định bỏ học. Những bài giảng về tình thương người đã làm cho các em trong lớp xúc động, đã bảo nhau giúp đỡ Lưu Thuỷ. Giờ đây Lưu Thuỷ đã trở thành đồng nghiệp của bà. Rồi Quang, Long, Anh, Minh,... những học trò giỏi tiêu biểu của lớp đạt những giải cao, cấp thành phố, cấp tỉnh, giờ đây đã là cán bộ khoa học, những nhà giáo, bộ đội, công an, giám đốc xí nghiệp,... giữ những chức vụ trọng yếu trong các cơ quan của tỉnh và quốc gia... Trầm ngâm suy tư, nước mắt bà rưng rưng... tay gỡ cái kính, lấy cái khăn lau mắt, rồi lại cầm cái kính lên. Cái kính!... Có gì như sáng lên trong tâm trí bà. Hai tay bà nâng nâng cái kính. Cái kính đã gợi cho bà nhớ về một kỷ niệm, nhớ về một con người. Con người ấy cứ hiện dần, hiện dần và sự xúc động cứ trào lên, trào lên thốn thốn, nhức nhối.

Năm ấy, cũng tiết trời khô lạnh này, mẹ của Phương Hạnh già yếu lắm, chỉ khao khát một điều là trước khi nhắm mắt xuôi tay, được vào nghĩa trang Trường Sơn, thấp cho con trai nén hương (em trai bà giáo), người con hy sinh thời chống Mỹ ở chiến trường Trị – Thiên 1968. Bận bao công việc, mãi Phương Hạnh mới thu xếp đưa mẹ đi được. Trên đường về mẹ như khoẻ lên, nói chuyện vui vẻ. Nào là Ban nghĩa trang tiếp đón ân cần, nhân viên khách sạn tận tình. Nào là... thôi thì để trong đó cho nó có bạn bè, mẹ cũng yên lòng rồi. Cứ mỗi lần mẹ nói đó, cười đó, Phương Hạnh lại mỉm lòng rưng rưng nước mắt.

Hai giờ sáng tàu dừng ga Thanh Hoá. Phương Hạnh xuống tàu, định đưa mẹ vào nhà trọ cho yên tâm, nhưng mẹ lại nói: "Mẹ khoẻ thôi, thuê chuyến xích lô đưa mẹ về nhà, mẹ nhớ các cháu, nhớ nhà lắm (thật lạ, khao khát đi xa mấy ngày đã sốt ruột muốn về!). Hiểu lòng mẹ, Phương Hạnh gọi xích lô.

Trời vào cuối thu, lạnh, đường vắng, hai bên đường loáng thoáng bóng nhà nhưng cửa đều đóng im ỉm, tăng bật xe xích lô trùm kín, làm cảnh đêm khuya thêm âm thầm, rờn rợn. Bỗng có tiếng ồn ở bên ngoài:

– Ế, xế lô! Tàu Bắc Nam hả, lưa tý xìn.

Mặc cho người xích lô khốn khổ khấn khoản: Chúng mày tha cho người ta, hai mẹ con đàn bà có gì đâu mà. Chúng vẫn tung bật xe, chỉ vào mặt hai mẹ con bà giáo dữ dằn:

– Cấm la!

Phương Hạnh chỉ còn cách ngồi nép lại ôm chặt mẹ, ba tên trấn lột, lục lợi đồ đoàn. Một tên thấy hai mẹ con đeo kính chăm chăm nhìn chúng, nó giật lấy hai cái kính đập xuống đường và nói:

– Cần gì phải nhìn cho rõ đời mà đeo kính.

Bỗng, – Á, ối! Hai tên đang cúi lục lợi bị đánh bất ngờ ngã vật ra đường, còn tên kia vừa bỏ chạy vừa la:

– Chuồn thôi!

Ba bóng đen hút vào ngõ sâu, bà mẹ run lập cập. Phương Hạnh nhận ra trong nhập nhoè bóng tối hình dáng anh bộ đội. Bỗng nghe tiếng kêu thảng thốt: "Ôi! Cô giáo, thưa cô! Em là Phạm Hùng đây, Phạm Hùng 10A năm học 1976 – 1977 đây.". Nghe tên, Phương Hạnh gượng gạo, ngờ ngờ rồi chợt nhớ ra: "Ôi! Phạm

Hùng đấy à, to lớn quá cô không nhận ra em, em vào bộ đội bao giờ thế, không có em, suýt nữa cô gặp tai nạn, cô cảm ơn em."

Phạm Hùng kể sơ qua về chặng đường đời của anh sau khi thôi học, năm sau anh vào bộ đội, đi chiến đấu ở chiến trường Tây Nam, rồi thi vào trường sỹ quan trình sát, nghỉ phép, giờ đây ra tàu về đơn vị ở biên giới phía Bắc.

Anh giục người xích lô đưa mẹ con Phương Hạnh về kéo rết. Phương Hạnh ngoái lại còn thấy anh lững thững theo sau xe, cho đến khi xe đi hết quãng đường vắng, anh mới dừng lại quay về hướng nhà ga.

Xe về, cả nhà ra đón, trò chuyện hỏi han vui vẻ. Bà cụ mệt nên kể qua quýt câu chuyện dọc đường, rồi bà đi nghỉ sớm. Ai cũng bàng hoàng và trầm trồ cảm phục anh bộ đội có nghĩa tình, rồi tất cả cùng dọn dẹp đi ngủ.

Phương Hạnh kéo nhẹ hai cánh cửa lại cho khỏi lạnh. Trước khi khép cửa, lặng phút giây nhìn vào khoảng tối, dường như có bóng người bộ đội đang lặng lẽ xa dần hun hút trong đêm. Hạnh vẫn trần trở nghĩ về Phạm Hùng, người học trò cách đây hơn chục năm.

Cậu học trò ấy dong dỏng cao, da ngăm ngăm đen, quần áo không có cái nào lành lặn. Bọn trẻ trong lớp gọi là quần ti vi, áo hoàn cảnh. Không mấy khi thuộc bài, nên trong lớp ngồi co ro, ít nói vì sợ bạn chê cười ngu si, cả ngố. Biết là cậu ta tự ti, nên mấy lần Phương Hạnh kiểm tra câu hỏi dễ dàng. Hùng trả lời được, cô cho điểm cao. Lúc ấy khuôn mặt Hùng như sáng lên. (Có lẽ trên đời không gì đẹp bằng khuôn mặt học trò khi thuộc

bài đạt điểm cao). Có lần Phương Hạnh đến nhà, nhìn căn nhà đơn sơ, cái giường gãy phải kê bằng gạch, cái màn vải ngả màu nước dưa còn buộc túm mấy chỗ thủng. Phương Hạnh phàn nàn với cán bộ lớp, thế là cả lớp giúp đỡ hỗn nhiên. Hôm nhận tiền, Phạm Hùng không vui: "Em xin cảm ơn cô và các bạn, nhưng em xin giao lại làm quỹ cho lớp". Nói mấy cũng không nhận. Minh – Lớp trưởng giấu đưa riêng cho bố Hùng. Thế rồi không hiểu sao, Hùng tham gia băng trấn lột các bạn trong trường sau mỗi buổi học. Khi bị phát hiện, Hùng bị hội đồng kỷ luật quyết định đuổi học. Phương Hạnh trình bày hoàn cảnh bản thân và gia đình Hùng, xin hội đồng vẫn cho học để tiếp tục theo dõi giáo dục. Được hội đồng đồng ý. Nhưng một thời gian sau Hùng bỏ học. Phương Hạnh nghĩ, có lẽ Hùng học kém nên chán học. Thương Hùng, nhưng việc học phải là sự tự nguyện dấn thân, cần cù chịu khó, có khổ học mới có kết quả, nhà trường đâu phải là sân chơi. Do bận nhiều công việc, Phương Hạnh không nghĩ về Hùng nữa. Giờ đây gặp lại bất ngờ quá, người học trò ấy xuất hiện trong tư thế nghĩa cử, như duyên nghiệp của cuộc đời làm Phương Hạnh có gì đó vừa như tự hào vừa như ân hận.

Một tuần sau Phương Hạnh có giấy báo nhận bưu phẩm. Băn khoăn không biết ai gửi cho mình. Lâu lắm rồi Phương Hạnh có gửi cho ai và có ai gửi thư cho Phương Hạnh đâu. Nhưng rồi Phương Hạnh vẫn xin giấy chứng thực lên bưu điện. Mở gói bưu phẩm, Phương Hạnh nhận ra một lá thư kèm theo một cái kính rất đẹp, đeo rất vừa mắt. Ôi! Thư của Phạm Hùng:

"Kính thưa cô!

Khi cô nhận được thư thì em đã ở thị xã Lạng Sơn rồi. Trời đã cho em được gặp cô – cô giáo mà cả đời em không bao giờ quên được. Bao nhiêu lần về phép, em cứ ngập ngừng đứng xa nhìn, không dám vào nhà cô, không biết cô có tha thứ cho người học trò hư, đã bao lần làm phiền cô không?

Thưa cô, bao nhiêu lần em muốn đến nói với cô để cô hiểu em hơn. Gia đình em, cô biết rồi, mẹ em ốm, bố em phải bươn chải kiếm sống. Quẩn quá, nhiều khi ông về nhà cáu bẳn quát tháo chúng em. Thưa cô, em thiếu đủ thứ: Sách, vở, tiền học và thời gian. Em biết, cô đã từng kể những tấm gương khắc phục khó khăn, vượt khó của người xưa. Có người đã bắt đom đóm bỏ vào chai để thay đèn học tập và họ đã thành tài. Nhưng em đâu có tài như họ, em chỉ là thằng bé nghèo học kém, nên em đành bỏ học. Cô hiểu cho em, chứ không phải những nguyên nhân khác đâu. Lúc ấy em không muốn gặp bạn, gặp cô, không phải là em mặc cảm đâu, mà để tránh sự động viên khi em đã quyết bỏ học để giúp đỡ bố mẹ trong cuộc sống. Còn việc trấn lột, không phải em đồn mạt như vậy đâu cô ạ, nhất là những người bị hại là bạn của em. Hoàn toàn do bọn xấu đe dọa và bắt em làm. Ngay hôm họp hội đồng kỷ luật, em sợ, không dám trình bày. Dù các bạn không xa lánh em nhưng em thấy xấu hổ vô cùng, sự hèn mạt yếu đuối hồi ấy của em không chấp nhận được. Sau này em mới hiểu ra, kẻ xấu có đáng là bao giữa bao nhiêu người tốt quanh ta, luôn dang rộng vòng tay che chở cho ta, sao lại sợ chúng chứ. Thưa cô, có lẽ đó là bài học lớn của đời em. Hai năm sau, em trúng tuyển nghĩa vụ. Cuộc sống quân ngũ rèn

luyện cho em thêm vững vàng, tự tin. Em đã lập chiến công tại chiến trường biên giới Tây Nam. Cô ạ! Hôm em được biểu dương, trao huân chương, hình ảnh cô lại cứ hiện lên, xúc động vô cùng, không hiểu sao nước mắt cứ trào ra. Mấy cậu bạn không hiểu lại trêu em: "Dũng sỹ ơi! Sao mà yếu đuối thế.". Sự thành đạt của các bạn trong lớp ta, có thể hơn em nhiều, nhưng em ngàn lần cảm ơn cô đã chăm sóc yêu thương em, một đứa học trò vừa kém vừa hư. Mái trường Hàm Long, nơi cô công tác là mái ấm tình thương trọn cả thời tuổi trẻ của đời em. Em xin cảm tạ nhà trường. Em xin cảm ơn cô.

Lần gặp cô ở ga tàu, em đứng lặng chờ xe cô đi khuất xa xa, em mới tiếp tục về nhà ga. Đến chỗ cô bị nạn, em thấy có gì lấp lánh, cứ tưởng đồ của cô rơi, cúi xuống, thì ra hai cái kính mắt bị vỡ. Em cầm lên bọc giữ lại làm kỷ niệm. Biết số kính, em mua kính khác gửi về cho cô dùng, mong rằng nó sẽ là vật lưu niệm nhỏ bé của em đối với cô. Cô thông cảm nhận giùm cho em vui...".

Cứ mỗi dòng trong thư, như sáng lên những trần trở một thời về một người học trò của Phương Hạnh. Thì ra Phạm Hùng bỏ học đâu phải vì sợ dị nghị, và học kém cũng không phải là nguyên nhân chủ yếu. Động cơ của Phạm Hùng lớn lao hơn nhiều. Giờ đây Phương Hạnh mới phát hiện cái tâm rất sáng của một cậu học trò bị coi là hư. Thì ra sự đôn hậu, tình cảm yêu thương của Phương Hạnh vẫn chưa thể bao chứa hết những nỗi éo le của số phận học trò. Nhiều khi vì những chuyện thường nhật, người giáo viên dễ đơn giản hoá và quên đi một cuộc đời; và sự quên đi đó có gì bất nhẫn quá. Phương Hạnh ghen ngào rừng rừng nước mắt. Cô thấy mình như còn nợ rất nhiều với các thế hệ học trò và

cuộc đời này. Nhiều khi, gần gũi tìm hiểu học sinh một chút, chỉ cần sử dụng một biện pháp tâm lý, một cách cứu cánh nhẹ nhàng lại đạt hiệu quả rất lớn, mở ra một bước ngoặt cuộc đời của một con người. Không ai trách Phương Hạnh. Bức thư của cậu học trò 10 năm về trước đã cho cô nghị lực vươn lên để không phải xấu hổ về mình. Phương Hạnh nghĩ về Phạm Hùng: Trường đời đã dạy cho cậu ấy, con đường cậu ấy chọn thật đúng đắn.

... Mạch cảm xúc trào dâng, bà Phương Hạnh cầm bút viết lại... Hôm sau, bà đưa bài viết cho thầy Hiệu trưởng:

– Anh ạ, anh gọi là truyện ngắn, hồi ký hay là gì cũng được.

Đọc xong, thầy Hiệu trưởng mỉm cười nhìn bà thân mật:

– Chị cả nghĩ quá, nhưng cần thế, phải thế. Tôi rất cảm động về một câu chuyện thật lòng.

Anh nghe tiếng thở mạnh và dài như trút một khối nặng được giải tỏa. Nhìn bà giáo Phương Hạnh, dường như anh thấy đôi mắt bà sáng lên sau cặp kính đẹp.

MẸ TÔI VÀ CÔ GIÁO KHÁNH

➡ NGUYỄN ĐÌNH HÁT

"Ai nâng cánh ước mơ cho em? – Là thầy cô giáo không quản ngày đêm...".

Giai điệu bài ca các em đang ngân lên, như làn gió mát lành thổi vào tâm hồn tôi, lại như mũi kim êm đềm chạm vào khoảng nào đó sâu thẳm, để rồi sáng bừng lên trong tôi một quãng đời đầy kỷ niệm: quãng đời cấp sách cực nhọc nhưng rất đổi dễ thương và lắm đại khờ...

*

*

*

Là một cậu bé sinh ra và lớn lên ở vùng quê nghèo thời điểm chiến tranh loạn lạc, nên việc học rất khó khăn và bao lần phải gián đoạn. Năm mười lăm tuổi, tôi mới học lớp Nhất trường huyện và chuẩn bị thi vào Đệ nhất. Năm ấy, gia đình tôi lại lâm vào tình

cảnh khốn khó và bi thảm hơn: Chiến tranh đã cướp mất cha tôi trong một đêm lửa đạn ngút trời, để lại mẹ tôi yếu đuối và chín anh em thơ dại – một lần nữa tôi phải nghỉ học! Nghe tin, cô Khánh – giáo viên chủ nhiệm của tôi rất buồn. Cô lại đến thăm như nhiều lần cô đã đến để động viên và dạy bù tôi trong những ngày tôi nghỉ học. Mỗi lần nhìn bóng dáng cô bước đi liêu xiêu, khó nhọc trên con đường khúc khuỷu vào làng là tôi thấy mình thật có lỗi. Còn mẹ tôi, người rất cảm động và lấy làm ngại, nhưng rồi mẹ chẳng biết làm gì hơn, ngoài lời cảm ơn chân thành và tấm lòng quý trọng.

Làm sao tôi quên được, vào buổi chiều chủ nhật hôm ấy, trời lát phát mưa bay. Trên bờ ruộng của cánh đồng Bàu Sa quê tôi, mẹ tôi và cô đã nói chuyện thật nhiều. Rồi mẹ tôi khóc. Tôi cảm thấy như mây thêm vần vũ và mưa thật buồn! Khi luống cày đến gần nơi mẹ tôi và cô giáo ngồi, tôi nghe loáng thoáng lời cô nói với mẹ: "... Như bác thấy... Tội cho em lắm bác ạ! Mới chừng ấy tuổi đầu... còn đứng dưới chuỗi cày. Tiếc lắm!... hiền lành, học giỏi...". Tôi nhìn mẹ và cô định thưa một điều gì, nhưng phải vội quay đi, vì tự nhiên nước mắt cứ chực trào ra. Và, hình như cô Khánh cũng khóc. Cô nhìn tôi với đôi mắt đỏ hoe và ngấn nước. Tôi tôn quý cô vô cùng về lòng tận tụy, thương học trò. Và càng thương mẹ tôi hơn, bởi có người mẹ nào lại chẳng muốn con mình học hành đến nơi, đến chốn!

Vậy là tôi được đi học bình thường và chuẩn bị thi vào trung học, với lời hứa mẹ tôi dặn dò: "Con phải đến vòng tay mà tạ ơn cô... Vì tấm lòng nhân hậu của cô mà mẹ không đành để con phải thất học! Cha con mất, nhà

mình nghèo quá! Em con lại đông. Chứ mẹ nào... Thôi, con cố gắng để không phụ lòng cô giáo". Nói xong, trên khuôn mặt hao gầy của mẹ tôi lăn nhanh hai giọt nước mắt ngậm ngùi!

Vào buổi học cuối cùng năm ấy, khi tiếng trống trường vừa tan. Cô Khánh gọi tôi cùng lên văn phòng và trao cho một chiếc thùng các-tông khá lớn, có niêm dán sơ sài. Cô đặt tay lên vai tôi một hồi lâu. Trong ánh mắt nhân từ ấy, cô như ái ngại, đắn đo một điều gì. Cuối cùng, vẫn giọng nói êm nhẹ, gần gũi, cô bảo: "Em được tiếp tục đi học, cô mừng! Em phải hiếu và thương mẹ nhiều hơn nha! Có thể cô sẽ chuyển trường vào năm tới. Cô có cái hộp này... nhờ em giữ hộ. Sau mùa thi cô sẽ vào lại. Chúc em thi đạt kết quả tốt. Cô tin ở em!". Nói đoạn, cô rút từ trong cặp một tờ khai sinh tên tôi, và cô nói tiếp: "À, đây là khai sinh mới của em, cô đã nhờ người sửa tuổi cho hợp lệ. Hồ sơ thi cô đã chuyển...". Tôi chỉ biết "vâng, dạ" với lời cảm ơn suông, rồi khệ nệ ôm chiếc thùng ra nhà xe. Hoa phượng lúc này chưa rộ, nhưng cũng đã đỏ thắm sân trường, hoà cùng màu áo trắng học sinh, màu thiên thanh áo dài cô giáo, cộng với âm thanh tiếng ve kêu râm ran..., khiến tâm hồn tôi dâng lên niềm cảm xúc đặc biệt: vừa ngọt ngào vui vui, vừa man mác buồn buồn, pha lẫn một chút giận hờn vô cớ, chút nuối tiếc vu vơ! Về đến nhà, tôi thận trọng đặt chiếc thùng lên đầu tủ sách. Đối với tôi, điều gì có liên quan đến cô cũng đều thiêng liêng và cao đẹp. Ngoài tình nghĩa thầy trò, cô trở thành người ruột thịt trong tôi tự bao giờ! Ở nơi cô đã có mẹ tôi, chị tôi và những người thân yêu nhất.

Thế rồi, niên học kết thúc và mùa thi cũng qua. Tôi vô cùng sung sướng vì kết quả ngoài sự mong ước: tên tôi đứng đầu danh sách trúng tuyển, và được đọc nhiều lần trên đài phát thanh huyện. Nhưng thương mẹ tôi quá! Với tấm thân khô gầy, xơ xác như tàu cau sau cơn bão, vì nỗi đau buồn chưa nguôi ngoai, và còn phải gánh vác nhiều công việc đồng áng để dành thời gian cho tôi. Nhưng nghe tên tôi trên đài, mẹ mừng vui, ôm con vào lòng mà nụ cười thì héo hắt! Và, đúng như hẹn, cô đã trở về. Cô rất hài lòng với kết quả thi cử của tôi. Có lẽ, đây là món quà đầu tiên và duy nhất tôi đền đáp công ơn sinh thành và dạy dỗ. Hôm ấy, cùng nhiều thầy cô, bạn bè liên hoan chúc mừng, chia tay..., dường như thầy trò tôi là hai trong những người vui nhất. Bỗng dưng cô hỏi nhỏ tôi:

– Sao em không mặc áo mới? Thủ khoa mà lại...!

– Dạ! Em không...

– Giày của em đâu rồi?

– Thưa cô, em... không có ạ! – Tôi khẽ đáp.

Hình như cô Khánh chợt hiểu ra điều gì. Có một lần khó nhọc lướt qua đôi mắt vốn hiền và khoan dung của cô. Cô lặng nhìn ra khoảng không trước sân trường. Cạnh bên, là tôi – cậu học trò ngu ngơ, ngốc nghếch cũng lặng thinh... nhìn trời. Tôi đâu ngờ cái độ thật thà đến ngây ngô, đại dột của tôi đã phụ lòng cô nhiều quá! Hoa phượng nơi sân trường vẫn tươi thắm mà sao nhìn tôi như trách móc, như mỉa mai... Lát sau, cô Khánh hỏi tôi mà như khẳng định:

– Em chưa xem cái hộp mà cô gửi cho?

– Dạ.... em không dám ạ! – Tôi lúng túng.

– Trời, tội nghiệp, cậu học trò bé bỏng của tôi chưa!

– Cô xoa đầu tôi và cười buồn:

– Lỗi tại cô mất rồi! Thôi, chiều về nhớ mở ra xem giùm cô đi nha, cô cho phép...

Khi tôi biết được đó là món quà lớn cô Khánh cho tôi, bằng nhiều tháng lương cô dành dụm, thì cô đã đi rồi. Cô chuyển về một trường nào đó xa lắm! Với tôi lúc bấy giờ, ngoài lũy tre làng Hoán Mỹ và ngôi trường Đại Lộc thân yêu, thì ở đâu cũng đều xa xăm, mới lạ. Tôi chưa kịp "vòng tay tạ ơn cô" như mẹ dặn dò... Tôi vào trung học, và đâu ngờ lần chia xa đó đến nay đã hơn ba mươi năm. Đành rằng chiến tranh ly tán, nhưng tôi mãi canh cánh bên lòng nỗi ân hận chưa đến gặp cô.

Ba mươi năm với biết bao vui buồn, thăng trầm của một đời người: Quê hương được giải phóng, tôi học xong cấp III rồi vào bộ đội. Suốt thời gian ấy tôi cố tìm tin tức của cô nhưng nào biết được! Một lần ở biên giới Tây – Nam, tôi bị thương nặng tưởng không qua khỏi, đồng đội tôi không cầm được nước mắt khi thấy trong ba lô tôi chỉ có kỷ vật của cô và những lá thư của mẹ. Niềm tin và tình thương yêu vực tôi dậy, và tôi đã trở về. Với cuộc sống đời thường, cũng có lúc tôi cảm thấy thảng hoa, nhưng cũng lắm khi muộn phiến. Nhưng cho dù gặp hoàn cảnh nào, ở đâu, trong ký ức tôi vẫn in đậm hai hình ảnh thân yêu: Đó là mẹ tôi và cô giáo Khánh với những giọt nước mắt xót xa, nhân từ trong một chiều mưa phùn, cùng nụ cười hạnh phúc trong ngày tôi thi đỗ. Mẹ và cô đã cho tôi nhiều quá, hy sinh cho tôi nhiều quá, đã góp vào hành trang của tôi một tài sản vô cùng quý báu, để cho tôi biết sống làm người, biết dừng chân trước khi lạc lối; biết khóc và cười; biết ghét và yêu...

Bây giờ, tháng mười một đã về! Đây chính là những ngày hân hoan, ý nghĩa nhất của thầy cô và những ai cấp sách đến trường. Từ mái đầu điểm bạc đến những mái tóc còn xanh đã tìm về thăm thầy, cô giáo cũ như những cánh chim từ các phương trời bay về tổ ấm – nơi chập chững bay đi. Nhìn các em nô nức đón ngày Nhà giáo Việt Nam, với giọng hoạ mi trong trẻo, ân tình: "*Ai dạy dỗ chúng em nên người? – Là thầy cô em ghi nhớ suốt đời...*", trong tôi lại dâng lên lòng kính nhớ vô biên hoà cùng nỗi niềm day dứt.

Tôi vội đạp xe về nhà lật tìm kỷ vật cô đã tặng tôi, mà tôi đã và sẽ mang theo suốt cuộc đời. Đó là quyển sách *Tâm hồn cao thượng*, (nguyên tác *Les grand coeurs*) của văn hào người Ý Edmond De Amicis, do Hà Mai Anh dịch, đã cũ nhàu bởi chúng tôi cứ chuyền tay nhau đọc hồi chiến trường K. Bên trong là tấm cạc trắng đã phai màu, tấm cạc ngày xưa cô để trong thùng quà với bao nhiêu là vật dụng: áo, giày, sách vở,... cùng một số tiền. Những dòng chữ của cô là cả một tấm lòng nhân ái: "*Rất tiếc cô phải đi xa! Món quà nhỏ này gọi là tiếp sức cho em... Hãy vượt qua mọi trở lực để khẳng định mình – Người học trò mà cô tin yêu, quý mến nhất! Cô giáo: Hồ Thị Mỹ Khánh. NK: 1971–1972.*". Tôi lại đọc, đúng hơn là nâng niu, ngắm nhìn như cố tìm hình ảnh của cô sau từng nét chữ thân yêu...

Ngoài kia, trời đã khuya và có mưa bay. Từng sợi mưa mỏng miệt mài đan chéo qua vùng ánh sáng đèn đường, tạo thành không gian đẹp huyền ảo; Từng làn gió lành lạnh thổi qua cửa sổ làm con người dễ chịu. Bỗng chốc, tôi thiếp đi và mơ màng nhìn mình trở về

thời xa xưa trên đôi cánh ước mơ, với hai đoá hoa hồng tươi thắm ngát hương. Một đoá, tôi đem về dâng lên mẹ để Người vui trong cõi vĩnh hằng. Còn đoá hồng kia cùng tôi trên đôi cánh nhiệm màu bay đi tìm cô cho kịp ngày hội lớn. Và, tôi đã tìm ra ngôi trường cô đang dạy – một ngôi trường vừa lạ lắm vừa quen quen, bên triền đồi nhỏ, xung quanh có đồng lúa xanh rờn. Lạ thay, cô vẫn trẻ như xưa, vẫn chiếc áo dài xanh màu da trời thảng chập, với nụ cười khoan từ, cô đưa tay đón tôi như thời tiểu học. Tôi chỉ kịp dâng tặng cô đoá hoa hồng và vòng tay thưa cô như lời mẹ dạy... Thì kìa, hàng trăm đôi mắt học trò đang ngơ ngác nhìn tôi và rồi các em hiểu ra nên vỗ tay reo mừng nồng nhiệt...

Tôi bừng tỉnh trong niềm vui huyệt hẫng và sự nuối tiếc vô bờ! Trên tường, chiếc đồng hồ vẫn khoan thai đồ nhịp, nhưng tôi nghe như là điệp khúc "Nhất – tự – vi – sư",... "Nhất – tự – vi – sư".

NGÔI SAO MÀU XANH BIẾC

⇒ NGUYỄN THỊ LÀNH

N

ó trở lại trường khi cây phượng trước cửa phòng ký túc đã thôi đơm hoa. Thu đã sang mà những cơn mưa vẫn bất chợt như mùa hạ. Chiều muộn, sau cơn mưa ào ạt nó ra khỏi phòng đi bộ qua những con đường có hàng cây xà cừ cổ thụ. Sáng nay đến lớp nó nhận được thư chú Khải, lá thư đánh máy chỉ vắn vẹn có vài chữ nhấn: "*Cuối tuần Hạ về chơi với mẹ cho mẹ đỡ buồn, tuần sau chú phải đi công tác ở Quảng Đông*": Nó không căm ghét chú Khải như mọi người vẫn tưởng, chỉ thấy rất buồn mỗi khi đi cùng chú hay nhận được thư chú như hôm nay. Giá bây giờ nó có thể chạy đến bên thầy... Thầy ơi!...

... Bố mẹ quyết định ngăn đôi căn nhà hai tầng để sống ly thân năm nó vào lớp mười. Bố viết đơn ly dị năm bảy lần giục mẹ ký để dứt khoát mọi thứ. Còn mẹ, mỗi lần bố gõ cửa đưa đơn cho mẹ, mẹ lại im lặng. Nó ở với

mẹ trên tầng hai luôn thảng thốt giật mình mỗi khi có tiếng gõ cửa của bố. Một lần nó ngập ngừng hỏi mẹ:

– Có phải mẹ vẫn còn yêu bố như ngày mẹ hai mươi tuổi không?

Mẹ không trả lời với tay mở toang cửa sổ. Nó không hiểu.

Căn nhà im lặng đến phát sợ. Mỗi ngày ngoài tiếng xả nước khi nấu cơm, tiếng những chiếc bát va vào nhau khi nó rửa, tiếng thở dài mệt mỏi của mẹ thì nó không còn nghe thấy gì nữa. Ngoài buổi học trên lớp nó luôn phải ở nhà một mình. Những lúc muốn khóc nó lại ra ban công tưới nước cho cây hoa đá và tự nói chuyện.

Sống mãi trong sự im lặng, nó hay khóc, cáu gắt và thù ghét mọi người. Có lúc nó chưa chát nhận ra rằng, nếu bố mẹ bỏ nhau biết đâu lại là hạnh phúc... May thay, nó tìm được một người bạn – Thành – một người luôn quan tâm đến nó làm cho nó cười mỗi buổi đến lớp. Nhưng chưa hết kỳ hai lớp mười, Thành lại chuyển đi một nơi rất xa. Hai đứa mất liên lạc. Từ đó không còn ai đánh thức nụ cười trên môi nó nữa. Từ đó đến lớp nó không còn nói chuyện với ai. Ai cũng đều có một gia đình hạnh phúc, làm sao mà bạn bè hiểu được nỗi buồn trong lòng nó.

Năm tháng cứ thế trôi đi. Một ngày tháng tư nó tròn mười bảy tuổi. Sáng ra đi học tự thấy vui vui, đâu đó trong vòm lá xanh biếc những bông hoa bằng lăng khẽ cựa mình thức giấc. Niềm vui vốn hiếm hoi và khát khe với nó bỗng chốc tan biến khi nó nhìn thấy mẹ ngồi rất tình tứ sau xe một người mà không phải là bố. Nó bỏ học lên ngôi chùa nhỏ đằng sau trường ngồi khóc. Một cảm giác mát mát hệt hăng làm cho nó nghẹt thở, nó giận mẹ ghê gớm, nước mắt cứ trào ra.

– Chúc mừng sinh nhật Hạ!

Nó vụt đứng dậy hốt hoảng:

– Thầy Hưng! – Trên tay thầy cầm một hộp quà bọc giấy màu tím, phải đến mấy phút sau nói mới dám chìa hai bàn tay ra nhận.

Thầy Hưng là giáo viên chủ nhiệm từ năm nó học lớp mười nhưng nó không bao giờ dám gần thầy vì thầy dạy Toán còn nó lại là học trò dốt Toán nhất lớp.

– Thầy có thể chia sẻ với em những mất mát mà em đang phải gánh chịu không?

Giọng nói ấm áp của thầy làm nó lại oà khóc.

– Em vẫn tự hỏi trên đời này có bao nhiêu nỗi buồn, nỗi buồn nào con người có thể vượt qua, nỗi buồn nào không. Em yêu bố mẹ em nhưng bố mẹ lại không yêu nhau, em cứ chới với giữa sự thương yêu và lòng hận thù. Thầy ơi nếu mẹ đem lòng yêu một người khác, mẹ còn thương em nữa không?

– Đời người còn nhiều nỗi buồn, nhưng nỗi buồn nào con người cũng có thể vượt qua nếu biết đem chia nó cho những người biết sẻ chia. Khi nào Hạ đủ lớn để nhìn mọi thứ không ngỡ em sẽ thấy điều đó, còn bây giờ thầy lại em đi qua những con đường có những hàng cây nhé?

Nó và thầy rời khỏi ngôi chùa. Thầy lại nó đi chậm chậm qua những con đường, con đường nào cũng đầy cây che mát. Gió nhẹ lùa tóc nó khẽ bay. Nó bỗng thấy mình bé lại như ngày học cấp I. Đó là những ngày nó ngồi sau chiếc xe đạp luôn luôn sập cá của bố. Hôm nào đón nó đi học về bố cũng trêu cho nó cười giòn tan cười nhiều đến nỗi về đến nhà đau bụng quá không nói được. Những lúc đấy mẹ lại hốt hoảng bế nó vào ghế và quay

ra câu với bố: "Anh còn thương con nữa không?". Những lúc ấy bố lại đưa tay ra đằng sau gãi đầu như cậu học trò biết lỗi. Thương bố những lúc ấy dù rất đau nó vẫn cố hét thật to để mẹ không giận bố nữa. Bao giờ cũng thế cứ lúc nào nó hét xong bố lại chạy đến bên ghế ôm chầm lấy nó, còn mẹ thì lắc đầu mỉm cười.

Gặp bà cụ bán bánh đa nướng, thầy dừng lại mua cho nó hai cái. Thầy kể: "Ngày xưa thầy còn bé, những chiều hè mãi chơi bị bà nội mắng, mẹ thầy lại dắt thầy đi chơi vòng quanh con đường làng. Lần nào mẹ cũng đem theo một ít tiền đủ mua cho thầy một bát hạt sen luộc của ông cụ Đán. Lúc đầu thầy không thể ăn được vì hạt nào cũng có phần tâm sen rất đắng, nhưng mẹ thầy bảo hạt sen rất bùi, chỉ có một ít là đắng song nếu con đi hết con đường này từ đầu xóm đến cuối xóm, vừa ăn con vừa nói chuyện với mẹ con sẽ chỉ thấy hạt sen rất bùi. Và quả đúng là như vậy Hạ ạ! Còn bà nội thầy thì ngược lại, phiên chợ nào bà cũng mua cho thầy một cây mía tím vừa mềm vừa ngọt. Vì ngon nên lúc nào thầy cũng đòi ăn cho hết một cây trong một lúc, vì thế mà lần nào ăn xong thầy cũng no đến mức không thể đi đâu nữa. Những hạt sen vừa bùi vừa đắng, những cây mía tím ngọt mềm cứ mãi đi theo cuộc đời thầy."

Những con đường với những hàng cây xanh mát cùng với câu chuyện thuở ấu thơ của thầy làm nó quên hết mọi giận hờn. Chợt thầy dừng lại bên con đường với một dãy dài là những cây bằng lăng đang sắp nở hoa. Thầy bảo: "Bởi có một màu tím khó khăn nên dù nở cùng hoa phượng nhưng bao giờ bằng lăng cũng tàn trước, cũng như hạnh phúc thật sự bao giờ có được người ta cũng phải đánh đổi bằng nhiều thứ mất mát".

Con đường thưa người qua lại nó giật mình, biết đã quá trưa. Nó ngập ngừng hỏi:

– Trưa nay thầy không về ăn cơm như mọi khi cô và các anh chị có buồn không ạ?

Thầy quay sang nhìn nó mỉm cười:

– Thầy chỉ sống có một mình thôi, thầy... thầy không lập gia đình.

– Em xin lỗi thầy ạ!

Nó quay lên nhìn những nụ bằng lăng để tránh phải nhìn thấy sự xúc động trên gương mặt thầy. Nhưng sau câu trả lời của thầy nó thấy mình không còn cô đơn nhất thế gian như vẫn nghĩ. Nếu thầy cũng có một gia đình hạnh phúc, cũng có những đứa con liệu thầy có hiểu được nỗi cô đơn trong lòng nó không? Nó bỗng thấy nỗi buồn của nó được sẻ chia.

Thầy lai nó về đến ngõ rẽ vào nhà nó thì dừng lại. Nó mời thầy vào nhà nhưng thầy mỉm cười lắc đầu. Nó tần ngần đứng nhìn theo cái dáng gầy gò của thầy khuất sau những hàng cây rồi mới trở về nhà. Bố mẹ vẫn chưa đi làm về, căn nhà vẫn im ắng, nó mở cửa sổ nhìn ra bỗng nó thấy thương thầy da diết. Năm mươi tuổi, thầy đâu còn trẻ để có thể chống chọi với những bệnh tật thường trong những lúc "trái nắng trở trời".

Một tuần sau nó đến nhà thầy. Ngôi nhà mái bằng với hai cánh cửa sắt ngoài cổng vào đã hoen gỉ theo thời gian. Dọc hai bên cổng là hai hàng bằng lăng chưa đơm hoa, cả một vườn hoa quỳnh khóm nào cũng chúm chím nụ đẹp đến ngỡ ngàng. Nó nhìn thấy thầy đang soạn bài, cạnh đấy là một con mèo đen đang ve vẩy đuôi. Nó dắt xe vào sân, thấy nó bỗng con mèo đen chạy vút, thầy bắt ngờ ngàng lên.

– Ôi Hạ! Vào đây em! Hôm nay con mèo bông trèo lên cửa sổ ngồi, thầy đoán thế nào em cũng đến chơi.

Gỗ cặp kính ra giếng múc cho nó một chậu nước để rửa mặt. Con mèo đen từ đâu chạy vụt qua chân thầy làm nó bật cười. Thầy bảo: “Con mèo này rất lạ, cứ lâu lâu nó mới lại ngồi cạnh thầy, thầy viết được chữ nào nó lại cào cào tay thầy, những hôm như thế chắc chắn sẽ có ai đó đến nhà thầy. Thầy dẫn nó ra xem vườn hoa quỳnh, thầy đặt tên cho từng khóm hoa và ghi cả giờ nở treo lên từng cây. Cây quỳnh “còm” bé nhất vườn bao giờ cũng nở đúng mười hai giờ đêm, cây quỳnh “bi” thì nở lúc mười rưỡi, còn lại hầu hết các cây quỳnh khác đều nở hoa lúc mười một giờ.”.

Trưa hôm ấy nó ở lại ăn cơm với thầy, bữa cơm có một đĩa cá kho và một đĩa rau muống luộc. Vừa ăn cơm thầy vừa kể cho nó nghe về cuộc đời thầy, về những nơi thầy đã dừng lại để dạy học, về những người tốt, xấu mà thầy đã gặp. Bao năm đi qua, hạnh phúc lớn nhất của thầy là được dạy học, được nhìn thấy học trò của mình mỉm cười mỗi ngày đến lớp. Những người thích xoi mói nhau thì họ tưởng tượng về nỗi cô đơn của thầy, nhưng họ đâu biết rằng, những đêm rất khuya soạn bài xong thầy lại ra vườn để trò chuyện với những bông hoa quỳnh nở muộn; những lúc ấy thầy như quên hết mọi thứ vụn vặt để chỉ sống với những niềm tin.

Chiều trở về nó nghĩ mãi về cuộc đời thầy, về một hạnh phúc giản dị, về những đoá hoa quỳnh nở muộn và tin chắc chắn rằng, trong căn nhà chia đôi của nó vẫn còn một tình yêu có thật. Nó tin và chờ đợi. Từ đấy nó thường đạp xe đến nhà thầy vào những ngày cuối tuần, vào những lúc buồn, vui nhất. Con mèo đen hôm

nào còn sợ nó đã quán quýt bên cạnh nó đòi bế. Từ đây ước mơ trở thành nhà báo của nó nhường chỗ cho ước mơ trở thành một cô giáo dạy Văn.

Bố mẹ không thay đổi cách đối xử với nhau. Mỗi người một cuộc sống riêng. Nó vẫn ở trên tầng hai với mẹ, thỉnh thoảng ăn cơm với bố mỗi khi mẹ ở lại trực ca đêm.

Năm nó tròn mười tám tuổi, phập phồng những khát vọng cho mùa thi phía trước. Sinh nhật nó bố không về, để lại quà tặng là một chiếc dây chuyền. Mẹ dẫn nó đi ăn và giới thiệu với một người đàn ông xa lạ – một người đàn ông lịch lãm với một nụ cười bí ẩn. Quà tặng của mẹ và người xa lạ ấy là một chiếc áo dài Thượng Hải đắt tiền. Còn thầy, thầy tặng nó một đôi hài màu hồng.

Thế rồi mẹ đòi ký vào đơn ly hôn mà không cần bố phải gõ cửa. Bố mẹ ra toà. Đó là một ngày những cây bàng lãng bên đường đã không còn e ấp nụ... nó bỗng thấy thương màu tím...

Mười tám tuổi nó không khóc cho những mất mát.

Đạp xe đến nhà thầy, nhưng, không còn cánh cửa sắt khép hờ, không còn dáng thầy ngồi soạn bài miệt mài, không còn thấy con mèo đen ve vẩy đuôi bên song cửa sổ; thay vào đó là tiếng người lớn cười nói, tiếng trẻ con đùa nhau ríu rít. Tất cả làm cho bước chân nó ngập ngừng. Định quay xe về thì nó nhìn thấy thầy, thầy đang thay nước cho lọ hoa quỳnh, một người phụ nữ sang trọng trạc tuổi thầy đang cẩn thận đỡ lấy. Có ai đó gọi thầy là bố, có tiếng những đứa trẻ gọi thầy là ông. Nước mắt chảy dài nó đạp xe quay về. Niềm tin trong nó vỡ oà. Những con đường dài tít tắp, cả thế giới như quay lưng lại với nó.

Trở về nhà, nó khê mở cửa, mọi thứ xa lạ như lần đầu nhìn thấy. Mở cửa ra ban công định đem cây hoa đá vào thì nó lại đánh rơi, bát hoa đá vỡ, cây hoa đá chỉ còn tro rã, nó vút luôn cây hoa đá chạy vào phòng nhìn thẳng vào gương – nước mắt và một ánh nhìn hận thù. Nó giật chiếc đồng hồ đeo tay mẹ nó cho ném thẳng vào gương, khuôn mặt nó xộc xệch nhặt nhòa.

Chiều muộn, mẹ về cùng người đàn ông xa lạ hôm nào, nó bỏ ra ban công im lặng nhìn ra vô định. Chuông điện thoại reo, nó chạy vào như một phản xạ:

– Bố ở đâu đấy, bố về lai con đi xe đạp như ngày xưa đi. – Giọng nó mếu máo.

– Không, thầy đây, thầy đang đứng dưới cổng nhà em, Hạ ra nói chuyện với thầy nhé!

– Em xin lỗi! Em không cần thầy thương hại em nữa!

Đặt máy xuống, im lặng, rồi nó chạy vội ra ban công. Thầy đang đứng dưới cổng cạnh chiếc xe đạp cũ thầy vẫn lai nó. Dáng thầy xiêu xiêu dưới mảnh trăng khuyết đầu tháng mảnh dẻ. Nó bỗng chạy xuống cổng đứng nhìn thầy rồi đột ngột quay vào.

– Hạ! Em có yêu hoa quỳnh không? – Giọng nói thầy nghiêm khắc lạ thường. Nó quay lại đứng sững. – Tình yêu mà con người ta dành cho nhau đều là giả dối, em không đủ sức để tin.

– Thầy biết là mình có lỗi, thầy biết là thầy nói dối em, chỉ xin em hãy hiểu rằng đó là vì thầy rất quý em, đó không phải là sự thương hại. Hạ đã và đang chịu một sự mất mát quá lớn, thầy hiểu lòng em bây giờ là một khoảng trống. Nhưng loài hoa quỳnh rất đặc biệt Hạ à! Nó tự nguyện sinh ra để nở muộn, chấp nhận rũ khi sáng sớm, rạng rỡ khi cả thế giới đều ngủ, vậy mà nó

luôn khoe sắc hết mình, đấy là vì nó tin. Thầy biết và thầy tin em cũng sống hết mình như những đoá hoa quỳnh kia.

Thầy khóc, nó chạy lại ôm chầm lấy thầy và khóc. Nó đâu biết rằng đó là lần cuối nó được gặp thầy, bởi vì sáng hôm sau đó thầy đã bay sang Nhật Bản cùng gia đình.

Sáng ấy cả lớp nó nhón nhác nhìn nhau, cùng oà khóc khi biết tin thầy chuyển đi. Thầy Hiệu trưởng nói: "Sau khi làm luận án tiến sĩ ở Nhật Bản, thầy Hưng quyết định về nước giảng dạy. Mười tám năm qua người bạn đời của thầy Hưng – một phụ nữ Nhật Bản luôn đưa con sang thăm chồng mỗi năm một lần; nhưng nay cô ấy đang phải chống chọi với căn bệnh ung thư xương quái ác ở giai đoạn cuối. Thầy Hưng đã trở về Nhật Bản, thầy Hưng nhờ thầy chuyển đến mỗi em một món quà, thầy Hưng tin nhiều ở các em.". Thầy Hiệu trưởng vừa dứt lời, cả lớp nó ào ra sân trường để mong được nhìn thấy chiếc máy bay chở thầy bay ngang qua. Nhưng chờ mãi mà chỉ thấy một màu mây xanh thăm thẳm. Có lẽ chiếc máy bay ấy đã bay theo một hướng khác.

Hộp quà của nó được thầy gói bằng giấy bóng màu tím. Quà tặng là đoá hoa quỳnh ép khô cùng chiếc đồng hồ đeo tay và một lá thư:

"Hạ yêu quý! Thầy sẽ đến một nơi xa. Ở đó mỗi sáng sớm thầy không còn được nhìn thấy đôi mắt long lanh ướt buồn của Hạ, không còn được mở tung cánh cửa sổ mỗi đêm rất khuya để trò chuyện với những bông hoa quỳnh, và có lẽ thầy sẽ không bao giờ gặp lại một cô học trò tên Hạ – để lại dần lòng nói dối. Thầy tặng em một đoá hoa quỳnh thầy đã ép từ rất lâu và tặng em chiếc

đồng hồ mong em sống trọn vẹn từng ngày không chỉ cho bản thân mà cho tất cả những người em gặp. Có thể thầy sẽ không bao giờ trở lại Việt Nam nữa vì con trai út của thầy vừa bị tai nạn máy bay, bác sỹ nói có thể Tú nhà thầy sẽ không bao giờ đi trở lại được như cũ nhưng thầy vẫn tin mọi điều tốt đẹp sẽ tốt đẹp, tin như Hạ đã từng tin mọi thứ. Chúc đoá hoa quỳnh của thầy mãi mãi dám nở trong những đêm rất khuya.

Thầy Hưng!"

Nó ghen ngào, nước mắt ướt nhoè từng dòng chữ của thầy.

Năm ấy nó đỗ đại học ngành Sư phạm Văn. Nhận được giấy báo trúng tuyển nó đạp xe đến nhà thầy, ngôi nhà không ai ở, vườn quỳnh và hai hàng bằng lăng vẫn xanh tốt, con mèo đen nghịch ngợm chắc cũng đã đi theo thầy. Đạp xe qua con đường cũ lá trái vàng nó tìm mãi không thấy bà cụ bán bánh đa nướng.

... Thầy ơi! Em giờ đã đi qua tuổi hai mươi, không khóc khi đứng trước những ranh giới của cuộc đời nhưng luôn day dứt nhớ về thầy. Em vẫn đeo đôi hài thầy tặng để đi qua những con đường đầy sỏi đá, mãi đeo chiếc đồng hồ thầy tặng để sống trọn vẹn từng ngày. Giá ngày xưa không có thầy không biết em đã đi qua những năm tháng đó như thế nào. Đêm nào em cũng ngước lên trời để tìm một ngôi sao và bao giờ em cũng nhìn thấy thầy mỉm cười giữa ngàn vì sao lấp lánh. Em sắp làm cô giáo, đứng giữa lớp thế hệ học trò em sẽ kể cho chúng nghe về thầy – một ngôi sao màu xanh biếc. Thầy ơi! Một ngày nào đó em sẽ đến thăm thầy dù nơi đó có xa đến đâu!

BIỂN VÂN MỆNH MÔNG

➡ TRƯƠNG THỊ THƯƠNG HUYỀN

T

in bà giáo Hiền cảm đột ngột phải vào bệnh viện cấp cứu, chẳng mấy chốc lan khắp xóm. Người trong xóm nhìn nhau, ngấm hỏi. Mới tối qua, nhà bà giáo Hiền còn tấp nập lắm. Ngày giỗ ông giáo. Các con về đông đủ cả. Chả biết trúng gió trúng máy thế nào mà bà giáo lại thế. Ai cũng nháo nhác. Cũng phải thôi. Trừ những người cao tuổi hủn, còn lại cả làng Vân này có lẽ đều là học trò của ông bà giáo. Người ta đi ra đi vào. Cánh cổng gỗ nhà bà giáo bình thường không khép bao giờ vậy mà suốt ngày nay cứ đóng im ỉm. Không hy vọng gì, người làng Vân dồn cả lại nhà ông Nghi – Người học trò được ông bà giáo coi như con đẻ. Hủn ông Nghi phải được dự bữa cơm gia đình tối qua.

Người làng vào rồi lại ra. Ông Nghi cũng không có nhà. Ông đang túc trực trên bệnh viện. Cả làng Vân tụ lại ngoài quán nhà bà Ba béo đầu xóm ngóng tin. Mãi tận chiều tối

hôm sau nữa, mới thấy chiếc ô tô con ì ì bò vào con đường làng khắp khểnh rồi dừng lại nhà bà giáo Hiền. Anh con trai cả cõng bà giáo trên lưng, lặng lẽ vào nhà. Người bà giáo mềm oặt, sắc mặt thất thần. Đôi mắt bà thần thờ nhìn xung quanh. Mọi câu hỏi của người làng đều được các con bà trả lời bằng những cái lắc đầu buồn bã. Bà giáo thoát khỏi tay tử thần nhưng không thể phục hồi được như trước. Nhất là giọng nói. Hỏi thế nào bà giáo cũng chỉ im lặng. Cần gì, bà chỉ tay ra hiệu. Các thầy thuốc bó tay. Chỉ biết bà giáo Hiền không còn có thể nói chuyện với mọi người bằng giọng nói ngọt ngào của mình – giọng nói đã khiến biết bao thế hệ học trò lắng tai nghe như nuốt từng lời bà giảng.

*

* *

Rời giảng đường sư phạm trong những năm cuộc kháng chiến chống Mỹ bắt đầu bước vào giai đoạn ác liệt, ông giáo theo sự phân công về sinh sống và giảng dạy tại làng Vân – cái làng nhỏ bé, nghèo nàn nằm bên bờ con sông Cái. Bốn người con của ông bà lần lượt ra đời ở ngôi làng ấy. Khi bà giáo sinh con gái út, ông giáo Hiền có lệnh tổng động viên cho chiến trường miền Nam. Vào năm 1972 ác liệt ấy, ông giáo đã ra đi không bao giờ trở lại. Người làng Vân tìm đến làm lễ truy điệu cho người thầy đáng kính của mình. Ông giáo Hiền ra đi, để lại người vợ trẻ và bốn đứa con thân yêu trong vòng tay đùm bọc của dân làng Vân. Chồng hy sinh, bà giáo ở vậy nuôi bốn đứa con khôn lớn. Đồng lương giáo viên eo hẹp thời bao cấp không đánh gục được cô giáo làng mảnh khảnh, nặng nghĩa với nghề. Mặc cho những

ngày chôn chân xếp hàng đợi đến lượt mình đong gạo, mặc cho số gạo ít ỏi không bao giờ được đong đủ, lúc phải độn khoai, khi độn hạt bo bo, mặc những trận đói vàng mắt bởi năm mẹ con chỉ được đong gạo tem phiếu của ba người còn lại lấy bằng phân đạm, người làng Vân vẫn được nghe tiếng giảng bài thánh thót của bà. Có đợt chưa hết tháng, hũ gạo trong nhà không còn một hạt, mấy đứa con đang tuổi ăn tuổi lớn, bà giáo gầy rộc đi, nhưng đêm đêm, trong căn nhà lá, ánh đèn dầu đỏ quạch vẫn soi bóng bà Hiền miệt mài bên trang giáo án. Bốn người con của bà Hiền lớn lên cùng những đứa trẻ chăn trâu, chân đất đầu trần, tóc đỏ hoe như râu ngô cháy của làng Vân. Cuộc sống của mẹ con bà giáo gắn bó với cuộc sống không dư dả nhưng chân chất, nghĩa tình của người dân làng Vân khốn khó, nghèo mà khát chữ. Thương những đứa trẻ da sẫm màu phù sa, giỏi đánh giậm, bắt cua hơn viết văn, làm toán, bà giáo đã dốc lòng truyền thụ kiến thức của mình cho bao thế hệ học trò. Đã có không ít người thành đạt bởi bàn tay dìu dắt của cô giáo làng mảnh mai nghèo khó ấy. Người làng Vân đã coi bà giáo là người quan trọng, người không thể thiếu của làng. Không ngày nào, căn nhà lợp lá của bà vắng dấu chân học trò vào ra.

Người con trai lớn của bà giáo không theo nghiệp bố mẹ. Anh vào bộ đội rồi đi học sỹ quan. Ước nguyện trở thành chiến sỹ để trả thù cho cha cháy bỏng trong lòng người con cả. Nhìn con trai chững chạc trong bộ quân phục, bà giáo Hiền mỉm cười, nụ cười dường như ngắn hơn nụ cười bà vẫn dành cho những đứa học trò nghèo khó. Bà nhớ như in ngày cậu cả ra đời, giữa ánh chớp của những đợt bom Mỹ điên cuồng tàn phá. Ông giáo

Hiền nâng cậu con còn đỏ hỏn trên tay và cười mãn nguyện: "Mặt vuông, trán rộng, rồi nó sẽ nổi được nghiệp gia đình, sẽ trở thành một thầy giáo giỏi". Vậy mà...

Tiến người con cả vào bộ đội, bà giáo Hiền trở về thấp hươu lằm rằm khấn vái trước bàn thờ chồng. Bà tạ lỗi với ông vì không thể dắt con trai theo đường mà ông bà đã chọn.

Nói thế nào, hướng thế nào, anh con trai thứ hai vẫn nhất quyết không làm hồ sơ thi vào sư phạm. Giận con, bà giáo lang thang dọc triền đê mềm như thất lưing thiếu nữ ôm quanh cái làng Vân nhỏ bé. Gió từ sông Cái thổi lên dào dạt, mát rượi cũng không làm vơi bớt nỗi buồn trong tâm trí bà giáo Hiền. Mặt trời xuống dần. Khi chòm ánh sáng đỏ hắt cuối cùng chìm xuống chân sóng thì anh con trai thứ hai tìm được mẹ. Vùi đầu trong lòng mẹ, anh khóc nức nở, nhưng gặng thế nào, anh cũng không nói lý do không chọn thi trường sư phạm. Nhìn mắt con, bà Hiền hiểu cả. Dường như dấu ấn những ngày khó khăn, đói cơm rách áo không thể xoá nhoà trong tâm trí cậu con trai lẻo khoẻo, suy dinh dưỡng từ nhỏ ấy. Những ngày bao cấp, trong khi gia đình cậu chạy ăn từng bữa, bốn anh em cậu háo hức chờ đến ngày mua phiếu thịt để được mấy miếng thịt bụng bèo nhèo thì người bạn học của cậu lại ê hề trong những thùng sữa lớn. Một lần, cậu đã bật khóc giữa mâm cơm. Cơm nhà cậu, thứ cơm nấu bằng gạo mậu dịch, mốe xanh, vàng khè, một hạt cơm cồg mấy miếng khoai tây hà, rỗ lỗ chỗ như người bị bệnh đậu mùa dù mẹ cậu là giáo viên dạy giỏi. Vậy mà buổi chiều, lúc vào nhà đưa bạn cùng lớp có bố mẹ làm ở ty Thương nghiệp, cậu đã

thấy thẳng bụng cả bát cơm trắng nõn nà trút vào thùng nước gạo. Giữa dòng nước mắt chứa chan, cậu hai thấy những hạt cơm trắng nõn chập chờn! Cậu không quên – Không thể quên – Lạnh lùng, quả quyết, cậu con trai thứ hai của bà giáo Hiền thi và đỗ thủ khoa Học viện Ngân hàng. Ra trường, anh đính đạc vào làm một ngân hàng lớn giữa Thủ đô Hà Nội. Cuộc sống của cả nhà khá dần lên nhờ cậu con trai thứ hai. Người dân làng Vân vẫn không thấy bà giáo cười. Bà ít nói hơn, trầm ngâm hơn. Đám trẻ con lết nhít đến nhà bà nhiều hơn. Những lúc chúng về, người làng qua ngõ chỉ thấy bà ngồi buồn thiu trên chiếc chõng tre cũ kê ở ngoài thềm, chiếc quạt lá cọ phe phẩy trong tay. Trong nhà, chiếc quạt điện mới tinh mà người con trai mua về vẫn bọc kín mít.

Bà giáo Hiền lại thấp thỏm, hy vọng, khi người con trai thứ ba làm hồ sơ thi vào đại học. Trong ánh đèn nhập nhoà, bà nở nụ cười khi thấy con trai mình nắn nót viết hồ sơ: Trường Đại học Sư phạm. Bà ngược mắt lên bàn thờ thì thầm với ông: "Thế là trong số các con đã có đứa nối nghiệp vợ chồng mình". Nhưng người con trai thứ ba – đứa con tài hoa nhất của bà – có bàn tay khéo léo lại ngược mắt nhìn bà như cầu khẩn:

– Mẹ! Con làm hồ sơ thi cả sư phạm và mỹ thuật. Nhưng trường nào gọi nhập trường trước, mẹ cho con học trường đó, mẹ nhé!

Bà biết, cậu con trai thứ ba này mê mỹ thuật lắm. Nó chịu làm hồ sơ thi sư phạm bởi nó không muốn bà buồn. Nó hiểu ánh mắt thăm thăm của bà mỗi lúc ngắm ảnh ông. Nó thương bà khi thấy trong lúc quây quần bên mâm cơm đạm bạc, bà luôn thủ thủ: "Đói cho sạch,

rách cho thơm. Nghề nhà giáo nghèo nhưng không hèn. Dạm bạc nhưng thanh bần trong sạch. Mẹ chỉ mong anh em mày nổi được nghiệp nhà.". Nó hiểu bởi tính đến ông bà giáo, gia đình bên nội, bên ngoại đều đã nhiều đời nổi nghiệp nhau làm nghề giáo. Nó thương bà nên không dám tự mình quyết định. Nó không có gan như thằng hai. Nó đành mặc lòng cho may rủi. Bà giáo Hiền thở dài. Bà mong... Một niềm mong ước cháy bỏng... Thế rồi trường mỹ thuật có giấy gọi nhập học trước. Nó mừng đến nỗi muốn kêu to lên một tiếng, nhưng nó sợ bà buồn nên cứ lẳng lặng sắp xếp đồ đạc. Nhìn cậu con trai thứ ba len lén chuẩn bị lên trường, bà bỗng thương con vô cùng. Thương con, bà đành vui vẻ, hồ hởi cho con đỡ tủi.

Tất cả chỉ còn trông vào cô con gái út. Cấn cơm, cấn sữa của cả nhà, cô út suốt ngày lách chách như chim liếu diếu. Nó là nguồn vui bất tận của bà. Rồi lúc nào, nó nhào vào lòng bà lúc ấy. Trò chơi yêu thích nhất của nó là trò dạy học. Những lúc nó bắt chước mẹ làm cô giáo xem ra đã ra dáng lắm. Bà hy vọng và bà thấp thỏm mừng vui...

*

* *

Ngày giỗ ông giáo Hiền năm nay, bà giáo vui lắm. Các con bà trưởng thành gần hết. Cậu cả, cậu hai đã có vợ con, có gia đình riêng đang hoàng chũng chạc lắm. Cậu thứ ba đã ra trường, đang làm cho một công ty mỹ thuật lớn và cũng đã ít nhiều khẳng định được vị trí của mình. Đây đó, người ta gọi cậu là họa sỹ. Các con bà tíu tít kéo về từ hôm qua. Nhà bà mấy hôm nay không lúc

nào ngớt tiếng cười. Từ sáng sớm, từng tốp học trò kéo về thắp hương cho ông giáo. Có đám là lũ trẻ con lau nhau hàng ngày đến nhờ bà giảng bài thêm, lễ vật chỉ có mấy quả trứng gà vừa đẻ. Cả tốp học sinh lại là những ông những bà đầu đã lốm đốm bạc. Bà giáo Hiền vui. Nụ cười luôn thường trực trên môi bà. Ríu rít từ ngoài ngõ, những tiếng "em chào cô" khiến lòng bà như trẻ lại. Giá bây giờ có ai bảo bà đổi ngàn vàng để lấy niềm vui đơn sơ ấy của cô giáo làng chắc cũng chẳng bao giờ bà đánh đổi.

Cơm nước xong xuôi, bà con hàng xóm, học trò đã về hết. Còn lại mấy mẹ con, bà cháu quây quần trên chiếc chiếu hoa trải giữa sân. Gió nồm nam man mát rượi. Trăng rười rượi tãi ánh vàng lênh láng trên mặt đất. Cậu con trai thứ ba nằm gác chân lên lưng con vàng đang hếch mõm bên cạnh, ngửa mặt nhìn trăng, thấp thỏm:

– Đẹp thật. Nhất định em sẽ vẽ một bức tranh trăng quê mình. À không! Em sẽ vẽ trăng trên sân vườn nhà mình. Lúc ấy mẹ sẽ cùng đám học trò sẽ ngồi làm mẫu. Đảm bảo, mẹ sẽ như bà tiên trong truyện cổ tích.

– Chú chỉ mơ hão huyền. Tổ thấy cái nghề của chú là lông bông nhất. Vẽ vời. Suốt ngày chỉ tranh với pháo, màu với sáp. Không khéo thành hâm. Giá ngày xưa chú nghe mẹ đi học sư phạm lại hay, giờ chúng tổ không phải lo thêm cái nghề lông bông lang bang của chú – Anh con cả cầu nhau.

– Đấy là tại số trời nó thế. Em cũng thi sư phạm đấy chứ. Nhưng tại trường mỹ thuật có giấy gọi nhập học trước, phải không mẹ? – Cậu Ba chống chế.

– Thôi! Nhà mình không sợ thất truyền nghề giáo đâu. – Cậu hai thủng thẳng – Đã có cô út đây rồi.

Con gái, vào sư phạm là nhất. Vừa nhân hạ, vừa dễ lấy chồng.

Nghe anh Hai nói, cô út nhoẻn miệng cười, gật đầu đánh rụp. Bà giáo Hiền như cỏi lòng cỏi dạ. Thế là nghề giáo của ông bà đã có một người con tiếp bước. Bà nhìn cô út, ánh nhìn triu mến. Cô út sà vào lòng bà, nó hít hà mùi thơm của mẹ, nũng nịu như con ghé con rúc vào bầu vú mẹ.

– Phải rồi. Cô út vào sư phạm là nhất. Ra trường, xem thằng nào tử tế, các anh cho ở đây với mẹ. Về mặt vật chất, khỏi lo nghèo đói thanh bần như thời bố mẹ mình. Có gì khó khăn các anh lo hết. – Anh cả vung tay chém gió, tác phong đúng con nhà lính.

Đang nằm cuộn khoanh như con mèo con trong lòng mẹ, cô út ngồi phắt dậy, nhào ra phía ba người anh trai, nháy mắt, trề môi:

– Anh đúng là không hiểu thời cuộc. Bây giờ không phải thời của "nhất y nhì dược, tạm được bách khoa" nữa đâu nhé! Bây giờ là *nhất sư* đấy. Này nhé, thi đỗ, vào học không phải đóng học phí. Học xong chả phải vật vã chạy *đầu ra*... Cô con gái út mới nói đến đấy, gương mặt bà Hiền đang tươi tỉnh bỗng chùng xuống, bần thần.

– Mày thế mà khá – Cậu con trai thứ hai nghe em nói vậy, vỗ đùi đánh bốp – Con này rồi khá. Số tiền đáng lẽ nuôi mày bốn năm đại học cộng với tiền không phải xin việc có khi các anh xây cho mày cái nhà to nhất xóm, còn lại bao nhiêu cho mày làm vốn khỏi lo đồng lương èo ọt... Cậu hai vừa nói vừa gật gù.



– Anh nhâm! – Cô út đáp lại chắc nịch – Chưa biết mềo nào cắn mủ nào, anh xây nhà cho em hay em xây nhà cho anh? Lương giáo viên bây giờ cao rồi. Lại còn dạy thêm, lại còn tiền phụ huynh biếu xén để chạy vào trường chuyên, lớp chọn. Mà nếu bí quá, em cứ nhận lo cho mấy cháu tốt nghiệp loại giỏi, mấy cháu vào thẳng lớp mười vài vụ có mà hái ra tiền, cần gì tiền của anh cho...

Cô con gái út vừa nói vừa vênh mặt... Mấy cậu con trai cười nghiêng ngả. Không một người nào để ý thấy mặt bà Hiền bỗng nhiên co rúm lại đầy đau đớn. Bà đưa hai tay lên trời, chới với. Rồi bà bỗng thét to, tiếng thét lạc giọng:

– Ngọc! (tên cô con gái út) – Tao cấm! Mà không xứng là cô giáo! Trời ơi! Vô... phúc!

Giọng bà nghẹn lại, đứt quãng. Bà thét lên rồi ngã vật xuống nền sân đang rười rượi ánh trăng. Mấy người con hoảng hốt nhìn nhau. Họ luống cuống... Những cái bóng của họ đen thẫm, nhỏ nhoi... Tiếng thủy triều ngoài sông róc rách. Con nước lặc đong... Cô cháu nội đầu lòng ôm lấy bà giáo Hiền nức nở:

– Bố và các chú, các cô giết bà rồi. Bà nội ơi! Bà nội ơi!

*

*

*

Nhà bà giáo Hiền hôm nay lại tấp nập. Người ra người vào đông lắm. Người làng Vân đến chúc mừng cô cháu nội đầu lòng của bà được tuyển thẳng vào Trường Đại học Ngoại giao, nghe đâu lại có tiêu chuẩn đi du học nước ngoài. Trăng đầu thu dịu dàng len lỏi trong từng

tán lá. Mùi cỏ cây, mùi đất phù sa... hăng hăng, nồng nồng, vương vấn. Bà giáo Hiền ngồi điềm tĩnh trên chiếc chiếu hoa trải giữa sân. Bao thế hệ học trò quây quần bên bà. Vợ chồng anh con cả tíu tít giữa những lời chúc tụng, gương mặt họ hỉ hả. Chú hai, chú ba, cô út thấp thoáng phía sau. Hân – cô cháu nội đầu lòng đang ngồi khấp nép bên cạnh bà nội, bàn tay nhỏ nhắn của nó vuốt ve đôi bàn tay xương xẩu của bà giáo già.

– Thưa các ông, các bà!... – Người con trai cả của bà giáo sau một tuần trà chọt đứng lên trình trọng – Vợ chồng con cảm ơn tất cả mọi người đã đến chia vui với gia đình, mẹ con, bà cháu hôm nay và con cũng xin phép ngày mai cho cháu được lên nhà để chuẩn bị...

– Thế ngày mai đã bay ngay cơ à? – Ông Tiến buông chiếc diếu cày, ngẩng lên hỏi – Chậc chậc! Con bé giỏi. Mà là người đầu tiên ở cái làng Vân này được đi nước ngoài đấy. Mới hôm nào còn bé tí, cứ như cái dải khoai.

– Dạ chưa! Còn phải đợi làm xong thủ tục xuất cảnh đã ạ! – Anh con cả của bà giáo ngập ngừng.

– Ông bảo cháu bay đi đâu cơ ạ? – Con bé Hân ngược đôi mắt to tròn hệt mắt bà nội ngày con trẻ, nhìn ông Tiến.

– Thế chẳng phải cháu đi học ngoại giao ở bên nước ngoài sao?

– Dạ vâng! – Anh con cả bà giáo gật đầu. Cháu nó...

– Con xin lỗi bố! – Con bé Hân rời lòng bà nội, nó đứng dậy cắt ngang lời bố.

– Con xin lỗi vì đã không xin phép bố mẹ, nhưng con sẽ không đi nước ngoài học ngoại giao đâu. Con đã làm xong hồ sơ tuyển thẳng vào Trường Đại học Sư phạm rồi bố ạ. Có thể, ngay lúc này, bố mẹ sẽ rất buồn và

nhiều người sẽ cho là con dại dột, nhưng đó là tâm nguyện của ông nội với bố, đó cũng là nghề mà con yêu. Vì vậy, con quyết định chọn trường sư phạm để nối nghiệp ông bà. Nhiều lần con đã định thưa với bố mẹ điều đó nhưng con biết, nếu nói trước thế nào bố mẹ cũng không đồng ý nên con đã lẳng lặng làm. Bố! Bố cho con thực hiện ước mơ của con bố nhé! Cái Hân ngược mắt nhìn bố khẩn khoản... ánh mắt nhìn như vừa van xin tha thiết vừa rần rỏ, cương nghị. Mẹ nó đứng sững bên thêm. Chú hai, chú ba cả cô út đang ngồi trong nhà vội vàng bước ra.

Bà giáo Hiền đang ngồi trầm ngâm bỗng đứng bật dậy, nhìn chăm chăm vào cô cháu gái. Rồi bà bật khóc, tiếng khóc nức nở, thổn thức, mừng vui:

– Cháu ơi! Cháu ngoan của bà! – Tiếng bà giáo Hiền bật lên. Hoá ra bà không hề mất tiếng như người ta vẫn nghĩ từ sau lần bà ốm. Thế mà gần chục năm nay, giờ người làng Vân mới nghe lại tiếng nói của bà. Tất cả những ai đang có mặt ngõ ngang. Cô con gái út của bà giáo rẽ mọi người vây quanh, từ từ tiến lại rồi bỗng nhiên quỳ sụp xuống dưới chân bà giáo và cô cháu gái:

– Hân ơi! Cô cảm ơn con. Con đã gỡ tội với bà nội giúp cô. Mẹ ơi! Con hiểu rồi, mẹ tha lỗi cho con, mẹ ơi!

Bà giáo Hiền ôm người con gái út vào lòng, ngẩng mặt nhìn trời, cười rạng rỡ. Một vì sao đổi ngôi vụt bay qua.

THẦY VÀ TRÒ

➡ VƯƠNG TRỌNG

76

ằng năm, cứ vào dịp cuối tháng hai dương lịch, Trường Văn hoá Quân đội lại vào mùa luyện thi mới. Ngót ngàn học viên là những người lính từng tốt nghiệp phổ thông, phần lớn có thành tích chiến đấu, ở chiến trường nhiều năm, được quân đội chọn về tham gia khoá luyện thi để chuẩn bị cho kỳ thi đại học vào thượng tuần tháng bảy. Chỉ có một số tân binh còn rất trẻ, thường là con ông này, ông nọ, tốt nghiệp phổ thông xong liền nhập ngũ, sau khi học xong một khoá huấn luyện tân binh, thay cho việc mang ba lô vào chiến trường như những tân binh khác thì được điều về trường văn hoá luyện thi giống như những người đã vào sinh ra tử, mang màu da sốt rét hoặc còn mảnh đạn trong người. Do vậy mà tuổi tác của học viên khá chênh nhau, có người đã ngoài ba mươi, thậm chí lớn tuổi hơn một số giáo viên, có người thì chưa đến hai mươi, nhưng họ giống nhau ở màu quân phục và mang chung hai tiếng học viên.

Chưa đến ngày khai giảng, học viên đã kéo về đông đủ, bố trí thành đại đội, tiểu đoàn, công việc đầu tiên là ổn định nơi ăn chốn ở, rầy cỏ dọc vệ đường và quét vôi mấy trăm gốc xà cừ. Mỗi sớm mai, khi trời còn tối đã nghe tiếng chân huỳnh huých chạy tập thể dục, tiếng hô: *Rèn luyện thân thể, bảo vệ Tổ quốc vang* lên từ nhiều phía. Tờ mờ sáng, quanh bể nước tập thể, người vòng trong vòng ngoài, cùng một trang phục áo đồng xuân trắng, quần bộ đội, mỗi người một chậu sắt tráng men, ngồi đánh răng rửa mặt, thành từng dãy. Đến bữa ăn trông quang cảnh mới thật "hoành tráng" làm sao: từng đại đội học viên xếp hàng đôi tiến đến cửa chính nhà ăn và chỉ mười phút sau, mấy trăm chiếc bàn mặt đá đã vây kín người, chật một nhà ăn lớn.

Tôi lên lớp được chừng ba tuần thì một chuyện thật hy hữu xảy ra. Theo lẽ thường, trước khi vào bài mới, giáo viên dành mười lăm phút để kiểm tra bài cũ và chữa bài tập. Tôi mở sổ ra và gọi ngẫu nhiên một người lên bảng chữa bài tập. Tôi không thích đưa ngọn bút lần theo số điểm, vì thời đi học tôi biết động tác đó làm nhiều học sinh hồi hộp không cần thiết. Hơn nữa, với những lớp học cụ thể này, học viên nào đối với tôi cũng như nhau cả, vì chưa quen mặt và chưa rõ trình độ một ai. Khi tôi vừa dứt tiếng gọi thì một học viên lớn tuổi, mang quân hàm chuẩn úy đi từ cuối lớp lên. Vừa nhận dạng người học viên, theo phản xạ tự nhiên, chỉ suýt nữa tôi thốt lên bốn tiếng "Em chào thầy ạ!", nhưng lý trí mách tôi im lặng. Không thể để chuyện nghiêm túc thành chuyện khôi hài được. Điều bất ngờ đến với tôi quá lớn, khi người học viên tôi gọi lên chữa bài tập lại là giáo viên từng dạy tôi trong suốt ba năm cấp II.

Thầy Minh, đúng rồi thầy Minh, giáo viên dạy Toán của tôi, người đã có lần cho tôi một lúc ba điểm năm môn Hình học bởi tôi nghĩ ra cách chứng minh một định lý về góc nội tiếp ngắn và dễ hiểu hơn trong sách giáo khoa. Trong học bạ của tôi năm học lớp bảy thầy phê mấy chữ rất ấn tượng là: "Có năng khiếu đặc biệt về môn Hình học". Năm tốt nghiệp xong cấp II, cả làng lâm vào cảnh đói chưa từng có do vụ mùa mất trắng bởi võ đê, vụ chiêm hạn nặng không cày cấy được. Người trong làng chia nhau đi cuốc rau má khắp vùng, cồn gò xa, gần trợ dấu cuốc. Mẹ tôi giao cho tôi nhiệm vụ cắt tép (kéo vó tôm) ở đìa quanh khu ruộng trũng, còn thằng em tôi thì chuyên trách cuốc rau má hoặ kiếm rau lang. Tép rang với muối cho vàng đều, đổ nước sôi thật nhiều sau đó cho rau má hoặ rau lang thái nhỏ, chỉ sôi một lúc là được nồi canh, chính xác hơn là nồi thực phẩm, vì cả nhà chỉ ăn thứ đó trừ bữa, chứ có cơm đâu mà gọi nó là canh! Gần trưa hôm đó, tôi đang lúi húi cắt tép dọc bờ đìa, đầu đội nón cời, chân trần lội trong bùn nhão, hí hửng vì trông rổ tép có vẻ nhiều hơn mọi hôm. Chợt nghe tiếng hỏi:

– Có được nhiều không em?

Tôi ngược nhìn lên, không ngờ thầy Minh đã đến bên cạnh. Thầy tháo đôi dép cao su ra để cẩn thận cạnh gốc cau, xắn cao quần, chân trần lội bùn và bê lên xem rổ tép đang nhảy rào rào sau cành lá đậy, khen tép nhiều và tươi, rồi thầy không đặt xuống mà bê hộ cho tôi đi từ te này đến te khác. Động tác hất tép trong te vào rổ là một nghệ thuật, chúng tôi quen tay, đứa nào cũng có thể hất gọn gàng, khi mép te và mép rổ khá xa nhau mà không một con tép nào rơi ra ngoài. Cứ mỗi lần thầy đặt

rỏ xuống, tôi dùng sào nhỏ cật te lên, đám tép nhảy tua tua khi lên khỏi mặt nước. Thế là, "roạt" một cái, tất cả đã sang nhảy rào rào trong rổ, tay trái ném thính vào giữa te, đặt xuống chỗ cũ. Chỉ đi vài vòng đĩa, chân thầy cũng toàn bunn như chân trò. Khi thấy rổ tép đã đủ bữa, tôi mời thầy Minh về nhà. Đến cầu ao trước cổng, thầy rửa chân tay sạch sẽ rồi mới vào nhà chào mẹ tôi. Bữa trưa hôm đó thầy Minh đã ăn bữa rau lang nấu tép trừ bữa với gia đình tôi, thầy bảo con tép chứa nhiều đạm, còn rau lang nhiều vitamin. Sau đó tôi mới hiểu mục đích của thầy khi cật công đi bộ hơn năm cây số đến thăm gia đình tôi. Số là sau khi tốt nghiệp lớp bảy, vì hoàn cảnh kinh tế quá khó khăn, tôi đã nộp đơn xin thi vào trung cấp để bớt gánh nặng cho gia đình, thầy Minh biết chuyện. Thầy đã nói với mẹ tôi rằng, nếu như gia đình cố được thì cho tôi thi vào lớp tám, sau này chắc chắn sẽ vào đại học, thầy tin tương lai của tôi rất sáng sủa... Cũng từ lời khuyên đó của thầy, mẹ tôi không cho tôi tạt ngang nửa chừng đi học nghề, dù phải ăn rau, ăn cháo cũng học đến nơi đến chốn. Khi tôi tốt nghiệp Khoa Toán Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ lan ra miền Bắc, cùng với nhiều sinh viên vừa tốt nghiệp khác, tôi vào phục vụ trong quân đội. Sau một khoá huấn luyện tân binh ngắn ngày, tôi được phong quân hàm thiếu úy, mang ba lô về Trường Văn hoá Quân đội làm giáo viên và đã giảng dạy được mấy khoá. Trong thời gian học đại học ở Hà Nội, tôi có nghe tin thầy Minh cũng nhập ngũ, lúc thì bảo là dạy trong Trường Văn hoá Quân khu, lúc lại bảo dạy bổ túc cho một đơn vị thanh niên xung phong ở Quảng Bình. Thực hư chưa hiểu ra sao, trở trêu thay, sau trên chục

nằm xa cách, thầy trò lại gặp nhau trong hoàn cảnh oái oăm thế này!

Có lẽ thầy Minh không nhận ra tôi, bởi các động tác của thầy vẫn hết sức tự nhiên, hai tay nâng vở bài tập đặt lên mặt bàn của tôi:

– Đồng chí giáo viên yêu cầu tôi chữa bài nào ạ?

Đồng chí và *tôi* là cách xưng hô phổ biến trong quân đội mà Trường Văn hoá Quân đội cũng không ngoại lệ. Thầy và trò có thể gọi nhau bằng đồng chí và xưng tôi, điều đó có ghi trong nội quy của nhà trường. Sự bình tĩnh của thầy đã giúp tôi nhớ lại cương vị của mình:

– Đồng chí chữa bài tập số ba...

Thầy Minh dùng viên phấn, không cần thước, kẻ thật thẳng hai đường thẳng đứng, chia tám bảng ra ba phần bằng nhau trước khi bắt đầu giải toán. Đó cũng là thói quen của thầy trước mỗi giờ dạy Toán có từ bao năm trước. Học viên rì rầm bàn tán vì ngạc nhiên trước hai đường kẻ thẳng tắp. Khi thầy vẽ đường pa-ra-bôn cả lớp lại xì xào bởi đường vẽ chuẩn như sách giáo khoa. Thầy Minh chữa xong bài tập, tôi lặng lẽ cho vào sổ điểm con số 5, số điểm cao nhất vì lời giải thật hoàn chỉnh. Tiết học đó tôi dạy phần tiếp theo, dạy theo quán tính như một cái máy, ánh mắt tôi thỉnh thoảng lại liếc xuống bàn cuối và lần nào cũng thấy thầy ghi chép rất chăm chú...

Đội mãi mới đến ngày chủ nhật, tôi mặc thường phục đến tìm thầy Minh để rủ thầy đi thăm chợ Kỳ Lừa. Khi tôi đến, thầy đang tự học cùng các học viên khác. Thì ra không đợi đến hôm tôi gọi lên chữa bài tập, thầy Minh đã nhận ra tôi ngay sau khi mang ba lô về trường bởi

thầy biết tin tôi đang dạy ở đây. Sở dĩ thầy không tìm đến gặp tôi trước là vì thầy muốn thử tôi có nhận ra thầy không; hơn nữa, thầy không muốn có sự ưu tiên nào đặc biệt so với các học viên khác. Thầy bảo thầy theo dõi từng bước trưởng thành của tôi và rất mừng khi nghe tin tôi được Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội giữ lại làm cán bộ giảng dạy. Lúc này tôi mới ân hận về sự vô tâm của mình. Từ ngày xa thầy, tôi chưa từng viết cho thầy một bức thư nào. Ngay cả khi nghe tin thầy nhập ngũ, vào dạy học trong quân đội, tôi bán tín bán nghi mà cũng không hỏi đến nơi đến chốn mà viết thư thăm thầy.

Là giáo viên cấp II nhiều năm, khi được điều vào dạy học ở Trường Văn hoá Quân khu, thầy được phong quân hàm thượng sỹ chuyên nghiệp. Điều ấy cũng chả làm thầy phân vân, thậm chí còn cảm thấy may mắn vì còn được tiếp tục nghề dạy học, còn được hưởng lương, trong khi nhiều đồng nghiệp nhập ngũ làm lính nghĩa vụ mang ba lô ra chiến trường. Trước ngày nhập ngũ thầy chưa có khái niệm về quân hàm và chức tước trong quân đội nên khi được đeo cái quân hàm ba sao nằm trên gạch vải, mặc chiếc áo thu đông "thêm một cái đai, bớt hai cái túi", thầy không hề buồn mà cảm thấy hay hay.

Nhưng khó khăn đến với thầy là đối tượng học viên. Cứ tưởng vào quân đội thì học viên sẽ là những người lính, không ngờ lớp thầy phụ trách lại là một lớp đặc biệt gồm: hơn bốn chục học sinh lứa tuổi mười bốn mười lăm là con cháu của các vị "cấp coi" trong và ngoài quân đội không chỉ trên địa bàn quân khu. Thầy Minh được

phân công làm chủ nhiệm lớp đó. Hôm tập trung đầu tiên, thầy đã chột dạ bởi có cảm giác rằng, đây là một lớp học toàn học sinh cá biệt. Những bộ mặt nghịch ngợm, tay chân luôn động đậy và miệng không mấy khi ngừng nói chuyện riêng. Khi thầy nói to buộc học sinh phải nhìn lên bảng, thì có đứa tìm điều gì khôi hài để nói cho cả lớp cười, có khi đề tài của sự khôi hài đó là cách ăn mặc, nói năng, động tác của thầy giáo. Là giáo viên nhiều năm dạy học quen "thầy ra thầy, trò ra trò", có lúc thầy Minh cảm thấy bất lực trước đám học trò này. Có một lần, sau khi tan học, một học sinh nói to với bạn cốt để cho thầy nghe:

– Quân hàm chú lái xe của bố tớ còn cao hơn quân hàm thầy Minh mấy bậc.

Thầy Minh cố làm như không nghe nhưng cảm thấy chua chát, dù học sinh đó nói hoàn toàn sự thật. Chả là chiều thứ bảy nào chẳng có dăm bảy chiếc xe con, nào là Vôn-ga đen bóng, nào là Cô-măng-ca đít tròn, vài bạt còn mới, đậu xịch trước cổng trường cho các bậc cha mẹ đến thăm, đưa quà hoặc đón con mình đi chiều đái. Non một nửa lái xe mặc quân phục, quân hàm phần lớn là chuẩn úy hoặc thiếu úy, rõ ràng cao hơn quân hàm thượng sỹ của thầy giáo. Thôi thì trẻ con thấy sao nói vậy, chấp chúng làm gì. Cái chính là mình cố dạy cho chúng không học giỏi thì cũng nắm chắc chương trình, làm tròn trách nhiệm giáo viên. Phải thú nhận, trong bọn trẻ nghịch ngợm đó có nhiều đứa giải toán rất nhanh, có cách giải làm thầy bất ngờ. Là một thầy giáo rất quý học sinh thông minh, có khi thầy Minh thể tất cho những chuyện nghịch ngợm của chúng, điều này

nhiều lần bị nhà trường nhắc nhở. Rồi đến kỳ liên hoan văn nghệ kết thúc năm học, các đại đội đóng góp tiết mục, riêng lớp của thầy Minh không một em nào chịu tham gia. Điều đó có thể làm mất điểm thi đua của đại đội, nhưng điều sau đây làm ông Hiệu trưởng tức tối còn các giáo viên khác nghe tin thì không nhin được cười. Số là khi cuộc biểu diễn văn nghệ đang diễn ra, nhà trường phân công hậu cần thit năm con gà, nấu nồi cháo để cho "diễn viên" bồi dưỡng sau buổi diễn. Đồng chí nuôi quân vừa trông nom nồi cháo vừa tranh thủ xem văn nghệ, để đến khi văn nghệ kết thúc, mở vung nồi cháo quân dụng, ngạc nhiên đầu tiên thấy nồi cháo vơi đi một phần, sau càng hoảng hốt khi biết nguyên nhân của sự vơi đó là năm con gà trong nồi cháo đã biến mất! "Chỉ mấy thằng nhóc!". Anh chàng nuôi quân bực tức lắm bắm một mình đi báo cáo với Trưởng phòng hậu cần. Rồi chuyện "tày đình" này đến tai Hiệu trưởng, tức thì ông yêu cầu thầy Minh cho tập trung khẩn cấp toàn lớp học. Chỉ năm phút sau, hơn bốn chục học sinh đã có mặt đông đủ, em nào cũng cố tỏ ra ngơ ngác trước cái tin mất gà trong nồi cháo! Dù không biết chính xác những em nào đã tham gia vào cuộc "đạo chích" này, nhưng thầy Minh biết rằng, ngoài học sinh của thầy ra, không một ai khác nhúng tay vào chuyện này, vì những lớp khác học viên toàn những quân nhân từng được giáo dục nhiều năm trong quân ngũ. Buổi sáng hôm sau, thầy Minh bước vào lớp, tiếng ồn ào im bật, chỉ còn lại những tiếng cười cố nén, chốc chốc lại bật ra. Nhìn lên bảng thấy đủ loại chữ, chép rất nhiều bài thơ, làm cho cái bảng giống như một tờ báo tường, thầy lướt qua vài bài viết rõ ràng nhất:



Gà ơi gà ơi!

Trong nồi cháo sôi

Sao mày lại dám

Trốn mà đi chơi?

Và:

Liên hoan văn nghệ tối qua

Diễn viên ăn cháo không gà khổ ghê

Mấy thằng không hát không nghe

Ăn toàn gà luộc chán chê, đã đời.

Thầy đứng lặng một lúc, rồi bảo trực nhật xoá bảng, giảng tiếp bài mới coi như không có việc gì xảy ra, làm cho bọn trẻ chưng hửng.

Năm đó, cuộc chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ trở nên ác liệt, rất đông thanh niên địa phương, đặc biệt là thanh nữ, gia nhập thanh niên xung phong. Theo yêu cầu của Tổng Đội Thanh niên xung phong, Trường Văn hoá Quân khu cần chỉ viện một số giáo viên, thầy Minh là người đầu tiên xung phong nhận công tác mới này. Gian khổ, ác liệt và nguy hiểm hơn ở trường văn hoá, điều đó thừa biết, nhưng thầy nghĩ rằng, có lẽ những nơi đó hợp với thầy hơn việc chăn dắt các "cậu ấm" ở đây.

Quân tư trang gọn gọn trong chiếc ba lô, thầy Minh đã đi bộ hơn hai ngày để đến nơi nhận nhiệm vụ mới. Vốn là giáo viên dạy Toán cấp II, nhưng ở đây, có khi thầy phải dạy tất cả các môn, kể cả môn Tập viết đối với các cô gái mới lần đầu được đi học. Trình độ học viên rải rác đủ các lớp, mỗi lớp có khi chỉ một vài người ngồi học trong căn hầm chữ A. Những học viên này ban đêm bám đường san lấp hố bom, có khi tận sáng mới trở về lán, tắm rửa, ăn sáng, ngủ bù đến trưa, buổi chiều mới

được học vài tiếng rồi phải chuẩn bị mọi thứ cho công việc buổi đêm tiếp theo. Nhìn những bàn tay chai sạn, râm nắng nắn nét viết từng dòng chữ xiêu vẹo trên trang giấy, thầy cảm thấy thương cho những cô gái quen khiêng vác đất đá nặng nề san đường, lại phải vật lộn vất vả với chiếc bút bé nhỏ và trang giấy mỏng manh. Điều làm thầy vui nhất là các cô học hành thật chăm chỉ, không chỉ ở trong lớp, mà ngay khi tăng gia, giặt giũ cũng trao đổi với nhau, dường như cô nào cũng mang một ý nghĩ, khi cuộc chiến tranh kết thúc, trở về làng thì trình độ văn hoá của mình hơn hẳn ngày ra đi. Dù phải vất vả, có khi phải dạy một lúc hai ba lớp có trình độ khác nhau, nhiều buổi học bị gián đoạn vì máy bay bắn phá, nhưng thầy Minh vẫn thấy vui vì trong ba năm, thầy đã nâng trình độ cho bao học viên, có cô khi ra đi chưa học hết lớp năm, thì giờ đây đã đỗ kỳ thi tốt nghiệp lớp bảy bỏ túc. Không phải là nhiệm vụ của mình, nhưng có nhiều đêm thầy theo lên mặt đường cùng san lấp hố bom với học viên, vừa trò chuyện và giúp họ ôn bài. Thầy đã được Tổng đội phong danh hiệu Chiến sỹ Quyết thắng, thăng cấp chuẩn úy và được cử về dự đợt ôn thi đại học.

Kết quả thi năm đó, thầy là một trong ba học viên của quân đội đạt điểm cao nhất vào Trường Đại học Kỹ thuật Quân sự. Trước hôm chia tay, thầy tìm đến phòng giáo viên thăm tôi. Tôi nghĩ là thầy đến chia tay tôi để lên đường nhập học vì số thí sinh trúng tuyển đã có giấy báo nhập trường. Thầy ngồi lặng yên một lúc lâu rồi nói:

– Anh Trung ạ! – Thầy gọi tên tôi – Đã nghĩ kỹ lắm rồi, tôi không theo học Trường Đại học Kỹ thuật Quân sự đâu!

Trước cái nhìn ngạc nhiên của tôi thầy nói:

– Hôm đơn vị cử tôi đi học ôn thi, tôi đã từ chối, nhưng rồi đồng chí cán bộ động viên mãi. Giả sử như vừa rồi được thi vào Trường Đại học Sư phạm, thì một nhẽ, đảng này trong quân đội ta chỉ tổ chức thi vào Trường Đại học Quân y và Đi học Kỹ thuật Quân sự... Tôi không muốn từ bỏ nghề dạy học của mình.

– Thế thì thầy định trở lại đơn vị thanh niên xung phong ạ? – Tôi hỏi.

– Đúng thế anh ạ! Tôi mang giấy trúng tuyển Trường Đại học Kỹ thuật Quân sự về nộp cho họ như để báo cáo kết quả học tập và xin ở lại dạy học ở đơn vị cũ. Tôi tin là Tổng đội sẽ nhận lại tôi vì ở đây đang thiếu giáo viên...

Tôi lặng lẽ nhìn nước da sạm nắng và khuôn mặt có nhiều nét khắc khổ của thầy. Thời gian và hoàn cảnh đã thay đổi nhiều trên khuôn mặt đó. Hồi dạy chúng tôi trong những năm cấp II thầy không chỉ là người dạy giỏi được các giáo viên khác kính nể mà còn là một người hát hay và biết chơi nhiều môn thể thao như bóng bàn, bóng chuyền, cờ tướng. Thế mà giờ đây những nét hào hoa ấy không tìm thấy đâu nữa, chỉ còn vẻ nghị lực và từng trải. Mắt tôi gặp lại đôi quân hàm chuẩn úy trên ve áo của thầy và cảm thấy mình thiếu ý tứ vì sự hiện diện của quân hàm thiếu úy trên ve áo của tôi. Giá như tôi biết thầy đến thăm thì tôi đã mặc thường phục để tiếp thầy.

– Ngày mai anh Trung có rỗi không? Tôi muốn nhờ một việc. – Tôi giật mình:

– Thưa thầy! Ngày mai là chủ nhật em được nghỉ cả ngày, thầy cần gì ạ.

– Tôi muốn nhờ anh lái lên bến xe sơ tán, nếu như bến xe cũ ở thị xã thì tôi tự đi bộ được, nhưng bến xe sơ tán xa quá...

Tôi biết tính thầy không bao giờ muốn làm phiền người khác, nhờ tôi là một việc bất đắc dĩ, tôi vui vẻ nhận lời:

– Máy giờ thầy đi em cũng sẵn sàng. Em vừa được nhà trường phân cho một chiếc phượng hoàng mới mà. Thầy về nhà thăm gia đình trước đã chứ?

– Không, tôi phải về Tổng đội Thanh niên xung phong, nộp lại giấy tờ, chuyện thăm nhà tính sau.

Chiếc xe ô tô khách thời chiến lắm bụi đất đã chuyển bánh, tôi chạy theo một đoạn như cố níu giữ khoảng cách. Thầy Minh nhô đầu ra khỏi cửa xe, quay lại tạm biệt tôi, nước mắt rân rân. Phía dưới khuôn mặt rầu rĩ là đôi quân hàm chuẩn uý còn mới mà không khi nào mặc quân phục thầy không mang theo. Chiếc xe này chỉ về đến Hà Nội, còn bao chặng đường lở lói bom đạn, cầu phà đứt nối nữa mới về tới đơn vị thanh niên xung phong trên những tuyến lửa Quảng Bình?

Tôi đứng lặng một mình trên khoảng đất trống. Lòng buồn thương chen niềm ân hận. Ân hận về điều gì bản thân tôi cũng không biết được rõ ràng.

Bình Dương, 10-2005

THẦY LÂM CA-RA-VÁT

⇒ TRẦN NHƯ ĐẮC

1.

Ở

nhà, thầy giáo Lâm có thói quen vừa ăn, vừa đọc sách. Trong khi chờ vợ nấu cơm, thầy mang sách ra đọc. Cơm bung lên, thầy vẫn đang say với mạch truyện, thế là thầy vừa ăn vừa đọc. Vợ thầy cũng là cô giáo, bảo:

– Có hai con rồi mà vẫn còn ham sách như thuở học trò. – Thầy Lâm cười:

– Như tuổi học trò càng trẻ chứ sao?

– Thói quen xấu, không khoa học, đau dạ dày có ngày!

– Đến Thánh cũng còn có khuyết điểm nữa là!

– Anh chỉ nguy biện!

Nhưng thế vẫn chưa đặc biệt. Hai đứa con của thầy Lâm là Sơn và Thu còn phát hiện cả lúc vào "toa lét" thầy Lâm cũng mang theo sách hoặc báo, chúng bám nhau cười khúc khích rồi cũng bắt chước làm theo.

Cũng may cái thói quen đó chỉ diễn ra ở nhà, chỉ có thầy biết và vợ con biết.

Còn ở trường thì thầy có một thói quen khác đó là đã lên bục giảng bao giờ thầy cũng thắt ca-ra-vát. Thầy Minh – Hiệu trưởng – được các thầy cô cho là người mẫu mực nhất về ăn mặc cũng chỉ thắt ca-ra-vát vào mùa đông khi mặc com-lê và chỉ vào những ngày long trọng. Thầy Lâm thì tứ mùa thắt ca-ra-vát, chỉ khác mùa hè mặc áo ngắn tay, mùa đông mặc áo dài tay hoặc áo ấm. Quần áo thầy bao giờ cũng được là phẳng, thẳng lý ông cụ. Mấy thầy bằng tuổi bảo:

– Minh là giáo viên trung học cơ sở, cần gì phải nghiêm chỉnh lịch sự như giáo sư đại học thế, học sinh của mình còn nhỏ, lại ở nông thôn biết gì.

Thầy Lâm nghĩ khác. Mặc nghiêm chỉnh trước hết là một cách nhắc nhở mình phải chú ý khi lên lớp giảng dạy. Học sinh thấy thầy nghiêm chỉnh tự khắc phải nghiêm túc theo. Vì thế thầy được mọi người đặt thêm biệt danh "Thầy Lâm ca-ra-vát".

2.

Thầy Lâm dạy môn Văn. Phải nói là thầy dạy hay. Mỗi lần giảng văn thì như bị say. Giọng thầy khi sôi nổi, khi lắng buồn. Thầy phân tích kỹ càng và sâu sắc, thầy phát hiện được những giá trị lặn ẩn trong từng câu chữ của nhà văn, thầy mở rộng những ý tứ bài văn không nói nhưng rất có lý có tình khiến người nghe gật gù chấp nhận. Học sinh nghe thầy giảng rất chăm chú, cả lớp im phắc, thỉnh thoảng rộ lên tiếng cười thích thú. Có lúc lớp học lại lặng đi như đồng cảm với một nỗi sâu tư mà thầy vừa truyền đến qua cảm thụ bài văn.

Ai cũng cho là thầy Lâm có năng lực bẩm sinh để hiểu sâu văn chương và có khiếu diễn đạt, nói năng truyền cảm của nghệ sỹ.

Không ai biết ở nhà thầy đã chuẩn bị một bài giảng như thế nào. Lại cũng chỉ có vợ và con thầy biết. Trước hết là khâu đọc, thầy Sơn và cái Thu phục tài bố thuộc lòng các bài thơ trong sách giáo khoa, lại biết đọc diễn cảm nữa. Còn văn xuôi thì thầy đọc đi đọc lại, rồi sưu tầm những bài báo liên quan đến tác giả tác phẩm để xem.

Rồi thầy viết, thầy viết rất dài, có lẽ tất cả những dự định, những ý nghĩ, những điều định giảng thầy đều viết hết ra giấy, không gạch đầu dòng như nhiều người làm. Rồi thầy nhìn vào đó để giảng thử. Thầy cũng mặc quần áo chỉnh tề và đứng trước một tấm gương, nhìn vào đó như nhìn xuống lớp học. Thầy diễn đạt y như thật, làm đi làm lại hàng chục lần gần như thuộc lòng mới thôi. Chính vì vậy khi lên bục giảng thầy tự tin, bình tĩnh và giảng bài một cách say mê. Ai cũng cho là thầy có năng khiếu.

Có lần thầy giáo Lợi dạy môn Sử nhờ thầy dạy đỡ một tiết vì thầy có việc gia đình. Thầy Lợi bảo: "Bài này nói về chiến dịch Hoà Bình trong cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta. Anh có thể giảng theo giáo án của tôi đây hoặc sợ gấp quá cho các em làm kiểm tra cũng được, khỏi phải giảng bài mới".

Thầy Lâm vui vẻ nhận và thầy cũng làm như cách soạn giảng văn. Thầy tìm đọc báo *Sự kiện và nhân chứng*, sưu tầm được mấy mẫu chuyện về Đại tướng Pháp Tát-si-nhi và về anh hùng Cù Chính Lan là hai nhân vật nổi bật của chiến dịch Hoà Bình để bổ trợ cho

bài giảng. Học sinh hôm đó được một bài lịch sử sinh động hấp dẫn. Các em không ngờ thầy giáo dạy Văn mà giảng Sử hay như vậy.

3.

Trong nhà trường có nhiều thầy cô giáo trẻ. Họ vô tư, vui nhộn và hoà đồng với đời thường. Cũng hát ka-ra-ô-kê, cũng vào quán ăn uống. Máy lần họ mời thầy Lâm nhưng thầy đều có lý do để từ chối. Thầy tổ chức những bữa ăn tươi ở nhà. Cô giáo Liên, vợ thầy, vì vậy được phát huy tài đi chợ và nấu nướng. Ba bố con và khách bao giờ cũng tấm tắc khen và ăn uống ngon lành.

Thầy Minh – Hiệu trưởng – rất quý thầy Lâm và mong muốn bồi dưỡng thầy Lâm trở thành Hiệu phó. Thầy Minh có lúc chân tình bảo:

– Anh dạy tốt lắm! Lại rất yêu nghề, có trách nhiệm. Nhưng anh còn một nhược điểm anh có biết không?

Thầy Lâm chờ đợi, thầy Minh tiếp:

– Anh còn chưa chú ý khâu giao tiếp. Thời buổi bây giờ chỉ giỏi chuyên môn chưa đủ mà cần phải biết ngoại giao nữa. Phải quan hệ tốt với đồng nghiệp, với chính quyền, nhất là với cấp trên. Có vậy mới có thể tiến thủ được.

Thầy Minh kể thêm một chuyện:

– Anh có biết ở huyện ta đang lan truyền một câu ca gì không? Không biết hả. Câu ca đó thế này: "Yêu nhau cho mật cho đường. Ghét nhau Lý Bó, Diên Ương, Đại Trù.".

Câu ca đó thầy Lâm có nghe nhưng vì không quan tâm đến chuyện vật vãnh nên thầy không nhớ và cũng không tìm hiểu làm gì. Thầy Minh giảng giải:

– Lý Bố, Diên Ương, Đại Trù là ba xã vùng sâu vùng xa nhất của huyện, ai phải lên đó thì vất vả khổ sở lắm. Nhiều anh chỉ vì mất lòng ông Phòng Tổ chức mà phải lên đấy dạy.

Thầy Lâm cười. Thầy vẫn chưa hiểu ý thầy Minh khi kể chuyện này.

Mấy hôm sau thì Phòng Giáo dục xuống kiểm tra nhà trường. Làm việc xong, nhà trường làm mấy mâm cơm tiếp đoàn. Thầy Minh bảo thầy Lâm:

– Hôm nay anh ở đây tiếp khách với tôi.

Bữa ăn vui vẻ. Ông Trưởng phòng xởi lởi, sẵn sàng chạm cốc với các thầy cô ở trường đến chúc. Ông lại còn phát hiện:

– Này! Vẫn còn có người chưa đến chạm cốc với tôi đấy nhé.

Thầy Minh khế bấm tay thầy Lâm:

– Kìa anh Lâm, lên chúc Trưởng phòng một ly đi chứ, mấy khi được Trưởng phòng xuống thăm trường ta.

Thầy Lâm đứng dậy, chậm chạp tiến về phía Trưởng phòng, nói nhỏ nhẹ:

– Xin chúc anh mạnh khỏe!

Ông Trưởng phòng đứng dậy nói lớn:

– Đây là thầy Lâm có tiếng dạy giỏi phải không? Thế mà chưa thấy lên phòng chơi bao giờ cả. Nào, chúc anh càng ngày càng dạy hay hơn nữa. Trăm phần trăm nhé!

Trưởng phòng dốc ngược cốc bia. Thầy Lâm cũng từ từ uống nhưng cố lắm cũng chỉ được một phần ba cốc là dừng lại. Mọi người động viên:

– Thầy Lâm cố lên! Trưởng phòng đã cạn, thầy cũng phải cạn đấy!

Thầy Lâm lại cố uống thêm chút nữa rồi đỏ mặt nói:

– Tôi xin lỗi!

Thầy vội vàng về chỗ quên cả bắt tay Trưởng phòng. Ông Trưởng phòng thu bàn tay lại, lắc đầu nhìn thầy Hiệu trưởng. Thầy Minh biết Trưởng phòng phật ý, vội vàng nháy cô giáo Loan mang cốc bia đến chỗ Trưởng phòng.

Không biết có phải vì cốc bia uống dở hôm ấy không mà cuối năm ấy đề nghị thầy Minh bổ nhiệm thầy Lâm làm Hiệu phó không được chấp nhận và có tin thầy Lâm được điều lên Diên Ương dạy thay cô giáo Lan được luân chuyển về xuôi.

4.

Thầy Lâm đón nhận quyết định chuyển trường tuy có buồn nhưng không phải như mọi người nghĩ. Thầy buồn vì phải xa cái lớp 9D yêu quý mà thầy làm chủ nhiệm. Việc phải lên Diên Ương ông thấy là hợp lý hợp tình. Cô giáo Lan ông có biết, hoàn cảnh gia đình ở dưới xuôi rất khó khăn mà cũng trụ ở trên đó suốt sáu năm vì không có người thay. Còn ông thì từ khi vào nghề toàn được dạy ở đồng bằng.

Cô giáo Liên vợ ông thì buồn hơn, nhưng biết tính chồng nên không ca thán, cô bảo các con:

– Bố sắp phải đi xa, các con càng phải chăm ngoan học giỏi để bố yên tâm đấy!

Rồi cô chuẩn bị sửa đồ dùng cần thiết để thầy Lâm lên đường. Cầm mấy chiếc ca-ra-vát cô hỏi:

– Những cái này để lại chứ anh?

Thầy Lâm vội đón lấy:

– Sao lại để lại? Lên đó tôi vẫn là thầy Lâm ca-ra-vát chứ?

Cái Thu hỏi:

– Không biết ở trên đó đã có điện chưa để bố còn là quần áo.

Thầy Lâm xoa đầu con:

– Chưa có điện. Nhưng bố có cách rồi! Con vào phòng "lưu trữ" của gia đình lấy cho bố cái bàn là than nhãn hiệu con gà mẹ vẫn giữ làm kỷ niệm ấy!

Thằng Sơn tỉnh nghịch trên bố:

– Bố ơi, ở trên đó chắc không có toa-lét đâu.

Thầy Lâm vỗ vai con:

– Thế thì bố lại được "thứ nhất quận công...".

– Thế là thế nào ạ?

Thằng Sơn không hiểu, cô Liên vội "mắng" át chông:

– Anh chỉ được cái nói bậy cho con nó theo. Chúng nó bây giờ sao hiểu được những cái đó.

Vừa lúc đó, học sinh lớp 9D kéo đến chật nhà, mắt em nào cũng đỏ hoe. Các em gái không kìm được xúc động khóc nức nở.

– Thầy ơi! Thầy ở lại với chúng em!

– Thầy ơi! Thầy ở lại, chúng em sẽ làm đơn đề nghị với nhà trường để thầy không phải đi.

Thầy Lâm không ngờ có cảnh này. Đòi làm giáo viên chắc ai cũng chỉ mong được học trò yêu quý. Thầy cười tươi:

– Sao các em lại nói vậy. Ở trên đó đang thiếu giáo viên, thầy cần thiết phải lên đó chứ. Thầy rất yêu các em, nhớ các em, nhưng không thể làm khác được. Các em ở lại phải học giỏi, phải đoàn kết nhé.

Cái Hoa Lớp trưởng tiến lên nói:

– Thưa thầy, chúng em có bó hoa và món quà nhỏ tặng thầy làm kỷ niệm.

Cùng với bó hoa tươi là một gói vuông nhỏ bọc giấy trắng. Thầy Lâm đón nhận bó hoa, còn bọc giấy thầy nghĩ thoáng qua có thể là một phong bì tiền nên thầy bảo:

– Thầy nhận bó hoa này là vui lắm rồi, các em có nhớ mọi lần thầy không bao giờ nhận các quà biếu chứ. Vì vậy thầy không thể nhận gói quà này được.

Cái Hoa lúng túng chưa biết làm sao. Thành Lý Lớp phó từ dưới len lên cầm gói quà từ tay Hoa nói:

– Thưa thầy, chắc thầy nghĩ đây là tiền hoặc một vật gì có giá trị lớn nên thầy không nhận ạ! Dạ, đây chỉ là một vật rất nhỏ gắn liền với kỷ niệm mỗi lần thầy lên lớp, chúng em nhìn thầy và nó mà tự nhiên phải ngồi ngay ngắn để nghe lời thầy giảng.

Lý từ từ mở gói quà nhỏ. Mắt thầy Lâm sáng lên và một nụ cười tươi trên môi. Trên tay Lý là một chiếc ca-ra-vát có hoa văn trang nhã, thầy Lâm vui vẻ đón nhận. Nhìn các em học sinh còn rất trẻ, thầy nói:

– Cảm ơn các em đã hiểu ý thầy. Thầy mong rồi đây nhiều em sẽ trở thành những người có tri thức và cái ca-ra-vát này sẽ quen thuộc với các em. Nhân đây thầy dạy các em một bài học cuối cùng.

Cả lớp học chăm chú theo dõi bàn tay khéo léo của thầy Lâm đang chậm chậm thắt chiếc ca-ra-vát. Khi thầy kéo nhẹ nút thắt cuối cùng, tất cả đều đồng thanh kêu lên:

– A! Đẹp quá!

MÃI MÃI THEO THẦY

➡ VỞ THƯƠNG THƯƠNG

M

ào! Chúng ta tập lại cảnh này! Là vở mới nên các bạn phải cố gắng tập trung vào, nhất là Sương và các bạn mới ra trường, phải hết sức tập trung mới được. Ta làm lại đoạn Hoàng tặng hoa cho Thương đi! Hoàng phải diễn sao cho ra cái tâm trạng của người đang yêu, phải nhẹ nhàng rón rén cố cho Thương không biết, từ sau lưng, em choàng tay ra trước thật nhẹ nhàng, đặt vào môi Thương cánh hồng. Còn Thương, em phải thật hạnh phúc vào, mắt nhắm lại, hít một hơi thật sâu, tận hưởng hương thơm của bông hồng tình yêu! Phải thật hạnh phúc vào thì đến cảnh xung đột, mới rõ được chứ.

– Rồi, tạm thời như vậy, chiều ta tập tiếp. Đúng 1 giờ 30 phút các bạn có mặt. Sương ở lại gặp thầy!

– Con diễn chưa ra phải không thầy?

– Con ngồi đây, thầy muốn nói với con rằng, con là diễn viên mới ra trường, lại được nhận ngay một vai chính, đòi hỏi phải nỗ lực hết sức con ạ! Thầy tin con nên giao vai này cho con. Là diễn viên, trước hết phải tôn trọng vai diễn của mình, cũng có nghĩa là tôn trọng khán giả đấy con à!

– Thầy có nghĩ vai này nặng với con không thầy?

– Không! Thầy tin con làm được. Thôi về cơm nước đi! Chiều có mặt đúng giờ, thầy đặt niềm tin ở con đấy!

Mãi suy nghĩ về nhân vật trong vở, một vai chính mà lần đầu tiên cô đảm nhận, Sương về đến nhà lúc nào không hay. Vừa đẩy cửa bước vào, cô bị những cái tát tới tấp vào mặt như trời giáng:

– Mẹ mày, sao ai cũng về hết rồi mà giờ mày mới về?

– Tại thầy gọi ở lại để chỉ thêm cho em kỹ thuật biểu diễn.

Sương lấm lét nói.

– Tại nè... tại nè... ổng biểu mày ăn c... mày cũng ăn hả?

Kèm theo đó là những cú đá vào hông, vào mặt Sương. Máu từ miệng cô bắt đầu túa ra. Tuân lại ghen nữa rồi. Có vợ làm nghệ thuật nhưng hấn không bao giờ chịu thông cảm. Lúc này thầy gọi ở lại, Sương đã ngấm lo sợ. Nhưng vì con, vì cuộc sống và vì yêu nghề, cô đành cam chịu, biết đâu có ngày Tuân nghĩ lại.

"Ta đi trên lửa, lửa vẫn bập bùng, lửa bập bùng ta vẫn cứ ừ đi, lửa bập bùng ờ, lửa bập bùng ta có sợ... chi!"

– Tốt! Đoạn này con đóng đạt rồi, nhưng thầy muốn con phải cho khán giả thấy được cái đau trong tiếng cười của con kìa!

– Dạ! Để con làm lại.

– Ừ! Cố lên con! – Rồi thầy quay lại nói với tất cả mọi người!

– Còn ba hôm nữa chúng ta sẽ chính thức ra mắt ba vở mới. Cũng coi như là công diễn, trách nhiệm của mỗi diễn viên được thể hiện là lúc này đây! Chúng ta phải làm sao để đoàn không bị giải thể. Phải cố gắng vực lại và duy trì làn điệu Bài Chòi của quê hương mình! Tôi trông chờ tin vui từ các bạn.

Đang loay hoay dọn đồ vào va-ly, bỗng ngửi thấy mùi rượu nồng nặc, vừa nhìn lên Sương bắt gặp ngay cặp mắt đỏ lòm của Tuấn nhìn xoáy vào cổ áo mình. Là chồng, nhưng sao cô vẫn rờn rợn. Sương biết những lúc có hơi men như thế này là thú tính trong con người ấy trỗi dậy. Đã nhiều lần vì ghen, anh ấy đánh Sương suýt chết. Nhiều người khuyên cô nên ly dị, nhưng vì thương con, Sương đành cắn răng chịu đựng. Lần này, hình như Tuấn không có ý gây gổ, anh kéo tay Sương ngồi xuống, nói ra chiều năn nỉ:

– Anh vừa lên cơ quan xin nghỉ phép để đi cùng em.

Sương biết tổng bụng hần. Thôi thì kệ, miễn anh ấy đồng ý cho cô đi diễn là được.

Đến nơi, trong lúc Sương tay xách xách mang thì Tuấn vô tư đi gài độ nhậu. Gần trưa, nhìn Tuấn ngật ngưỡng bước vào, Sương định một lần uống "mật gấu"

rầy chồng mấy câu cho đỡ tức. Chưa kịp mở miệng, bỗng một nhóm người trên tay gậy gộc, hăm hăm chạy nhào vào. Tưởng Tuân đang gặp nguy, thầy Sang vội chạy đến từ tốn can thiệp với bọn họ để cứu Tuân. Bất thần một trận mưa gậy phang tới tấp vào đầu vào mặt thầy cho đến khi thầy bất tỉnh chúng mới chịu thôi.

Đêm đó, vở diễn vẫn được mở màn nhưng lòng ai cũng như lửa đốt. Không ngờ vở diễn hoàn hảo ngoài sức tưởng tượng của mọi người. Diễn xong, cả đoàn lập tức kéo vào bệnh viện thăm thầy. Với một bó hoa thật to mà khán giả tặng, Sương nhào vào lòng thầy như một cây chuối bị phạt gốc, rung rúc khóc:

– Thầy ơi! Vở diễn thành công rồi, khán giả yêu cầu đêm mai diễn lại, những bó hoa này là công ơn của thầy, con xin được tặng thầy, xin thầy tha lỗi cho con và... cho anh ấy... vợ chồng con có tội với thầy nhiều lắm...!

Thầy Sang nằm bất động, những tiếng nấc không kìm được đã bắt đầu bật ra. Bỗng tay thầy nhích nhẹ trong bàn tay nắm chặt của Sương. Thầy gật đầu đưa ánh mắt toại nguyện trìu mến nhìn khắp lượt.

Mọi người ùa lại ôm thầy và lắng nghe thầy nói.

Phải thật cố gắng lắm thầy Sang mới phát ra được những lời nói khó nhọc:

– Cảm... ơn các... bạn! Vậy... là... chúng ta... thành công rồi. Đoàn ta... không bị... giải thể... nữa rồi... Sương... hát... đi... con... hát cho... thầy nghe... lần... nữa... a...!

Lấy hết sức cô cố hát thật to trong tiếng nấc đứt quãng..., Sương bắt đầu: *"Ta đi trên lửa, lửa vẫn bập bùng, lửa bập bùng ta vẫn cứ ừ đi, lửa bập bùng ờ, lửa bập bùng ta có sợ... chi...!"*.

Miệng vẫn cười, nhưng mắt thầy đại hảm. Những tiếng khóc đã thực sự vỡ oà không cưỡng được. Sương gục bên thầy khóc ngất.

Thầy đã ra đi! Mãi mãi mang theo làn điệu Bài Chòi và tiếng hát của Sương về nơi vô cùng bất tận!

CẢ GAN CẦM ĐUỐC

⇒ NGUYỄN MAI SƠN

e

huyện thầy Tiến – một giáo viên giỏi, sau khi "thua kiện" và đang ở hoàn cảnh mẹ vừa mổ khối u vế, em gái lấy chồng xa, vợ sắp đẻ con đầu lòng, bị đẩy ra đảo Hà Van dạy ít nhất ba năm đã làm xôn xao dư luận. Mấy người đối lập thì hả hê nói là: cho "chừa" cái "chất" hăng hái chuyên môn, kiêu kiêu, "không chịu hoà nhập" ấy đi! Những người thương cảm thì bảo: "Khổ chưa? Cả gan cầm đuốc đốt trời, Trời cao không cháy, lửa rơi vào mình".

Suốt chín tháng âm thầm chịu đựng, kìm nén nỗi đau đời, để dạy ngoài đảo cách xa đất liền bốn, năm chục cây số, thầy Tiến chỉ về nhà có hai lần. Lần thứ nhất là nghỉ kỳ một, để học sinh và gia đình thu hoạch vụ lúa mùa. Thầy về trong tâm trạng háo hức, hồi hộp nhìn đứa con gái hơn tháng tuổi xem nó thế nào? Bởi ngày vợ đẻ, thầy chỉ biết tình hình qua điện thoại, chứ đâu dám xin về

đưa vợ đi trạm xá. Lần thứ hai là dịp được nghỉ tết hai tuần. Và lần thứ ba này là kết thúc năm học. Hai tháng hè thầy mới được tự do thanh thản với vợ con, với mẹ già ốm yếu. Tuy vậy, nỗi oan, nỗi đau đời luôn ám ảnh, luôn "cựa quậy", thôi thúc trong tâm khảm thầy. Chín tháng là 270 đêm, có đêm nào thầy không nghĩ đến sự ngược đời, trái khoáy. Những người vỗ ngực cho mình là giỏi, là thức thời, và mạnh tay làm "ảo thuật" được Phòng Giáo dục ưa chuộng vào loại nhất nhì vẫn là Văn. Linh tính mách bảo thầy Tiến: chính anh em Văn đã lập mưu hại thầy. Nhưng... nỗi oan này chưa có "Bao Công".

Tiến và Văn cùng học phổ thông, cùng thi đỗ cao đẳng sư phạm. Thầy cô và bạn bè các lớp phổ thông, cao đẳng ai cũng biết Tiến học giỏi hơn Văn. Hai đứa thân thiết, quện nhau như hình với bóng. Bởi Tiến luôn giúp đỡ Văn trong học tập, thậm chí những bài kiểm tra khó, Tiến còn để Văn chép thoải mái. Vì thế, tuy học kém, nhưng điểm kiểm tra, điểm tổng kết của Văn chưa bao giờ dưới điểm 7. Còn Văn luôn cho Tiến đi nhờ xe, giúp đỡ Tiến tiền những lúc phải đóng quỹ này, việc khác, và "bao" hoàn toàn việc ăn quà, chi quà biếu tặng. Được cái Văn mát tính, và khéo mồm, nên bạn bè ai cũng dễ mến, dễ thông cảm, không muốn nhắc đến sự yếu kém trong học tập.

Khi tốt nghiệp cao đẳng, cả Tiến và Văn cùng may mắn được về dạy cấp II ở thị xã quê nhà. Tuy là thị xã, nhưng địa bàn có tới bốn xã miền núi, và hải đảo – thuộc diện vùng sâu vùng xa. Với giáo viên mới vào nghề, phải dạy nghĩa vụ ít nhất là 3 năm, nhiều nhất là 5 năm. Sau hai năm dạy học ở xã vùng xa phía đông, Văn được đề bạt làm Hiệu phó. Hết 3 năm nghĩa vụ tới

thiếu, Văn được về giữ trọng trách Hiệu phó trường trọng điểm. Còn Tiến dạy ở xã Bàn Tả – phía tây, mãi hết năm thứ năm – tức là hết nghĩa vụ tối đa, và cô Bích dạy ở xã Bắc Văn 3 năm mới được về Trường Bình Minh gần nhà. Cũng năm học này, em gái Văn là giáo viên cấp I, sau khi học cao đẳng xong đã được điều về Trường Bình Minh làm Phó Hiệu trưởng.

Tiến dạy ở Bàn Tả 5 năm, đối tượng học sinh đa số là dân tộc Sán Diu, Dao Làn Tẻn và Cao Lan, việc nghe và nói tiếng phổ thông rất hạn chế, nhưng vì thầy Tiến dạy Toán và Lý, nên sự tiếp thu của học sinh không ảnh hưởng nhiều. Trường Bàn Tả ra đời đã 18 năm, nhưng giáo viên nào về dạy, cũng mang nặng tư tưởng làm nghĩa vụ cho xong rồi rút về nội thị. Bởi thế, chất lượng xưa nay thuộc diện yếu kém, tầm tầm, ai cũng coi thường. Thầy Tiến chỉ vào Bàn Tả 2 năm, trường đã có học sinh lớp 8 giỏi Toán – đạt điểm tối đa, trong kỳ thi học sinh giỏi cấp thị xã. Đã thành chủ trương của Phòng Giáo dục, hễ các trường xung quanh thị xã có học sinh giỏi, thì những em đó được về trường trọng điểm. Năm năm ở Bàn Tả, thầy Tiến cung cấp cho trường trọng điểm 7 học sinh giỏi. Nhiều người để ý, biết tiếng và có phần nể phục thầy Tiến còn ở chỗ: trong 7 học sinh cung cấp cho trọng điểm, khi đi thi học sinh giỏi lớp 9 cấp tỉnh, có tới 4 em đoạt giải Nhất. Dẫu nhất tỉnh, hay đoạt giải quốc gia, "người ta" vẫn tính thành tích đó cho trường trọng điểm... Rồi cũng vì cái tiếng dạy giỏi, mà người ta muốn "găm" thầy ở Bàn Tả tới 5 năm. 5 năm theo lẽ thường, là giáo viên giỏi, thì phải được đề bạt. Khổ nỗi số thầy Tiến lại không may. Trường cấp II Bàn Tả đã có Hiệu trưởng và Phó Hiệu

trưởng là người xã Bàng Tây gần chục năm nay rồi. Thầy chỉ làm Tổ trưởng Tổ tự nhiên. Ba giáo viên về Trường Bình Minh, chỉ có cô Lý – em ruột Văn được đề bạt Phó Hiệu trưởng. Thầy Tiến giỏi, vẫn giáo viên "trơn". Có người đã trêu: "Giỏi chuyên môn, nhưng không khéo mồm, muôn năm chỉ là giáo viên quên thôi!". Tiến chỉ cười. Thâm tâm thầy thường nhắc: Vào nghề, việc đầu tiên phải là giỏi chuyên môn cái đã. Đã giỏi chuyên môn, thì việc phấn đấu vào Đảng để cống hiến ở những cương vị cao hơn sẽ thuận lợi dễ dàng.

Biết Tiến từ thuở học sinh và cao đẳng học với anh mình đã học giỏi, ra dạy miền núi 5 năm đã làm rạng danh cho Trường Bàng Tây, ngay đầu năm học mới 2003 – 2004, cô Lý đề xuất với Hiệu trưởng bố trí thầy Tiến làm Tổ trưởng Tổ Toán Lý, đồng thời chủ nhiệm lớp 8E mà lẽ ra cô Lê phải tiếp tục lên theo từ lớp 7E, nhưng vì năm nay cô Lê nghỉ đẻ. Lớp 8E nhiều học sinh cá biệt, dám thách thường chê bai: "Cô Lê không biết dạy Toán. Tính nhẩm trên bảng còn sai và chậm hơn cả học sinh!". Ngay từ đầu năm học, thầy Tiến đã ra đề toán khảo sát trình độ học sinh. Kết quả chỉ có 19% đạt trung bình trở lên. Buổi sinh hoạt tổ chuyên môn đầu năm, thầy Tiến đề xuất các lớp đều phải khảo sát. Căn cứ vào đó, để đăng ký chỉ tiêu thi đua nâng dần lên. Chỉ riêng việc này đã làm những giáo viên hời hợt chuyên môn khó chịu. Bởi nếu khảo sát chất lượng thật, chỉ đạt vài ba chục phần trăm thì vô tình mình lại phủ nhận mình năm ngoái dạy chẳng ra gì. Mà khảo sát dễ dãi, việc phấn đấu đến cuối năm chả nhẽ lại không nâng được lên? Giữa kỳ một, khảo sát các lớp, thầy Tiến đề

xuất Ban Giám hiệu: phải có đề bí mật, phải đối chéo giáo viên coi thi, phải chấm chéo hoặc chấm tay đôi từng bài. Sinh hoạt tổ chuyên môn hằng tuần, thầy Tiến không chịu họp theo kiểu hành chính, mà mỗi tuần mỗi việc, thầy soạn thảo tỉ mỉ cho cả một năm để Ban Giám hiệu và cả tổ nhất trí thông qua. Thế là tuần này, giáo viên này, dạy bài này trước 10 học sinh giỏi phải dạy như thế nào? Tuần sau giáo viên khác, dạy trước 10 học sinh yếu kém phải dạy như thế nào? Cả tổ có căn cứ trao đổi, rút kinh nghiệm. Giáo viên nào làm thực hành trước tổ vấn đề gì, phục vụ bài nào? Vấn đề phụ đạo học sinh yếu kém, bồi dưỡng học sinh giỏi v.v... đều có hết trong lịch. Không khí nâng cao tay nghề, đẩy mạnh chuyên môn của Trường Bình Minh trong suốt năm học 2003 – 2004 do thầy Tiến "khởi động", được mọi người "góp lửa" tạo ra không khí đầm ấm, tin cậy. "Gái tham tài...", cô Bích đã "thâm yêu trộm nhớ" thầy Tiến. Thầy Tiến cũng bắt đầu thổn thức con tim, bởi cô Bích cũng rất "máu chuyên môn". Riêng Ban Giám hiệu, còn có thêm chút tự hào và hy vọng. Rồi niềm tự hào được loé sáng một cách rành rọt vào ngày kỳ thi học sinh giỏi năm ấy. Bốn học sinh của hai lớp thầy Tiến dạy Toán chọn đi thi, thì cả bốn em đều đoạt giải (2 Nhất, 2 Nhì). Trong đó một học sinh lớp 8E thầy chủ nhiệm là em Phạm Kim Thanh đạt điểm tối đa. Khi có tiêu chuẩn lên trường trọng điểm học lớp 9, chỉ có Thanh chuyển lên, còn những em kia gia đình khó khăn, đành học ở trường nhà.

Năm học sau 2004 – 2005, Trường Bình Minh đã có "tiềm năng" để đăng ký phấn đấu thành trường tiên tiến cấp tỉnh và trường chuẩn Quốc gia. Ban Giám hiệu

nhà trường đăng ký danh hiệu chiến sỹ thi đua. Mọi người vận động thầy Tiến đăng ký thành giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh. Tổ toán lý phần đầu thành tổ lao động xã hội chủ nghĩa. Cũng năm học này, Hiệu trưởng trường trọng điểm được đề bạt Phó phòng Giáo dục, do đó Phó Hiệu trưởng Văn có cơ hội thành Hiệu trưởng trọng điểm. Hợp nhau ở "cái máu chuyên môn", lại được mọi người "vun vào", Trường Bình Minh đại hội Công nhân viên chức xong, thầy Tiến và cô Bích cũng tổ chức đám cưới tại trường. Ngẫm về mình, về bản thân, có điều trăn trở, thấy bất công là: cứ học sinh nào ở trường "vòng ngoài" đạt học sinh giỏi cấp thị xã trở lên, năm sau lại được về trọng điểm học. Thành thử năm nào số học sinh giỏi của trọng điểm cũng đạt giải nhiều gấp bốn năm lần trường khác. Thầy Tiến nhìn thấy sự "hót ngọn", sự "cốc mò cò xoi". Trong Bàng Tẩy xưa đã thế, giờ ở Bình Minh, cụ thể là em Phạm Kim Thanh, từ lớp 8E lên, đi thi học sinh giỏi cuối cấp đã đạt giải Nhất cấp tỉnh, và giải Nhì cấp Quốc gia. Niềm tự hào của Hiệu trưởng Văn lại là điều khinh bỉ của thầy Tiến. Ngẫm đời, thầy Tiến luôn phản đối sự duy tâm. Ví như bố thầy mất cách đây bốn năm, lúc đó cụ 61 tuổi. Ai cũng bảo 61 là năm tuổi, nên cụ phải "đi". Thầy lại nhìn việc "ra đi" ấy, không phải là số phận, mà do cả đời gắn bó với việc cuộc lò. Bụi than làm tổn thương phổi, cụ sống được đến thế là do nghề nghiệp. Nhưng cứ nghĩ đến Văn, cái thuyết "số phận" lại lớn vồn trong đầu thầy. Chả nhẽ số may lại luôn mỉm cười với Văn? Một người học dốt, năng lực không có gì, sao số phận cứ có cái để khoe, để vỗ ngực tự hào? Cái ảo cứ làm tổn hại cái thực? Cái nước sơn màu mè cứ che đậy cái mọt ruỗng đến bao giờ?

Ừ! Nếu nói theo "số phận", thầy Tiến có thể lý giải là: hệ thần kinh của thầy đã sắp xếp theo "mã số cương trực", "mã số máu chuyên môn"... Bởi thế không thể thay số được. Trong lúc "môi trường" phân đông đang ưa chuộng, đang nâng rước cái ảo, cái vỏ màu mè, thì cái "số" thầy Tiến là mã số cần thực chất, tất nhiên phải bị "chìm xuống". Bị "chìm", lương tâm thầy cắn rứt. Thầy chỉ còn biết chia sẻ lòng mình với vợ. Hai "mã số" máu chuyên môn có sự hoà đồng, họ thâm lặng đẩy mạnh chất lượng chuyên môn ở Trường Bình Minh, và chờ đợi lúc nào đó thời cuộc sẽ khác.

Năm học họ cưới nhau cũng là năm học sinh cấp II thi tốt nghiệp khoá học cuối cùng. Chẳng biết tổ chức quên, hay chưa tìm kỹ "mã số" thầy Tiến, khi tổ chức thi tốt nghiệp lại điều thầy Tiến về làm giám thị trường trọng điểm, điều cô Bích vợ thầy đi trường khác gần hơn. Buổi đầu thi môn Văn, thầy Tiến làm giám thị 3. Từ hành lang phòng thi số 5, thầy thấy Phó Hiệu trưởng sở tại làm Phó Chủ tịch phụ trách cơ sở vật chất cho kỳ thi lại cứ đơn đả xin phép giám thị 3: "Cho chị vào động viên các cháu mấy lời!". Thế rồi Phó Chủ tịch sở tại cứ lần lượt đi các phòng thi để gọi ý. Cảnh "trái khoáy", trêu tức đến lộn ruột này, đã làm thầy Tiến cố kìm nén. Đến chiều, thi môn Sinh, lúc mở đề thi ở văn phòng xong, bà Phó Chủ tịch nghe xong lại đi thẳng về khu "cơ sở vật chất" – ở đó có sẵn sách giáo khoa, giáo viên, máy vi tính, máy phô tô,... Chỉ sau ít phút, bà Phó Chủ tịch lại đơn đả cầm "phao" lên các phòng cầu khẩn: "Phòng này chị có mấy đứa cháu", "phòng này có mấy con giáo viên", "phòng này có mấy cháu con các sếp thi

xã" v.v... Thế là mỗi phòng, bà ta đưa được hàng chục tờ cho "các cháu". Cái lạ là cả ba giám thị ở các phòng không những không ngăn chặn mà còn tiếp tay – rải đều theo kiểu tối thiểu hai bàn phải có một "phao". Môn này thầy Tiến làm giám thị 2 phòng 6, vẫn đành cắn răng ngồi im ở chiếc ghế Xuân Hoà cuối phòng.

Buổi tối về nhà, vợ chồng thầy Tiến "hỏi thăm nhau" về chuyện coi thi. Cả hai lại cũng tâm đầu ý hợp. Vợ thầy nói: "Thật là quá đáng!". Những năm trước coi thi ở trường vùng sâu, vùng xa, giám thị cũng chỉ dễ dãi ở mức kệ cho chúng nó làm, đứa dốt thì ngó đứa khá. Đây mang tiếng là trường trong nội thị, họ còn vút "phao" vào như truyền đơn. Em cũng chỉ nhắm mắt cho qua. Chứ một mình mình thu "phao" lại trở thành người họ ghét, họ khó chịu". Thầy Tiến thở dài: "Thi cử, cứ thầy làm hộ trò thế này, làm sao học sinh còn chịu khó học? Cứ lảng tránh, phát phơ, hời hợt... rồi cũng được lên lớp, được tốt nghiệp hết. Thầy cô phải lo cho nó, để có thành tích chứ nó cần gì? Thật là ngược đời, trái khoáy!

Sáng hôm sau đến thi môn Toán. Ở trường trọng điểm, ngoài bà Phó Chủ tịch, thư ký Sở tại tiếp "phao", còn có đại diện chấp hành phụ huynh, y tế phường, bảo vệ trường,... đến cửa từng phòng thi để "chăm sóc" các giám thị và học sinh. Thầy Tiến là giám thị 1 của phòng thi số 3 được "người ta" mời hẳn ra cửa phòng thi để đặt vấn đề rằng: "Phòng thi này có một cháu con sếp thị xã, 2 cháu con sếp phường, 3 cháu là con giáo viên, mấy cháu là con gia đình khó khăn... dẫu sao, đây cũng là kỳ thi tốt nghiệp cuối cùng, mong thầy quan tâm giúp đỡ!". Trong khi một người nói với thầy Tiến như vậy, mấy

người khác đã đưa hăng tập đáp án cho học sinh ngồi cạnh hai cửa sổ. Học sinh truyền tay phân phát, tranh giành nhau. Có em bỏ chỗ ngồi chạy ra giành đáp án. Phòng thi trở nên lộn xộn. Thầy Tiến quay vào. Tình thế bắt buộc phải "dẹp loạn". Thầy yêu cầu tất cả học sinh về chỗ, và nộp đáp án lên bàn giáo viên. Học sinh con em mình quả thật là ngoan! Thầy cô bảo sao, các em làm đúng thế. 13 tờ đáp án môn Toán đã được các em tự giác nộp lên bàn giáo viên – trước mặt giám thị 1 là thầy Tiến. Thầy Tiến động viên: "Các em phải cố gắng suy nghĩ, tự giác làm bài!". Một không khí trầm lặng, trầm lặng đến ngơ ngác hãi hùng bao trùm lên học sinh. Hầu hết các em ngồi ngậm bút đến ngây người, xanh mặt. Có lẽ chúng đang hy vọng thầy cô trường trọng điểm sẽ có giải pháp khác để nâng rước chúng, chứ chẳng đời nào để chúng trượt tốt nghiệp.

Trở về phòng Chủ tịch nộp bài thi, thầy Tiến đề nghị thư ký viết vào biên bản là: "*Giờ thi môn Toán, tại phòng thi số 3 đã thu được 13 đáp án*" và thầy nộp cả 13 đáp án ấy cho thư ký trước sự chứng kiến của cả hội đồng thi. Sự căng thẳng, và để ý lẫn nhau bắt đầu "khởi động" như "châm lửa". Ngay "bữa cơm thân mật" – mà có khác gì đại tiệc, trưa ấy, đã có nhiều thành phần đến "chăm sóc", nâng cốc, trình bày với thầy Tiến đủ mọi lý do... Các mâm đều bàn tán xung quanh chủ đề bất thường, khác lạ. Họ đều nói: làm sao vào lúc này, lại có một giáo viên "đi ngược dòng thời cuộc"? Mâm phía trong, một thầy giám thị trẻ có vẻ lém lỉnh còn cố tình nói to: "Nồi canh thi của trường trọng điểm hôm nay có con sâu to rồi!". Tất cả đều mỉm cười nhìn về thầy Tiến.

Thì ra người ta coi thầy Tiến như một con sâu đã làm rầu nồi canh giáo dục. Nồi canh đang ngon ngọt theo kiểu thầy cô thi hộ, nay bị chặn lại, làm thiếu số tốt – thiếu số dũng cảm, lại trở thành "con sâu". Bị kê kích, thầy Tiến hoang mang, hoang mang không chỉ riêng mình, mà vợ cũng sẽ thành "con sâu" trong con mắt mọi người. Chả nhẽ sống nghiêm túc, sống trung thực, không theo con đường đối trá, ảo vọng lại là "con sâu"? Những trăn trở ấy cứ ngả nghiêng, chao đảo trong tâm trí thầy Tiến. Chiều cuối cùng – thi môn Ngoại ngữ, thầy Tiến lại được làm giám thị 3 ở phòng 7. Học sinh nhìn ra, vẫn sợ thầy như cọp.

Kết thúc kỳ thi, bà Phó Chủ tịch trường sở tại lên phát quà lưu niệm, và cảm ơn. Ngoài những lời ca ngợi, chúc tụng tốt đẹp bà còn nói: "Lẽ thông thường, những người có lương tâm đạo đức, chẳng ai lại muốn con cháu mình, học sinh mình trượt tốt nghiệp. "Có con thì bấu, có cháu thì thương". Nếu không có lương tâm, không có con cháu, không thức thời theo dòng thời cuộc, thì cũng chỉ như người "cầm đuốc đốt trời", để lại tự chuốc lấy "lửa rơi vào mình!". Trước khi lên Phó Hiệu trưởng bà ta là giáo viên Văn Sử có khác. "Lời chia tay" của bà vừa là sự chê bai, trách móc xỉ nhục sâu xa, vừa là thách thức, đe dọa thầy Tiến.

Giá như không có sự "làm nhục" ở bữa ăn, ở giờ tổng kết kỳ thi, thầy Tiến cũng chưa đến độ "sôi máu", chưa chắc đã viết đơn tố cáo trường trọng điểm tổ chức kỳ thi gian lận. Tin ở bằng chứng 13 tờ đáp án, lời ghi trong biên bản và sự chứng kiến của hội đồng, ngay đêm đó, vợ chồng thầy Tiến bàn bạc, cân nhắc rồi thảo đơn gửi thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo. Sáng hôm sau,

thầy cho đơn vào phong bì, ra bưu điện dán tem bỏ vào thùng thư. Có lẽ giây phút "tuyên chiến" với tiêu cực trong thi cử chính thức kể từ lúc thầy Tiến không ngần ngại bỏ chiếc phong bì vào thùng thư bưu điện. Và cũng từ đó, vợ chồng thầy tự tin, hy vọng, thanh tra Sở sẽ là "Bao Công" làm sáng tỏ những việc mà người ta cho là có "lương tâm đạo đức", có "tình thương", biết "theo dòng thời cuộc"?

Đầu tháng 6 năm 2005, hội đồng chấm thi của khu nội thị vẫn làm việc bình thường. Dường như sự thanh tra của Sở không đụng chạm gì đến bài thi học sinh trường trọng điểm. Có điều, kết quả tốt nghiệp của trường trọng điểm bị tụt xuống hơn 20% so với mọi năm. Trong số 16 trường cấp II, trường trọng điểm mọi năm luôn đứng đầu với tỉ lệ tốt nghiệp (năm nào cũng 100%), năm nay bị xếp cuối cùng (chỉ đạt 73%). Dư luận xôn xao. Người ta đổ tất cả tội bí bết ấy lên đầu một "con sâu" đã "làm rầu nồi canh" của trường trọng điểm là thầy Tiến?

Hai tháng nghỉ hè trôi qua, thanh tra Sở vẫn chưa có ý kiến gì. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp cấp II của thị xã mọi năm vẫn dẫn đầu toàn tỉnh, năm nay tụt xuống thứ ba. Rút một sợi dây nhỏ (mà nào đã làm gì, ngoài việc thu hết 13 tờ đáp án, không để học sinh chép được bài làm của thầy cô trường trọng điểm) mà đã "động rừng" đến thế? Nếu ra tay phạt nhổ cây leo hoang dại vô ích, thì không biết rừng sẽ còn trống, còn xáo động đến đâu?

Đầu tháng 8, thầy Tiến được mời lên Phòng Giáo dục để "làm sáng tỏ" đơn tố cáo. Cán bộ tổ chức phòng, cùng đại diện thanh tra Sở đều giải thích với thầy Tiến rằng: "Kỳ thi tốt nghiệp vừa qua, ở trường trọng điểm, nhìn

chung không có vấn đề gì! Nếu chỉ căn cứ vào biên bản ghi sau buổi thi Toán, thì chẳng có căn cứ nào đánh giá là thi không nghiêm túc. Thầy chỉ làm mất thời gian của mọi người"! Thầy Tiến cự lại: "Biên bản ghi rõ là: Trong giờ thi Toán, đã thu được 13 đáp án, và tôi đã đưa cả 13 đáp án cho thư ký trước sự chứng kiến của mọi người, sao lại bảo không có căn cứ?". Cán bộ thanh tra Sở lục tờ biên bản từ trong cặp, đặt trên mặt bàn rồi nói: "Chúng tôi cũng đã đọc, đã xem rất kỹ biên bản. Nhưng biên bản ghi thế này: *"Giờ thi môn Toán, tại phòng thi số 3, đã thu được 13 đáp án ở ngoài"*. Ở ngoài thì liên quan gì đến phòng thi? Sự việc như thế mà thầy cứ bới móc, kiện cáo làm mất danh dự của ngành. Đây, thầy xem lại đi! Chữ ký trong biên bản chính xác là của thầy chứ?". Cán bộ thanh tra đẩy tờ biên bản sang phía thầy Tiến. Thầy Tiến đọc lại câu ấy, thấy có hai chữ cuối (chữ "*ở ngoài*") cùng một kiểu chữ của người viết biên bản, nhưng sao lại quá xít nhau. Thầy Tiến nói: "Biên bản hôm ấy làm gì có chữ "*ở ngoài*" thế này? Nếu là ở ngoài, thì tôi thu giữ làm gì?". Cán bộ tổ chức lên tiếng: "Chẳng gì bằng giấy trắng mực đen thầy ạ! Nhiều người cho rằng thầy thu ở ngoài rồi cố tình làm to chuyện, cố tình uy hiếp học sinh để các cháu mất tinh thần không làm được bài. Thầy cố ý làm mất danh dự, và uy tín của trường trọng điểm". Sự oan ức chụp chặt đầu thầy Tiến. Máu thầy rần rạt sôi: "Không thể như thế được! Tôi đề nghị mời cả giám thị 2 và giám thị 3 của giờ toán hôm ấy lên đây để có ba mặt một lời!" Cán bộ thanh tra cười ôn tồn: "Chúng tôi cũng đã gặp các nhân chứng rồi! Họ đều nói: có thể nào đã ghi ở biên bản. Biên bản giấy trắng mực đen là thế, thầy còn đòi kiện cáo gì? Dẫu sao đây cũng là kỳ thi tốt nghiệp trung

học cơ sở cuối cùng. Mọi việc đã đâu vào đấy! Thầy muốn gì nữa nào?". Thầy Tiến chưa kịp nói gì, cán bộ tổ chức phòng đã nói: "Trong khi trường người ta không có vấn đề gì, thì bản thân thầy lại đang có phụ huynh kiện về việc ăn đút lót để chữa điểm cho học sinh. Chúng tôi đang phải điều tra vụ này. Yêu cầu thầy về viết bản tường trình, ngày mai nộp lên phòng để hội đồng kỷ luật, sớm có kết luận!". Thầy Tiến đứng phất dậy: "Không thể có chuyện đổi trắng thay đen thế được! Tôi sẽ theo kiện đến cùng!" Cán bộ thanh tra Sở lại dàn xếp: "Vấn đề chỉ có thế! Mời thầy lên đây để thông báo thầy biết chúng tôi đã thanh tra rất kỹ. Tóm lại không có vấn đề gì phải làm to chuyện! Còn việc thầy theo kiện đến cùng là quyền của thầy. Chúc thầy phát huy khả năng chuyên môn tốt ở trường mình dạy!".

Giữa tháng 8 năm 2005, thầy Tiến nhận quyết định ra xã đảo Hà Van để dạy 3 năm. "Tội danh" là: *"Ăn tiền hối lộ để chữa điểm cho học sinh"*. Sự tường trình, lý giải của thầy là theo yêu cầu của Phó Hiệu trưởng Lý, thầy có cho em Trần Thị Nga lớp 9D kiểm tra thêm để có điểm toán tổng kết đạt học sinh tiên tiến, cũng chẳng ai tin. Bởi ở sở điểm chuyên môn của thầy, "người ta" kết luận có sự "cấy điểm", ở điểm số lớp và học bạ, thì có sự "cạo điểm để viết điểm mới!"...

Nổi đau đời, oan ức chưa có "Bao Công", làm thầy Tiến ở đảo về nghĩ hè cũng "lăn tăn" không biết đến nhà ai chơi? Nên tâm sự, giải bày cùng ai? Đến giáo viên thì sợ người ta dị nghị, đổ kỵ. Chỉ có học sinh giỏi là thầy Tiến vẫn quý, vẫn muốn tới thăm. Chiều hôm ấy thầy cho đứa con bụ bẫm lên "ghế trẻ" trên xe đạp, rồi đạp dạo mát công viên ven vịnh. Khi qua nhà học sinh giỏi

Phạm Kim Thanh, thầy nhìn thấy Thanh đứng cửa. Có lẽ nhìn thấy bố con thầy từ xa, nên Thanh đứng đợi, cất tiếng: "Em chào thầy!". Thầy Tiến dừng xe. Nhóm học sinh nữ từ trong nhà chạy ủa ra, vừa tranh nhau bế con thầy, vừa khoe: "Mời thầy vào trong nhà! Chúng em đang xem cái này hay lắm!". Thầy Tiến đã từng xuống nhà nói chuyện với bố mẹ Thanh nhiều lần, khi Thanh còn đang học lớp 8E mà thầy chủ nhiệm, nên thầy biết bố Thanh là quản đốc mỏ, mẹ Thanh làm kế toán lao động tiền lương. Thanh chỉ có một em trai đang học tiểu học, nên kinh tế gia đình khá vững. Nhóm học sinh đang ở nhà Thanh hầu hết là học sinh lớp 9E mà thầy đã chủ nhiệm trước khi phải ra đảo, chỉ có em Trần Thị Nga là học sinh lớp 9D thầy dạy Toán. Thấy Nga, thầy Tiến "hơi bất bình thường". Nga vẫn đang ngồi chăm chú dán mắt vào màn hình chứ không cùng các bạn ra đón bố con thầy. Chính mẹ Nga đã viết đơn tố cáo thầy nhận 3 triệu để chữa điểm Toán cho Nga. Nhìn màn hình, thầy Tiến ngạc nhiên đến bàng hoàng. Đó là cảnh thi Toán ở phòng thi số 4 trường trọng điểm năm ngoái, mà ở đó, Thanh là thí sinh mang số báo danh 80. Thầy Tiến đặc biệt chú ý đến hình ảnh học sinh xin phép ra ngoài uống nước, rồi mang đáp án qua mặt giám thị 3, giám thị 1 để nghiêm nhiên phát cho mỗi bàn một tờ. Rồi cứ thế, cứ hai học sinh cùng chụm đầu vào đọc, chép ra tờ giấy thi của mình. Thầy Tiến hỏi: "Sao các em có được hình ảnh này?" Thanh nhanh nhẩu cho biết: "Cô em làm ở hãng Canon bên Nhật, tết năm kia về chơi, có cho em chiếc ca-mê-ra mi ni chỉ bằng cái nắp bút. Bố em bảo đến ngày thi tốt nghiệp, đưa máy đi quay thử quang cảnh phòng thi tất cả các môn, để bố mẹ em xem

cho vui. Em đã cài lên lơ tóc để quay kỹ càng từ lúc bắt đầu đến lúc nộp bài. – Đấy, thầy nhìn thấy các bạn đang chép đáp án Toán chưa?" – Máy nhỏ mà ghi được lâu thế cơ à?" – "Vâng! Kỹ thuật số mà thầy. Mỗi đĩa bằng chỉ nhỏ bằng cái cúc, mà ghi được tới 3 tiếng đấy thầy ạ! Mỗi môn thi, em quay một đĩa riêng. Bố mẹ xem hết ngay sau ngày thi. Cứ cho là: thi cử như cái chợ. Chỉ là hình thức tốn tiền! Giờ học xong lớp mười, em mới dám cho các bạn xem.". Một học sinh đang bế con thầy Tiến, đứng sát Thanh hỏi: "Thầy ơi! Hôm qua em xem ti vi, thấy ở Hà Tây, có thầy Đỗ Việt Khoa dám làm đơn tố cáo hành vi gian lận trong thi cử, được tỉnh với Bộ Giáo dục và Đào tạo ủng hộ lắm. Sao thầy không căn cứ vào băng này để kiện vụ năm ngoái cho khỏi oan hả thầy?". Một học sinh khác lại tiếp: "Chỉ có chúng em mới biết thầy giỏi chuyên môn, và bị oan. Đây này, cái Nga nó đã kể: Chính cô Lý đọc đề nó viết đơn, rồi bảo mẹ nó ký vào đơn kiện thầy. Chứ làm gì có tiền mà đưa thầy những 3 triệu. Lúc này Nga mới dám nhìn thầy Tiến nói: "Em sẽ về bảo mẹ em viết lại sự thật này. Cái Thanh cho thầy mượn máy, mượn các đĩa băng để thầy làm bằng chứng. Tất cả chúng em đều ủng hộ thầy!"

Về nhà thầy Tiến kể chuyện xem băng, và những lời học sinh nói cho vợ nghe. Vợ chồng thầy Tiến quyết định khởi động lại việc "*Cả gan cầm đuốc...*". Lúc thầy vừa viết nháp đơn xong, bố mẹ học sinh Nga sang xin lỗi vợ chồng thầy, và đưa tờ giấy viết lại sự thực năm ngoái cô Lý đã xúi bẩy thế nào.

Đầu tháng 8 năm 2006, ngành Giáo dục thị xã lại xôn xao: do đơn của thầy Tiến, Thị uỷ, Uỷ ban đã xin ý kiến Sở Giáo dục và Đào tạo thay ông Trưởng Phòng

Giáo dục mới. Khi có Trưởng phòng mới, giữa tháng 8 năm 2006 lại có tin thầy Tiến không những được giải oan, mà còn được đề bạt làm Hiệu trưởng trường trọng điểm, hoặc ít nhất cũng thay cô Lý làm Phó Hiệu trưởng Trường Bình Minh. Nghe đâu thầy Tiến lại bảo: chất lượng học sinh ngoài Hà Van chưa lên được nhiều, thầy vẫn xin ở lại ngoài đó ít nhất một năm nữa. Sự thực thế nào phải chờ đến cuối tháng 8, khi ông Trưởng phòng mới cải tổ, sắp xếp lại cán bộ tổ chức và "*những cánh chim đầu đàn*" của mình để làm theo lời Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Nguyễn Thiện Nhân là: "Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong ngành Giáo dục", lúc đó, mọi người mới biết cụ thể về số phận của thầy Tiến.

LỚP HỌC HAI NGƯỜI

➡ NGUYỄN TRUNG NGUYỄN

T

hằng Tâm vừa tròn 18 tuổi và không biết một chữ nhứt một. Tôi phát hiện điều này trong đợt thăm nuôi vừa rồi. Cả phòng D1 chỉ vền vẹn bốn người với sáu mét vuông, bao gồm cả chỗ ngủ, hầm bô, bồn nước,... nên tất cả đều đồng ý chung mâm, có gì ăn nấy. Nếu so sánh với dãy A và dãy C phía bên kia, thì D1 đúng là thiên đường trong cái trại tạm giam này. Chỉ một lớp cửa sắt, lại gần nhà bếp, thỉnh thoảng ghé mắt qua lỗ đưa cơm thấy mấy người ở phòng lao động tất bật vo gạo, làm cá cũng vui. Hoá ra, ở đâu cũng có sự phân định rạch ròi. Điều này phải đợi đến khi cả bốn đứa đều nhận được cáo trạng, tôi mới suy ra. Dãy D là nơi tạm giữ những người mới phạm tội lần đầu, hoặc do sơ ý mà phạm tội. Nói chung không phải dạng ở tù chuyên nghiệp, có thể cải tạo được nói theo thuật ngữ của những nhà giáo dục học.

Lần đầu tiên nếm mùi tù tội, nhưng xem ra thằng Tâm không có gì là sợ hãi. Khi mới chuyển qua phòng này, thấy một thằng oắt con đúng nghĩa, trần truồng hết sức tự nhiên, miệng ông ổng ca: "Mười năm không gặp tưởng tình đã cũ...". Tôi đã rất ghét. Nhưng sau đôi ba tháng chung đụng trong khoảng không gian chật chội này, tôi lại thấy thương nó nhất phòng. Thì ra, khi mở miệng mà chửi thề, hở một chút là cây hàng 5 tác, 6 tác cũng chỉ là một kiểu ham làm người lớn. Tựa như một đứa bé 3 tuổi xỏ chân vào đôi giày da nặng trịch của cha mà tập đi, thì làm sao mà không té ngã.

Sự phân định giàu nghèo sẽ phơi bày hết bộ mặt nhân tâm của nó trong môi trường tù tội. Một gương mặt hơn hở khi giở thăm nuôi đầy ắp thức ăn đắt tiền. Và kia, ánh mắt lặng lẽ cúi xuống với túm đôi ba ổ bánh mì ỉu xiu, khô khốc. Má thằng Tâm mỗi tháng mới vào thăm nó một lần. Sáng nay, vừa mở mắt nó đã nói với tôi là bữa nay má em vô. Và khi nó xách lịch vai cái giỏ nặng trĩu bước vào phòng, sau tiếng rít ken két của cánh cửa sắt, ba đứa tôi đã ồ lên vô Manson. Thằng Tiểu lan chanh đón lấy giỏ đồ, cầm mảnh giấy ghi tên tuổi người thân và liệt kê những món đồ gửi kèm đưa thằng Tâm nói:

– Mày đọc lên cho tao kiểm tra coi đủ không? – Trái với sự háo hức khi ra nhà thăm nuôi, nó buồn xuôi một câu:

– Kệ nó. – Cái thằng! Tiểu cần nhằn rồi cầm mảnh giấy lẩm nhẩm đọc:

– Ủa! Người gửi chị Nguyễn Thị Đào, không phải má mày vô sao Tâm? Đang cởi quần áo, thằng Tâm quay như cái lò xo.

– Cái gì? Chị Đào nào? Ôi! Lộn giò rồi. – Nói xong nó nhào tới cửa, miệng hét lớn:

– Cán bộ ơi! Cán bộ ơi! Lộn giò rồi...

Tối hôm đó, thằng Tâm nằm kể tôi cứ trần trọc không yên. Hai đứa kia đã ngáy khò khò. Sực nhớ chuyện hồi sáng, tôi hỏi nó khi nhận giò sao mày không đọc tên người gửi. Phải một lúc sau nó mới trả lời:

– Em có biết chữ đâu mà đọc! – Rồi nó kể cho tôi nghe. Thằng Tâm không có cha. Nó được sinh ra và đương nhiên nhập hộ khẩu vào xóm rác. Một khu xóm lụp xụp nằm ven quốc lộ, gần bãi rác thành phố. Khi vừa biết đi, biết chạy thì chỗ nó lao đầu vào cũng là bãi rác, nơi hằng ngày mấy chiếc xe đầy ắp thứ phế thải của con người đổ xuống. Má nó tuyệt không nhắc đến một tiếng về ba dù muốn hay không muốn; dù hân hoan hay đón đầu thì cũng cho ra đời một sinh linh là nó. Lớn lên một chút, đôi khi nó tự hỏi: Ba mình là ai nhỉ?! Rồi ngơ ngẩn nhìn đồng rác bốc mùi...

Nhiều bữa, chiều xuống vác bao chiến lợi phẩm về nhà. Nó thấy hoài tụi học sinh cỡ tuổi nó chạy xe đạp ngoài lộ, cười giỡn vang ran. Tụi nó đùa nào cũng đeo một cái khăn màu đỏ trên cổ, chẳng biết để làm gì! Nó khoái được như vậy lắm, nhưng thổ lộ với má thì nó không dám. Mà nó cũng không có thời gian đâu mà đi học. Phải canh xe về ngoài bãi, mà phải công nhận nó có khiếu móc rác hay sao ấy. Cả một xe đồ ụp xuống hàng bao nhiêu tấn rác, cả một đám mười mấy con người già, trẻ lao vào. Vậy mà, lúc nào nó cũng kiếm được nhiều hơn những người khác. Có lần, kể cho tôi nghe mà nó còn rùng mình. Em vớ được một bọc vải nặng nặng, mở

ra là một đứa bé mới sinh đã chết cứng từ lúc nào. Bà ngoại – là người đàn bà già nhất xóm, tội nó quen miệng gọi chung là bà ngoại – mang ra chôn ở rìa bãi rác, cũng nhang khói dâng hoàng mấy ngày.

Thằng Tâm mê đi xe đạp lắm, nó muốn được một lần mặc áo trắng, không có khăn quàng cũng được, vừa chạy xe vừa cười như tội nhỏ mỗi chiều. Má nó hứa: Ừ! Con ráng kiếm tiền dành dụm. Khi nào biết chạy xe, má mua cho một chiếc. Mọi việc chưa đâu vào đâu, giấc mơ đeo đuổi suốt một thời tuổi thơ nhọc nhằn vẫn chưa thực hiện được, thì nó lại vào đây. Cái thằng, bộ nó tưởng luật pháp có thể xin như chơi nhà chòi hay sao? Bữa đó, ra thị trấn mua đồ cho má nó. Trưa nắng gắt váng cả đầu. Không biết xe đạp của ai mà để khơi khơi, chẳng khoá mà cũng chẳng ai coi chừng. Ma xui, quỷ khiến nó bước tới dắt xe đi tỉnh bơ. Đến khi nghe tiếng hô hoán:

– Ăn cắp xe! Ăn cắp xe! – Nó còn chưa biết là người ta đang nói mình. Bị đòn thì đã đành rồi.

Cán bộ điều tra hỏi:

– Sao lấy xe mà không chạy?

Nó nói:

– Con không biết chạy.

– Vậy mày lấy làm gì?

– Dạ! Con tính lấy về tập chạy... cán bộ kêu trời rồi kết luận điều tra cái rụp.

Tôi tuyên bố với cả phòng:

– Tao sẽ dạy thằng Tâm học. Ít ra, nó cũng phải đọc được tên má nó khi nhận đồ thăm nuôi.

Trong thời gian chờ ra toà chỉ có ăn và ngủ, nên khi tôi bày chuyện chẳng thằng nào phản đối. Nhưng, lại nhưng! Dạy bằng cách nào? Ở trại tạm giam, tuyệt đối cấm sử dụng giấy viết vì sợ thông cung. Viết lên tường ư? Cán bộ kiểm tra là bành thân! Suy đi, tính lại tôi sực nhớ thằng nào vô đây mà không có vài tờ giấy tạm giữ, rồi gia hạn tạm giữ, rồi tạm giam. Tôi bảo ba đứa lục giỏ đưa tôi mấy tờ lệnh. Mỗi tờ xé làm 8 mảnh, chỉ 4 tờ thôi đã đủ để làm một bộ mẫu tự. Xong chuyện giấy, lại đến chuyện mực viết. Cái này phải nhờ Tuấn đen, cái thằng tháo vát nhất phòng. Nó lui cui xé mấy cái bọc hai quai làm hoả tốc đốt lên rồi lấy cái bo (thau mủ) để hứng khói. Cái gì chứ khói hoả tốc thì khói nói, đen kịt, đầy nhóc. Chỉ một lúc là đủ, Tuấn cạo khói vào một cái chén, thêm một chút nước quấy lên sền sệt, đâu thua gì mực tàu của mấy ông người thầy nho. Còn bút viết thì dễ kiếm rồi, chiều khi cán bộ mở cửa đổ rác Tuấn nhanh tay nhặt một que tre, tước cho vừa tay, đập đập một đầu là xong.

Cuối cùng tôi cũng có một bộ mẫu tự đầy đủ cả chữ lẫn số. Hằng ngày, tôi xếp từng con chữ ra dạy Tâm tập đọc, rồi ráp vần xuôi, vần ngược. Cái thằng coi vậy mà sáng dạ lạ lùng, thêm nữa thằng Tuấn đen, rồi thằng Tiểu thấy Lâm ham học cũng bày đặt sắp chữ này, chữ nọ ra đổ. Nhờ đó thằng Tâm càng mau biết. Nhiều bữa, hai "thầy – trò" nằm bò ra mà đánh vần. Cái thằng, đọc được hứng chí hay sao mà cứ ngoác miệng lên gào:

– M...a...sắc...má! bờ...a...ba! – Làm cán bộ quản giáo tưởng có chuyện gì, bước đến cửa đứng nghe một hồi rồi bỏ đi.

Cái mà thằng Tâm lần đầu tiên đọc được suôn sẻ lại chính là tờ giấy triệu tập nó ra toà. Tôi biết giờ chia tay của chúng tôi sắp đến, mỗi đứa sẽ đi một đường, cho trọn cuộc hành trình tù tội của mình. Nhiều đêm, nằm bên nhau tôi khuyên Tâm sau này ra cuộc sống cố gắng học một nghề gì đó. Lớn rồi, cứ sống vào cửa bỏ đi của thiên hạ liệu có thành người hay không? Khi tôi xách bọc quần áo bước ra khỏi phòng D1, cũng là lúc tôi và thằng Tâm chia tay chẳng biết khi nào gặp lại.

*

* *

Băng đi một thời gian khoảng tám, chín năm. Khi mà chuyện tù tội đã trở thành một sợi khói mỏng manh trong ký ức thì tôi gặp lại thằng Tâm. Sáng hôm đó, vừa chờ xe tới một ngã tư thì kẹt đèn đỏ, đang lừng khừng nửa muốn đạp thắng, nửa muốn rồ ga thì có tiếng gọi tên tôi, giọng mừng rỡ. Quay qua, một khuôn mặt rất quen nhưng tôi không nhớ đã gặp ở đâu, phía trước xe lại có một bé gái khoảng năm, sáu tuổi. Gương mặt sáng ngời xinh xắn, hai cái bím tóc cột nơ màu hồng, long lanh như một giọt sương buổi sáng.

— Anh không nhớ em sao? Thằng Tâm D1 nè! Anh đợi em một chút, em cho con nhỏ đến trường rồi anh em mình kiếm chỗ uống cà phê tâm sự.

Chấp nối những lời kể rời rạc của Tâm sau vài lần cà phê, cà pháo rồi lai rai thịt cây, thịt chuột tôi cũng hình dung được cuộc đời của nó sau ngày ra tù. Xách bọc đồ về đến xóm rác, câu đầu tiên thằng Tâm nói với má nó là:

– Con biết đọc rồi! Con muốn học nghề chứ không móc rác nữa đâu!

Chuyện thằng Tâm ở tù mà biết đọc chữ khó tin giống như cái xóm lụp xụp đó hoá thành nhà lầu. Phải đến khi nó cầm tờ báo lên đọc ro ro, mọi người mới tròn mắt gật đầu. Má nó suy nghĩ lung lăm. Rồi chẳng biết cạy cục sao đó, đầu tháng sau thằng Tâm được theo học nghề tại một cửa hàng sửa chữa xe gắn máy trong thành phố. Thấy nó sáng dạ lại chịu khó, chỉ gần năm trời, ông chủ đã cho nó ăn ngủ luôn tại chỗ, còn ưu tiên cho nó nhận bơm, vá xe đạp lấy tiền bỏ túi.

Xéo xéo chỗ nó làm là một trung tâm dạy nghề. Mấy đứa con gái học may trong đó ghé chỗ nó mượn ống bơm hoài. Đồ hà tiện! Có năm trăm cũng tiếc. Chỉ có một đứa duy nhất khi xe xẹp bánh, không mượn mà kêu nó bơm rồi móc năm trăm ra đưa. Đồ làm phách! Đã vậy ta đây cũng không thèm, năm trăm mà nhằm nhò gì! Để đó đủ năm trăm ngàn lấy luôn. Bữa nọ, đã sắp đến giờ trung tâm đóng cửa, con bé làm phách hót hơ hót hải dất xe tới nói:

– Anh coi giùm em cái bánh xe, cho em gỏi luôn nghe, tới giờ học rồi!

– Nói xong nó tọt vô trong chẳng cần biết thằng Tâm có đồng ý hay không. Thiệt tình! Có cái chân đi mà cũng không chăm sóc thuốc thang tử tế. Tâm lằm bằm trong miệng rồi lui cui lấy đồ nghề mở bánh xe.

– Trời ạ! Cái ruột vá chằng, vá đụp còn hơn trưởng lão tám túi. Kiểu này chỉ có thay ruột mới chớ vá nổi gì!

Thằng Tâm nói với tôi: Chẳng biết lúc đó em nghĩ gì

mà móc tiền túi ra mua cái ruột xe mới thay cho nó. Đã vậy, lúc lấy xe nó hỏi bao nhiêu tiền, em còn nói trở đi xì vôi, sửa chút xíu tiền bạc gì. Để đó đủ trăm ngàn lấy luôn.

Hai ngày sau con nhỏ ghé lại, không bơm sửa gì cả mà đưa em cái bọc nhỏ. Mỉm cười rồi chạy vô trường. Mở ra, một gói Hêro và mảnh giấy ghi mấy chữ: "Em cảm ơn anh nhiều lắm – Mai!" May phước là em biết đọc, không thì chẳng biết làm sao! Tụi em quen nhau từ đó. Suốt mấy năm trời thằng Tâm giấu biệt chuyện nó lớn lên ở xóm rác, chuyện tù tội và cả chuyện chỉ đọc được chữ viết thì khó còn hơn lên trời! Mỗi lần nhận thư, đọc xong nó trả lời bằng miệng luôn, viện cớ sửa xe tay chân dầu mỡ, cầm mỏ lết quên rồi, viết thư lộn cọng.

Cũng trắc trở trăm bề nhưng rồi tụi em cũng thành vợ, thành chồng. Nhờ hai đứa cất cùm dành dụm, rồi người này người nọ giúp đỡ tụi em mua được miếng đất nhỏ cất nhà, em sửa xe, vợ em may đồ loanh quanh trong xóm cũng sống được. Thiệt đúng là "Cây kim trong bọc lâu ngày cũng lòi ra". Khi đó vợ em có bầu độ ba bốn tháng, một buổi trưa nọ vắng khách em đang thiu thiu ngủ thì nghe tiếng nó gọi:

– Anh ơi! Ra ghi giùm em... thì ra có hai bà khách đến may đồ, họ đang gấp gấp chuyện gì đó mà hối thúc luôn miệng.

Thằng Tâm vừa bước ra thì vợ nó đã nhét vào tay cuốn sổ may và cây viết. Tay vợ đo thoăn thoắt, miệng thì:

– Ngang... tay... nách... – Em đứng đực người ra, lúng túng – thằng Tâm nhớ lại – cây viết trong tay nặng trĩch như núi Ngũ hành sơn đè Tề thiên. Lóng cồng chẳng biết làm gì, em bỏ đại cây viết, cuốn sổ lên bàn, tay vớ cái nón, bước chân ra cửa, miệng nói:

– Anh đi công chuyện! – Tiếng một bà khách lằm bằm:

– Chồng con gì! Thiệt tình, nhờ chút xíu cũng không được!

– Thôi! Đưa đây tôi ghi cho...

– Đi tuốt ra quán cà phê bờ sông, em ngồi đó suốt cả buổi chiều, suy tới tính lui mà buồn. Không phải em buồn vì mình không biết viết chữ, mà em buồn là không giúp được vợ mình trong một công việc nhỏ như vậy! Sau này những việc lớn hơn sẽ ra sao?!

Khi thằng Tâm quay về nhà thì vợ nó đã chuẩn bị cơm nước xong xuôi. Tuy vợ không nói gì nhưng nó biết giữa hai vợ chồng sẽ có một chuyện gì đó. Đến lúc vào mừng ngủ vợ em mới thủ thỉ:

– Anh không biết viết phải không? – Trời lạnh mà em muốn đổ mồ hôi hột – thằng Tâm nói – nột quá, cuối cùng em đành nói thiệt. Em kể cho nó nghe hết mọi chuyện mà em còn giấu giếm. Từ chuyện bãi rác, chuyện gặp anh trong tù, chuyện được anh dạy học và cả cái câu anh khuyên em kiếm một nghề gì đó... Vợ em không nói gì cả mà ôm em khóc ròng. Mấy bữa sau nó nói:

– Anh phải tập viết chữ, để sau này còn viết tên con mình khi nó đến trường. Rồi nó kiếm ở đâu không biết, lôi về nào mấy cuốn tập đồ, tập viết đủ cả... Tối xuống, đóng cửa, nó cầm tay em tập viết từng chữ, cứ như

đang tập cho em bé. Nó còn kể cho em nghe chuyện bà Đoàn Thị Điểm dạy chồng hồi xưa, rồi bắt buộc mỗi ngày em phải viết xong một trang mới vô ngủ.

Bây giờ thì em viết được rồi, tuy không đẹp như mấy người ăn học giỏi nhưng vợ em vui lắm. Ngày con em đi học, mọi việc đều do vợ em chuẩn bị những giấy nháp bao tập nó nói em muốn anh ghi cho con. Không hiểu sao khi viết xong tên con bé lên tờ giấy nháp, em cứ rưng rưng nước mắt. À! Còn chuyện này nữa. Con em nó học giỏi lắm, ngày nào về cũng khoe con tập viết được mười điểm. Bữa nọ, chẳng biết moi móc thế nào nó cầm quyển tập viết của em ra hỏi:

– "Ba ơi! Cuốn tập viết này của ai vậy?" – Nhìn là biết tổng của ai rồi, em đáp đại:

– "Ồ! Của ba học hồi nhỏ đó con".

Nghe vậy, con bé lật ra xem rất chăm chú rồi bình luận. Hồi nhỏ ba viết chữ xấu hơn con! Em chẳng biết nên khóc hay cười. Đã vậy, nghiên cứu một hồi nó còn phát hiện:

– Ba ơi! Sao cô giáo của ba không cho điểm?. – Đến đây thì em ngọng thật sự, gương mặt em lúc đó chắc giống y như hồi vợ em nhờ ghi số đo cho khách. Em trả lời chắc tại cô quên. Con bé vẫn chưa buông tha:

– "Sao cô lại quên vậy ba?". – Đến đây thì em thật sự đầu hàng, em chuyển sang cho vợ trả lời:

– "Cái đó thì con phải hỏi má con mới biết!". Con bé đang ngồi trong lòng em tuột cái rột xuống đất, cầm quyển tập chạy ra nhà sau:

– "Má ơi! Sao cô giáo của ba quên cho điếm?". – Em vớ cái nón, nói vọng ra sau nhà:

– Anh đi công chuyện. – Rồi em trở lại đứng cái quán cà phê bờ sông, cũng đứng bàn đó, kê cái đèn ngồi nhâm nhi. Lần này em không buồn, mà vui lắm. Niềm vui mênh mông như con nước đang tràn bờ, cũng chẳng biết vì lẽ gì!

Nghe câu chuyện Tâm kể, có lúc tôi bật cười, cũng có khi nghe cay cay sống mũi.

Chắc tại mình mừng cho hạnh phúc của thằng bạn tù ngày xưa!

NGÔI TRƯỜNG ĐANG LÊN TẦNG

➡ NGUYỄN TIẾN VANG



uộc họp giao ban tuần này vẫn tiến hành bình thường như mọi lần trước. Chiếc DreamII Thái kiểu cách lượn vòng vào qua cột parie sang phía trái cổng, rồi đậu nhẹ nhàng cạnh ga ra. Ông Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp xuống xe, nháy mắt với cậu thường trực, đoạn thông thả nện gót giày cộp cộp bước vào phòng. Cô thư ký văn phòng đã ngồi ngay ngắn bên bàn làm việc với đầy đủ con dấu; sổ ghi chép công văn đi – đến; sổ danh bạ điện thoại, bên cạnh chiếc tủ được chia thành nhiều ngăn ô như hiệu bán thuốc bắc đựng các loại báo, tạp chí, thư từ, giấy mời, công văn,... Liếc nhìn đồng hồ còn hơn 30 phút, ông lặng lẽ lại bàn pha nước uống, mở tủ lấy chiếc cặp da đen bóng trong chứa nhiều tài liệu quan trọng, ông tiến về cái gương to treo gần cửa ra vào chải qua

quýt mái tóc muối tiêu, ngấm vuốt bộ quần áo phẳng nếp lăm tằm chút bụi đường, sửa lại chiếc ca-ra-vát ngoại giao, đoạn ném cho cô thư ký xinh đẹp ở phòng đối diện một ánh mắt tình tứ, cầm cặp bước lên tầng hai vào phòng đồng chí Hiệu trưởng – như thể báo ông đã có mặt tại nhiệm sở. Ông muốn xin một số ý kiến quyết định của đồng chí Hiệu trưởng, trước khi tiến hành cuộc họp giao ban. Hơi bối rối khi ông nhìn thấy ông Chủ tịch Công đoàn và vị Phó trưởng phòng Tài vụ kiêm Kế toán trưởng đã đến trước và đang ngồi chờ.

– Nào, đồng chí Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp đã tới, ta vào việc luôn nhé? – Đồng chí Hiệu trưởng vừa rót nước ra chén vừa lên tiếng.

Ông Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp đang thuyết trình phương án khen thưởng, tặng quà lưu niệm cho một số cán bộ, giáo viên đã có công đóng góp, xây dựng nền giáo dục Thanh Hoá nhân kỷ niệm 50 năm ngày thành lập ngành Sư phạm với đồng chí Hiệu trưởng (trước khi Hội đồng nhà trường thông qua), thì chuông điện thoại bỗng vang lên. Ông thuận tay cầm ống nghe và thuận tay (theo thói quen) đưa luôn cho đồng chí Hiệu trưởng.

Ông Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp thừa hiểu: từ đầu dây đằng kia, cậu chuyên trách Phó Bí thư Đoàn trường (ông vẫn gọi thế) đang báo cáo với đồng chí Phó Bí thư Đảng uỷ, Hiệu trưởng nhà trường về việc tuần qua cậu ta thay mặt đồng chí Bí thư Đoàn trường, lên Tỉnh đoàn báo cáo thành tích và đề nghị tặng giấy khen cho số đoàn viên, sinh viên tích cực trong các hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống ma túy, mại dâm, nhất là hiểm hoạ HIV/AIDS đang len lỏi vào

học đường; phong trào sinh viên tình nguyện, v. v... ông lắm bả:

"- Cái thằng cha chuyên trách đoàn (ít tuổi hơn ông nhiều) thế mà láu cá. Nó đi hết chỗ nọ nơi kia chán chê, khi về trường, nếu ở khu A thì gọi điện sang khu B báo với đồng chí Bí thư Đảng uỷ; nếu bên khu B lại gọi sang khu A cho đồng chí Hiệu trưởng như thể trình diện cả tuần qua nó đều có mặt tại trường và làm việc nghiêm túc...".

Lạ thay, chỉ mười phút, phương án của ông Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp (có sự bổ sung của vị Kế toán trưởng về vấn đề kinh phí) đã được đồng chí Hiệu trưởng thông qua và ký duyệt. Ông cười thâm trong bụng ung dung bước ra khỏi phòng, sau khi nói nhỏ vào tai vị Phó trưởng phòng Tài vụ kiêm Kế toán trưởng.

Với cương vị là một Trưởng phòng loại I kiêm trực Hội đồng thi đua – khen thưởng, được đồng chí Hiệu trưởng giao chức năng tham mưu về việc theo dõi các hoạt động đào tạo của tất cả các đơn vị trong trường. Ông mỉm cười và cầm bút giở tập "hồ sơ thi đua" ngay từ tháng thứ nhất mà ông là chủ bút, bắt đầu từ phòng Đào tạo. Ông hài lòng thấy ông Trưởng phòng đang trao đổi với trợ lý giáo vụ các khoa, bộ môn, trung tâm cùng các cán bộ nghiên cứu, chuyên viên của phòng về việc triển khai kế hoạch kiểm tra hết môn học, thi học phần, học kỳ áp dụng theo quy chế mới. Tiếp đến là việc xây dựng phương án mở lớp đào tạo mới một số ngành Đại học mà nhu cầu trong tỉnh đang cần để trình Hiệu trưởng quyết định, kịp báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt chính thức chỉ tiêu cho năm học tới. Kế bên là ông Trưởng phòng Nghiên cứu khoa học đang thông

báo cho các trợ lý khoa học về kế hoạch tập dượt nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên mà những cán bộ giảng dạy đã đăng ký hướng dẫn như: bài tập lớn, niên luận, đặc biệt là khoá luận tốt nghiệp phải thật sát thực tế với tình hình môn học, nội dung mang tính khoa học cao, có hiệu quả ứng dụng vào công tác sau này khi ra trường. Ông bước vào Phòng Tổ chức – Cán bộ thì gặp ngay ông Trưởng phòng đang bàn bạc với ông Phó Trưởng phòng kiêm Bí thư chi bộ về việc xin ý kiến chỉ đạo để triển khai kế hoạch thi tuyển công chức ngạch giảng viên cho trường theo hướng dẫn của UBND tỉnh. Khi qua phòng Quản lý sinh viên, ông nghe loáng thoáng ý ông Trưởng phòng đang phổ biến nội quy khu ký túc xá, biện pháp quản lý giờ tự học của sinh viên. Tạt sang phòng Tài vụ, ông hài lòng với ông Trưởng phòng cùng vị Kế toán trưởng và các kế toán viên đang lên phương án phân bổ ngân sách được duyệt trong năm cho các hoạt động của từng đơn vị để trình Hiệu trưởng quyết định. Sau đó ông Trưởng phòng phổ biến kế hoạch thu – chi quý I, dự toán chi cho các hoạt động đào tạo, lương cán bộ, học bổng của sinh viên, đoàn ra đoàn vào, văn hoá, thể thao, v.v... của quý II, trọng tâm là kinh phí phục vụ kỳ thi tuyển sinh theo phương án "lấy thu bù chi". Ông đưa mắt nhìn lên tầng 3 thấy cậu phụ trách vi tính đang miệt mài nhập những dữ liệu vào máy. Kế bên, Thư viện trường đang giờ đông khách đến tìm đọc, tra cứu. Đối diện là nơi làm việc của ông Trưởng phòng Quản trị – Đời sống kiêm Trưởng ban Quản lý công trình xây dựng và dãy nhà ở bốn tầng của sinh viên đã xây xong tầng 3, bắt đầu triển khai tầng 4. Ông Trưởng ban đang trao đổi gì đó với vị Giám đốc Công ty Xây dựng Số 3 và ông Đội trưởng thi công.



Tranh thủ lúc giải lao, ông đảo xuống nhà ăn tập thể, vừa lúc gặp vị quản lý đang chuẩn bị thực đơn buổi sáng cùng với cô bếp trưởng, bếp ăn cán bộ (bếp phục vụ cho cán bộ, giảng viên, khách đến trường làm việc và số lưu sinh viên Lào) có nhu cầu. Nhắc thấy ông, vị quản lý nhà ăn hiểu ý, bỏ bút bước sang phòng cậu tiếp phẩm.

Đến đây, ông Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp khẽ khàng đặt chân lên khu giảng đường. Nhìn vào các văn phòng, ông yên tâm nhận thấy hầu hết Chủ nhiệm khoa, bộ môn, Giám đốc trung tâm đang chủ trì buổi sinh hoạt giao ban đầu tuần với các tổ trưởng chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm lớp, trợ lý khoa và trưởng các đoàn thể công đoàn, thanh niên, phụ nữ.

Ông hài lòng quay về phòng trực, vẫn thấy cô thư ký văn phòng xinh đẹp dưới quyền ông, đang nhẩn nại ngồi cạnh chiếc máy điện thoại, ghi ghi, chép chép. Cùng lúc, chuông điện thoại reo. Ông cầm ống nghe... và gương mặt ông dần dần co rúm:

– Vâng... vâng... Báo cáo anh... em lên ngay ạ!

Ông đặt ống nghe xuống bàn đến cạch:

– Hừ! Lại cái thằng cha Phó Bí thư chuyên trách đoàn...

Cô thư ký biết ý ngồi im, mặc dù cô hiểu chỉ còn ít phút nữa là đến giờ ăn cơm. Cô – ông Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp kiêm Kế toán trưởng – cậu tiếp phẩm và cặp vị quản lý nhà ăn – cô bếp trưởng sẽ cùng ngồi một mâm, thưởng thức những món ăn "đặc sản" tự tay cô bếp trưởng đạo diễn. Đó là mâm cơm của sáu vị khách "độc thân" xa gia đình...

Sáng nay thứ bảy, ông Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp đến nhiệm sở sớm hơn 15 phút để viết lịch công tác cho tuần sau. Chiếc xe DreamII của ông vẫn lượn kiểu cách như mọi lần. Ông vào phòng, cô thư ký đã ngồi ngay ngắn tại bàn làm việc. Pha ấm trà uống một chén, ông bước lại phía chiếc gương, ngắm ngắm, vuốt vuốt rồi đưa mắt nhìn cô thư ký, xách cặp đi lên phòng đồng chí Hiệu trưởng xin ký duyệt một số giấy tờ văn bản. Đang định cáo từ thì chuông điện thoại trên bàn làm việc của đồng chí Hiệu trưởng vang lên. Ông đoán lại của thằng cha Phó Bí thư chuyên trách đoàn. Giọng ông đành lại:

– Hừ, thật đáng ghét! Vì nó mà lần trước suýt nữa đồng chí Hiệu trưởng "xả" cho mình một mẻ về "gói quà lưu niệm" nhân kỷ niệm 50 năm ngày thành lập ngành Sư phạm... Nhưng lần này lại chính cậu Phó Bí thư chuyên trách đoàn đã cứu ông "một bàn thua trông thấy". Lúc ông không có mặt ở phòng làm việc, một người khách "công dân", sau khi xuất trình giấy tờ với cậu thường trực, muốn vào phòng Hiệu trưởng hỏi về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với con ông đang học tại trường. Cô thư ký gọi điện sang phòng ông để xin ý kiến trước khi giới thiệu lên phòng đồng chí Hiệu trưởng, nhưng không thấy ông trả lời. Chờ mãi không được, ông khách xồng xộc định bước lên phòng Hiệu trưởng thì gặp cậu Phó Bí thư chuyên trách đoàn đi ra, hỏi và chỉ lối cho ông khách sang phòng Quản lý sinh viên và phòng Tài vụ để được giải quyết.

Ông dang tay khoát mạnh vào không khí một cái rồi thản nhiên bước vào Phòng Đào tạo, đúng lúc ông

Trưởng phòng cùng các ông Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn trường, Trưởng ban thanh tra nhân dân và Chủ nhiệm một số khoa đào tạo đi kiểm tra chuyên môn học kỳ II và dự giờ dạy của giảng viên mới tuyển ở khoa Xã hội về. Tất cả kéo vào phòng đồng chí Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn, rồi cùng nhau lên phòng họp trường. Tại đây ông Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp được nghe đầy đủ những ý kiến phản ánh của các đơn vị.

Ông Trưởng phòng Đào tạo phát biểu trước:

– Gần đây chất lượng học tập của sinh viên có phần sút kém. Hầu hết chỉ học đối phó với thi cử, kiểm tra. Theo phản ánh của một số Chủ nhiệm khoa đặc biệt là các Tổ trưởng bộ môn, sinh viên vào phòng thi phần lớn mang tài liệu đã được photô để chép lại. Vì thế điểm thi học phần của sinh viên rất ít điểm khá giỏi... Ông nêu luôn giải pháp: Nhà trường cần áp dụng kịp thời quy chế thi – kiểm tra học phần, học kỳ, cuối khoá như quy chế thi tuyển sinh, nhằm ngăn chặn rồi xoá bỏ hẳn những biểu hiện gian lận trong thi cử và giúp sinh viên phát huy năng lực, tư duy trong khi làm bài. Muốn thế, điều trước tiên là các thầy, cô giáo trực tiếp giảng dạy bộ môn và cán bộ làm nhiệm vụ coi thi phải quán triệt thật nghiêm túc.

Ông Trưởng phòng Nghiên cứu khoa học nêu giải pháp thực thi các dự án "Đào tạo giáo viên trung học cơ sở", "Đào tạo đại học"... Đồng thời thông báo kế hoạch để các Chủ nhiệm, đề tài NCKH cấp khoa, bộ môn cần gấp rút hoàn thành công trình để báo cáo Hiệu trưởng

vào đầu tháng sau. Những đề tài cấp trường, cấp tỉnh đang trong thời gian đi tìm hiểu thực tế phải khẩn trương thu thập, tổng hợp tư liệu để tác giả hoàn thành đề cương giai đoạn một và có kế hoạch tiếp theo để nghiệm thu vào cuối năm học sau.

Ông Trưởng phòng Tổ chức – Cán bộ báo cáo kết quả thực hiện chủ trương nâng bậc lương định kỳ hằng năm của Thủ tướng Chính phủ cho cán bộ, công chức nhà nước nói chung, ngành Giáo dục và Đào tạo nói riêng theo hướng dẫn của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Lao động – Thương binh và Xã hội, gắn với việc tinh giảm biên chế, cải cách hành chính nhằm nâng cao hiệu quả công tác; đồng thời đề xuất một số vấn đề trong việc chọn cử cán bộ giảng dạy thi nghiên cứu sinh.

Ông Trưởng phòng Quản lý sinh viên đề nghị nhà trường cần có một số biện pháp hữu hiệu đối với những sinh viên lười học, cầm quán, uống rượu, đánh bài,...; đồng thời bàn biện pháp cùng phối hợp cộng đồng trách nhiệm hơn nữa với công an khu vực, chính quyền địa phương trong công tác quản lý sinh viên nội trú, ngoại trú và đề nghị những hình thức xử lý thích đáng đối với một số thanh niên địa phương thường hay đến quấy rối, gây sự với sinh viên khu nội trú, nhất là vào ban đêm.

Ông Trưởng phòng Quản trị – Đời sống nêu lên một số tồn tại mà ông Chủ tịch Công đoàn và Chủ tịch Hội sinh viên đã phản ánh. Đó là vệ sinh môi trường học đường, một số chợ cóc bên cạnh cổng trường không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, hiện tượng thức ăn nguội của bếp ăn nấu cho sinh viên lẻ tẻ vẫn xảy ra, tuy

không liên tục, nhưng ảnh hưởng đến sức khoẻ và hiệu quả học tập. Tiếp đó ông đề cập đến tiến độ xây dựng nhà bốn tầng, đồng thời với việc cải tạo hệ thống đường giao thông trong khu vực trường, cảnh quan khuôn viên xanh-sạch-đẹp và hệ thống nước sạch mà luận chứng kinh tế - kỹ thuật đã được bảo vệ.

Đồng chí Bí thư Đoàn trường thông báo kế hoạch và chương trình kết nghĩa giữa tuổi trẻ nhà trường với thanh niên phường, nhằm thắt chặt mối quan hệ giao lưu văn hoá của tuổi trẻ hai đơn vị. Mặt khác, đồng chí đề nghị các đơn vị, tổ chức trong trường ủng hộ kế hoạch triển khai chương trình "Thanh niên tình nguyện mùa hè xanh" do Tỉnh đoàn phát động.

Ông Giám đốc Thư viện báo cáo về một số kết quả bước đầu cải tiến phương thức phục vụ bạn đọc, đặc biệt việc mở cửa thư viện ban đêm theo yêu cầu của sinh viên. Ông đề xuất nhà trường cần trang bị thêm cơ sở vật chất như bàn ghế, sách, báo, tạp chí, ánh sáng,... phục vụ sinh viên trong thời điểm ôn thi.

Tiếp theo là những ý kiến của các ông Chủ nhiệm khoa, trung tâm, tổ trực thuộc đề cập đến việc tiếp tục chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học cũng như triển khai kế hoạch tổ chức hội thảo chương trình đào tạo mới theo chủ trương đổi mới giáo dục - đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các hoạt động đào tạo khác rồi ý kiến bổ sung về phần kinh phí của vị Kế toán trưởng. Cuối cùng đồng chí Hiệu trưởng kết luận:

- Trong dịp kỷ niệm 5 năm ngày thành lập trường năm nay (1997 - 2002), trường ta vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba.

Trường sẽ tổ chức trọng thể lễ đón nhận Huân chương vào dịp kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam và khánh thành khu nhà ở 4 tầng của sinh viên. Các phòng, ban, khoa, bộ môn,... chúc năng, nhất là Phòng Hành chính – Tổng hợp cần có kế hoạch, nội dung thật cụ thể trình Ban Giám hiệu phê duyệt trước khi triển khai thực hiện.

Xong cuộc họp, ông Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp thở phào nhẹ nhõm. Ông liếc nhìn xuống văn phòng biết là cô thư ký đang đợi đi ăn cơm. Hai người đến nhà ăn thì bốn vị: Kế toán trưởng, cậu tiếp phẩm và cặp bếp trưởng – quản lý nhà ăn đã ngồi vào mâm.

Sáu vị ung dung cụng chén, bỗng ngoài cửa, cậu Phó Bí thư chuyên trách Đoàn bước vào... Thế là bữa trưa hôm nay, thêm một vị khách cũng "độc thân".

1995 – 2002

THẦY BẢNG

➡ ĐỖ HÙNG

M

gồi bên Chạc là một em bé người Kinh có nước da trắng trẻo, mái tóc đen mượt, khuôn mặt tròn trĩnh dễ thương. Em mặc áo sơ mi màu cỏ úa, vận quần xanh chàm. Cái màu áo làm cho khuôn mặt trắng hồng của em nổi hẳn giữa đám học trò. Trông em thông minh cương nghị lạ lùng. Giám thị nào dù nghiêm khắc đến mấy cũng không thể phạt ý với em trong thái độ thi cử.

Chạc thì khác hẳn, người em đen đui, tóc cháy nắng cong queo như túm dây chằng chịt. Từng mớ tóc lộn xoăn bù xù buông kín trán. Đôi mắt sâu khắc khổ, nhịu nhịu dán vào bài làm. Bàn tay em vàng sẫm, khô ráp vụng về cầm bút ghi ghi, xoá xoá. Chốc chốc em lại đưa bút lên rảy mực. Ghế cũng không ngồi yên với em, nó chiêng qua, chiêng lại. Người em khi nghiêng, khi ngửa, tay cầm tờ giấy lên lại đặt xuống, miệng lúng búng điều

gì. Thịnh thoáng giám thị lại nhắc em. Có khi em ngồi yên lặng hàng phút.

Những lúc nhìn Chạc ngồi cắn bút trước tờ giấy thi, thầy Bảng thấy mình có nỗi lo lắng mơ hồ khó tả. Anh xem lại đồng hồ. Chỉ còn mười lăm phút nữa là kết thúc ngày thi học sinh giỏi huyện Lệ Minh.

Trời gần tròn bóng. Tán cây đa toả che mái lợp sột soạt lá rơi. Tiếng vài con chim líu ríu tìm mỗi lách chách chuyên cànhr rơi vào phòng thi yên lặng. Ngoài kia, tầng mây núi duyên lên nở bung như một rừng bông lớn. Tiếng cao xạ pháo đoàng đoàng như xoá đi tiếng bom toạ độ nổ ùng ục ngoài cầu Phú Hoà. Nắng ấm tràn qua cửa sổ, nhà hầm làm phòng thi sáng hẳn lên. Những ánh mắt thí sinh long lanh nhìn nhanh ra ngoài cửa sổ, rồi lại cúi xuống chăm chú làm bài.

Đề toán tính diện tích hình hoa thị khá rắc rối: Người ta cho một hình vuông. Chọn mỗi cạnh hình vuông làm đường kính, vẽ các nửa đường tròn. Các nửa đường tròn này giao nhau tạo thành hình hoa thị. Bốn cánh hoa thị chẳng có hình dạng tam giác hay chữ nhật gì để tính được.

Đối với các bạn nhỏ bài toán này không dễ phóng bút.

Bảng chưa ra cho Chạc thuật toán nào tương tự như thế này. Nhìn Chạc cắn bút tự nhiên anh bối rối. Anh tự trách mình, ngày qua có lúc nào đó mình làm chưa hết trách nhiệm của người thầy đối với học trò, đối với trường lớp. Sao dạo ấy mình không nghĩ ra! Sao có lúc mình vô tư đến thế? – Anh tự dằn vặt.

Bảng vào nghề giáo chưa lâu. Mới ra trường anh đã được phân công dạy lớp bốn. Một công việc vượt quá sức anh. Thâm tâm, anh muốn dạy lớp một, lớp hai gì đó ít

thầy giáo trẻ xin nhận lớp bốn. Cái lớp cuối cấp đầy sóng gió này. Bảng thấy hết khó khăn trong công việc của mình. Anh biết dạy lớp bốn lắm điều rắc rối. Quyển năm trăm bài toán tập của học trò đã làm anh quên ăn, quên ngủ. Nhiều bài anh giải còn toát mồ hôi nói chi đến việc giảng cho học sinh hiểu. Anh đã dành ngày nghỉ, ngày chủ nhật để chuẩn bị cho tiết lên lớp. Nhờ đó mỗi một năm học, lớp anh tỷ lệ lên lớp đạt rất cao và có học sinh được chọn đi thi học sinh giỏi của huyện. Anh gửi gắm lòng mình trong những chuyến độ tài, độ sức ấy. Nhưng những nỗi lo lắng cũng như niềm vui của người hái quả ấy đã qua. Cuộc đời làm thầy giáo của anh đang đứng trước thử thách lớn! Anh sắp lên miền núi dạy con em dân tộc Vân Kiều.

Khi cầm tờ quyết định điều động của Phòng Giáo dục, Bảng bần thần không yên. Không phải anh sợ khó, sợ khổ, sợ vất vả đâu. Anh sinh ra và lớn lên ở miền đất đồng bằng, anh đã quen cực khổ từ nhỏ. Anh chịu được. Nhưng anh băn khoăn không biết lên mạn ngược mình ăn ở ra sao? Dạy dỗ con em dân tộc Vân Kiều như thế nào? Mình có làm được không hay bị bệnh như những thầy khác nửa chừng phải quay về? Bao đêm lo lắng, anh tự hỏi mình. Anh lưu luyến tạm biệt mái trường quen thuộc, nơi có đàn em ngây thơ, dễ thương. Anh nhìn lần cuối những đứa em có đôi mắt sáng lanh lợi, thông minh từng đem thành tích xuất sắc về làm vinh dự cho trường và cho anh!

Chao ôi! Cái ngày mới đến nó lạ lẫm và ngỡ ngàng biết mấy. Vừa bước vào bản anh gặp hai ba tốp người đứng chặt khoanh đất trước sân. Đàn ông đeo xà rồng, khoác bạt, đàn bà mang váy, ngực để trần. Ai nấy da dẻ đều

màu đồng hun, tóc xoăn tít khen khét mùi nắng cháy. Họ chấp tay, dạng chân nhảy nhót, miệng hú những âm thanh lạ lùng khó hiểu. Hàng trăm ánh mắt sâu thẳm chăm chăm nhìn vào Bảng. Anh ngại ngùng tránh né, vừa lo, vừa sợ đứng sát vào thầy Hiệu trưởng. Mấy tốp người nhập lại dồn tới! Tiếng âm thanh kêu, tiếng hát nổi lên. Đàn ông, đàn bà cùng quay, cùng múa. Họ ngắt ngắt cái đầu, đập đập cái tay, khi dẫn ra, lúc tụ lại.

Hiệu trưởng Thản nói nhỏ:

– Đồng bào mừng thầy giáo mới. Ra chào bà con đi!

Bảng ái ngại nhìn thầy Hiệu trưởng cầu cứu. Trăm sự nhờ thầy đối đáp với bà con dân tộc.

Thầy Thản đứng lên trên một gốc cây, thầy đưa mắt nhìn một lượt đám người lối nhỏ rồi hắng giọng dùng tiếng Vân Kiều nói chuyện với bà con. Những bộ mặt đồng hun, những mớ tóc xoăn đen, những cái tẩu không hề dứt khói im lặng. Mọi người ngó bộ chăm chú lắm.

Nói xong, thầy Thản bước tới chỗ Bảng. Đoàn người lại rào rào như bầy ong. Thanh la, bù ru hết hạ xuống lại đưa lên. Tiếng chát chúa, tiếng trầm đục của nhạc cù rền vang gốc núi.

Đêm. Hai anh em trò chuyện với nhau, Bảng mới rõ câu chuyện ban chiều. Thầy Thản nói:

– Dân bản rất mừng có thầy giáo mới. Họ khen thầy hiền và đẹp trai. Nếu thầy muốn con gái của bản thì dân làng làm mối cho. Họ bảo thầy phải xóa được cái mù tối của người Vân Kiều, đem được cái chữ của Đảng, của Bác Hồ đến với người Vân Kiều để người Vân Kiều xứng đáng làm con cháu của Bác Hồ.

Hôm sau, thầy Thản gửi Bảng tạm trú ở một nhà dân giữa bản còn mình đi sang bản khác. Bốn giáo viên

của trường ở bốn bản, mỗi bản cách nhau có khi đến ngày đường.

Bảng đi quanh các nhà trong bản rồi ra thăm trường.

Nói là trường nhưng nó chỉ là túp lều tranh nho nhỏ, mới làm đâu hồi sơ tán tránh máy bay ném bom huỷ diệt của Mỹ. Bảng chạnh lòng khi nhìn mái trường lợp mấy xấp lá mây nước vênh vẹo hở ra cả vạt nắng ẩn dưới mấy gốc cây cổ thụ to dềnh, to dằng, gốc cây cổ thụ mấy người ôm không xuể. Bước vào lớp nồng nặc mùi mốc, mùi nấm độc. Cột kèo, dây buộc sơ sài. Phên nhà, mỗi đùn đất lên tung toé đỏ quạch nham nhở.

Một cảm giác khó chịu bứt rứt xâm chiếm người anh. Bảng thần thờ chấp tay sau lưng lững thững dạo qua mấy vòng. Chung quanh trường hơi đá nặng nề, rừng thẳm im ắng đến chạnh lòng. Mãi một chập sau, trên các cây cổ thụ mới nghe tiếng chim rừng liến láu, ngoài nương vọng vào tiếng đuổi chim ăn lúa, bớt đi khoảng lặng cô đơn lạnh lùng! Thằng bé dẫn Bảng đến lớp cũng đã chạy biến từ lúc nào.

Anh ngồi xuống gốc cây lòng buồn rười rượi! Tiếng con khiêu râm ran vang âm, tiếng con plao thanh thoát nhí nhảnh không làm cho anh khuây nổi nhớ miền xuôi, nhớ nhà, nhớ bầu trời nhỏ. Anh buông một tiếng thở dài!

– Thầy! Mày coi tao bắn giỏi không? – Thằng bé biến đi đã quay trở lại.

Người nó lại lấm đầy bụi, khói rừng trông càng đen nhẻm như con hắc tinh mới lớn. Nó nói tiếng Kinh lơ lớ. Nó loanh quanh trước mặt anh khoe bắn được con chim trả.

Trong tâm trạng buồn bực nghe thằng học trò xưng mày, tao rồi nhìn con mắt tròn trợn, thái độ căng căng

của thằng bé, Bả giận lắm. Không nén nổi, anh buột miệng:

– Đồ vô lễ!

Anh nói nhỏ gần giọng. Chắc thằng bé đã nghe thấy. Hấn đứng phồng ra.

Lúc sau, thấy Bả giận thật, hấn nhảy phốc như một con mang lao vào đám bụi trước mặt.

Bả càng buồn bã. Chưa làm được việc gì, hôm sau máy bay đến ném bom. Bom nổ rầm rầm trên đồi Trọ. Những cột khói hình nấm bốc cao, đất đá ném rào rào giữa rừng như một trận mưa bão. Trong bản không một bóng người. Đàn ông mang chiêng, mang ché, đàn bà đi con, đi lúa đàn đúm kéo nhau đi từ lúc con gà rừng chưa gáy. Lớp học của Bả không mở được.

Mấy hôm sau ông Chủ tịch xã đến, vào nhà thấy Bả ngồi lau khẩu K44. Ông lại gần hồ hỏi nắm lấy vai Bả:

– Thầy dưới xuôi giỏi không, thầy chỉ huy lũ con trai, con gái bắn máy bay nghe! Ở đây không ai biết cái chỉ huy. Bắn được máy bay dân bản không bỏ lên rừng nữa đâu. Lũ học trò sẽ đi học tiếp.

Ông ngồi xuống bên Bả chuyện trò thân mật. Những đoạn tâm đầu ý hợp ông cười lớn phô hàm răng chỉ còn lợi. Trông ông thật hiền. Bàn tay rắn chắc như gỗ lim nắm chặt bàn tay của Bả. Hơi nóng trong người ông Chủ tịch xã truyền sang anh.

Ông Chủ tịch xã dặn thêm:

– Thầy bắn máy bay cho giỏi, dạy cho giỏi là mình gọi lũ trẻ về ngay. Bắn máy bay giỏi, học giỏi để thằng Mỹ nó kiêng cái bản miêng!

Bảng xúc động lắm, anh đáp:

– Thầy trò chúng tôi sẽ làm được!

Mấy hôm sau bà con về dựng lại lớp học ở chỗ cũ. Bảng lần nữa đi tìm học trò. Một tuần trôi qua mà vẫn vãn chỉ có bảy em. Bốn trai, ba gái. Trong bốn em trai có hai em học hai năm lớp bốn. Một em học kém phải học lại, một em được lên lớp năm nhưng không về xuôi sợ buồn, ở lại học với bạn cho vui. Trong bốn em trai có: Chạc – cậu bé dẫn đường cho Bảng bữa trước là không bị "đúp".

Trong lớp, thường nó ngồi im như thóc, chẳng mấy khi nhìn lên bảng. Đầu nó cúi xuống, mặt găm găm. Bảng còn nhớ lần mắng nó "Đồ vô lễ". Nghĩ lại anh thấy hối hận mà cũng buồn cười. Ngôn ngữ bất đồng, phong tục tập quán khác nhau giữa hai dân tộc làm anh nhiều lần va vấp. Ở trên này, bà con dân tộc nói không phân biệt ngôi thứ, địa vị của đại từ. Mà tao dùng chung cho người yêu, kẻ ghét. Chắc nó còn giận anh. Bảng để ý thấy mấy buổi học, thằng bé không nói một tiếng.

Hắn ngồi ăn chuối, ăn sắn nướng. Có lúc khi mất hẳn nhìn ngang lăm lét. Lớp chỉ có bảy học sinh nhưng không mấy buổi đầy đủ. Có đứa học nửa chừng bỏ chạy vào núi, tụ tập nhau bằng trò chơi. Những đứa ngồi lại trong lớp thì kêu mỏi cái tay, đau cái chân. Có đứa gục xuống bàn ngủ ngon lành mặc cho Bảng giảng bài. Nhiều lúc anh quát tháo mà bất lực. Một hôm đang giữa tiết học thằng Chạc tự nhiên đứng dậy. Nó định cắp sách bỏ về.

Đang giảng bài, Bảng dừng lại. Anh cầm thước bước tới chỗ nó.

Vẫn cái dáng ngang ngang khinh khỉnh, vẫn nét mặt luôn cúi gằm. Nó chẳng thèm nhìn Bảng. Quơ vội mấy cuốn sách vở, nó nhét gấp vào cái xác đựng đầy vả, sắn nướng, chuối rẫy.

– Chặc! Thầy bảo! – Bảng buông thước xuống.

Hắn né người, lắc lảo nhìn ra phía cửa, rồi quay mặt về phía Bảng:

– Mà nói chi?

Hắn ngược đôi mắt nẩy lửa, ngó bộ căm lăm, chân tay động đậy.

Lần này, Bảng tức và ghét thật. Anh muốn đánh một thước để trị cái tội xác xược, hỗn lảo của nó. Nhưng anh ghìm được. Anh tối gần ôn tồn:

– Sao em bỏ học?

– Tao không thích học. – Nó xoay người yên lặng.

Mấy ánh mắt trong lớp lo lắng nhìn Bảng, nhìn nó.

Bất thành linh, thằng Chặc ném cái xác xám trũi vào người Bảng rồi ù té chạy.

Nó lao vào rừng như một con sóc. Cả lớp ngồi ngơ ngác.

Bảng đau xót quá. Mặt anh tối sầm. Toàn thân anh rung lên.

Suốt một tháng trời, Bảng không dạy quá mấy bài tập đọc. Từ bữa thằng Chặc bỏ học, lớp anh buồn hẳn đi. Anh tự trách mình, tránh mọi người. Thằng Chặc từ chỗ xa lánh anh đã sinh ra khinh người, ương bướng. Nó tưởng anh thù nó, ghét nó chẳng? Không! Anh chẳng thù nó, ghét nó đâu. Anh chỉ giận nó nhưng thương nó khốn khổ. Lắm lúc anh ngán ngẫm cái lớp học bữa đục, bữa cái này!

Hết tháng, thầy Thản ra thăm Bảng. Anh tâm tình cùng Bảng rồi trao đổi chuyện công tác chuyên môn.

Anh bày cho Bảng một số kinh nghiệm vận động bà con dân bản, vận động các em học sinh đi học. Phải nói sao cho cái bụng bà con ưng, làm sao cho con mắt họ thích thì họ sẽ cho con đến lớp. Đừng bắt phạt các em. Cái cần nhất ở người thầy giáo là phải thực sự thương yêu học trò và nhanh chóng làm quen với phong tục tập quán của đồng bào. Anh gợi ý cho Bảng có gì khó khăn thì hỏi ý kiến của chi bộ, ban quản trị hợp tác xã tránh để xảy ra những điều đáng tiếc. Anh bận qua bản Trâm, nếu không hôm nay hai anh em sẽ qua nhà Chạc thăm nó. Hai người lưu luyến chia tay.

*

* *

Nhà Chạc ở bên kia con suối. Bốn bên tranh lau bao bọc. Đằng sau nhà nhiều cây cổ thụ, tán trải vòng xung quanh. Kiểu nhà cũng đơn sơ như nhiều nhà trong bản. Trên xan⁽¹⁾ dùng làm chỗ ăn, chỗ ngủ, dưới xan thả lợn, thả gà. Bảng nhẹ nhàng bước lên chiếc thang làm bằng khúc gỗ trắc lảng bóng.

Thằng Chạc vẫn như anh gặp nó lần đầu: đen thui, tóc khét lẹt mùi nắng. Nó hút thuốc phì phèo như một tay nghiện lâu năm. Bề ngoài nó lù xù như một con gà rù nhưng nó lẹ như một con sóc.

Hồi trước chưa có tổ bán máy bay, chưa có mấy đứa học sinh lớn đi trực ngoài công sự, Bảng chẳng thấy

1. Xan: sàn nhà.

thằng Chạc đâu cả. Nó không đến gần anh. Ngày nào nó cũng đi bắt cá, bắn chim biệt tăm. Từ ngày có súng bắn máy bay, có tổ trực chiến mới thấy bóng dáng thằng Chạc.

Hôm Bả ngồi lau súng trước nhà ông chủ nhiệm hợp tác xã, thằng Chạc lân la tới gần. Được dịp, anh gọi nó lại. Chạc ngồi bên anh thủ thỉ chuyện trò. Nó cũng biết nghe, biết nói. Anh kể cho nó nhiều chuyện. Nào là chuyện trên trời Tề Thiên Đại Thánh đại náo Thiên cung; chuyện dưới đất người mẹ sinh bọc trứng nở trăm con, trăm người con chia nhau đi trăm ngã. Người Vân Kiều cũng như người Kinh đều là con cháu của họ. Nó nghe chăm chú, hai mắt thường mở to, không bỏ sót một lời. Cuối cùng, nó nằn nì xem súng. Nó ngồi loay hoay, nhìn nó như ham khẩu súng trường lắm. Bả hỏi:

– Chạc thích bắn máy bay Mỹ không?

Chạc vẫn dán mắt vào súng, nó đưa tay sờ cơ bả, một lúc nó trả lời:

– Tao thích!

Được dịp, Bả động viên:

– Học mới bắn được!

Im lặng. Nó hết nghiêng bên này, nghiêng bên kia. Nó đứng lên, ngồi xuống. Anh chỉ cho nó chỗ lắp đạn, rồi hỏi:

– Có thích học không?

Không nhìn Bả, mặt vẫn cúi, nó nói:

– Thích!

Bả nhìn thẳng vào mặt nó:

– Sao em bỏ học?

Chắc đã lên được cơ bả. Nó nẩy cái tách, giương cặp mắt sâu nói dần từng tiếng:

– Ghét mày?

Bảng giật mình ngồi thừ ra một lúc. Anh không ngờ nó giận dai thế và lòng nó tự trọng đến thế. Anh thấy rõ tai hại do tính nóng nảy của mình và anh tự xấu hổ trước.

Chắc Lầy lại bình tĩnh, anh nói:

– Từ nay thầy không giận, không quát em nữa, em đến lớp nghe!

– Được! – Nó cầm khẩu súng lên ngắm lại.

– Mai nhé! – Bảng bảo lại.

– Mày cho tao trực chiến! – Nó yêu cầu thêm. Nó nói nhát gừng, chần chẹn. Tuy thế nhưng anh rất mừng là làm thân được với nó, hiểu được lòng nó và hiểu mình. Anh gạt đầu đồng ý.

*

* *

Lâu rồi, anh mới có dịp đến nhà nó. Chắc không còn mẹ. Mẹ nó mất vì bom dây khi làm rẫy. Trong nhà chỉ còn nó và bố nó. Anh nó đi bộ đội từ hai ba năm nay. Ngày trước, bố nó làm nghề cúng ma. Ông đi từ Thừa Thiên, Quảng Trị sang Lào rồi về cái đất này tìm kế sinh nhai. Trong nhà ông thờ đủ thứ. Bàn thờ ở góc nhà được đan bằng tre, buộc dây mây, lủng củng các chén bát. Mấy liên mây để hàng chồng thếp giấy xanh, đỏ lâu ngày khói lên đen xỉn.

Ông giải nghệ lâu rồi. Nghe đâu từ lúc thằng Mỹ đến đất này. Ông có con đi bộ đội, gia đình ông là gia đình vẻ vang. Ông làm thầy cúng mà vợ ông vẫn bị bom giặc giết. Ông biết nghề ông không thiêng. Ông là con cháu Bác Hồ, nghe lời mọi người, ông không đi cúng ma nữa!

Bảng bước lên sàn. Ông bố Chạc ngồi bên liếp cửa, hai tay ôm đầu gối. Miệng ngậm một cái tẩu to đen trùi trùi và rõ dài. Từng cuộn khói thuốc tản ra đầy nhà. Bảng cúi người:

– Chào bố!

– Hỏi ai đấy? – Ông thả khói mà không hề nhúc nhích.

Bảng dừng lại, đứng xích về một bên cung kính:

– Con, Bảng đây!

– A! Thầy Bảng! Mày đến nhà tao may lắm. – Giọng ông rề rề như tiếng ché rạn.

Một lúc sau, ông mới xoay người lại. Ông gương cặp mắt đục nhìn Bảng.

– Ăn sẵn đi!

Bảng tới a chới⁽¹⁾ lấy củ sắn vừa nhỏ ngoài rẫy gảy sạch đất. Làm việc này, anh nhớ có một lần anh đến nhà một học sinh, anh cũng được mời như thế này. Nghe bà mẹ mời, anh có ý chờ. Chờ mãi mà không thấy sẵn ồi đâu cả. Khi về anh bị bà mẹ quở trách:

– Thầy đến nhà mình mà thầy không ăn của mình, thầy chê của mình hôi, của mình thối. Từ nay, thầy đừng đến nữa!

1. A chới: Gùi.

Lúc ấy anh thật hoảng hốt. Cho đến ba bốn ngày sau anh mới rõ tục ấy! Không phải như dưới xuôi, ở trên này, bà con mời ăn cứ việc lấy mà ăn. Ăn sắn, đi nướng sắn, ăn ngô, đi nướng ngô. Dần dần, Bảng mới quen.

Anh nhanh nhẹn lột hết lớp vỏ dày, dựng củ sắn vào thành bếp, lấy đũa cời than đỏ. Nướng sắn theo kiểu này khi chín củ sắn thơm phức, ăn vừa bùi, vừa giòn.

Anh ngồi dựa vào phen, trò chuyện với bố Chạc.

– Bố muốn thằng Chạc giỏi không? – Bảng nhìn thẳng vào ông.

Chưa vội trả lời, ông đưa bàn tay có những ngón to xù rút một que củi đang đỏ nghiêng cái đầu rít một hơi dài, lim dim mắt:

– Muốn chứ!

Bảng trở sắn, đưa cho ông một que lửa nữa, hỏi luôn:

– Sao bố giữ nó ở nhà không cho sang bên con?

– Miêng giữ nó ở nhà mà mần chi! Nó không đi học thì nó chỉ có việc rúc trong rừng; hổ, máy bay sẽ "ăn thịt" lúc nào không biết!

– Cho nó sang bên con học! – Giọng Bảng tha thiết!

– Miêng cho! – Ông vẫn ngồi yên, thọc tay vào túi lấy thêm thuốc nhét chặt miệng đầu rồi đặt que lửa đỏ rít một hơi sâu thật nặng.

Mắt Bảng ánh lên niềm sung sướng. Anh nhìn ông già đầy thiện cảm. Trông ông đẹp như một pho tượng đồng đen.

– Đời miêng như con chó không lông. – Ông tỉ tê.

"Miềng không lấy nổi vợ. Vợ miềng do anh miềng chết để lại. Miềng phát được mười cái rẫy thì miềng kiệt sức. Thằng Tây dưới xuôi lên đốt nhà, đốt nương. Miềng trốn mà trốn không thoát, đi đâu cũng gặp nó. Nó dữ hơn con cọp, con sói. Miềng phải xoay làm nghề cúng ma để kiếm ăn. Nhưng miềng cũng bỏ nghề lâu rồi. Trong nhà có con đi bộ đội thì đừng cúng ma – người Đảng họ bảo thế. Miềng phải đi phát rẫy cùng hợp tác để nuôi thằng Chạc."

Bảng lấy que cời sản ra. Anh bẻ từng miếng ăn, rồi tiếp tục trò chuyện với ông suốt buổi. Tối đó anh đem thằng Chạc về học với anh.

Hôm sau ở trong rừng ra, Bảng gặp thầy Thản ở dưới xuôi lên.

– Anh Thản! – Bảng vui mừng, vồn vã chào thầy Thản khi thầy vừa hiện ra ở chỗ ngoẹo.

Người thầy Thản nắng hun đều, mặt đỏ phừng phừng. Mồ hôi thấm đẫm cả lưng áo. Quần dính đầy nhựa cây rừng. Bao gạo dài núu nghiêng một bên vai, thầy Thản sửa lại quai túi, xốc quai xà cọt, cho ngay ngắn cảm kích:

– Bảng à! Mình họp dưới huyện mới lên. Bữa trước đi gấp quá, mình không ghé được. Giờ tiện đường, mình tắt sang chỗ cậu.

Bảng đưa thầy Thản vào nhà lấy ấm nước rót đầy đôi bát xanh. Màu lá ngấy voi hồng hồng, mùi ngấy nồng nồng, cay cay làm tỉnh người, Bảng đưa tới chỗ thầy Thản rồi ngồi bên tiếp chuyện.

Không đợi Bảng hỏi, thầy Thản báo tin:

– Huyện mình vừa bắn rơi thêm hai máy bay.

Ở dưới quê sản xuất, chiến đấu hằng hái lăm. Học sinh các vùng trọng điểm bị giặc đánh phá vẫn học tốt. Các lớp chia thành hai, ba ca, các em học trong những nhà hầm chắc chắn. Quê mình vẫn bám đất, bám làng đánh Mỹ!

Thầy Thản kể cho Bảng nghe từ lúc cây sanh trước nhà bóng đang dài, đến lúc bóng nó tròn lại mà vẫn chưa hết chuyện.

– A! Còn việc này nữa Bảng! Chiến tranh ác liệt thật, nhưng trên vẫn chủ trương tổ chức thi học sinh giỏi các cấp. Phòng Giáo dục huyện gợi ý, trên mình cũng nên tham gia. Mình khó nghĩ quá. Ở dưới xuôi học sinh người Kinh, trên mình học sinh Vân Kiều như vậy thì khó thi đua ngang sức được. Nhìn thực học của học sinh trên mình ở các bản cũng không khỏi bi quan. Học trò của mình thì bất thùng, chỉ thành, học đó chơi đó. Vui thì đến lớp, buồn thì bỏ đi. Lắm cái trắc trở khó lường. Nhưng nghĩ lại, cùng học một cái chữ, cùng chung một thầy dạy, cùng đất nước mình, lẽ nào học sinh trên này chẳng có ai? Thôi cứ thử cho đi thi huyện một lần với đồng nghiệp xem sao!

Nghe mình nói vậy, một ông Hiệu trưởng ngồi sau mình cười khẩy:

– Chuyến này là nước chảy ngược đó, nó chảy lên Vân Kiều!

Mọi người cười ồ lên.

Mình đập lại ngay:

– Nước chảy xuôi thì quá bình thường, nước chảy ngược mới là chuyện xưa nay hiếm!

– Để xem! Để xem!

Rồi cuộc họp mình đi một mạch lên đây hỏi ý kiến Bảng đó. Mình nghĩ: Cũng phải làm cho anh em đồng nghiệp hiểu rõ về trí lực học sinh Vân Kiều và hiểu được công việc của thầy cô trên này chứ! Phải không?

Chiều ý Bảng, thầy Thản ở lại cùng Bảng dự lớp, thăm giờ rà soát lại sức học của các em khá.

Đêm ấy, hai anh em trao đổi công việc với nhau đến tận khuya. Ý kiến của thầy Thản và của Bảng giống ý kiến của Hội đồng nhà trường là chọn lớp của Bảng làm đối tượng bồi dưỡng. Hội đồng sẽ cử thêm một thầy giáo nữa ra giúp Bảng.

Trưa hôm sau, Bảng đưa thầy Thản qua hết ngọn đồi Trọ rồi mới quay về.

Nắng tròn bóng, mấy cây tràm rừng, cây bởi lời xoè cành lá sum suê che rợp mát mặt đường. Chim rí, chim plao, chim săn sắt đuổi nhau chấp chới trên nương, tiếng hót lạnh lốt vang vang giữa rừng. Núi ngàn dậy lên bao thanh âm dào dạt, ngân nga. Tự đáy lòng Bảng dâng lên một niềm cảm mến, yêu thương miệt đất, miệt rú heo hút này!

Một dân tộc từ lâu sống một kiếp sống hoang dã, bị kẻ thù và đồng tộc xa kia khinh rẻ. Nếu không có Cách mạng, không có Đảng thì người Vân Kiều còn tối tăm đến lúc nào? Ở lâu với đất này, cùng thân thuộc với

đồng bào, anh hiểu ra và cảm nhận được điều đó. Bảng nhận thấy dân tộc Vân Kiều có một sức sống kỳ lạ. Những câu chuyện cổ tích, những khúc dân ca tình tứ, những bài hát ru chứa đựng bao nhiêu tình thương của những tấm lòng nhân hậu. Vốn quý tiềm tàng ấy của một dân tộc, một ngày không xa chính con cháu của họ sẽ sưu tầm lại, sẽ viết nên.

Bảng nghĩ đến lớp học trò đồng nghiệp mình và cả bản thân mình dạy dỗ. Anh lại nghĩ đến Chạc. Bữa trước nó còn ương bướng nay đã trở nên một học sinh khá. Em là niềm tin của trường.

Những đêm hai thầy trò cùng làm toán, cùng học bài là những lúc vui nhất. Bảng lần đầu nhận ra Chạc có nhiều khả năng tốt. Khả năng ấy đang ẩn dưới cái ương bướng hoang dã của em. Rồi những lần giải toán trên báo Thiếu niên tiên phong, Chạc làm cho Bảng hết ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Toán xếp bát, toán trồng cây, toán điền ô, trung bình cộng, tìm tổng số, em tự làm được cả.

Trong toán em đặt lời giải có câu "là mấy" "bao nhiêu" súc tích, chặt chẽ. Nhìn sách vở Chạc dạo này, Bảng rất vui.

Mỗi lần thấy Chạc ham học, nổi thương mến trong anh càng tăng. Kỷ niệm lớp học trò cũ đã qua, hình ảnh mùa thi sắp tới, tất cả làm cho anh xúc động, băng khuâng. Mỗi ngày nào, Chạc như con thú hoang bất tri giờ đã trở nên một em Chạc thông minh dễ mến, dễ yêu. Thấy Chạc chăm học, Bảng phấn chấn lắm. Anh như thấy lại bao khuôn mặt tròn trĩnh, bao ánh mắt thông

minh những năm trước. Thì ra nét mặt trẻ thơ, tâm hồn trẻ thơ, nét bút trẻ thơ, nơi nào, dân tộc nào đều như nhau, đều đáng yêu và trân trọng.

Hôm họp hội đồng thường kỳ, Bảng mạnh dạn đề xuất chọn Chạc đi thi học sinh giỏi của huyện.

*

* *

Đêm trước ngày tiễn Chạc đi thi học sinh giỏi, cả bản thức rất khuya. Bà con đến chật nhà ông chủ nhiệm.

Cuộc vui mở từ lúc con sao trên trời chưa mọc cho đến lúc ông mặt trăng mới lưng nghiêng về bên núi.

Nhà nhà góp rượu, góp gà, góp nếp. Ai có thịt nai nướng đem thịt nai nướng; ai có thịt bò khô đem thịt bò khô. Thanh niên rủ thanh niên đi, thiếu niên rủ thiếu niên đi. Pua già rủ pua già đi, đàn bà rủ đàn bà đi. Con trai đập thanh la, thổi kèn lá, con gái tụ lại múa hát những điệu tình ca dân tộc say đắm lòng người. Tốp bok già ngồi trầm ngâm hút thuốc, rít rượu cần và thông thả kể chuyện cổ tích sinh ra dân tộc Vân Kiều, sinh ra dân tộc Việt Nam. Đàn bà ngồi tùm năm, tùm bảy nói chuyện đàn bà, con nít ngồi chêu vêu nghe chuyện con nít.

Ông Chủ tịch xã đứng lên. Ông nói một lúc lâu bằng tiếng Vân Kiều, sau đó ông chuyển sang tiếng Kinh. Khi hơi mèn đã ngấm, ông hạ giọng:

– Thằng Chạc được vinh dự đi thi là may cho nó, may cho cả bản ta. Nó được chọn đi thi để nói rằng: người Vân Kiều đánh Mỹ giỏi mà học cũng giỏi.

Dân tộc mình không đốt, chỉ thằng Tây, thằng Mỹ, thằng nào cũng muốn dân tộc mình đốt theo chúng nó. Chậc có trí khôn hơn con cọp, con beo là nhờ trí khôn của dân bản góp lại, được thầy giáo lên dạy thêm cái chữ để người Vân Kiều cũng giỏi như anh em dưới xuôi, xứng đáng là con cháu Bác Hồ, có họ với Bác Hồ. Vui lắm! Mừng lắm! Nào! Nhớ tắt lửa! Uống rượu mừng đi!

– Đồng ý lô... ô! Lô!

– Đồng ý lô... ô! Lô!

– Đồng ý lô... ô! Lô!

– Thầy giáo đâu? Thằng Chậc!

Những cánh tay, những bắp cơ cuộn cuộn ẩn hiện trong ánh trăng mờ mờ ảo ảo cùng hạ xuống, cùng giơ lên. Những khuôn mặt không còn lạ lẫm, những nụ cười đã thân quen: tất cả đứng reo hò. Nhìn họ bây giờ không khác lần Bảng gặp lúc đầu, nhưng sao nó thân thiết rung động quá chừng. Áo Bảng nồng hơi men. Chưa lần nào trong đời Bảng, anh cảm kích, say sưa như hôm nay. Hơi rượu nồng nồng làm cho anh mơ màng xúc động. Anh vỗ nhịp hát theo những khúc hát miền rừng. Bóng người múa pơn chập chờn. Tiếng thanh la, tiếng bù ru xen với giọng hát ngân nga, làm cho điệu múa pơn thêm uyển chuyển.

Tự nhiên, mắt anh rưng rưng... Chưa có giờ vui nào trong đời anh mang nghĩa sâu nặng như hôm nay.

Bạn bè quanh anh, đồng nghiệp của anh cũng ngấm hơi men. Mặt ai cũng ửng hồng, thật đẹp. Họ ngồi vỗ tay, hát theo nhịp người nhảy múa. Bảng bồi hồi nhớ lại những ngày đã qua, say sưa nghĩ tới ngày mai. Sáng

mai, Chạc sẽ lên đường đi thi học sinh giỏi. Chạc sẽ làm toán như tất cả các học sinh khác. Những bài toán ấy, nó đánh giá công minh trí tuệ, nghị lực của một con người, của một dân tộc. "Chỉ có những cái chưa biết, chứ không có những cái không biết". Điều chân lý ấy, Bàng hay nhắc nhở mình mỗi khi gặp những học sinh kém tưởng chừng như không thể tiếp thu nổi kiến thức, tưởng chừng như không dạy nổi.

*

* *

Vào vòng chọn điểm cuối cùng, chỉ có Tân và Chạc. Hội đồng chấm thi xôn xao. Có người bảo nên chọn Tân, vì Tân là học sinh một trường tiên tiến xuất sắc của tỉnh, chọn Tân để phát huy truyền thống của trường. Có người bảo nên chọn Chạc, vì lần đầu tiên có một học sinh người Vân Kiều đi thi học sinh giỏi có điểm cao ngang học sinh miền xuôi. Ông Chủ tịch Hội đồng thi quyết định – Hai em hãy ước lượng bằng mắt kích thước tấm bảng.

Đôi trẻ đứng cao bằng nhau. Tân trắng trẻo, tóc đen huyền mềm mại. Hai mắt đen láy nghiêm nghị, cái miệng xinh xinh với cặp môi đỏ hồng. Chạc thì đen trùi trùi, tóc quăn, xoăn tít, mắt sâu nhìn đăm đăm.

Hai em ước lượng xong, các thầy giám thị đo kích thước thực của tấm bảng. Tân ước lượng sai 0,5 cm, Chạc ước lượng sai 0,3 cm. Một tin vui đưa đến với Hội đồng thi: Giải học sinh giỏi lớp bốn năm học này đã trao cho Chạc. Đó là điều bất ngờ nhưng thật là vinh dự.

MỤC LỤC

	Trang
<i>Lời nói đầu</i>	3
<i>Lời giới thiệu</i>	5
Bình minh trong ánh mắt	<i>Nguyễn An</i> 7
"Bác nhóc"	<i>Thu Phương</i> 17
Đi học	<i>Hào Vũ</i> 25
Hồi lỗi	<i>Tiền Văn Triệu</i> 39
Vạng biển	<i>Trần Mạnh Hùng</i> 50
Miền rừng thuở ấy	<i>Nguyễn Hiền Lương</i> 62
Màu hoa phượng Hà Nội	<i>Nguyễn Như Hồng</i> 75
Ngôi nhà bên suối	<i>Hồ Thuỷ Giang</i> 88
Cái kính	<i>Trịnh Hoàng Việt</i> 101
Mẹ tôi và cô giáo Khánh	<i>Nguyễn Đình Hát</i> 109
Ngôi sao màu xanh biếc	<i>Nguyễn Thị Lành</i> 116
Biển vẫn mênh mông	<i>Trương Thị Thương Huyền</i> 126
Thầy và Trò	<i>Vương Trọng</i> 138

Thầy lâm Ca-ra-vát	<i>Trần Như Đắc</i>	151
Mãi mãi theo thầy	<i>Võ Thương Thương</i>	159
Cả gan cầm đuốc	<i>Nguyễn Mai Sơn</i>	164
Lớp học hai người	<i>Nguyễn Trung Nguyên</i>	180
Ngôi trường đang lên tầng	<i>Nguyễn Tiến Vang</i>	191
Thầy Bảng	<i>Đỗ Hùng</i>	202

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung:

Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Sách dân tộc
CẦN HỮU HẢI

Biên tập nội dung và sửa bản in:

ĐẶNG THUYẾT HẰNG

Trình bày bìa và thiết kế sách:

ĐẶNG HỒNG VÂN

Minh hoạ:

HUYỀN TRANG

Chế bản:

NGUYỄN KIM TOÀN

Truyện chọn lọc viết về Nhà giáo Việt Nam:

BÌNH MINH TRONG ÁNH MẮT

Mã số : 8G878M7-CDT

In 3.000 bản, (QĐ : 60), khổ 13 × 20,5 cm, tại Công ty in Sông Lam
Địa chỉ : Số 1 – Phường Chí Kiên – Nghĩa Đô – Cầu Giấy – Hà Nội
Số ĐKKH xuất bản : 383-2007/CXB/16-842/GD
In xong và nộp lưu chiểu tháng 11 năm 2007.